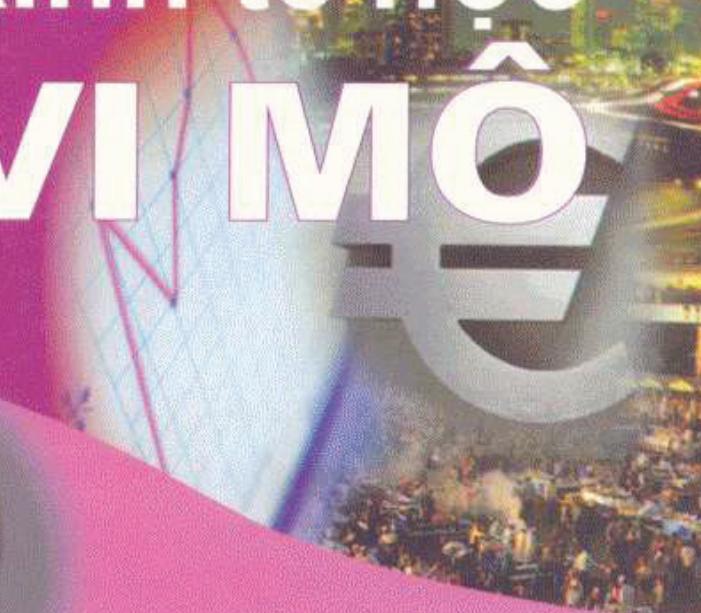
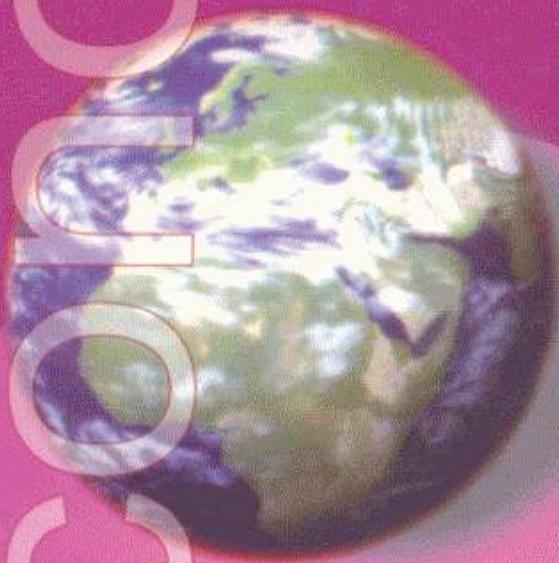


economics
8th Edition

Damian Ward
David Begg

Bài tập
Kinh tế học
VI MÔ



Education

www.mcgraw-hill.co.uk



NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ

www.nxbthongke.com.vn

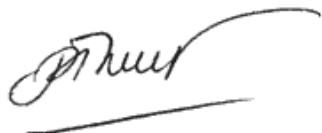
Damian Ward
David Begg

Bài tập Kinh tế học **VI MÔ**

(Tái bản lần 3)

Biên dịch: Nhóm giảng viên Khoa Kinh tế
Đại học Kinh tế quốc dân

Hiệu đính: PGS - TS. Nguyễn Văn Công
ThS. Hồ Đình Bảo



NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ
Hà Nội - 2009

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Sau khi Bộ sách “Kinh tế học” của David Begg (gồm cả lý thuyết và bài tập) được xuất bản, Nhà xuất bản Thống kê nhận được nhiều ý kiến ngợi khen: “Nội dung sách đã đáp ứng rất tốt nhu cầu học tập và giảng dạy của các trường đại học, có tính hiện đại và cập nhật kịp thời các hiện tượng, sự việc cụ thể của thế giới. Song cần tách nhỏ ra để phù hợp với khả năng của sinh viên”. Tiếp thu ý kiến đó, Nhà xuất bản tiến hành tách Bộ sách thành các phần: *Kinh tế học vi mô - Bài tập kinh tế học vi mô* và *Kinh tế học vĩ mô - Bài tập kinh tế học vĩ mô*.

Trong cuốn “*Bài tập Kinh tế học vi mô*” này, mỗi chương đều đề cập đến: mục tiêu nghiên cứu; nội dung cần nắm được; kiểm tra nhanh kiến thức bằng câu hỏi đúng/sai; tìm những thuật ngữ phù hợp với khái niệm; ứng dụng kiến thức đã học vào các bài tập thông thường, bài tập tình huống; sau cùng là câu hỏi tư duy. Hầu hết các ví dụ minh họa, câu hỏi tình huống đều được trích dẫn từ những tình huống kinh tế xảy ra trong thực tiễn. Vì thế, nó không chỉ giúp cho sinh viên củng cố những kiến thức đã được học mà còn giúp nắm bắt được tình hình biến động của nền kinh tế thế giới, đây chính là điểm khác biệt rất lớn so với những cuốn sách cùng loại trước đây.

Thật thiếu sót khi không kể đến phần đáp án. Phần này ở cuối sách, giúp người đọc đánh giá xem mình đã nắm được kiến thức ở mức độ nào sau khi thực hành các bài tập của sách.

Cuốn sách được nhóm giảng viên đang giảng dạy tại trường Đại học Kinh tế quốc dân biên dịch: PGS-TS. Vũ Kim Dũng; PGS-TS. Phạm Văn Minh; PGS-TS. Cao Thúy Xiêm; ThS. Nguyễn Việt Hưng; ThS. Hoàng Thúy Nga; ThS. Trần Hương Giang; ThS. Nguyễn Trọng Nghĩa. Hiệu đính bản dịch: PGS-TS. Nguyễn Văn Công; ThS. Hồ Đình Bảo.

Trong quá trình biên dịch cuốn sách, khó tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của bạn đọc để lần xuất bản sau cuốn sách được hoàn thiện hơn. Thư góp ý xin gửi về Phòng sách Tin học và Giáo trình - Nhà xuất bản Thống kê, địa chỉ: Số 86 - 98 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội; Email: nxbthongke-cbi@fpt.vn.

Xin chân thành cảm ơn!

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ

Mục lục

<i>Lời nhà xuất bản</i>	3
<i>Chương 1</i> Kinh tế học và nền kinh tế	7
<i>Chương 2</i> Các công cụ phân tích kinh tế	12
<i>Chương 3</i> Cầu, cung và thị trường	18
<i>Chương 4</i> Độ co giãn của cung và cầu	23
<i>Chương 5</i> Sự lựa chọn của người tiêu dùng và quyết định cầu	29
<i>Chương 6</i> Các quyết định cung ứng	36
<i>Chương 7</i> Chi phí và cung	41
<i>Chương 8</i> Cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền thuần túy	47
<i>Chương 9</i> Cấu trúc thị trường và cạnh tranh không hoàn hảo	54
<i>Chương 10</i> Thị trường lao động	60
<i>Chương 11</i> Các thị trường yếu tố và phân phối thu nhập	67
<i>Chương 12</i> Kinh tế học phúc lợi	72
<i>Chương 13</i> Thu và chi của chính phủ	78
<i>Chương 14</i> Chính sách ngành và chính sách cạnh tranh	84
<i>Chương 15</i> Độc quyền tự nhiên: công cộng hay tư nhân?	89
<i>Chương 16</i> Thương mại quốc tế	94
Đáp án và bình giải	101

Kinh tế học và nền kinh tế

Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Kinh tế học là việc nghiên cứu cách thức xã hội giải quyết vấn đề khan hiếm
- Các cách thức xã hội quyết định các vấn đề sản xuất cái gì, như thế nào và cho ai
- Khái niệm chi phí cơ hội
- Kinh tế học thực chứng và kinh tế học chuẩn tắc
- Kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô

Nội dung nghiên cứu chính

Vấn đề kinh tế cốt yếu là lựa chọn giữa mong muốn vô hạn và các nguồn lực hữu hạn. Ví dụ, chúng ta muốn tiêu dùng càng nhiều hàng hóa dịch vụ càng tốt nhưng chúng ta bị hạn chế bởi thu nhập và thời gian. Kinh tế học tìm kiếm cách thức lý giải vấn đề này và trong chương này bạn sẽ được giới thiệu một số vấn đề quan trọng sau:

- 1 Hàng sản xuất là gì và nó có quan hệ như thế nào đến vấn đề khan hiếm?
- 2 Các chính phủ và thị trường giải quyết vấn đề khan hiếm như thế nào?
- 3 Những vấn đề kinh tế nào thuộc vào kinh tế vi mô và những vấn đề nào thuộc vào kinh tế vĩ mô?

Cuốn sách lý thuyết đã đề cập đến những vấn đề này và các bài tập tương ứng sẽ giúp bạn hiểu rõ các vấn đề đó.

Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- a** Nguồn lực khan hiếm
- b** Quy luật hiệu suất giảm dần
- c** Tổng sản phẩm quốc nội (GDP)
- d** Phân phối thu nhập
- e** Kinh tế học thực chứng
- f** Kinh tế vi mô
- g** Đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF)
- h** Chi phí cơ hội
- i** Kinh tế học vĩ mô
- j** Nền kinh tế hỗn hợp
- k** Kinh tế học chuẩn tắc
- l** Nền kinh tế mệnh lệnh

- 1** Một bộ phận của kinh tế học đề cập đến các ứng xử chi tiết của các quyết định cá nhân đối với những hàng hóa nhất định.
- 2** Mệnh đề kinh tế đưa ra các khuyến nghị dựa trên những nhận định mang giá trị cá nhân.
- 3** Một nền kinh tế trong đó khu vực chính phủ và khu vực tư nhân tác động qua lại trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế.
- 4** Cách thức trong đó thu nhập (của một quốc gia hay của thế giới) được phân chia cho các cá nhân hay các nhóm người khác nhau.
- 5** Khối lượng các hàng hóa khác phải hy sinh để có thêm một đơn vị của một hàng hóa nhất định.
- 6** Một nguồn lực mà cầu của nó tại mức giá bằng 0 vượt quá cung của nó.
- 7** Một bộ phận của kinh tế học nhấn mạnh đến những sự tác động qua lại của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.
- 8** Giá trị tất cả các hàng hóa và dịch vụ được sản xuất của nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định, ví dụ 1 năm.
- 9** Một đường minh họa số lượng tối đa của một hàng hóa có thể sản xuất ở mỗi mức sản lượng nhất định của hàng hóa khác.
- 10** Một tình huống mà khi ngày càng có nhiều lao động được sử dụng hơn trong ngành thì mỗi đơn vị lao động tăng thêm đóng góp ngày càng ít vào tổng sản lượng của ngành.
- 11** Một xã hội trong đó chính phủ thực hiện tất cả các quyết định trong sản xuất và tiêu dùng.
- 12** Các mệnh đề kinh tế liên quan đến những giải thích khoa học hay khách quan về sự hoạt động của nền kinh tế.

Bài tập

- 1** Một cộng đồng dân cư sinh sống ở một hòn đảo nhiệt đới bao gồm 5 công nhân mà thời gian của họ được sử dụng việc hái dừa hoặc nhặt trứng rùa. Không phụ thuộc vào việc bao nhiêu công nhân được phân bổ vào cùng 1 công việc, cứ mỗi công nhân có thể hái được 20 trái dừa hoặc đổi lại có thể nhặt được 10 quả trứng rùa một ngày.

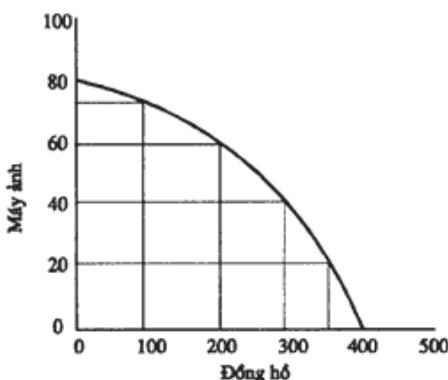
- (a) Xây dựng đường PPF đối với dừa và trứng rùa.
 (b) Giả sử rằng công nghệ hái lượm mới ra đời làm cho việc thu hoạch dừa dễ dàng hơn. Mỗi công nhân có thể hái được 28 trái dừa mỗi ngày. Hãy xây dựng đường PPF mới.

- 2** Hình 1-1 minh họa đường PPF của một xã hội đối với máy ảnh và đồng hồ.

- (a) Chỉ ra mỗi kết hợp sau đây giữa 2 hàng hóa, kết hợp nào là hiệu quả, phi hiệu quả và không thể đạt được:

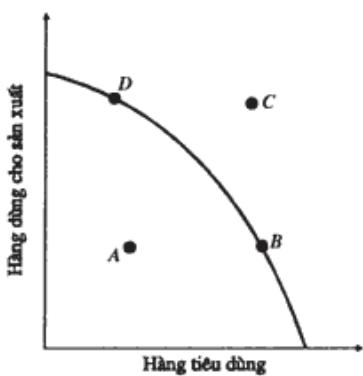
- (i) 60 máy ảnh và 200 đồng hồ.
- (ii) 60 đồng hồ và 80 máy ảnh.
- (iii) 300 đồng hồ và 35 máy ảnh.
- (iv) 300 đồng hồ và 40 máy ảnh.
- (v) 58 máy ảnh và 250 đồng hồ.

- (b) Giả sử xã hội này đang sản xuất 300 đồng hồ và 40 máy ảnh nhưng mong muốn sản xuất thêm 20 máy ảnh. Số lượng đồng hồ phải hy sinh là bao nhiêu để sản xuất thêm số lượng máy ảnh trên?

Hình 1-1 Đường giới hạn khả năng sản xuất

- (c) Số lượng đồng hồ phải hy sinh là bao nhiêu để sản xuất thêm 20 máy ảnh (tổng cộng 80)?
- (d) Giải thích sự khác biệt về dạng của đường giới hạn khả năng sản xuất trong Hình 1-1 và trong bài tập 1.

3 Hình 1-2 minh họa đường PPF đối với một nền kinh tế.

Hình 1-2 Đường giới hạn khả năng sản xuất đối với một nền kinh tế

Mỗi điểm A, B, C, D trong Hình 1-2 tương ứng với nhận định nào dưới đây:

- (a) Kết hợp các hàng hoá mà xã hội không thể sản xuất được với công nghệ và nguồn lực hiện có.
- (b) Kết hợp các hàng hoá mà xã hội sản xuất được bằng việc sử dụng tất cả các nguồn lực sẵn có mà chủ yếu phân bổ nguồn lực cho hàng hoá tư liệu.
- (c) Kết hợp các hàng hoá được sản xuất trong thời kỳ khủng hoảng.
- (d) Kết hợp các hàng hoá mà nền kinh tế sản xuất được mà chủ yếu phân bổ nguồn lực cho hàng hoá tiêu dùng.

4 Những nhận định nào sau đây là thực chứng, nhận định nào là chuẩn tắc?

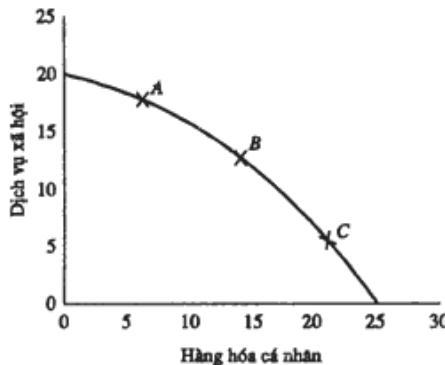
- (a) Giá dầu tăng lên hơn 3 lần giữa những năm 1973 và 1974.
- (b) Cuối những năm 1990, các nước nghèo của thế giới nhận được thu nhập ít hơn trong tổng thu nhập thế giới.
- (c) Phân phối thu nhập thế giới rất bất công bằng, các nước nghèo chiếm 35% dân số thế giới nhưng chỉ nhận được 2% thu nhập thế giới.
- (d) Từ những năm 1970, lạm phát đã giảm xuống ở hầu hết các nước phương Tây nhưng ngược lại tỷ lệ thất nghiệp tăng lên.
- (e) Chính phủ Liên hiệp Anh nên đưa ra các chính sách để giảm tỷ lệ thất nghiệp.
- (f) Hút thuốc lá là hành vi chống lại xã hội và nên được hạn chế.
- (g) Áp đặt thuế cao đối với thuốc lá sẽ làm giảm việc hút thuốc.
- (h) Nền kinh tế Mỹ là gần với hệ thống thị trường tự do hơn so với Cuba.

5 Mệnh đề nào dưới đây liên quan đến kinh tế học vĩ mô, mệnh đề nào liên quan đến kinh tế học vĩ mô?

- (a) Cùng với các nền kinh tế phương Tây khác, Liên hiệp Anh đã đổi mới với sự gia tăng tỷ lệ thất nghiệp vào đầu những năm 1990.
- (b) Áp đặt thuế cao đối với thuốc lá sẽ làm giảm việc hút thuốc.
- (c) Việc làm cho lao động ngành xây dựng tăng lên nhanh chóng vào đầu năm 2000.
- (d) Sự tăng lên trong tổng thu nhập toàn xã hội đồng nghĩa với việc chi tiêu tiêu dùng cao hơn.
- (e) Một người lao động được trả lương cao hơn sẽ mua nhiều hàng hoá xa xỉ hơn.
- (f) Một hảng sẽ đầu tư vào máy móc thiết bị nếu tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng cao.
- (g) Lãi suất cao trong nền kinh tế có thể được kỳ vọng là không khuyến khích tổng mức đầu tư.
- (h) GDP của Liên hiệp Anh năm 2004 cao hơn so với năm 2001.

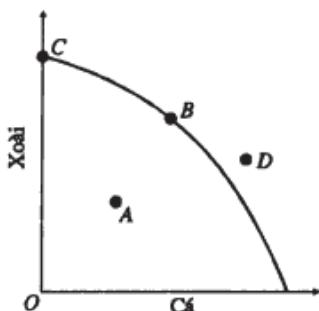
6 Hình 1-3 minh họa sự lựa chọn của một xã hội giữa dịch vụ xã hội và hàng hoá tư nhân dưới dạng đường PPF. 3 điểm A, B và C biểu diễn các nền kinh tế trong đó chính phủ đóng vai trò chủ động hơn hoặc thụ động hơn. Liên hệ mỗi điểm đó với những mô tả phù hợp nhất sau đây của các nền kinh tế giả định.

Hình 1-3 Sự lựa chọn của xã hội giữa dịch vụ xã hội và hàng hóa cá nhân



- (a) Một nền kinh tế, trong đó chính phủ giảm thiểu sự can thiệp, cung cấp một số lượng cần thiết tối thiểu các dịch vụ thiết yếu.
- (b) Một nền kinh tế trong đó chính phủ nắm giữ trách nhiệm lớn, đánh thuế ở mức cao và cung cấp nhiều dịch vụ xã hội.
- (c) Một nền kinh tế trong đó chính phủ cung cấp nhiều hơn số lượng tối thiểu cần thiết các dịch vụ xã hội, nhưng để khoảng trống cho khu vực tư nhân hoạt động.
- 7 Một cộng đồng dân cư bắt cá và thu hoạch xoài. Đường PPF của cộng đồng này đối với 2 hàng hoá đó được minh họa trong Hình 1-4. Kết hợp hàng hoá nào sau đây có thể đạt được với ràng buộc nguồn lực hiện tại?

Hình 1-4 Cá hay xoài?



- (a) Chỉ A.
- (b) Chỉ B.
- (c) Chỉ A và B.
- (d) Chỉ A, B và C.
- (e) Chỉ D.

8 Mệnh đề nào sau đây không chính xác đối với một nền kinh tế mệnh lệnh thuần tuý?

- (a) Các hàng lựa chọn số lượng lao động sử dụng.
- (b) Chính phủ kiểm soát việc phân phối thu nhập.
- (c) Chính phủ quyết định sản xuất cái gì.
- (d) Các kỹ thuật sản xuất không do hàng quyết định.
- (e) Cơ quan kế hoạch hóa của chính phủ quyết định sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào và sản xuất cho ai.

Đúng/Sai

1 Kinh tế học xem xét hành vi con người, do đó không phải là một môn khoa học.

2 Các cú sốc giá dầu năm 1973 - 1974 và 2004 không có ảnh hưởng đến vấn đề sản xuất cái gì ở Liên hiệp Anh.

3 Sự mở rộng khả năng sản xuất của một nền kinh tế được biểu diễn bằng sự dịch chuyển ra bên ngoài của đường PPF.

4 Một nền kinh tế có hiện tượng thất nghiệp sẽ không sản xuất trên đường PPF.

5 Adam Smith cho rằng, các cá nhân mưu cầu lợi ích cá nhân sẽ được dẫn dắt bởi bàn tay vô hình để thực hiện các hành động nằm trong lợi ích của toàn bộ xã hội.

6 Trung Quốc là một ví dụ về một nền kinh tế mệnh lệnh, trong đó thị trường tư nhân không có vai trò gì.

7 Chính phủ nên trợ cấp cho dịch vụ y tế đối với người cao tuổi.

8 Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) là giá trị của tất cả các hàng hóa mà một nền kinh tế sản xuất được trong một giai đoạn nhất định.

9 Rất nhiều lập luận trong kinh tế học thực chứng dẫn đến sự thống nhất rộng rãi giữa các nhà kinh tế.

Kinh tế học trong thực tiễn

Cho vay cầm cố tiếp tục bùng nổ

(Theo BBC Online news, 24/5/2004)

Ham muốn của Liên hiệp Anh đối với những khoản nợ cầm cố tiếp tục gia tăng trong tháng 4, nhưng những con nợ hiện tại ngày càng tỏ ra thận trọng. Cho vay cầm cố trong tháng 4 đạt 25 tỷ bảng - tăng 25% so với cùng tháng năm 2003.

Trong những năm gần đây, rất nhiều chủ sở hữu nhà cửa sử dụng tốt lãi suất thấp trong quá khứ và tái cầm cố cho những giao dịch rẻ hơn, cắt giảm chi phí cầm cố. Những người khác sử dụng tài sản cầm cố như là một cách thức cho vay rẻ - dễ cung cấp nợ hay để cung cấp tài chính cho các dự án nâng cấp nhà.

Vào đầu tuần, ra đời Ủy ban Chính sách Tiền tệ (MPC), Ngân hàng trung ương Anh tranh cãi trong cuộc họp tháng 5 về việc tăng lãi suất từ 4% lên 4,5%, trước khi quy định tăng lên 4,25%.

Việc đưa ra thông báo của MPC đã tiếp thêm nhiên liệu cho các kỳ vọng rằng Ngân hàng trung ương sẽ hành động sớm, tăng lãi suất lên hơn nữa.

Câu hỏi

1 Bùng nổ cho vay cầm cố là một vấn đề của kinh tế học vĩ mô hay kinh tế học vi mô?

2 Những hàm ý kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô của sự gia tăng lãi suất là gì?

Câu hỏi tư duy

1 Chúng ta đã thấy, rằng kinh tế học quan tâm đến 3 câu hỏi cơ bản: sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào và sản xuất cho ai. Đối với từng sự kiện trong 5 sự kiện kinh tế sau, hãy suy nghĩ về 3 vấn đề cơ bản đó:

(a) Khám phá ra nguồn dự trữ lớn gas tự nhiên trong một khu vực dễ khai thác.

(b) Thay đổi cơ cấu thuế thu nhập, do đó thu nhập được phân phối lại từ “người giàu” sang “người nghèo”.

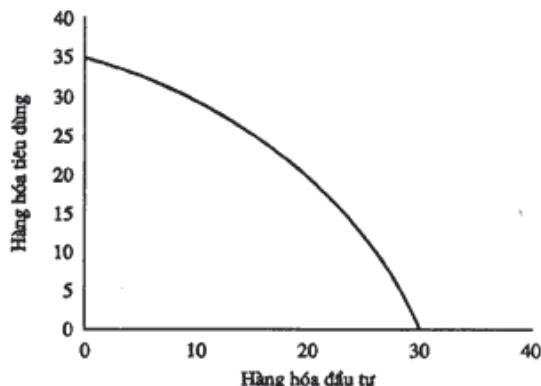
(c) Tự nhân hóa một ngành quan trọng.

(d) Phát minh ra máy vi tính.

(e) Tăng giá hàng nhập khẩu.

2 Một nền kinh tế có thể lựa chọn giữa việc sản xuất hàng hóa để tiêu dùng hiện tại và sản xuất hàng hóa đầu tư mà có ảnh hưởng đến khả năng sản xuất trong tương lai của nền kinh tế đó. Hình 1-5 minh họa đường PPF giữa 2 loại hàng hóa này.

Hình 1-5 Sự lựa chọn giữa hàng hóa tiêu dùng và hàng hóa đầu tư



(a) Chúng ta có thể nói gì về vị trí của đường PPF trong các giai đoạn kế tiếp của nền kinh tế này?

(b) Đáp án cho câu (a) của bạn bị ảnh hưởng như thế nào bởi 1 điểm lựa chọn nhất định trong giai đoạn hiện tại?

(c) Bảng 1-1 mô tả số liệu về cơ cấu theo khu vực của sản phẩm quốc dân ở 4 quốc gia. Xem xét cơ cấu sản xuất thay đổi trong tổng sản phẩm ở Bảng 1-1. Mỗi quốc gia đạt tới giai đoạn nào của công nghiệp hóa?

Bảng 1-1 Cơ cấu sản xuất
(đóng góp vào GDP (%))

Quốc gia	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ
A	1965	52	35
	1997	44	39
B	1965	51	36
	1997	16	41
C	1965	38	37
	1997	6	51
D	1965	10	46
	1997	2	60

Nguồn: World Development Report 1998/99.

Các công cụ phân tích kinh tế

Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Tại sao lý thuyết là sự đơn giản hóa thực tế có chủ tâm
- Dãy số thời gian và dữ liệu chéo
- Làm thế nào để xây dựng chỉ số
- Biến danh nghĩa và biến thực tế
- Làm thế nào để xây dựng một mô hình lý thuyết đơn giản
- Làm thế nào để minh họa dữ liệu bằng đồ thị và giải thích biểu đồ điểm
- Làm thế nào sử dụng “các yếu tố khác không đổi” để bỏ qua, nhưng không quên, những ảnh hưởng quan trọng

Nội dung nghiên cứu chính

Bạn đã thấy rằng, kinh tế khác những môn học mà các bạn đã từng học. Các nhà kinh tế có ngôn ngữ riêng của họ, thường sử dụng biểu đồ và phương trình, cũng như với nhiều môn khoa học tự nhiên, nhằm làm dữ liệu số và lý thuyết phù hợp với nhau. Vấn đề trọng tâm mà bạn cần làm quen là:

- 1 Các nhà kinh tế thường xây dựng những mô hình đơn giản: tại sao? Một phần câu trả lời cho câu hỏi này là vì những mô hình đơn giản với những mối quan hệ đơn giản có thể được kiểm tra bằng cách sử dụng dữ liệu số đơn giản, vì thế hai vấn đề tiếp theo là:
- 2 Các nhà kinh tế sử dụng loại dữ liệu nào?
- 3 Các nhà kinh tế sử dụng những dữ liệu đó để kiểm tra lý thuyết như thế nào? Đồ thị là một cách tiếp cận đơn giản, mô hình kinh tế tiên tiến hơn nhiều.

Cuốn sách lý thuyết đã đề cập chi tiết tất cả các vấn đề trên và bạn có thể sử dụng các câu hỏi dưới đây để củng cố vốn kiến thức của mình xung quanh những vấn đề đó.

Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- | | | | |
|----------|---------------------------|-----------|---|
| a | Tỷ lệ tăng trưởng | 1 | Một chuỗi giá trị của biến tại các thời điểm khác nhau. |
| b | Chỉ số | 2 | Quan hệ mà giá trị của một biến càng lớn thì giá trị của biến kia càng nhỏ. |
| c | Mô hình | 3 | Giá của một hàng hóa tương ứng với mức giá chung của hàng hóa. |
| d | Biến danh nghĩa | 4 | Một giá định đơn giản hóa cho phép các nhà kinh tế tập trung vào những mối quan hệ kinh tế chủ yếu. |
| e | Sức mua của tiền | 5 | Một sự đơn giản hóa thực tế có chủ tâm dựa trên một chuỗi những giả định để suy ra mọi người sẽ ứng xử như thế nào. |
| f | Giá thực tế | 6 | Một chỉ số giá của hàng hóa được mua bởi một hộ gia đình điển hình. |
| g | Dãy số thời gian | 7 | Một biến được đo theo mức giá hiện hành. |
| h | Quan hệ cùng chiều | 8 | Phần trăm thay đổi của một biến mỗi kỳ (thường là một năm). |
| i | Chỉ số giá bán lẻ | 9 | Giá trị biến kinh tế tại một thời điểm của những cá nhân khác nhau hoặc các nhóm người khác nhau. |
| j | Các yếu tố khác không đổi | 10 | Chỉ số của lượng hàng hóa mà 1\$ có thể mua. |
| k | Dữ liệu chéo | 11 | Một cách biểu diễn dữ liệu tương ứng với một giá trị gốc xác định. |
| l | Toán kinh tế | 12 | Quan hệ mà giá trị của một biến càng lớn thì giá trị của biến kia càng lớn. |
| m | Quan hệ ngược chiều | 13 | Giá trị của một biến khi giá không đổi, hoặc sau khi điều chỉnh theo lạm phát. |
| n | Biến thực tế | 14 | Một bộ phận kinh tế học đo lường mối quan hệ sử dụng dữ liệu kinh tế. |

Bài tập

1 Dữ liệu nào sau đây là dãy số thời gian, dữ liệu nào là dữ liệu chéo?

- (a) Chi tiêu của người tiêu dùng cho hàng hóa lâu bền, hàng năm giai đoạn 1990 - 2004.
- (b) Chi tiêu của hộ gia đình cho nhà cửa ở nội thành năm 2004.
- (c) Chỉ số giá hàng tháng của khoai tây năm 2004.
- (d) Tổng sản phẩm quốc nội của Liên hiệp Anh hàng quý năm 2004.

(e) Thu nhập trung bình hàng tuần cho một mẫu gồm 350 cá nhân, phỏng vấn lần đầu tiên năm 1990 và phỏng vấn lại vào năm 1993, 1996, 1999, 2002 và 2005.

(f) Phân loại thất nghiệp theo khu vực, 14/10/2004.

2 Bảng 2-1 biểu diễn thông tin về tiêu dùng và nhập khẩu thép của Liên hiệp Anh từ 1976 đến 2004.

(a) Quan sát số liệu (không sử dụng máy tính), để xuất về xu hướng nhập khẩu và tổng tiêu dùng thép.

Bảng 2-1 Nhập khẩu và tiêu dùng thép của Liên hiệp Anh, 1976 - 2004, triệu tấn

Năm	Nhập khẩu thép	Tiêu dùng thép
1976	103,6	498,7
1982	96,2	271,4
1988	114,4	364,8
1994	126,7	336,1
2000	162,6	298,0
2004	168,0	272,8

Nguồn: Office for National Statistics, Monthly Digest of Statistics.

(b) Với mỗi cột, hãy tính chỉ số, số liệu năm 1976 làm gốc.

(c) Giải thích mô hình dữ liệu.

3 Trung bình, khoảng 11% chi tiêu của hộ gia đình là cho đồ uống có cồn và thuốc lá; còn lại 89% là cho “các hàng hoá và dịch vụ khác”. (Tỷ lệ này gần giống với tỷ lệ được sử dụng để xây dựng chỉ số giá bán lẻ của Liên hiệp Anh (RPI), nhưng dữ liệu trong bài tập này là dữ liệu khác). Chỉ số giá của những hàng hoá đã cho tại Bảng 2-2.

(a) Xây dựng chỉ số giá chung của nền kinh tế dựa trên tỷ lệ 0,11 của cồn, thuốc lá và 0,89 của các hàng hoá dịch vụ khác.

(b) Sử dụng chỉ số giá chung, tính tỷ lệ lạm phát hàng năm giai đoạn 1995-98.

(c) Mặc dù nó đưa ra cái nhìn tổng quan về lạm phát của nền kinh tế, nhưng các cá nhân có thể xem xét lạm phát một cách khác, nếu như mô hình chi tiêu của họ khác xa với mô hình của xã hội. Tính tỷ lệ lạm phát cho một cá nhân mà mô hình chi tiêu của người này tuân theo quy tắc trên ngoại trừ thực tế là người đó không hút thuốc lá.

(d) Vẽ hai biểu đồ, biểu đồ thứ nhất biểu thị ba chỉ số giá, biểu đồ thứ hai biểu thị hai chuỗi tỷ lệ lạm phát mà bạn đã tính.

Bảng 2-2 Chỉ số giá, 1994 - 2003 (1987 = 100)

Năm/chỉ số giá	1998	1999	2000	2001	2002	2003
Cồn và thuốc lá	192,3	202,6	210,3	216,9	222,3	228,0
Tất cả hàng hoá dịch vụ khác	147,6	148,1	149,7	160,0	151,7	154,4
Chỉ số giá chung						
Lạm phát						
Lạm phát đối với người không hút thuốc						

Bảng 2-3 Nhập khẩu và thu nhập của Liên hiệp Anh, 1998 - 2003

Năm	Nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ	GDP
1998	185869	858616
1999	195217	903167
2000	220912	950561
2001	230703	994309
2002	233192	1044145
2003	235136	1099896

Nguồn: Monthly Digest of Statistics.

4 (a) Sử dụng dữ liệu ở Bảng 2-3, vẽ đồ thị điểm, biết rằng nhập khẩu thực tế ở trực tung và thu nhập thực tế ở trực hoành.

(b) Đồ thị biểu thị quan hệ cùng chiều hay ngược chiều giữa hai biến?

(c) Nó có tuân theo trực giác kinh tế của bạn về nhập khẩu và thu nhập không?

(d) Bạn có cho rằng các biến trên được giả định trong mối quan hệ rằng “các yếu tố khác không đổi” không?

5 Hình 2-1 là các đồ thị điểm biểu thị các loại quan hệ khác nhau giữa các biến. Liên hệ mỗi loại với một câu giải thích phù hợp nhất dưới đây:

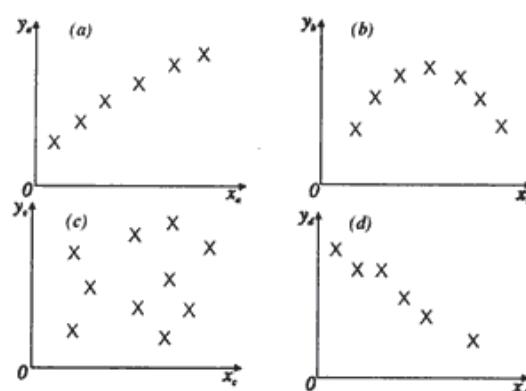
(i) Quan hệ tuyến tính ngược chiều.

(ii) Quan hệ tuyến tính cùng chiều.

(iii) Quan hệ phi tuyến.

(iv) Không có mối quan hệ rõ ràng nào.

Hình 2-1 Mô hình các quan hệ



Đồ thị nào trên đây bạn không nối được thành một đường thẳng?

6 Chỉ số giá bán lẻ đối với quần áo và giày dép giai đoạn 1998 - 2003, coi 13/01/1987 = 100, như sau:

Năm	1998	1999	2000	2001	2002	2003
Chỉ số giá đối với quần áo và giày dép	119,9	116,7	112,3	107,5	102,4	100,8

Nguồn: *Monthly Digest of Statistics*.

- (a) Bạn yêu cầu thêm thông tin gì để phán đoán liệu giá thực tế của quần áo đã tăng lên hay giảm đi trong giai đoạn này?
- (b) Sử dụng dữ liệu mà bạn đã tính toán giống như chỉ số giá chung trong bài 3 để tính chỉ số giá thực tế đối với quần áo và giày dép.
- (c) Giải thích ý nghĩa kết quả vừa tìm được.

7 Xem xét một mô hình kinh tế đơn giản sau đây, mô hình liên quan đến cầu về sôcôla thanh:

Lượng cầu về sôcôla thanh = f {giá của sôcôla thanh; thu nhập người tiêu dùng}

- (a) Hãy giải thích bằng lời công thức trên.
- (b) Giả định rằng thu nhập người tiêu dùng được giữ không đổi, bạn dự đoán lượng cầu và giá của sôcôla thanh sẽ có quan hệ cùng chiều hay ngược chiều?
- (c) Giả định rằng giá của sôcôla thanh không đổi, bạn dự đoán lượng cầu về sôcôla thanh và mức thu nhập của người tiêu dùng sẽ có quan hệ gì?
- (d) Bạn có cho rằng mô hình trên là đầy đủ, hay có những biến kinh tế khác mà bạn muốn cho thêm vào?

8 Thông tin cho dưới đây liên quan đến từng loại chỉ số giá bán lẻ năm 2003:

Loại	Tỷ trọng	Chỉ số giá (1995 = 100)
Thức ăn và đồ uống có cồn	3	170
Nhà cửa, xăng và điện	2	186
Hàng hoá dịch vụ khác	5	173

Chỉ số giá chung bằng bao nhiêu:

- (a) 172.
- (b) 173.
- (c) 174,7.
- (d) 176,3.
- (e) 178.

9 Sử dụng dữ liệu cho tại Bảng 2-4:

- (a) Tính tổng chi tiêu thực tế cho thức ăn năm 2003.

(b) Tính tổng chi tiêu bằng tiền cho thức ăn năm 2003.

(c) Với mỗi quý, tính tỷ lệ của chi tiêu theo giá hiện hành và theo giá cố định rồi nhân với 100. Bạn giải thích kết quả vừa tìm như thế nào?

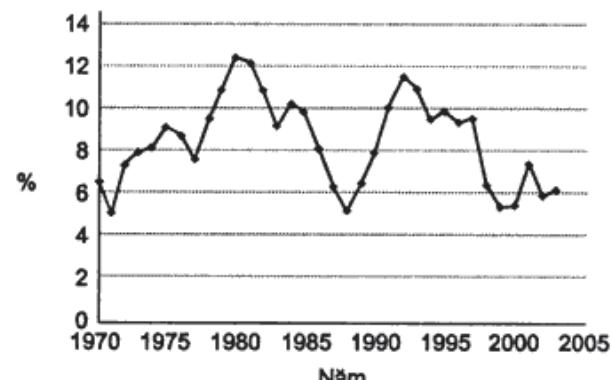
Bảng 2-4 Chi tiêu hộ gia đình cho thức ăn của Liên hiệp Anh, năm 2003 (triệu bảng)

	2003 Q1	2003 Q2	2003 Q3	2003 Q4
Tại mức giá hiện hành	15960	16470	16190	16298
Tại mức giá cố định năm 2001	15224	15686	15396	15471

Nguồn: *Economic Trends Annual Supplement*.

10 Hình 2-2 biểu thị tiết kiệm hộ gia đình của Liên hiệp Anh bằng tỷ lệ phần trăm của thu nhập còn lại, từ năm 1970. Mô tả xu hướng chung và đề xuất mô hình xem xét theo thời gian.

**Hình 2-2 Tỷ lệ tiết kiệm hộ gia đình
của Liên hiệp Anh, 1970 - 2003**



Nguồn: *Economic Trends Annual Supplement*.

Đúng/Sai

1 Kinh tế học không thể coi như một môn khoa học vì nó không thể kiểm soát được những thí nghiệm trong phòng thí nghiệm.

2 Chúng ta có thể thu thập bằng chứng để ủng hộ một lý thuyết kinh tế, nhưng chúng ta không thể chứng minh chắc chắn rằng đó là “đúng”.

3 Đồ thị là một cách hữu dụng để làm nổi bật những yếu tố quan trọng của một chuỗi dữ liệu.

4 Khi chúng ta thấy một mối quan hệ chặt chẽ giữa hai biến, chúng ta hiểu rằng một biến phụ thuộc ngẫu nhiên vào biến kia.

- 5** Dữ liệu chéo thường được sử dụng nhiều hơn trong kinh tế vì mô vì chúng liên quan tới các cá nhân.
- 6** Giả định “các yếu tố khác không đổi” cho phép chúng ta bỏ qua những phần phức tạp của một mô hình kinh tế.
- 7** Mô hình kinh tế xem xét tới quan hệ tuyến tính giữa hai biến.
- 8** Nếu bạn quan sát thực tế đủ nhiều, chắc chắn bạn sẽ khám phá ra một lý thuyết đúng.
- 9** Chỉ số là một công cụ vô giá nếu chúng ta muốn so sánh hai biến có đơn vị khác nhau.
- 10** Quan hệ kinh tế cùng chiều là một loại quan hệ ủng hộ mô hình của chúng ta.
- 11** Lạm phát được đo bởi một mức giá.
- 12** Tỷ lệ tiền lương thực tế được tính bằng cách điều chỉnh tỷ lệ tiền lương danh nghĩa theo thay đổi của mức sống.

Kinh tế học trong thực tiễn

Chỉ số giá nhà toàn quốc

(Theo Nationwide, tháng 5/2004)

	Tháng 4	Tháng 3
Chỉ số hàng tháng (đã điều chỉnh) Q1 1993 = 100	291,0	284,9
Thay đổi hàng năm	18,9%	16,7%
Giá trung bình	145918£	142584£

Phát biểu ý kiến về tài liệu trên Alex Bannister, nhóm các nhà kinh tế quốc gia, cho rằng:

Đạt đỉnh là 26,5% vào đầu năm 2003, lạm phát giá nhà hàng năm của Anh giảm xuống 14,3% vào tháng 1 năm 2004 trước khi tăng nhanh đến 18,9% vào tháng 4. Dưới mức tăng giá trung bình, thị trường nhà của Anh bị phân cấp, giá tiếp tục tăng nhanh ở miền Bắc và chậm hơn ở miền Đông Nam.

Tuy nhiên, tỷ lệ tăng trưởng giá chúng ta kỳ vọng trong năm nay không thể xác định rằng khả năng mua sẽ bị kéo căng. 15% tăng giá chúng ta kỳ vọng trong năm 2004 phản ánh một phần về việc người mua nợ nhiều hơn để phản ứng với tỷ lệ lãi suất danh nghĩa thấp hơn. Trong môi trường lạm phát thấp hiện nay, gánh nặng nợ thực tế sẽ giảm xuống. Người đi vay cần có được cách hành xử khôn ngoan đối với khoản nợ mà họ vay.

Câu hỏi (Tiếp theo)

- 1** Chỉ số giá nhà là dãy số thời gian hay dữ liệu chéo?
- 2** Mức tăng giá trung bình giữa tháng 3 và 4 là bao nhiêu?
- 3** Kể từ năm 1993 tỷ lệ tăng giá nhà là 191%, tại sao? Đó là tỷ lệ tăng thực tế hay danh nghĩa?

Câu hỏi tư duy

- 1** Số nào sau đây biểu diễn tỷ trọng chỉ số giá năm Y theo thông tin cho tại Bảng 2-5?
- (a) 94,6.
(b) 105,7.
(c) 113,3.
(d) 131,0.
- (e)** Không thể xác định được, vì cần phải biết tổng chi tiêu cho mỗi loại.

Bảng 2-5 Phân loại chỉ số giá

Hàng hoá	Giá năm gốc (p)	Giá năm Y (p)	Tỷ trọng
1	10	12	2
2	100	80	5
3	50	70	3
			10

- 2** Đề nghị một mô hình kinh tế đơn giản để phân tích câu về ăn trưa tại trường học.

- 3** Bảng 2-6 cung cấp dữ liệu về tỷ trọng khác nhau liên quan tới phân loại chi tiêu khác nhau khi tính RPI. Bạn sẽ minh họa dữ liệu trong bảng bằng đồ thị như thế nào?

- 4** Phân tích kinh tế giúp chúng ta giải thích quy mô gia đình như thế nào?

Bảng 2-6 Tỷ trọng chỉ số giá bán lẻ trên 1% chi tiêu, 2004

Năm	Thức ăn	Cồn và thuốc lá	Nhà cửa và chi phí hộ gia đình	Du lịch	Tiêu dùng khác	Tổng
2004	160	97	339	283	121	1000

Nguồn: *Monthly Digest of Statistics*.

Cầu, cung và thị trường

Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Quan điểm về thị trường
- Đường cung và đường cầu
- Giá và lượng cân bằng
- Giá cả điều chỉnh cung và cầu trên thị trường như thế nào
- Cái gì làm dịch chuyển đường cung và đường cầu
- Thị trường tự do và thị trường kiểm soát giá
- Thị trường xác định sản xuất cái gì, như thế nào và cho ai

Nội dung nghiên cứu chính

Trong chương 1, các bạn đã được giới thiệu quan điểm về khan hiếm và cần tìm cơ chế phân bổ nguồn lực. Trong chương này, chúng ta sẽ bắt đầu nghiên cứu thị trường như một cơ chế. Vấn đề trọng tâm mà bạn cần hiểu là:

- 1 Cung và cầu là gì?
- 2 Yếu tố nào làm cung và cầu thay đổi?
- 3 Cân bằng thị trường là gì và thị trường thất bại như thế nào?

Sách lý thuyết đã nghiên cứu lần lượt từng vấn đề trên và các bài tập sau đây sẽ giúp bạn củng cố kiến thức của mình.

Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- | | | | |
|----------|------------------------|-----------|--|
| a | Thị trường | 1 | Mức giá mà tại đó lượng cung bằng lượng cầu. |
| b | Giá cân bằng | 2 | Hàng hoá mà cầu về nó giảm khi thu nhập tăng. |
| c | Hàng hoá thông thường | 3 | Mức giá hiện hành trên thị trường. |
| d | Dư cung | 4 | Nghiên cứu ảnh hưởng (tới giá và lượng cân bằng) khi có sự thay đổi của một trong các "yếu tố khác không đổi". |
| e | Phân tích so sánh tĩnh | 5 | Một sự sắp xếp mà người mua và người bán trao đổi hàng hoá dịch vụ. |
| f | Giá thị trường | 6 | Luật pháp hay quy định mà chính phủ ngăn cấm điều chỉnh theo giá cả thị trường. |
| g | Cầu | 7 | Hàng hoá mà cầu về nó tăng khi thu nhập tăng. |
| h | Hàng hoá thứ cấp | 8 | Trường hợp lượng cung vượt quá lượng cầu tại một mức giá. |
| i | Thị trường tự do | 9 | Lượng hàng hoá mà người bán muốn bán tại mỗi mức giá có thể. |
| j | Dư cầu | 10 | Trường hợp lượng cầu vượt quá lượng cung tại một mức giá. |
| k | Cung | 11 | Thị trường mà tại đó giá cả được xác định thuần tuý bởi cung và cầu. |
| l | Kiểm soát giá | 12 | Lượng hàng hoá mà người mua muốn mua tại mỗi mức giá có thể. |

Bài tập

- 1** Giả sử rằng, dữ liệu cho tại Bảng 3-1 biểu diễn cung và cầu thị trường đối với đậu tại các mức giá.

Bảng 3-1 Cầu và cung về đậu

Giá (p)	Lượng cầu (triệu lon/năm)	Lượng cung (triệu lon/năm)
8	70	10
16	60	30
24	50	50
32	40	70
40	30	90

- (a) Vẽ đồ thị đường cung và đường cầu, chú ý tên của các trục.
 (b) Dư cung hay dư cầu là bao nhiêu khi giá là 8p?

- (c) Dư cung hay dư cầu là bao nhiêu khi giá là 32p?

- (d) Xác định giá và lượng cân bằng.

- (e) Giả định rằng, với thu nhập của người tiêu dùng tăng lên, cầu về đậu tăng 15 triệu lon/năm tại mỗi mức giá. Tìm giá và lượng cân bằng mới.

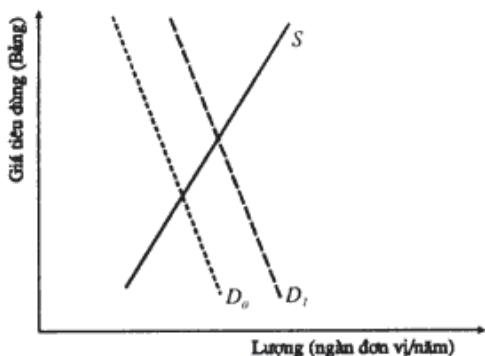
- 2** Phân biệt dịch chuyển của đường cung và đường cầu với sự vận động dọc theo chúng là một nội dung quan trọng. Đánh dấu vào cột phù hợp của Bảng 3-2 để chỉ ra ảnh hưởng của sự thay đổi "các yếu tố khác không đổi" cho chi tiết tại cột đầu tiên. (Hai đánh dấu với mỗi loại).

(Chú ý rằng trong bài tập 3-8 có thể có nhiều câu trả lời).

- 3** Trên Hình 3-1 đường cầu về bút dịch chuyển từ D_0 đến D_1 . Tình huống nào sau đây giải thích cho sự dịch chuyển này?

Bảng 3-2 Sự vận động dọc đường cung, cầu

Thay đổi "các yếu tố khác không đổi"	Dịch chuyển đường cầu	Sự vận động dọc đường cầu	Dịch chuyển đường cung	Sự vận động dọc đường cung
Thay đổi giá hàng hoá cạnh tranh				
Giới thiệu một kỹ thuật sản xuất mới				
Một mốt về hàng hoá				
Thay đổi thu nhập				
Thay đổi giá nguyên liệu đầu vào				

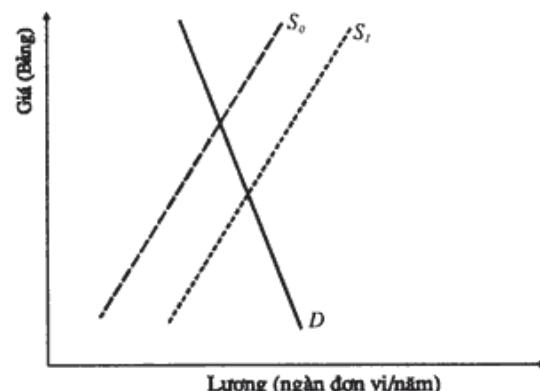
Hình 3-1 Cầu về bút

- (a) Giá hàng hoá thay thế cho bút giảm.
 (b) Giá hàng hoá bổ sung cho bút giảm.
 (c) Giá nguyên vật liệu đầu vào sản xuất bút giảm.
 (d) Thu nhập người tiêu dùng giảm (giả định rằng bút là hàng hoá thứ cấp).
 (e) Thuế suất thuế giá trị gia tăng (VAT) giảm.
 (f) Thu nhập người tiêu dùng giảm (giả định rằng bút là hàng hoá thông thường).

4 Tình huống nào dưới đây có thể dẫn đến sự dịch chuyển đường cầu về máy ảnh?

- (a) Giá máy ảnh giảm.
 (b) Thu nhập thực tế tăng.
 (c) Giá của phim giảm.

- 5 Trên Hình 3-2 đường cung về lều trại dịch chuyển từ S_0 đến S_1 . Tình huống nào sau đây giải thích cho sự dịch chuyển này?

Hình 3-2 Cầu về lều

- (a) Giới thiệu một phương pháp sản xuất lều trại cải tiến mới.
 (b) Giá hàng hoá bổ sung cho lều trại giảm.
 (c) Tỷ lệ lương trả cho công nhân sản xuất lều trại tăng.
 (d) Thu nhập người tiêu dùng tăng (giả định rằng lều là hàng hoá thông thường).
 (e) Giá của lều trại giảm.

6 Hàng hoá nào là hàng hoá thông thường và hàng hoá nào là hàng hoá thứ cấp?

- (a) Tivi màu.
 (b) Cà phê.
 (c) Gạo.
 (d) Điện thoại 3G.
 (e) Đi xe buýt.

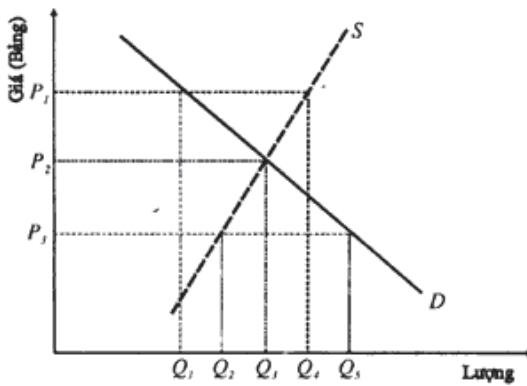
7 Hàng hoá nào là hàng hoá thay thế cho dầu tẩy và hàng hoá nào bổ sung cho dầu tẩy?

- (a) Quả mâm xôi.
 (b) Kem tươi.
 (c) Xăng.
 (d) Kem.
 (e) Bánh mỳ nướng.
 (f) Đi xe buýt.
 (g) Máy vi tính xách tay.

8 Giả sử rằng Hình 3-3 minh họa thị trường trúng và chính phủ quyết định bảo vệ ngành sản xuất trúng bằng cách đảm bảo cho các nhà sản xuất một mức giá trúng tối thiểu. Vì vậy, nếu trúng không còn để

bán cho các hộ gia đình, chính phủ hứa sẽ mua toàn bộ lượng dư thừa tại một mức giá xác định.

Hình 3-3 Thị trường trúng



- (a) Giá và lượng cân bằng là bao nhiêu, bỏ qua sự can thiệp?
- (b) Mức giá thị trường là bao nhiêu khi chính phủ áp đặt mức giá P_1 ?
- (c) Lượng cầu của hộ gia đình là bao nhiêu tại mức giá thị trường?
- (d) Lượng trúng mà chính phủ cần mua tại mức giá đó là bao nhiêu?
- (e) Mức giá thị trường là bao nhiêu khi chính phủ áp đặt mức giá P_3 ?
- (f) Lượng cầu của hộ gia đình là bao nhiêu tại mức giá thị trường?
- (g) Lượng trúng mà chính phủ cần mua tại mức giá đó là bao nhiêu?
- 8 Tinh huống nào sau đây có thể làm tăng giá nhà?
 - (a) Xây dựng nhà giảm.
 - (b) Thuê nhà tăng.
 - (c) Tỷ lệ lãi vay tăng.
 - (d) Quan chức địa phương sẵn lòng hơn khi bán nhà cho người thuê.
- 10 Giả sử rằng dữ liệu cho tại Bảng 3-3 minh họa biến đổi cung và cầu thị trường về hàng hóa X tại các mức giá.
 - (a) Vẽ đường cung và đường cầu.
 - (b) Tìm giá và lượng cân bằng.

Giả sử rằng các hàng cung cấp hàng hóa phải chịu thuế 5p một đơn vị. Vì vậy, các hàng đặt giá 20p một đơn vị cho khách hàng, chính phủ thu được 5p và các hàng nhận được 15p.

Bảng 3-3 Cung và cầu về hàng hóa X

Giá (p)	Lượng cầu (đơn vị/năm)	Lượng cung (đơn vị/năm)
15	50	35
16	48	38
17	46	41
18	44	44
19	42	47
20	40	50
21	38	53
22	36	56

- (c) Vẽ đường cung sau thuế - nghĩa là quan hệ giữa lượng cung và giá mà người tiêu dùng trả.
- (d) Tìm giá và lượng cân bằng.

Đúng/Sai

- 1 Giá hàng hóa thay đổi sẽ gây ra dịch chuyển đường cầu.
- 2 Thu nhập người tiêu dùng tăng sẽ làm tăng cầu về tất cả hàng hóa.
- 3 Thu hoạch ít khoai tây làm cho giá khoai tây chiến tăng lên, các yếu tố khác không đổi.
- 4 Giá mua hàng hóa là giá cân bằng.
- 5 Hàng hóa thứ cấp là hàng hóa được sản xuất kèm.
- 6 Bệnh bò điên dẫn tới giá thịt lợn tăng.
- 7 Nếu cầu về một hàng hóa tăng khi thu nhập người tiêu dùng tăng (các yếu tố khác không đổi), hàng hóa đó là hàng hóa thông thường.
- 8 Sự áp đặt mức lương tối thiểu sẽ dẫn đến thất nghiệp tăng.
- 9 Hàng ngày, 2 hàng hóa X và Y bổ sung cho nhau nếu giá X tăng, các yếu tố khác không đổi, dẫn tới cầu về hàng hóa Y giảm.
- 10 Sự áp đặt thuế 1 bảng trên một đơn vị hàng hóa sẽ dẫn đến giá hàng hóa tăng thêm 1 bảng.
- 11 Khi Giáo hoàng cho phép tín đồ công giáo ăn thịt vào thứ sáu, giá và lượng cá cân bằng giảm.

Kinh tế học trong thực tiễn

Hàng không Anh trả giá cao cho đường bay Heathrow

(Trích từ bài báo của David Gow, *The Guardian*, 21/01/2004)

Qantas và Virgin Atlantic trả những khoản cờ định 1 lần kỷ lục cho nơi hạ cánh và cất cánh tại sân bay Heathrow London. Hàng hàng không Úc, một đối tác của BA, trả 20 triệu Bảng - cao hơn hai lần tỷ lệ thông thường - cho hai cặp đường bay hàng ngày. Virgin đã trả tương tự cho bốn cặp.

Động thái của Qantas và Virgin được coi như việc tạo ra một tương lai lạc quan về doanh số và tăng trưởng trong ngành vốn bị giảm lượng hành khách và doanh thu.

Câu hỏi

1 Giải thích tại sao kỳ vọng về lượng khách đông hơn sẽ làm dịch chuyển đường cầu về đường bay Heathrow và giải thích ảnh hưởng của sự dịch chuyển đó tới giá cân bằng.

2 Cuối năm 2003, chính phủ quyết định xây dựng đường băng thứ ba ở Heathrow. Nó ảnh hưởng như thế nào tới giá cân bằng về đường bay?

Câu hỏi tư duy

1 Vẽ một đồ thị biểu diễn đường cung và đường cầu về một loại hàng hoá. Giả sử rằng giá của hàng hoá đó được đặt ở mức cao hơn giá thị trường tự do. Nhà sản xuất và người tiêu dùng hiểu tình huống thị trường đó như thế nào? Họ sẽ phản ứng như thế nào? Phân tích của bạn sẽ như thế nào nếu giá thị trường được đặt thấp hơn mức giá cân bằng?

2 Bạn dự đoán thị trường cà phê sẽ phản ứng như thế nào khi có một sự giảm cung đột ngọt, có thể là do thu hoạch kém. Bạn dự đoán kết quả doanh thu của người trồng cà phê tăng hay giảm?

3 Thảo luận một vài tình huống làm thay đổi điều kiện cung hay cầu trên một thị trường mà có thể tác động và gây ảnh hưởng tới một thị trường khác. Đưa ra vài ví dụ về ảnh hưởng vượt quá này.

4 Giả sử rằng bạn đang thử quan sát đường cầu về một loại hàng hoá. Khi thu thập dữ liệu về giá và lượng qua các năm, bạn thấy rằng chúng có quan hệ thuận chiều. Bạn cần loại thông tin bổ sung gì để giải thích về dữ liệu đó?

Độ co giãn của cung và cầu

Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Đo lường sự phản ứng của cầu và cung như thế nào
- Độ co giãn của cầu theo giá
- Độ co giãn của cầu theo giá ảnh hưởng đến doanh thu như thế nào khi có sự thay đổi giá
- Tại sao mất mùa lại có lợi cho người nông dân
- Một số quan niệm sai lầm
- Độ co giãn chéo liên quan đến mối quan hệ bổ sung hay thay thế giữa hai hàng hóa như thế nào
- Độ co giãn của cầu theo thu nhập
- Hàng hóa thứ cấp, bình thường và xa xỉ
- Độ co giãn của cung theo giá
- Độ co giãn của cung và cầu ảnh hưởng đến ai chịu thuế như thế nào

Nội dung nghiên cứu chính

Trong chương 3, chúng ta đã bàn về những yếu tố làm cung và cầu thay đổi. Trong chương này, chúng ta đề cập đến độ co giãn bằng cách đặt ra câu hỏi đơn giản “lượng cầu và lượng cung sẽ thay đổi bao nhiêu?” Để trả lời được câu hỏi này, chúng ta cần làm quen với:

- 1 Độ co giãn của cầu theo giá.
- 2 Độ co giãn của cầu theo thu nhập.
- 3 Độ co giãn chéo.
- 4 Độ co giãn của cung.

Sách lý thuyết đã đề cập chi tiết đến tất cả các vấn đề trên và thông qua các bài tập, câu hỏi sẽ giúp nâng cao sự hiểu biết của bạn.

Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- | | | | |
|----------|--------------------------------------|-----------|--|
| a | Độ co giãn chéo của cầu | 1 | Phần trăm thay đổi trong lượng cầu chia cho phần trăm thay đổi tương ứng trong thu nhập. |
| b | Cầu không co giãn theo giá | 2 | Lượng cầu là không co giãn với sự thay đổi của giá: độ co giãn có giá trị nằm giữa 0 và 1. |
| c | Dài hạn | 3 | Một hàng hóa có độ co giãn theo thu nhập là dương. |
| d | Hàng hóa thông thường | 4 | Một hàng hóa có độ co giãn theo thu nhập là âm. |
| e | Hàng hóa thiết yếu | 5 | Đo lường sự thay đổi cầu của một hàng hóa khi giá của một hàng hóa khác thay đổi. |
| f | Hàng hóa thay thế | 6 | Một hàng hóa có độ co giãn của cầu theo thu nhập nhỏ hơn 1. |
| g | Cầu co giãn đơn vị | 7 | Phần trăm thay đổi trong lượng cầu chia cho phần trăm thay đổi tương ứng trong giá. |
| h | Ngắn hạn | 8 | Hai hàng hóa mà khi giá của hàng hóa này tăng lên làm cho cầu về hàng hóa kia nói chung là tăng lên. |
| i | Co giãn của cầu theo thu nhập | 9 | Một hàng hóa có độ co giãn của cầu theo thu nhập lớn hơn 1. |
| j | Cầu co giãn theo giá | 10 | Lượng cầu là co giãn với sự thay đổi của giá: độ co giãn có giá trị nhỏ hơn -1. |
| k | Hàng hóa thứ cấp | 11 | Tổng chi tiêu là không thay đổi khi giá giảm: độ co giãn bằng -1. |
| l | Hàng hóa bổ sung | 12 | Thời kỳ cần thiết để hoàn thành sự điều chỉnh khi có sự thay đổi giá. |
| m | Hàng hóa xa xỉ | 13 | Hai hàng hóa mà khi giá của hàng hóa này tăng lên làm cho cầu về hàng hóa kia nói chung là giảm xuống. |
| n | Co giãn của cầu theo giá hàng hóa đó | 14 | Thời kỳ trong đó người tiêu dùng vẫn đang điều chỉnh hành vi của họ khi có sự thay đổi giá. |

Bài tập

Bảng 4-1 Cầu về kem que

Giá một que kem (£p)	Lượng cầu (nghìn)	Tổng chi tiêu (doanh thu - nghìn Bảng)	Độ co giãn của cầu theo giá
2,1	10		
1,8	20		
1,5	30		
1,2	40		
0,9	50		
0,6	60		
0,3	70		

Bảng 4-2 Độ co giãn chéo và độ co giãn của cầu theo giá của hàng hóa đó ở Mythuania

% thay đổi của lượng cầu	Khi giá thay đổi 1%		
	Thức ăn	Rượu	Bia
Thức ăn	-0,25	0,06	0,01
Rượu	-0,13	-1,20	0,27
Bia	0,07	0,41	0,85

1 Bảng 4-1 là lượng cầu về kem que ở các mức giá khác nhau.

- (a) Vẽ đường cầu về kem que, với lượng cầu về kem biếu diễn ở trục hoành và giá biếu diễn ở trục tung.
- (b) Giá sử giá là 1,2£. Lượng cầu là bao nhiêu nếu giá giảm 30p? Câu trả lời có khác không nếu bắt đầu từ mức giá khác?
- (c) Tính tổng doanh thu về kem que ở tất cả các mức giá ở trong bảng.
- (d) Tính độ co giãn của cầu theo giá trong khoảng giá từ 60p đến 2,1£.
- (e) Vẽ đồ thị về tổng doanh thu khi lượng bán thay đổi, tổng doanh thu biếu diễn ở trục tung và lượng cầu biếu diễn ở trục hoành.
- (f) Ở mức giá nào tổng doanh thu là lớn nhất?
- (g) Ở mức giá nào độ co giãn của cầu bằng -1?
- (h) Trong khoảng giá nào, cầu là:
 - (i) Co giãn?
 - (ii) Không co giãn?

2 Trả lời các câu hỏi sau dựa vào Bảng 4-2.

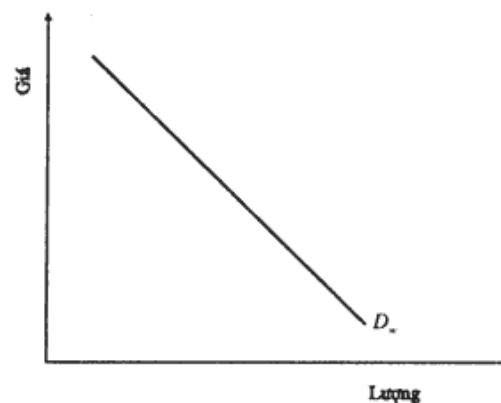
- (a) Nhận xét về độ co giãn của cầu theo giá của mỗi hàng hóa. Xác định hàng hóa nào có cầu co giãn theo giá, hàng hóa nào có cầu không co giãn theo giá.

(b) Giá của thức ăn thay đổi ảnh hưởng đến lượng tiêu dùng của rượu và bia như thế nào? Có gợi ý gì về mối quan hệ giữa thức ăn và các hàng hóa khác?

(c) Hình 4-1 là đường cầu về rượu (DW). Vẽ sự thay đổi của đường cầu này khi giá:

- (i) Thức ăn tăng.
- (ii) Bia tăng.

Hình 4-1 Đường cầu về rượu của Mythuania



3 Bảng 4-3 minh họa về tổng chi phí và thu nhập của một hộ gia đình trong 2 năm.

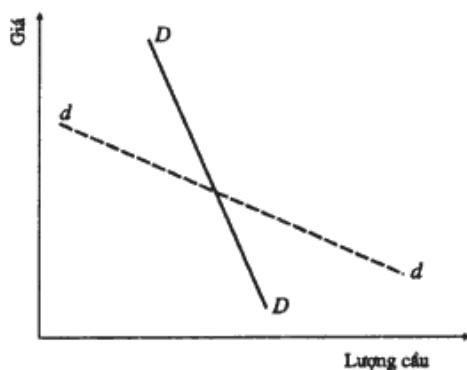
- (a) Tính toán phần chi tiêu trong ngân sách vào mỗi hàng hóa.
- (b) Tính toán độ co giãn của cầu theo thu nhập cho mỗi hàng hóa.
- (c) Phân loại các hàng hóa là “thông thường” hay “thứ cấp”.
- (d) Phân loại mỗi hàng hóa là “xa xỉ” hay “thiết yếu”.

4 DD hay dd trong Hình 4-2 minh họa đường cầu trong dài hạn về điện? Giải thích câu trả lời.

Bảng 4-3 Tổng chi tiêu và thu nhập của một hộ gia đình

Hàng hóa	Thu nhập năm 1 (100£)	Thu nhập năm 2 (100£)	Phần chi tiêu của mỗi hang hóa năm 1	Phần chi tiêu của mỗi hang hóa năm 2	Độ co giãn của cầu theo thu nhập	Hàng hóa thông thường (No) hoặc thứ cấp (I)	Hàng hóa xa xỉ (L) hoặc thiết yếu (Ne)
A	30£	50£					
B	30£	70£					
C	25£	20£					
D	15£	60£					

Hình 4-2 Các đường cầu ngắn hạn và dài hạn đối với điện



5 Với những hàng hóa có độ co giãn trong Bảng 4-4, hãy vẽ sự thay đổi của đường cầu về mỗi hàng hóa đó khi thu nhập giảm xuống.

Bảng 4-4 Độ co giãn của cầu theo thu nhập của ba hàng hóa

Hàng hóa	Độ co giãn của cầu theo thu nhập
X	1,7
Y	-0,8
Z	0

6 Hàng hóa nào sau đây mà các nhà kinh tế học miêu tả như hàng hóa “thứ cấp” hoặc “thông thường”?

- (a) Một hàng hóa có độ co giãn của cầu theo thu nhập bằng -0,1.
- (b) Một hàng hóa có độ co giãn chéo bằng 0,3.
- (c) Một hàng hóa có độ co giãn của cầu theo giá bằng -1,1.
- (d) Một hàng hóa với độ co giãn của cầu theo thu nhập bằng 0,9.
- (e) Một hàng hóa với độ co giãn của cầu theo giá bằng -0,2.

Điền giải độ co giãn của cầu theo giá bằng 0,3 như thế nào?

7 Mai thích 9 cốc trà tương tự như 1 cốc cà phê. Cô ta cho 2 thìa đường vào cà phê còn trà thì không. Độ co giãn giữa 3 hàng hóa này có thể có dấu gì?

8 Giả sử bơ và bơ thực vật có độ co giãn chéo bằng 2 và giá của bơ tăng từ 80p/250gam lên 90p/250gam. Lượng cầu về bơ thực vật sẽ thay đổi bao nhiêu phần trăm?

9 Hàng hóa nào sau đây có cầu co giãn theo giá và hàng hóa nào có cầu không co giãn theo giá?

- (a) Bánh mỳ.
- (b) Vé xem hát.
- (c) Kỳ nghỉ ở nước ngoài.
- (d) Nhiên liệu và nguồn ánh sáng.
- (e) Thực phẩm.
- (f) Thực phẩm chế biến từ sữa.
- (g) Quần áo.

10 Ở Bảng 4-5 là thu nhập và lượng cầu về thịt hun khói của một hộ gia đình quan sát được ở các thời điểm khác nhau.

Bảng 4-5 Thu nhập và lượng cầu về thịt hun khói

Thu nhập thực tế (£/năm)	Lượng cầu về thịt hun khói (kg/tháng)
4000	2,0
6000	3,0
8000	3,5
10000	4,0
12000	4,3
14000	4,4
16000	4,5

(a) Biểu diễn trên đồ thị lượng tiêu dùng về thịt hun khói với lượng tiêu dùng biểu diễn ở trục hoành và thu nhập ở trục tung.

- (b)** Đồ thị đó có chỉ ra mối quan hệ thuận hay nghịch giữa các biến với nhau không?
- (c)** Có thể gợi ý rằng thịt hun khói là hàng hóa “thông thường” hay hàng hóa “thứ cấp” không?
- (d)** Đồ thị của bạn giống đồ thị về một hàng hóa thứ cấp như thế nào?

11 Một nền kinh tế rất thịnh vượng; thu nhập thực tế của những công dân trong nước đó dự báo sẽ tăng với tốc độ rất nhanh trong 5 năm tới. 4 hàng hóa sản xuất trong nền kinh tế đó có độ co giãn của cầu theo thu nhập như trong Bảng 4-6. Đánh giá triển vọng về 4 ngành này.

Bảng 4-6 Độ co giãn của cầu theo thu nhập

Hàng hóa	Độ co giãn của cầu theo thu nhập
Milbles	0,46
Nohoes	-1,73
Bechans	2,31
Zegroes	0,00

Dúng/Sai

- 1** Độ co giãn của cầu theo giá đo lường sự phản ứng của lượng cầu với giá tương đối của hàng hóa.
- 2** Độ co giãn của cầu theo giá là không đổi trên một đường cầu thẳng.
- 3** Cắt giảm giá sẽ làm tổng chi tiêu về hàng hóa đó tăng lên nếu cầu là không co giãn.
- 4** Tổng doanh thu sẽ lớn nhất khi độ co giãn của cầu theo giá bằng -1.
- 5** Những hàng hóa có phạm vi rộng, như thức ăn, nói chung có độ co giãn của cầu theo giá lớn hơn so với những hàng hóa có phạm vi hẹp hơn như thịt bò nướng.
- 6** Phần chi tiêu trong ngân sách về hàng hóa "thông thường" sẽ luôn tăng lên khi thu nhập tăng.
- 7** Nếu 2 hàng hóa là thay thế, độ co giãn chéo sẽ có thể có giá trị âm.
- 8** Lạm phát nói chung sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến hình dạng của đường cầu.
- 9** Mất mùa sẽ là tồi tệ đối với người nông dân vì làm giảm doanh thu thu được từ việc bán sản phẩm thu hoạch được.
- 10** Cái gì là đúng cho một người không nhất thiết cho tất cả mọi người, và cái là đúng cho mọi người không nhất thiết đúng cho một người.
- 11** Thu nhập của người tiêu dùng cao hơn là tin vui đối với những người sản xuất.
- 12** Khi giá hàng hóa thay đổi, co giãn của cầu trong dài hạn co giãn hơn trong ngắn hạn. Tương tự như vậy, một gợi ý khác cho rằng độ co giãn của cầu theo thu nhập trong dài hạn sẽ cao hơn trong ngắn hạn bởi vì người tiêu dùng có đủ thời gian để điều chỉnh phần tăng lên trong thu nhập của họ. Lý do mà các nhà kinh tế nhấn mạnh có sự khác nhau trong độ co giãn của cầu trong ngắn hạn và dài hạn nhưng không áp dụng được cho độ co giãn của cầu theo thu nhập bởi vì sự thay đổi trong thu nhập thường là nhỏ.

Kinh tế học trong thực tiễn

Chính sách giá co giãn đang giết chết những ngôi sao

(Trích từ bài báo của Paul Murphy, *The Guardian*, 11/02/2004)

Steve Redmond, một ngôi sao trong ngành đĩa hát ở Anh đã bị bắt vì cố gắng trì hoãn thông tin mới nhất về doanh thu, anh ta có thể sẽ bị gây khó khăn trong giải Brit.

Số lượng các đĩa đơn đã giảm từ 52,5 triệu trong năm 2002 xuống còn 35,9 triệu trong năm 2003. Dựa trên thực tế này, giải Brits sẽ chỉ tồn tại trong 3 hoặc 4 năm nữa, hậu quả là gây ông đập lung ông. Cụ thể, ngành này đã xử lý kém chính sách giá của mình, cho phép một hệ thống quá phức tạp của việc giảm trừ sớm, dẫn đến sự tăng giá cho những đĩa có thứ hạng cao, trở nên cách xa với khách hàng.

Hệ thống thu hút sự quan tâm với chi phí thấp và sau đó tăng chi phí khi cầu tăng được biết đến là định giá dựa trên "hệ số co giãn của cầu". Nó được coi là có tính khoa học trong những năm gần đây, được phổ biến qua Internet, đã làm phát sinh hàng loạt các mô hình kinh doanh mới - Easyjet là ví dụ rõ ràng nhất - ở đó tất cả khách hàng đều nghĩ rằng họ đã luôn có được giá rẻ.

Tuy nhiên, trong kinh doanh âm nhạc những thanh thiếu niên trẻ tuổi không cho rằng họ có được một giá trị đặc biệt - họ chỉ thấy rằng họ phải trả 3,99£ cho những thứ chỉ đáng 1,99£ hay thậm chí 99p do mua sớm trước 1 tuần.

Những người tiêu dùng đơn giản này đã đưa ra quyết định hợp lý để tiết kiệm cho 1 tuần và có thể mua album đó săn có với giá chiết khấu 9,99£ ở siêu thị gần nhất.

Câu hỏi

1 Để đánh giá sự thành công của việc định giá dựa trên hệ số co giãn trên thị trường đĩa đơn, một thông tin thiết yếu đã bị bỏ qua trong bài báo: đó là gì?

2 Lý thuyết cầu dự báo rằng tại các mức giá cao hơn, cầu tiêu dùng trở nên co giãn hơn. Điều này được khẳng định trên thị trường đĩa đơn?

Câu hỏi tư duy

1 Giá của một vài hàng hóa dường như hay thay đổi hơn các hàng hóa khác. Tại sao độ co giãn của cầu theo giá có ảnh hưởng quan trọng đến sự dao động giá của những hàng hóa khác nhau?

2 Giải thích tại sao mỗi yếu tố sau có thể ảnh hưởng đến độ co giãn của cầu theo giá về một loại hàng hóa.

(a) Sở thích của người tiêu dùng: tức là người tiêu dùng xem hàng hóa đó là “cao cấp” hay “thiết yếu”.

(b) Định nghĩa về một loại hàng hóa với phạm vi hẹp.

(c) Độ dài của thời kỳ đang xem xét.

(d) Sự sẵn có của hàng hóa thay thế.

3 Thị trường về cà phê hay bị thay đổi bởi điều kiện về thời tiết ở một số nước lớn về cung cà phê như Brazil. Có những yếu tố nào khác ảnh hưởng đến thị trường này?

4 Hãy tưởng tượng rằng bạn đang điều hành hoạt động của một công ty xe buýt và bạn đã thu thập được những thông tin sau về độ co giãn của cầu về các chuyến du lịch trong thành phố:

(a) Độ co giãn của cầu theo thu nhập là -0,4.

(b) Độ co giãn của cầu theo giá hàng hóa là -1,2.

(c) Độ co giãn chéo đối với xe lửa là 2,1.

Các thông tin này được bạn sử dụng như thế nào khi công ty của bạn đang cho hoạt động một dịch vụ nhưng hiện tại đang bị lỗ?

Sự lựa chọn của người tiêu dùng và quyết định cầu

Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Xây dựng một đường ngân sách như thế nào
- Lợi ích cận biên giảm dần
- Tỷ lệ thay thế cận biên giảm dần
- Biểu diễn thị hiếu trên đường bàng quan như thế nào
- Đường bàng quan và đường ngân sách giải thích sự lựa chọn của người tiêu dùng như thế nào
- Thu nhập của người tiêu dùng ảnh hưởng đến lượng cầu như thế nào
- Ảnh hưởng thay thế và ảnh hưởng thu nhập
- Thay đổi giá ảnh hưởng đến lượng cầu như thế nào
- Đường cầu thị trường

Nội dung nghiên cứu chính

Chương này cung cấp thêm một cách phân tích mang tính lý thuyết về cầu. Nó dựa vào Phân tích bàng quan ngân sách. Vì vậy, bạn nên xây dựng những hiểu biết của mình về những chủ đề sau:

- 1 Lợi ích là gì?
- 2 Đường bàng quan là gì?
- 3 Đường ngân sách là gì?
- 4 Ảnh hưởng thay thế và ảnh hưởng thu nhập là gì?
- 5 Bạn có thể sử dụng tất cả các nội dung trên để đưa ra đường cầu như thế nào?

Sách lý thuyết đã bàn luận về các chủ đề này và những bài tập sẽ giúp bạn phát triển sự hiểu biết của mình.

Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- a** Lợi ích
- b** Đường thu nhập mở rộng
- c** Ràng buộc ngân sách
- d** Đường bằng quan
- e** Ảnh hưởng thay thế
- f** Đường cầu cá nhân
- g** Tỷ lệ thay thế cận biên
- h** Tối đa hóa lợi ích
- i** Ảnh hưởng thu nhập
- j** Đường cầu thị trường
- k** Sự bổ sung
- l** Hàng hóa Giffen

- 1** Một đường tập hợp các giỏ hàng hóa khác nhau tương ứng với các mức thu nhập của người tiêu dùng.
- 2** Tổng đường cầu của tất cả các cá nhân trên thị trường.
- 3** Số lượng một loại hàng hóa mà người tiêu dùng phải từ bỏ khi tăng số lượng một loại hàng hóa khác nhưng không làm thay đổi tổng lợi ích.
- 4** Một tình huống trong đó các hàng hóa cần tiêu dùng chung với nhau.
- 5** Một hàng hóa thứ cấp với ảnh hưởng thu nhập lấn át ảnh hưởng thay thế, dẫn đến đường cầu về hàng hóa này dốc lên về phía phải.
- 6** Một phần trong sự phản ứng của người tiêu dùng với sự thay đổi giá do thay đổi trong sức mua của họ.
- 7** Một phần trong sự phản ứng của người tiêu dùng với sự thay đổi giá do thay đổi trong giá tương đối.
- 8** Một đường chỉ ra tập hợp của tất cả các giỏ hàng hóa tạo ra cùng một mức lợi ích cho người tiêu dùng.
- 9** Giả định rằng người tiêu dùng chọn những giỏ hàng hóa mang lại lợi ích lớn nhất.
- 10** Tập hợp của các giỏ hàng hóa khác nhau mà người tiêu dùng có thể mua được với giá và thu nhập cho trước.
- 11** Sự hài lòng từ việc tiêu dùng từ một giỏ hàng hóa.
- 12** Một đường thể hiện lượng cầu ở mỗi mức giá.

Bài tập

1 Ashley, một sinh viên sống ở nhà, được bố mẹ cho một khoản thu nhập 60£/tuần để chi tiêu vào 2 hàng hóa: thức ăn và giải trí. Hãy vẽ đường ngân sách cho Ashley trong mỗi trường hợp sau, với trục tung biểu diễn thức ăn và trục hoành biểu diễn giải trí:

(a) Giá của thức ăn (P_f) là 1,5£/đơn vị; giá của giải trí (P_e) là 1,5£/đơn vị.

(b) P_f là 1,5£; P_e là 2£.

(c) P_f là 2£; P_e là 1,5£.

(d) P_f là 1£; P_e là 1£.

(e) P_f là 1,5£; P_e là 1,5£ nhưng thu nhập của anh ta tăng lên thành 75£/tuần.

Nhận xét về đường ngân sách ở câu (d) và (e) với đường ngân sách ở câu (a).

2 Bảng 5-1 tóm tắt sở thích của Ashley về thức ăn (F) và giải trí (E) bằng việc chỉ ra các kết hợp khác nhau giữa 2 hàng hóa mà anh ta bằng quan với chúng. Mỗi một trong 3 tập hợp hàng hóa có một mức lợi ích khác nhau.

(a) Sử dụng những thông tin từ Bảng 5-1 để vẽ 3 đường bằng quan với thức ăn ở trục tung và giải trí ở trục hoành.

(b) Đường bằng quan nào trong 3 đường trên thể hiện mức lợi ích cao nhất?

Bảng 5-1 Sở thích của Ashley về thức ăn và giải trí

Lợi ích	Tập hợp 1: IC ₁	Lợi ích	Tập hợp 2: IC ₂	Lợi ích	Tập hợp 3: IC ₃
E	F	E	F	E	F
2	40	10	40	12	45
4	34	12	35	14	39
8	26	14	30	16	34
12	21	17	25	18	30
17	16	20	20	21	25
22	12	25	16	27	20
30	8	30	13	37	15
40	5	38	10	44	13
50	4	50	8	50	12

(c) Đường bàng quan nào trong 3 đường trên minh họa mức lợi ích thấp nhất?

(d) Xem xét các giỏ hàng hóa sau:

- A: 50(E), 8(F).
- B: 45(E), 4(F).
- C: 12(E), 45(F).
- D: 25(E), 16(F).
- E: 21(E), 11(F).

Sắp xếp 5 giỏ hàng hóa trên theo thứ tự giảm dần về sự thỏa mãn.

(e) Các thông tin trong bài tập này có thể sử dụng để tìm điểm tiêu dùng tối ưu của Ashley được không?

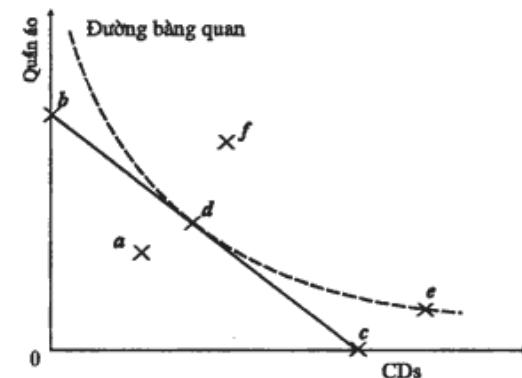
(f) Vẽ thêm vào đồ thị trên đường ngân sách từ mục (a) của bài tập 1. Bây giờ bạn có thể tìm được điểm tiêu dùng tối ưu của Ashley không?

3 Câu nào sau đây là không đúng? Điểm tối đa hóa lợi ích của người tiêu dùng là điểm tiếp xúc giữa đường ngân sách và đường bàng quan bởi vì:

- (a) Đây là đường bàng quan cao nhất có thể đạt được.
- (b) Bất cứ điểm nào nằm bên trái đường ngân sách đều không được người tiêu dùng lựa chọn.
- (c) Tất cả các kết hợp hàng hóa nằm phía bên phải đường ngân sách của anh ta là không thể đạt được, với thu nhập cho trước.
- (d) Đây là điểm đại diện cho mức giá được ưa thích nhất.
- (e) Tại bất cứ một điểm nào khác trên đường ngân sách, anh ta đều thu được ích lợi thấp hơn.

4 Barbara đang chọn kết hợp tiêu dùng giữa CDs và quần áo. Hình 5-1 là đường ngân sách và đường bàng quan của cô ta. Ghép những điểm trên hình với nội dung của các câu 1, 2, 3...

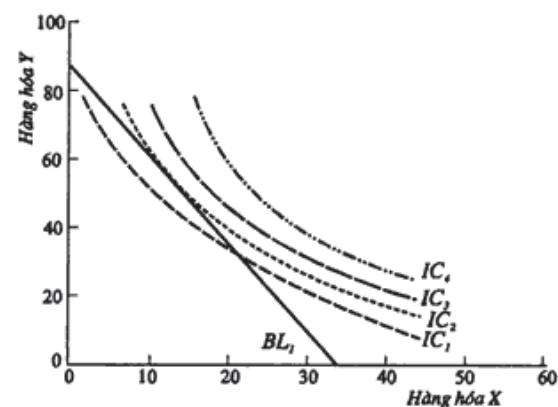
- (1) Là điểm tại đó Barbara tối đa hóa lợi ích của cô ta.
- (2) Là điểm tại đó Barbara chỉ mua CDs mà không mua quần áo.
- (3) Là điểm tại đó Barbara không còn ngân sách để mua bất kỳ hàng hóa nào nữa.
- (4) Là điểm tạo ra cùng sự hài lòng như điểm d nhưng Barbara không thể đạt được.

Hình 5-1 Sự lựa chọn của Barbara giữa CDs và quần áo

(5) Là điểm tại đó Barbara chỉ mua được quần áo còn không mua được CDs.

(6) Một giỏ hàng hóa được ưa thích hơn điểm d nhưng Barbara không thể mua được.

5 Christopher đang lựa chọn giữa 2 hàng hóa X và Y. Hình 5-2 là các đường bàng quan của anh ta về 2 hàng hóa này. BL₁ là đường ngân sách, với thu nhập và giá đã cho.

Hình 5-2 Sở thích của Christopher giữa 2 hàng hóa X và Y

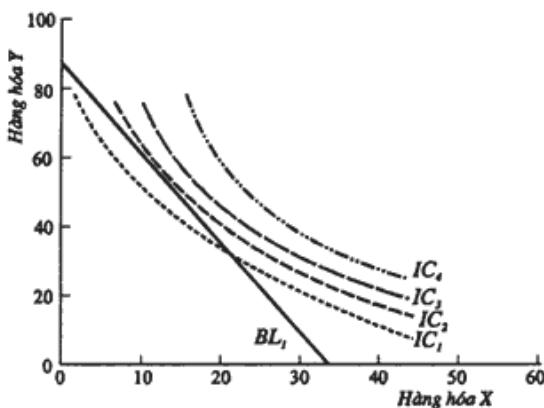
- (a) Giả sử, sở thích và giá của X và Y không đổi nhưng thu nhập của anh ta thay đổi. Hãy vẽ đường thu nhập mở rộng.

- (b) Phân loại hàng hóa X và Y là “thông thường” hay “thứ cấp”.
- (c) Đường thu nhập mở rộng sẽ có hình dạng như thế nào nếu cả X và Y là hàng hóa “thông thường”?
- (d) Có thể vẽ được đường thu nhập mở rộng minh họa trường hợp cả X và Y đều là hàng hóa “thứ cấp” không?

6 Giả sử Christopher vẫn đang lựa chọn giữa 2 hàng hóa X và Y với Hình 5-3 giống như Hình 5-2. Sở thích của Christopher, thu nhập và giá của hàng hóa Y không đổi nhưng giá của hàng hóa X thay đổi.

- (a) Chỉ trên hình vẽ lượng cầu của Christopher về hàng hóa X thay đổi khi giá của X thay đổi.
- (b) Có thể rút ra đường cầu về hàng hóa X của Christopher từ phân tích này không?
- (c) Nhận xét về ảnh hưởng chéo: tức là lượng cầu về Y thay đổi như thế nào khi giá của X thay đổi.

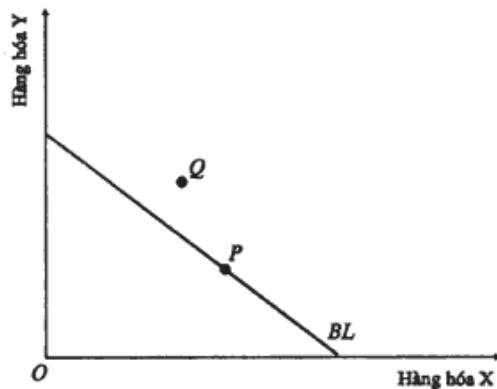
Hình 5-3 Sở thích của Christopher giữa hàng hóa X và Y



7 Một người tiêu dùng bắt đầu ở điểm P trên Hình 5-4 với đường ngân sách như trên hình vẽ. Điều gì sau đây diễn ra nếu người tiêu dùng sau đó lại chọn tiêu dùng ở điểm Q?

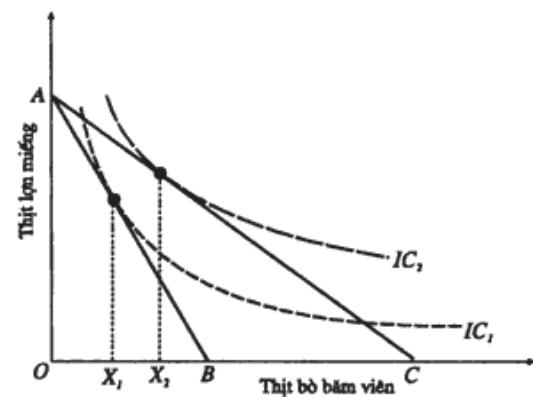
- (a) Sở thích thay đổi.
- (b) Giá hàng hóa X tăng ít nhưng phần trăm giảm giá của hàng hóa Y là nhiều.
- (c) Giá hàng hóa X tăng ít và phần trăm giảm giá của hàng hóa Y là ít.
- (d) Thu nhập thực tế giảm.
- (e) Thu nhập và giá của 2 hàng hóa tăng lên theo một tỷ lệ phần trăm như nhau.

Hình 5-4 Sự thay đổi trong tiêu dùng



8 Hình 5-5 miêu tả Debbie phản ứng như thế nào khi giá của thịt bò băm viên thay đổi trong khi cô ta đang lựa chọn tiêu dùng giữa thịt bò băm viên và thịt lợn miếng.

Hình 5-5 Sự lựa chọn của Debbie giữa thịt bò băm viên và thịt lợn miếng



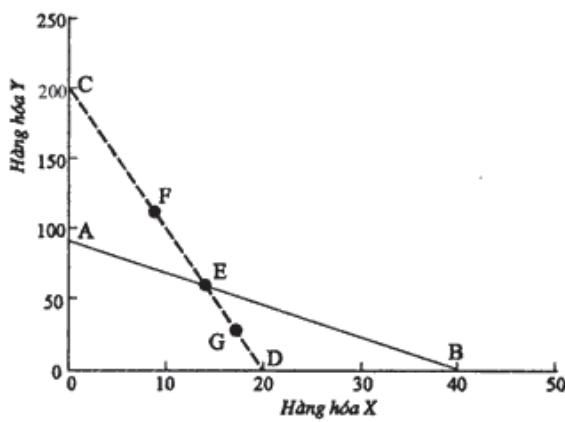
AB là đường ngân sách ban đầu và OX_1 là lượng hàng hóa thịt bò băm viên mà Debbie mua. Sau khi giá giảm, đường ngân sách dịch chuyển thành AC và Debbie bây giờ mua OX_2 đơn vị thịt bò băm viên.

- (a) Minh họa ảnh hưởng thay thế và ảnh hưởng thu nhập về hành vi của Debbie khi giá giảm.
- (b) Phân tích của bạn có chỉ ra thịt bò băm viên là hàng hóa “thông thường” hay “thứ cấp” không?
- (c) Ảnh hưởng thay thế và ảnh hưởng thu nhập hoạt động cùng chiều hay ngược chiều nhau?
- (d) Với tình huống nào, bạn có thể trả lời khác với câu (c)?

9 Thực tế, chúng ta không thể vẽ các đường bằng quan. Tuy nhiên, chúng ta có thể quan sát giá và thu nhập. Trong một vài tình huống chúng ta có

thể có được sự giống nhau về sở thích của người tiêu dùng. Giả sử chúng ta quan sát Eliot trong 2 tình huống khác nhau. Anh ta đang lựa chọn giữa 2 hàng hóa X và Y với thu nhập không đổi, nhưng giá trong 2 tình huống là khác nhau. Đường ngân sách của anh ta được thể hiện ở Hình 5-6.

Hình 5-6 Sở thích của Eliot



AB là đường ngân sách ban đầu và CD là đường ngân sách mới sau khi giá của hàng hóa X tăng và giá hàng hóa Y giảm. Điểm lựa chọn ban đầu của anh ta là E. Tất cả các câu hỏi sau liên quan đến sự lựa chọn của anh ta.

- (a) Nếu sở thích của Eliot không thay đổi, anh ta có thể sẽ chọn tiêu dùng ở điểm F không? Giải thích.
- (b) Nếu sở thích của Eliot không thay đổi, anh ta có thể sẽ chọn tiêu dùng ở điểm G không? Giải thích.

- (c) Nếu sở thích của Eliot không thay đổi, người tiêu dùng sẽ chọn điểm nằm trên đoạn nào trên đường ngân sách CD?
- (d) Bạn có thể nói gì về sở thích của Eliot nếu anh ta chọn điểm G?

10 Bài tập này dựa vào số liệu ở Phụ lục chương 5 trong sách lý thuyết và giả định rằng ích lợi có thể đo được.

Frank có thể đọc tạp chí hoặc nghe cassettes. Bảng 5-2 minh họa ích lợi anh ta thu được từ việc tiêu dùng 2 loại hàng hóa trên với số lượng khác nhau. Giá của tạp chí là 1,5£ và giá của cassettes là 7,5£. Giả sử Frank có thu nhập 30£ chỉ cho 2 hàng hóa này và hiện nay đang mua 2 đơn vị cassettes và 10 đơn vị tạp chí. Vấn đề ở đây là liệu anh ta đã tối đa hóa lợi nhuận với thu nhập và giá của các hàng hóa đã cho chưa.

- (a) Iịch lợi anh ta thu được từ kết hợp hàng hóa hiện tại là bao nhiêu?
- (b) Tính toán lợi ích cận biên mà anh ta thu được từ đọc tạp chí và nghe cassettes.
- (c) Vẽ sơ lược lợi ích cận biên của anh ta về cassettes.
- (d) Chúng ta có thể nói anh ta đã tối đa hóa lợi ích không?
- (e) Iịch lợi mà anh ta thu được là bao nhiêu nếu anh ta chi toàn bộ thu nhập vào cassettes?
- (f) Tính toán lợi ích cận biên trên giá của mỗi hàng hóa.
- (g) Kết hợp giữa 2 hàng hóa để Frank tối đa hóa lợi ích là bao nhiêu với thu nhập đã cho?

Bảng 5-2 Lợi ích của Frank từ tạp chí và nghe cassettes

Số lượng tiêu dùng	Tạp chí			Cassettes		
	(1) Lợi ích	(2) Lợi ích cận biên	(3) MU_m/P_m	(4) Lợi ích	(5) Lợi ích cận biên	(6) MU_c/P_c
1	60			360		
2	111			630		
3	156			810		
4	196			945		
5	232			1050		
6	265			1140		
7	295			1215		
8	322			1275		
9	371			1350		
10	371			1350		

Đúng/Sai

- 1** Đường băng quan luôn dốc xuống về phía phải nếu người tiêu dùng thích nhiều hàng hóa hơn ít hàng hóa.
- 2** Đường băng quan sẽ không bao giờ cắt nhau nếu sở thích của người tiêu dùng là nhất quán.
- 3** Độ dốc của đường ngân sách chỉ phụ thuộc vào giá tương đối giữa 2 hàng hóa.
- 4** Ràng buộc ngân sách chỉ ra số lượng tối đa một loại hàng hóa mà người tiêu dùng có thể mua được, cho trước lượng mua của một loại hàng hóa khác.
- 5** Mỗi cá nhân tối đa hóa lợi ích khi đường ngân sách của anh ta cắt với một đường băng quan.
- 6** Thu nhập thay đổi làm thay đổi độ dốc và vị trí của đường ngân sách.
- 7** Tất cả hàng hóa Giffen đều là hàng hóa “thứ cấp”.
- 8** Tất cả hàng hóa “thứ cấp” đều là hàng hóa Giffen.
- 9** Đường thu nhập mở rộng dốc lên về phía phải nếu cả 2 hàng hóa đều là hàng hóa “thông thường”.
- 10** Ảnh hưởng thay thế khi giá hàng hóa tăng lên rõ ràng làm giảm lượng cầu về hàng hóa đó.
- 11** Nếu sau khi giá của hàng hóa X tăng lên, ảnh hưởng thay thế và ảnh hưởng thu nhập bằng nhau thì X không phải là hàng hóa “thứ cấp” cũng không phải là hàng hóa “thông thường”.
- 12** Lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng minh họa rằng, người tiêu dùng thích sự hoán đổi bằng sự hài lòng hơn sự hoán đổi bằng tiền.

Kinh tế học trong thực tiễn

Vùng đất Costa Brava đã không còn là “Sự lựa chọn đầu tiên”

(Trích từ BBC News Online, 06/4/2004)

Costa Brava của Tây Ban Nha, một vùng đất nổi tiếng cho các kỳ nghỉ, đã không còn được một công ty du lịch hàng đầu lựa chọn nữa. Công ty

(Tiếp theo)

này nói rằng quyết định được đưa ra vì đây đã trở thành “một điểm đến đã quá quen thuộc” và thiếu những khách sạn đầy đủ tiện nghi. Giám đốc sản phẩm về “Sự lựa chọn đầu tiên” đã nói: doanh thu của chúng tôi ở Costa Brava đã bị giảm. Số lượng phòng đặt năm nay giảm 25% so với cùng kỳ năm 2003.

Sự giảm xuống này được xác định là do giá tăng quá cao vì các chuyến bay với chi phí thấp đã tăng giá. Các nhà hoạt động du lịch khác cũng đã phải giảm công suất đến Tây Ban Nha vào mùa hè năm 2005 trên các quyển sách giới thiệu du lịch vùng đất này và ở câu lạc bộ 18-30.

Câu hỏi

- 1** Có bằng chứng nào chứng minh ảnh hưởng thay thế ẩn phía sau tình trạng doanh thu về du lịch tại vùng đất Costa Brava ở Tây Ban Nha giảm xuống?
- 2** Nếu các công ty du lịch này đang thay thế bằng các kỳ nghỉ dài ngày hơn, bạn có thể giải thích vấn đề này bằng lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng không?

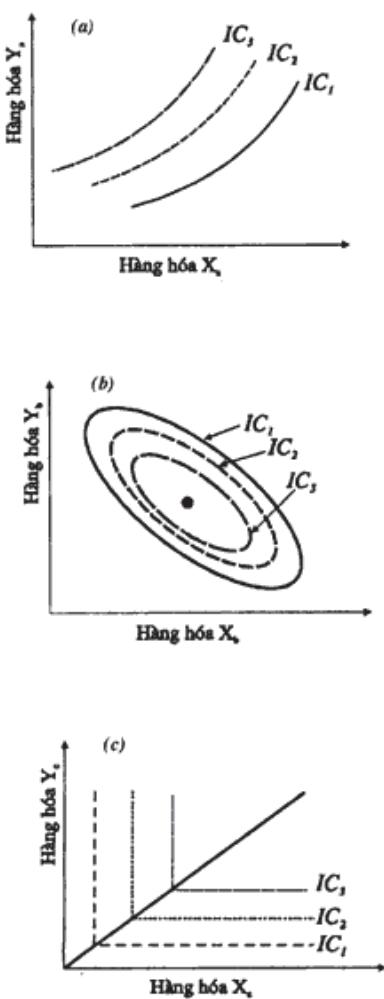
Câu hỏi tư duy

- 1** Đường cầu thị trường được xác định là tổng hợp của các đường cầu cá nhân với sở thích của các cá nhân đó là độc lập. Tuy nhiên, giả sử giả định này không còn nữa: ví dụ, có thể người tiêu dùng sẽ cầu một hàng hóa nhiều hơn họ nghĩ rằng “tất cả mọi người đang mua nó” - hoặc họ có thể cầu nó nhiều hơn nếu họ nghĩ nó bị loại trừ vì ít người có đủ tiền để mua nó. Những phân tích độc lập này có thể ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa cầu cá nhân và cầu thị trường như thế nào?

- 2** Cho đến đây, chúng ta luôn giả định rằng đường băng quan dốc xuống: điều này cho phép chúng ta xây dựng đường băng quan về sở thích người tiêu dùng. Ví dụ, chúng ta giả định rằng, tỷ lệ thay thế cận biên giữa 2 hàng hóa luôn giảm dần và rằng nhiều hơn thì tốt hơn. Nếu một cá nhân có sở thích không phù hợp những nguyên tắc này, đường băng quan sau đó sẽ có hình dạng khác. Trong Hình 5-7 là một vài đường cong đường băng quan phản ánh các giả định khác nhau về xây dựng các đường này.

Trong mỗi trường hợp, ích lợi tăng từ IC_1 đến IC_2 đến IC_3 . Với một tập hợp các đường bàng quan khác nhau, giải thích bản chất về sở thích của người tiêu dùng và lấy ví dụ về các cặp hàng hóa minh họa hình dạng các đường bàng quan đó.

Hình 5-7 Sở thích đặc biệt



3 Mức lương theo giờ tăng lên sẽ dẫn đến các cá nhân làm việc nhiều hay ít giờ hơn? Trong chừng mực nào đó, đây dường như không phải là nội dung của chương này. Tuy nhiên, các cá nhân còn có sở thích về các thứ khác chứ không phải mỗi hàng hóa - ví dụ: giữa thu nhập và nghỉ ngơi (giờ không phải làm việc). Chúng ta có thể vẽ các đường bàng quan giữa thu nhập (biểu diễn ở trực tung) và giờ nghỉ ngơi (biểu diễn ở trực hoành). Nếu các cá nhân từ bỏ các giờ nghỉ ngơi họ sẽ có thu nhập, phụ thuộc vào mức lương; vì vậy, chúng ta có thể vẽ một đường ngân sách mà độ dốc của nó phụ thuộc vào mức lương. Mức lương cao hơn, đường ngân sách càng thoải mái hơn. Hãy sử dụng phân tích này để suy nghĩ về câu hỏi đưa ra ở trên.

4 Fecility có được lợi ích từ nghe CDs và xem videos. Nếu cô ta mong muốn để tối đa hóa lợi ích, cần phải đáp ứng điều kiện nào sau đây?

- Lợi ích cận biên từ CDs phải bằng lợi ích cận biên từ videos.
- Cô ta phải thu tổng lợi ích từ hai hàng hóa là như nhau.
- Giá của CDs nhân với lợi ích cận biên của CDs phải bằng giá của videos nhân với lợi ích cận biên của videos.
- Tỷ số lợi ích cận biên trên giá của CDs bằng tỷ số lợi ích cận biên trên giá của videos.
- Tỷ số tổng lợi ích trên giá của CDs bằng tỷ số tổng lợi ích trên giá của videos.

Các quyết định cung ứng

Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Các loại hình doanh nghiệp
- Doanh thu, chi phí, lợi nhuận và luồng tiền
- Tài khoản luồng và dự trữ
- Chi phí kế toán (tính toán) và chi phí kinh tế
- Liệu một hàng chọn mức sản lượng để tối đa hóa lợi nhuận không
- Sự lựa chọn này phản ánh chi phí cận biên và doanh thu cận biên như thế nào

Nội dung nghiên cứu chính

Chương này đặt ra một vài câu hỏi cơ bản về hàng:

- ❶ Có các loại hình doanh nghiệp nào?
- ❷ Tại sao tồn tại các hàng - có phải nó tìm kiếm lợi nhuận không?
- ❸ Nếu họ tìm kiếm lợi nhuận, họ sẽ sản xuất bao nhiêu để tối đa hóa lợi nhuận?

Sách lý thuyết đã đề cập đến tất cả vấn đề này và các bài tập tiếp theo sẽ giúp nâng cao sự hiểu biết.

Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- | | |
|--|---|
| a Tổng doanh thu
b Tài sản
c Lợi nhuận
d Tổng chi phí
e Chi phí cận biên
f Chi phí cơ hội
g Chi phí kế toán
h Nợ
i Khấu hao
j Doanh thu cận biên
k Dự trữ
l Cổ tức
m Siêu lợi nhuận
n Thôn tính
o Mâu thuẫn giữa chủ - tớ | 1 Một phần của lợi nhuận mà một hãng không muốn tái đầu tư và vì vậy phải trả cho các cổ đông.
2 Phần lợi nhuận - ngoài số lợi tức của những người chủ hãng - có được do họ cho một ai đó vay tiền với lãi suất thị trường.
3 Hàng hóa ở trong kho mà hãng sẽ bán trong tương lai.
4 Một tình huống trong đó một hãng bị mua bởi những người quản lý của các hãng khác mà không được hãng này ưa thích.
5 Phần tăng thêm trong tổng doanh thu khi bán thêm một đơn vị sản lượng.
6 Phần giá trị của máy móc mất đi khi sử dụng trong một thời kỳ.
7 Phần tăng thêm trong tổng chi phí khi sản xuất thêm một đơn vị sản lượng.
8 Cái mà hãng nợ đối tượng khác.
9 Tất cả các khoản chi phí để sản xuất sản phẩm bao gồm cả chi phí cố định và chi phí biến đổi ở các mức sản lượng khác nhau (bao gồm cả chi phí cơ hội).
10 Cái mà hãng sở hữu.
11 Phần mà hãng nhận được từ việc bán hàng, bằng tổng chi tiêu mà người tiêu dùng chi mua về sản phẩm của hãng.
12 Phần chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí.
13 Khoản chi phí thực tế mà một hãng phải trả trong một thời kỳ.
14 Một tình huống này sinh từ xung đột lợi ích giữa chủ và các nhân viên.
15 Số lượng lỗ do không sử dụng các nguồn lực với một giải pháp tốt nhất. |
|--|---|

Bài tập

1 Dưới đây là miêu tả về 4 loại hình của hãng. Xác định hãng nào là doanh nghiệp 1 chủ, đồng sở hữu, hay công ty.

- (a) Count & Balance là một hãng hoạt động trong lĩnh vực tư vấn kế toán. Năm kế toán, những người làm việc cho hãng chia sẻ lợi nhuận cùng với nhau và cùng chịu trách nhiệm không giới hạn với những khoản nợ của công ty.
- (b) Will Mendit & Son là một hãng nhỏ kinh doanh theo kiểu gia đình. Will phụ trách phần sửa

chữa điện trong khi con trai của ông ta phụ trách về giấy tờ và thỉnh thoảng phụ giúp ông trong việc sửa chữa; hai người cùng chia sẻ phần lợi nhuận kiếm được. Nếu hãng phá sản, Will sẽ phải bán chiếc xe của anh ta và con trai thì phải bán chiếc xe máy của anh ta.

- (c) D. Harbinger Limited cung cấp các phương tiện viễn thông cho quân đội. Lợi nhuận được phân chia giữa những cổ đông, những người chịu trách nhiệm hữu hạn về các khoản nợ của hãng. Người sáng lập hãng đã nghỉ hưu, rời bỏ việc quản lý trong hội đồng quản trị.

(d) Connie Fection đang kinh doanh một cửa hàng bán đồ ngọt và đang cùng nhà với con gái của cô ta. Cô con gái này vẫn được trả lương với 4 buổi chiều làm việc mỗi tuần. Connie phải chịu trách nhiệm về việc kinh doanh và trong trường hợp khó khăn phải bán hết những gì mà cô ta có.

2 Sau đây là các chi phí và doanh thu của hãng Lex Pretend & Son Limited trong năm 2004. Hãy chuẩn bị báo cáo thu nhập của hãng, tính toán lợi nhuận trước và sau thuế với giả định rằng hãng chịu mức thuế công ty là 30% trên lợi nhuận.

- (a) Tiền thuê 25000£.
- (b) Lượng bán là 5000 sản phẩm X với giá 40£/sản phẩm.
- (c) Chi phí di lại 19000£.
- (d) Các chi phí văn phòng 15000£.
- (e) Tiền lương 335000£.
- (f) Tiền điện thoại 8000£.
- (g) Doanh thu 4000 sản phẩm Y với giá 75£/sản phẩm.
- (h) Chi phí quảng cáo 28000£.

3 Fiona là doanh nghiệp 1 chủ hoạt động trong ngành dệt. Trong năm vừa qua, doanh thu là 55000£ và cô ta chịu chi phí trực tiếp là 27000£. Fiona có 25000£ vốn bằng tiền để hoạt động trong cả năm. Cô ta cũng có thể đi làm cho một công ty khác kiếm được 21000£. Tính những khoản mục sau (lãi suất thị trường là 10%):

- (a) Chi phí kế toán.
- (b) Lợi nhuận kế toán.
- (c) Chi phí cơ hội về thời gian của Fiona.
- (d) Chi phí cơ hội về tiền.
- (e) Chi phí kinh tế.
- (f) Lợi nhuận kinh tế (siêu lợi nhuận).

4 Dưới đây là các khoản mục về tài sản và các khoản nợ của GSC Limited (Great Spon Company) đến ngày 31/3/2004. Đưa các khoản mục này vào bảng cân đối kế toán của hãng và tính giá trị ròng cho công ty. Chú ý rằng công ty mới hoạt động được một năm và vốn xây dựng nhà xưởng, cơ sở vật chất, máy móc khấu hao là 20%/năm.

- (a) Lương phải trả là 25000£.
- (b) Tồn kho là 80000£.
- (c) Phải trả tiền vay ngân hàng là 50000£.
- (d) Xây dựng, giá trị ban đầu là 300000£.

(e) Tiền mặt là 30000£.

(f) Các khoản phải thu là 55000£.

(g) Các khoản phải trả là 40000£.

(h) Cốm cỗ là 180000£.

(i) Lương đến hạn phải trả là 30000£.

(j) Vốn về máy móc thiết bị ngoài vốn xây dựng, giá trị ban đầu là 250000£.

5 Bảng 6-1 là số liệu về doanh thu và chi phí của một hãng.

- (a) Tính chi phí cận biên khi tăng sản lượng.
- (b) Tính doanh thu cận biên khi tăng lượng bán.
(Gợi ý: Bạn cần tính tổng doanh thu trước).
- (c) Ở mức sản lượng nào lợi nhuận là lớn nhất?
- (d) Tính lợi nhuận ở mỗi mức sản lượng.

Bảng 6-1 Chi phí và doanh thu của một hãng

Sản lượng (đơn vị/tuần)	Giá bán (£)	Tổng chi phí (£)
1	25	10
2	23	23
3	20	38
4	18	55
5	15	75
6	12	98

6 Ông Smith là chủ của một nhà máy nhỏ. Vào sáng thứ năm hàng tuần, ông ta đều dạo qua các cửa hàng trên một chiếc xe tải. Người lái xe, tất nhiên vẫn được trả lương bình thường và bà Jones còn đưa thêm cho anh ta 5£. Chi phí cơ hội là bao nhiêu nếu Ông Smith tự lái chiếc xe đó?

- (a) 5£ cộng với mức lương hàng ngày của anh lái xe.
- (b) Công việc ông ta làm nếu ông ta không đi ra khỏi nhà máy.
- (c) Tiền lương mà ông ta có thể kiếm được.
- (d) 5£ mà bà Jones trả.

7 Bảng 6-2 tóm tắt doanh thu cận biên và chi phí cận biên của một hãng.

- (a) Vẽ đồ thị đường doanh thu cận biên và chi phí cận biên, với các giá trị cận biên đặt ở giữa các mức sản lượng (ví dụ, đặt giá trị chi phí cận biên của đơn vị thứ nhất giữa mức sản lượng 0 và 1...).
- (b) Hàng nên chọn mức sản lượng nào nếu nó muốn tối đa hóa lợi nhuận?

- (c) Hàng sẽ chọn mức sản lượng nào nếu muốn tối đa hóa doanh thu? (cần mở rộng đường doanh thu cận biên).
- (d) Nếu chi phí cận biên tăng lên 30£ ở mỗi mức sản lượng, mức sản lượng để tối đa hóa lợi nhuận là bao nhiêu?
- (e) Với chi phí cận biên như ban đầu, mức sản lượng để tối đa hóa lợi nhuận là bao nhiêu nếu doanh thu cận biên ở mỗi mức sản lượng tăng lên 34\$?

Bảng 6-2 Doanh thu cận biên, chi phí cận biên của một hàng

Tổng sản lượng (đơn vị/tuần)	Doanh thu cận biên (£)	Chi phí cận biên (£)
0	72	17
1	56	15
2	40	25
3	24	40
4	8	60
5		

- 8 Động lực để một hàng đặt giá và sản lượng là bao nhiêu?
- (a) Mong muốn tối đa hóa lợi nhuận.
- (b) Mong muốn tối đa hóa lượng bán.
- (c) Mong muốn có được thị phần lớn nhất có thể.
- (d) Mong muốn dù lợi nhuận để giữ được các cổ đông.
- (e) Mong muốn thấy hàng phát triển càng nhanh càng tốt.

Mục tiêu nào trong những mục tiêu trên được xem là quan trọng nhất?

Đúng/Sai

- 1 Những nhà buôn bán nhỏ là loại hình kinh doanh phổ biến nhất ở Liên hiệp Anh, nhưng nói chung, các công ty là có lợi nhuận nhiều nhất.
- 2 Bảng cân đối kế toán của một hàng tóm tắt những thông tin về luồng tiền thu được và chi phí trong một năm.
- 3 Để tránh khả năng phải bán hết những gì mình đang sở hữu, các cổ đông nên cẩn thận khi mua cổ phần của những hàng đang làm ăn phát đạt.
- 4 Các hàng mà có lợi nhuận kế toán thì phải là các hàng đang làm ăn phát đạt.
- 5 Chi phí cơ hội cộng với chi phí kế toán bằng chi phí kinh tế.
- 6 Giá trị ròng của một hàng ở trên bảng cân đối kế toán không nhất thiết phản ánh giá trị thực, những yếu tố được xem như là “sự tín nhiệm”.
- 7 Các hàng tối đa hóa lợi nhuận nên bán càng nhiều càng tốt.
- 8 Khi đường cầu của một hàng dốc xuống, doanh thu cận biên sẽ giảm khi sản lượng tăng.
- 9 Lợi nhuận dài hạn mới là quan trọng; dòng tiền không quan trọng.
- 10 Bất kỳ một hàng muốn tối đa hóa lợi nhuận sẽ tối thiểu hóa chi phí ở bất kỳ mức sản lượng nào.
- 11 Nếu doanh thu cận biên giảm sẽ làm cho lợi nhuận đạt tối đa ở mức sản lượng thấp hơn.
- 12 Tồn kho là sản phẩm của những nhà khoa học điện tử.
- 13 Khi đường cầu của một hàng dốc xuống, doanh thu cận biên nhỏ hơn giá ở đơn vị sản lượng bán cuối cùng.
- 14 Hơn 90% đầu tư ở Liên hiệp Anh được tài trợ từ lợi nhuận để lại.

Kinh tế học trong thực tiễn

Chủ tịch của Sainsbury bị buộc từ chức

(Trích từ BBC News Online, 01/7/2004)

Các cổ đông chủ chốt đã bắt buộc chủ tịch của Sainsbury, Ngài Peter David từ chức ngay. Họ rất tức giận vì Ngài Peter đã tự thưởng mức 2,4 triệu bảng vào thời điểm mà lợi nhuận và thị phần đang giảm. Công ty cũng đã được cảnh báo rằng, lợi nhuận của hãng trong năm nay sẽ “thấp hơn” rất nhiều so với dự đoán, làm cho giá cổ phiếu sẽ giảm xuống đáng kể. Sainsbury cũng đã để mất vị trí của mình vào tay Tesco và Asda. Vào tháng 5, nó đã thông báo lợi nhuận hàng năm giảm xuống còn 2,9%.

Ngài Peter đã làm giám đốc điều hành trong vòng 4 năm và mới trở thành chủ tịch của Sainsbury vào tháng 5. Sainsbury đã cảm ơn Ngài Peter về tất cả những cố gắng của ông ta đối với công ty.

Câu hỏi

- 1** Trong bài báo này, hãy xác định chủ và người làm công.
- 2** Có phải có sự phân chia quyền sở hữu từ việc kiểm soát vấn đề ở Sainsbury không?

Câu hỏi tư duy

1 Tại sao chi phí cận biên lại giảm xuống ở những mức sản lượng thấp?

2 Cái gì có thể là chi phí cơ hội khi bạn đang suy nghĩ về câu hỏi này?

3 Giả sử bạn đang là cổ đông ở một công ty phần mềm máy tính, nhưng bạn không trực tiếp liên quan đến hoạt động của công ty, bởi vì hoạt động với vai trò là một ngôi sao nhạc rock đã chiếm hết thời gian của bạn. Bạn hy vọng, công ty sẽ tối đa hóa lợi nhuận, mặc dù bạn biết rằng đây là một thị trường có sự cạnh tranh rất mạnh. Suy nghĩ về những câu hỏi sau có thể giúp bạn bằng cách hãy liên kết với những nội dung đã có trong sách lý thuyết.

- (a)** Có phải các nhà quản lý phải chia sẻ sự nhiệt tình của mình để tối đa hóa lợi nhuận?
- (b)** Bạn có thể vừa tối đa hóa lợi nhuận vừa giám sát sự hoạt động của các nhà quản lý không?
- (c)** Sự đe dọa từ những người thôn tính thù địch là một sự giúp đỡ hay là một trở ngại trong tình huống này?
- (d)** Sự đe dọa từ những người thôn tính thù địch ảnh hưởng đến lợi nhuận dài hạn của hãng như thế nào?
- (e)** Bạn nên tiến hành các bước nào để bảo vệ lợi ích của bạn?

Chi phí và cung

Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Hàm sản xuất
- Công nghệ và kỹ thuật sản xuất
- Việc lựa chọn kỹ thuật sản xuất phụ thuộc vào giá các yếu tố đầu vào như thế nào
- Tổng chi phí, chi phí trung bình, chi phí cận biên trong ngắn hạn và dài hạn
- Hiệu suất theo qui mô và mối quan hệ của nó với các đường chi phí trung bình
- Các yếu tố đầu vào cố định và biến đổi trong ngắn hạn
- Quy luật hiệu suất giảm dần
- Một hằng số lựa chọn sản lượng trong ngắn hạn và dài hạn như thế nào

Nội dung nghiên cứu chính

Trong chương này, chúng ta sẽ biết điều gì ảnh hưởng đến chi phí của một hằng. Câu trả lời sẽ liên quan rộng hơn đến các lĩnh vực sau:

- 1 Hằng sử dụng công nghệ sản xuất gì và các yếu tố đó kết hợp với nhau ra sao.
- 2 Trong dài hạn, chi phí của hằng bị ảnh hưởng bởi hiệu suất theo qui mô.
- 3 Trong ngắn hạn, chi phí bị ảnh hưởng bởi năng suất cận biên giảm dần.

Sách lý thuyết đã đề cập đến tất cả các vấn đề trên và bạn nên cố gắng xây dựng sự hiểu biết của mình qua 3 vấn đề này. Những bài tập sau sẽ giúp bạn hiểu thêm.

Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- a** Hàm sản xuất
- b** Chi phí cố định
- c** Hiệu suất không đổi theo quy mô
- d** Tổng chi phí trung bình dài hạn
- e** Quy luật năng suất cận biên giảm dần
- f** Chi phí cận biên ngắn hạn
- g** Tính kinh tế theo qui mô (hiệu suất tăng theo qui mô)
- h** Dài hạn
- i** Chi phí biến đổi
- j** Chi phí cận biên dài hạn
- k** Ngắn hạn
- l** Tổng chi phí dài hạn
- m** Qui mô hiệu quả tối thiểu
- n** Tính phi kinh tế của qui mô (hiệu suất giảm theo qui mô)

- 1** Số lượng sản phẩm đầu ra tối đa có thể có được từ một tập hợp đầu vào nhất định.
- 2** Tổng chi phí của việc sản xuất một mức sản lượng cho trước khi hãng có khả năng điều chỉnh tất cả các đầu vào một cách tối ưu.
- 3** Thời kỳ đủ để hãng điều chỉnh tất cả các đầu vào khi có sự thay đổi về các điều kiện thị trường.
- 4** Mức sản lượng tại đó tính kinh tế của qui mô không còn quan trọng đối với một hãng nữa và tổng chi phí trung bình bắt đầu nằm ngang.
- 5** Tình huống trong đó tổng chi phí trung bình dài hạn tăng khi mức sản lượng tăng.
- 6** Phần tăng lên trong tổng chi phí ngắn hạn khi sản xuất thêm một đơn vị sản lượng.
- 7** Mức chi phí đơn vị của việc sản xuất mức sản lượng cho trước khi hãng có thể điều chỉnh tất cả các đầu vào một cách tối ưu.
- 8** Chi phí thay đổi khi sản lượng thay đổi.
- 9** Tình huống trong đó khi tăng các đơn vị của đầu vào biến đổi sẽ dẫn đến sự giảm xuống ổn định trong năng suất cận biên của đầu vào đó.
- 10** Phần tăng lên trong tổng chi phí dài hạn khi sản lượng luôn tăng lên một đơn vị.
- 11** Chi phí không thay đổi khi sản lượng thay đổi.
- 12** Tình huống khi tổng chi phí trung bình dài hạn không đổi mặc dù sản lượng tăng.
- 13** Tình huống khi tổng chi phí trung bình dài hạn giảm khi sản lượng tăng.
- 14** Thời kỳ trong đó hãng chỉ mới điều chỉnh một phần các yếu tố đầu vào khi có sự thay đổi các điều kiện thị trường.

Bài tập

- 1** Một hãng sản xuất kẹo cứng có lựa chọn giữa 3 kỹ thuật sản xuất, mỗi kỹ thuật có các kết hợp khác nhau về lao động và vốn như trong Bảng 7-1. Giá sử giá của lao động là 200£/đơn vị/tuần và giá của vốn là 400£/đơn vị/tuần.
- (a)** Tính tổng chi phí cho mỗi mức sản lượng.

(b) Ở mỗi mức sản lượng, hãy chỉ ra hãng nên sử dụng kỹ thuật sản xuất nào.

(c) Giá sử giá của lao động tăng lên thành 300£/đơn vị/tuần, giá của vốn vẫn giữ nguyên. Bằng cách nào bạn có thể xác định được sự lựa chọn của hãng về các kỹ thuật sản xuất bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi trong giá tương đối?

(d) Với chi phí lao động mới, hãy chỉ ra các kỹ thuật sản xuất mà hãng nên sử dụng ở mức sản lượng và tính tổng chi phí.

Bảng 7-1 Các kỹ thuật sản xuất kẹo cứng

Sản lượng	Kỹ thuật A		Kỹ thuật B		Kỹ thuật C	
	L	K	L	K	L	K
1	9	2	6	4	4	6
2	19	3	10	8	8	10
3	29	4	14	12	12	14
4	41	5	18	16	16	19
5	59	6	24	22	20	25
6	85	7	33	29	24	32
7	120	8	45	38	29	40

Lưu ý: L: lao động, K: vốn.

Tất cả được đo lường bằng đơn vị/tuần

Bảng 7-2 Sản lượng và tổng chi phí dài hạn

Sản lượng (đơn vị/tuần)	Tổng chi phí (£)	Tổng chi phí trung bình dài hạn	Chi phí cận biên dài hạn
0	0		
1	32		
2	48		
3	82		
4	140		
5	228		
6	352		

❷ Một hằng có các tổng chi phí dài hạn như trong Bảng 7-2.

- (a) Tính tổng chi phí trung bình dài hạn (LAC) và chi phí cận biên dài hạn (LMC).
- (b) Vẽ đường LAC và LMC (nhớ là vẽ các điểm nằm trên đường LMC phải ở giữa các mức sản lượng).
- (c) Ở mức sản lượng nào, LAC là nhỏ nhất?
- (d) Ở mức sản lượng nào, LMC bằng LAC?

❸ Hãy nhìn vào hình bạn vẽ trong bài tập 2.

- (a) Trong khoảng sản lượng nào hằng có được tính kinh tế của quy mô (hiệu suất tăng theo quy mô)?
- (b) Trong khoảng sản lượng nào hằng gấp phải tính phi kinh tế của quy mô (hiệu suất giảm theo quy mô)?
- (c) Quy mô hiệu quả tối thiểu của hằng này là gì?

(d) Giả sử bạn có thể đo lường được hiệu suất theo quy mô ở các điểm cụ thể trên đường LAC, ở điểm LAC tối thiểu thì điểm đó có đặc điểm gì?

❹ Câu nào sau đây miêu tả qui luật năng suất cận biên giảm dần? giả định trong môi trường hợp, lao động là đầu vào biến đổi, vốn là đầu vào cố định. Khi ngày càng nhiều lao động được sử dụng:

- (a) Tổng sản lượng sẽ giảm bởi vì đơn vị lao động tăng thêm có chất lượng kém hơn những đơn vị lao động trước đó?
- (b) Sự thiếu hụt tương đối về vốn sẽ làm cho tổng sản lượng tăng lên với tốc độ chậm dần.
- (c) Chi phí sản xuất sẽ chắc chắn bị tăng cao bởi vì mức lương sẽ tăng lên khi lao động trở nên khan hiếm hơn.
- (d) Sau đó sẽ cần ít đơn vị lao động hơn để sản xuất nhiều sản lượng hơn.
- (e) Doanh thu cận biên đạt được từ mỗi đơn vị sản xuất thêm sẽ giảm xuống.

❺ Điều kiện nào sau đây là cần thiết dẫn đến sự xuất hiện qui luật năng suất cận biên giảm dần?

- (a) Các yếu tố đầu vào khác là giữ nguyên.
- (b) Các hiểu biết về kỹ thuật không thay đổi.
- (c) Tất cả các đơn vị của yếu tố đầu vào biến đổi là giống hệt nhau.

❻ Một hằng có chi phí biến đổi trung bình ngắn hạn như trong Bảng 7-3.

Bảng 7-3 Chi phí sản xuất ngắn hạn

Sản lượng (đơn vị/tuần)	Chi phí biến đổi trung bình ngắn hạn (SAVC)
1	17
2	15
3	14
4	15
5	19
6	29

- (a) Từ số liệu trong Bảng 7-3, tính chi phí cố định trung bình ngắn hạn (SAFC), tổng chi phí ngắn hạn (STC) và chi phí cận biên ngắn hạn (SMC).
- (b) Vẽ các đường SAVC, SATC, SMC; xem xét xem SMC có đi qua điểm thấp nhất của 2 đường còn lại không.
- (c) Nếu hãng đang cố gắng tăng sản xuất từ 5 lên 6 đơn vị/tuần, chi phí cận biên ngắn hạn có thể cao hơn. Giải thích tại sao điều này lại có thể xảy ra, dựa vào miêu tả về năng suất cận biên của lao động.

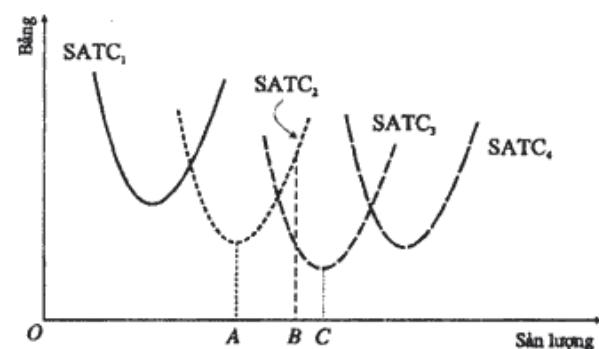
7 Trong ngắn hạn, hãng có thể thay đổi lao động nhưng không thể thay đổi vốn. Bảng 7-4 minh họa số lượng sản phẩm thay đổi khi thay đổi lao động.

- (a) Tính toán năng suất cận biên của lao động (MPL) và năng suất bình quân của lao động (APL).
- (b) Vẽ MPL và APL.
- (c) Bắt đầu từ lao động nào qui luật năng suất cận biên giảm dần xuất hiện?
- (d) Ở đơn vị lao động nào MPL cắt APL.
- (e) Bạn dự đoán đường MPL sẽ bị ảnh hưởng như thế nào khi vốn thay đổi?
- 8 Câu nào sau đây là không đúng về đường chi phí cận biên ngắn hạn?

- (a) Chi phí cận biên bằng chi phí biến đổi trung bình khi chi phí biến đổi trung bình là tối thiểu.
- (b) Khi chi phí biến đổi trung bình đang giảm, chi phí cận biên sẽ nằm dưới chi phí biến đổi trung bình.
- (c) Chi phí cận biên lớn hơn chi phí biến đổi trung bình khi số lượng đơn vị được sản xuất lớn hơn mức sản lượng với kết hợp đầu vào tối ưu.
- (d) Chi phí cận biên sẽ tăng khi có quy luật năng suất cận biên giảm dần.

- (e) Chi phí cận biên không bị ảnh hưởng khi giá của các đầu vào thay đổi.
- (f) Chi phí cận biên phụ thuộc một phần vào chi phí cố định.

❸ Mỗi một đường chi phí biến đổi trung bình ngắn hạn trên Hình 7-1 minh họa các qui mô nhà máy khác nhau của một hãng.

Hình 7-1 Chi phí biến đổi trung bình ngắn hạn

- (a) Dựa vào Hình 7-1, mức sản lượng hiệu quả nhất mà hãng nên sản xuất là bao nhiêu?
- (b) Nếu hãng mở rộng quy mô sản xuất như các điểm trên, hãng sẽ đạt hiệu suất theo quy mô như thế nào?

Bảng 7-4 Sản lượng và lao động đầu vào

Lao động (công nhân/tuần)	Sản lượng (đơn vị/tuần)	Năng suất lao động cận biên	Năng suất lao động trung bình
0	0		
1	35		
2	80		
3	122		
4	156		
5	177		
6	180		

Bảng 7-5 Các quyết định ngắn hạn và dài hạn

Giá (£)	Quyết định trong ngắn hạn			Quyết định trong dài hạn		
	Có lãi	Thua lỗ	Đóng cửa	Có lãi	Thua lỗ	Đóng cửa
18,0						
5,0						
7,0						
13,0						
11,5						

- (c) Quy mô nào trong 4 quy mô hoạt động là phù hợp nếu hãng muốn sản xuất sản lượng OA?
- (d) Nếu hãng muốn mở rộng sản xuất sang sản lượng OB, quy mô lựa chọn trong ngắn hạn và trong dài hạn là gì?
- (e) Vẽ phác đường chi phí trung bình dài hạn của hãng.

10 Một hãng lựa chọn mức sản lượng mà tại đó hãng mong muốn sản xuất. Kiểm tra điều kiện cận biên, hãng này hiện tại đang xem xét điều kiện trung bình khi thực hiện trong ngắn hạn và dài hạn. Các điều kiện chi phí như LAC là 12 bảng; SATC 17 bảng (bao gồm SAVC 11 bảng và SAFC 6 bảng). Trong Bảng 7-5, đánh dấu các quyết định ngắn hạn và dài hạn tương thích đối với hãng tại từng mức giá cả thị trường.

Đúng/Sai

1 Vốn và lao động là 2 yếu tố sản xuất duy nhất mà hãng cần để xem xét khi đưa ra quyết định sản lượng.

2 Dạng hình chữ U thường giả định rằng đường chi phí trung bình dài hạn chỉ đúng đối với một hãng có tính kinh tế của quy mô tại các mức sản lượng thấp, chuyển sang tính phi kinh tế của quy mô khi sản lượng tăng lên.

3 Chuyên môn hoá (phân công lao động) có thể dẫn đến tính kinh tế của quy mô.

4 Các hãng nhỏ luôn kém hiệu quả hơn so với các hãng lớn.

5 Các hãng thua lỗ là “những con vịt què” nên đóng cửa sản xuất ngay.

6 Một hãng sẽ đóng cửa sản xuất trong ngắn hạn nếu giá thấp hơn doanh thu bình quân.

7 Đường cung dài hạn được xác định bởi việc tìm ra mức sản lượng tại đó chi phí cận biên dài hạn bằng doanh thu cận biên.

8 Giữ lao động không đổi khi tăng đầu vào vốn sẽ dẫn đến hiệu suất giảm.

9 LAC giảm khi LMC nhỏ hơn LAC và tăng khi LMC lớn hơn LAC; LAC đạt cực tiểu tại mức sản lượng mà tại đó LAC và LMC cắt nhau.

10 Bằng chứng thực nghiệm cho thấy rằng nếu có nhiều hơn 1 người sản xuất tủ lạnh ở Liên hiệp Anh, thì không thể nào tất cả các hãng trong ngành đó đều sản xuất tại quy mô tối thiểu có hiệu quả.

11 Quyết định xem nên tiếp tục sản xuất hay không có thể được đưa ra mà không cần quan tâm đến số tiền đã bỏ ra cho dự án đó trong quá khứ.

12 Đường chi phí trung bình dài hạn đi qua điểm thấp nhất của các đường chi phí trung bình ngắn hạn.

Kinh tế học trong thực tiễn

Toyota dịch chuyển các thiết bị ra các nhà máy nước ngoài

(Trích từ bài báo của Khozem Merchant, *Financial Times*, 30/6/2004)

Nhà máy sản xuất hộp số của Toyota ở Ấn Độ, gần Bangalore, là một trong năm nhà máy trên toàn thế giới sản xuất các phụ tùng cho dòng xe tải mà sẽ được lắp ráp ở một số nước.

Với kế hoạch này, Ấn Độ và Philippines sẽ cung cấp hộp số; Thailand động cơ diesel; Indonesia động cơ xăng; và Mỹ Latin các phụ tùng

Kinh tế học trong thực tiễn (tiếp theo)

khác. Dòng sản phẩm bao gồm xe Van, SUV và xe tải cỡ lớn dựa trên một mẫu đơn lẻ mới, thay thế 2 mẫu đang có. Chúng được xuất khẩu đi 38 quốc gia.

Chiến lược tổng thể của Toyota là cố gắng tiếp cận các thị trường lớn như: Trung Quốc và Ấn Độ trong khi đó sử dụng nguồn lực toàn cầu để tạo ra tính kinh tế của quy mô. Thị trường Ấn Độ tăng trưởng rất nhanh nhưng còn quá nhỏ đối với việc sản xuất và lắp ráp tại địa phương để tạo ra lợi nhuận hấp dẫn cho một công ty đa quốc gia như Toyota. Nếu cơ sở sản xuất này cũng được sử dụng để cung cấp các phu tùng cho hoạt động toàn cầu, thì số lượng sản xuất sẽ tăng lên.

Câu hỏi

- 1** Toyota thực hiện những bước chủ yếu gì để khai thác tính kinh tế của quy mô?
- 2** Toyota có thể gặp phải những vấn đề gì do hoạt động theo cách này?

đặc điểm này. Trong những loại hoạt động nào thì điều ngược lại có thể đúng, tại sao?

2 Một ngành có thể đồng thời có tính kinh tế của quy mô và gấp hiệu suất giảm dần của lao động không?

3 Có quan điểm cho rằng trên thực tế các hàng không biết tất cả các chi tiết về các đường chi phí khác nhau mà chúng ta đã nhắc đến. Nếu điều này đúng, thì tất cả các phân tích này phù hợp như thế nào?

4 Suy nghĩ về việc bạn sẽ kỳ vọng tính kinh tế của quy mô đã thay đổi như thế nào trong những hoạt động sau đây vào những năm gần đây. Những thay đổi này có thể có ảnh hưởng gì đến cách mà các thị trường đó hoạt động?

- (a) TV vệ tinh.
- (b) Hoạt động ngân hàng.
- (c) Xe máy chở hàng.
- (d) Dệt.
- (e) Các chuyên gia nhãn quang.
- (f) Cung cấp nước.

Câu hỏi tư duy

- 1** Giải thích tại sao các hàng lớn trong một số ngành có thể sản xuất với chi phí trung bình thấp hơn so với các hàng nhỏ. Chỉ ra một số ngành có

Cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền thuần túy

Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Cạnh tranh hoàn hảo
- Tại sao một hãng cạnh tranh hoàn hảo lại quyết định giá bằng chi phí cận biên
- Lãi và lỗ là động cơ để các hãng gia nhập hay rút lui khỏi thị trường như thế nào
- Đường cung của ngành
- Phân tích so sánh tĩnh của một ngành cạnh tranh
- Một thị trường trong đó xảy ra thương mại quốc tế
- Độc quyền thuần túy
- Tại sao sản lượng của độc quyền được xác định theo $MR = MC$
- So sánh sản lượng như thế nào nếu ngành là độc quyền và ngành là cạnh tranh hoàn hảo
- Phân biệt giá ảnh hưởng đến sản lượng và lợi nhuận của một hãng độc quyền như thế nào

Nội dung nghiên cứu chính

Từ chương 3 đến chương 7 bạn đã làm quen với các vấn đề về chi phí - doanh thu của một hãng. Tiếp theo chúng ta sẽ cập đến nội dung về cạnh tranh hoàn hảo - độc quyền và quan tâm đến mức sản lượng mà một hãng tối đa hóa lợi nhuận. Các vấn đề chủ yếu liên quan đến các câu hỏi sau:

- 1 Cạnh tranh hoàn hảo là gì và giải pháp chủ yếu cho thị trường này là gì?
- 2 Độc quyền là gì và các giải pháp chủ yếu nào cho cấu trúc thị trường này?
- 3 Nếu chúng ta so sánh độc quyền và cạnh tranh hoàn hảo, thị trường nào được thích hơn?

Sách lý thuyết đã đề cập đến những vấn đề này và cung cấp những thảo luận với phạm vi rộng hơn. Những bài tập sau sẽ giúp bạn nâng cao sự hiểu biết.

Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- a** Thị trường cạnh tranh hoàn hảo
- b** Đường cung thị trường
- c** Độc quyền tự nhiên
- d** Giá đóng cửa
- e** Quy luật một giá
- f** Độc quyền
- g** Hàng cận biên
- h** Lợi nhuận thông thường
- i** Siêu lợi nhuận
- j** Đường cung của hàng
- k** Độc quyền mua
- l** Tự do nhập khẩu hoặc rút lui

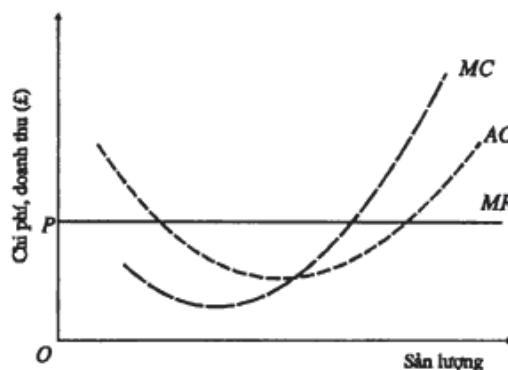
- 1** Một thị trường trong đó cả người mua và người bán tin rằng quyết định mua hoặc bán của họ không ảnh hưởng đến giá thị trường.
- 2** Đường cong chỉ ra sản lượng mà hàng muốn sản xuất ở mỗi mức giá.
- 3** Hàng đạt hiệu quả thấp nhất trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, chỉ thu được lợi nhuận thông thường.
- 4** Một cấu trúc thị trường trong đó chỉ có một người mua hàng hóa của ngành.
- 5** Một tình huống trong đó các hàng có thể rời khỏi hoặc gia nhập một ngành mà không gặp một trở ngại nào.
- 6** Một cấu trúc thị trường trong đó chỉ có một người bán hàng hóa của ngành.
- 7** Một tình huống trong đó giá của một hàng hóa đã cho là bằng nhau ở mọi nơi trên thế giới nếu không có rào cản thương mại và chi phí vận chuyển.
- 8** Một ngành trong đó hàng gặp phải tính kinh tế của quy mô đáng kể nên tổng chi phí trung bình dài hạn luôn giảm xuống trong khi sản lượng tăng lên, làm cho hàng gặp khó khăn trong hoạt động.
- 9** Mức giá mà hàng giảm phần lỗ bằng việc lựa chọn không sản xuất.
- 10** Mức lợi nhuận chỉ đủ để trả chi phí cơ hội về tiền và thời gian của người chủ.
- 11** Chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí.
- 12** Đường biểu diễn tổng sản lượng của tất cả các hàng trong ngành muốn cung ở mỗi mức giá.

Bài tập

- 1** Một hàng hoạt động trong ngành cạnh tranh hoàn hảo gặp phải đường cầu như Hình 8-1. OP là mức giá thị trường.

- (a) Chỉ ra trên đồ thị mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận.
 (b) Vẽ trên đồ thị phần diện tích biểu diễn lợi nhuận thu được từ mức sản lượng và mức giá trên.
 (c) Nếu bạn cho rằng ngành này đang ở cân bằng. Hãy xác định là cân bằng ngắn hạn hay dài hạn? Giải thích.

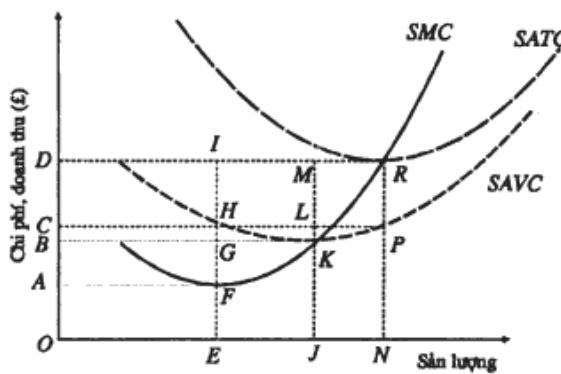
Hình 8-1 Một hàng trong điều kiện cạnh tranh hoàn hảo



- (d) Bạn kỳ vọng sự giảm sút của cầu thị trường đối với sản phẩm của ngành sẽ ảnh hưởng như thế nào đến hàng?

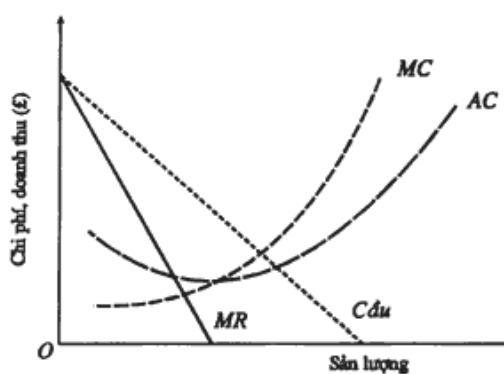
2 Hình 8-2 minh họa các đường chi phí ngắn hạn đối với một hàng cạnh tranh hoàn hảo.

Hình 8-2 Các đường chi phí ngắn hạn của hàng cạnh tranh hoàn hảo



- (a) Giá đóng cửa của hàng là bao nhiêu?
 (b) Tại mức giá nào hàng đạt được lợi nhuận bình thường?
 (c) Phân diện tích nào mô tả tổng chi phí cố định ở mức giá này?
 (d) Trong khoảng giá nào hàng sẽ lựa chọn tiếp tục sản xuất mặc dù bị lỗ trong ngắn hạn?
 (e) Chỉ ra đường cung ngắn hạn của hàng.
 (f) Trong khoảng giá nào hàng có được siêu lợi nhuận ngắn hạn?
- 3 Một nhà độc quyền bán có các điều kiện về doanh thu và chi phí được minh họa trong Hình 8-3.

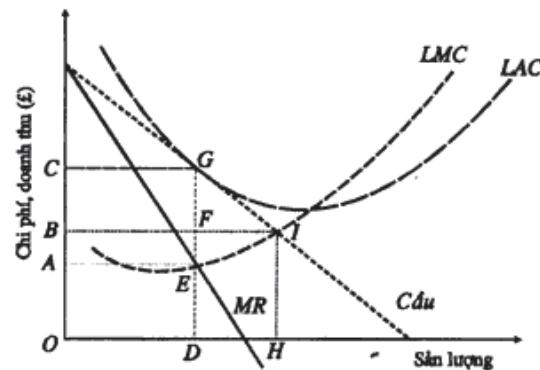
Hình 8-3 Các điều kiện doanh thu và chi phí của nhà độc quyền bán



- (a) Đánh dấu trên đồ thị này mức sản lượng tối đa hoá lợi nhuận.
 (b) Đánh dấu trên đồ thị mức giá mà tại đó nhà độc quyền sẽ lựa chọn để bán mức sản lượng này.
 (c) Chỉ ra phân diện tích minh họa lợi nhuận của nhà độc quyền tại mức giá và sản lượng đó.
 (d) Bạn kỳ vọng nhà độc quyền sẽ bị ảnh hưởng như thế nào khi cầu thị trường đối với hàng hoá đó giảm?

4 Hình 8-4 minh họa tình huống doanh thu và chi phí dài hạn của một nhà độc quyền bán.

Hình 8-4 Vị trí dài hạn của một nhà độc quyền bán



- (a) Mức sản lượng tối đa hoá lợi nhuận là gì?
 (b) Nhà độc quyền sẽ bán hàng hoá tại mức giá nào?
 (c) Mức siêu lợi nhuận trong tình huống này là phần nào?
 (d) Nhà độc quyền bán sẽ bán bao nhiêu sản lượng (và tại mức giá nào) nếu bị bắt buộc phải đặt giá bằng với chi phí cận biên?

5 Bảng 8-1 mô tả đường cầu của một nhà độc quyền bán.

Bảng 8-1 Đường cầu của nhà độc quyền bán

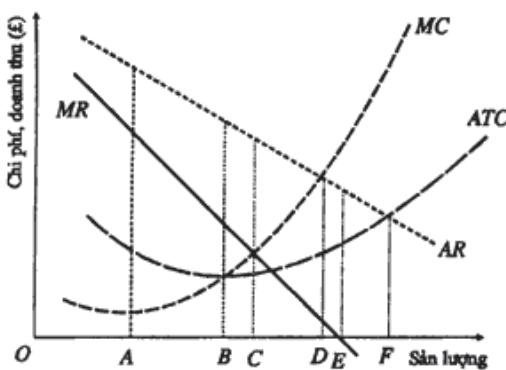
Lượng cầu (ngàn/tuần)	Giá (£)	Tổng doanh thu	Doanh thu cận biên
0	40		
1	35		
2	30		
3	25		
4	20		
5	15		
6	10		
7	5		

- (a) Xác định tổng doanh thu và doanh thu cận biên.
 (b) Minh họa doanh thu cận biên và doanh thu bình quân.
 (c) Trên một đồ thị khác hãy vẽ đường tổng doanh thu.
 (d) Tại mức lượng cầu nào tổng doanh thu là cực đại?
 (e) Tại mức lượng cầu nào doanh thu cận biên bằng 0?
 (f) Tại mức lượng cầu nào cầu co giãn đơn vị?

❸ Hình 8-5 minh họa vị trí doanh thu và chi phí của một hãng. Tại mức sản lượng nào hãng sẽ:

- (a) Tối da hoá lợi nhuận?
 (b) Tối đa hoá tổng doanh thu?
 (c) Sản xuất sản lượng tối ưu về mặt kỹ thuật?
 (d) Chỉ tạo ra lợi nhuận bình thường?

Hình 8-5 Chi phí và doanh thu của một hãng



❹ Dưới điều kiện nào trong những điều kiện dưới đây một hãng cạnh tranh hoàn hảo tối đa hoá lợi nhuận sẽ đóng cửa sản xuất trong ngắn hạn?

- (a) Giá thấp hơn chi phí cận biên.
 (b) Doanh thu bình quân thấp hơn chi phí bình quân.
 (c) Chi phí cố định bình quân cao hơn giá.
 (d) Doanh thu bình quân nhỏ hơn chi phí biến đổi bình quân.
 (e) Tổng chi phí nhỏ hơn tổng doanh thu.

❺ Tình huống nào trong những tình huống dưới đây đặc trưng cho thị trường cạnh tranh hoàn hảo, và đặc trưng nào liên quan đến thị trường độc quyền (hay cả hai)? Giả định rằng các hãng có mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận.

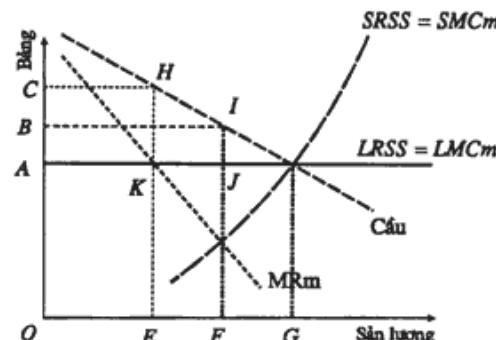
- (a) Giá vượt quá chi phí cận biên (MC).
 (b) Giá bằng với doanh thu cận biên (MR).
 (c) Doanh thu cận biên bằng với chi phí cận biên.
 (d) Lợi nhuận trên mức bình thường bằng 0 trong cân bằng dài hạn.
 (e) Các hãng mới bị loại trừ khỏi thị trường.
 (f) Một hãng lựa chọn kết hợp giá và sản lượng.
 (g) Không có hàng rào ngăn cản sự gia nhập.
 (h) Doanh thu bình quân vượt quá doanh thu cận biên.
 (i) Giá bằng chi phí cận biên.

❻ Điều nào dưới đây tương ứng gần nhất với khái niệm lợi nhuận bình thường của các nhà kinh tế?

- (a) Mức lợi nhuận tạo ra do đặt $MC = MR$.
 (b) Mức lợi nhuận tạo ra của một hãng điển hình trong ngành.
 (c) Mức lợi nhuận mà một hãng tạo ra dưới những điều kiện thương mại bình thường.
 (d) Mức lợi nhuận cần thiết để thuyết phục một hãng tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại.
 (e) Tỷ suất lợi nhuận đảm bảo mức sống thoải mái của chủ doanh nghiệp.

❼ Một ngành cạnh tranh hoàn hảo bị thôn tính bởi một nhà độc quyền bán và vận hành nó như một hãng nhiều nhà máy. Đường cung dài hạn của ngành cạnh tranh (LRSS) trở thành đường chi phí cận biên dài hạn của nhà độc quyền (LMCm); trong ngắn hạn đường SRSS trở thành đường SMSm của nhà độc quyền. Như được minh họa trong Hình 8-6.

Hình 8-6 Độc quyền hóa một ngành cạnh tranh hoàn hảo



- (a) Sản lượng của ngành và mức giá tại cân bằng là gì dưới cấu trúc cạnh tranh hoàn hảo?
- (b) Nhà độc quyền sẽ lựa chọn sản lượng và giá bán nào trong ngắn hạn?
- (c) Nhà độc quyền sẽ tối đa hoá lợi nhuận dài hạn tại mức giá và sản lượng nào?
- (d) Quy mô của lợi nhuận dài hạn là bao nhiêu?

Dúng/Sai

- ❶ Giá bằng với doanh thu cận biên đối với một hãng trong điều kiện cạnh tranh hoàn hảo.
- ❷ Đường cung ngắn hạn của một hãng cạnh tranh hoàn hảo thoải mái hơn đường cung dài hạn của ngành.
- ❸ Một hãng thu được lợi nhuận kinh tế nghĩa là thu được lợi nhuận thông thường.
- ❹ Một ngành có tổng chi phí trung bình dài hạn giảm xuống khi mức sản lượng tăng lên là phù hợp với thị trường cạnh tranh hoàn hảo.
- ❺ Đường cung của ngành là tổng hợp theo chiều ngang của tất cả các lượng cung của các hãng trong ngành ở các mức giá.
- ❻ Một hãng độc quyền sẽ luôn sản xuất ở phần không co giãn của đường cầu.
- ❼ Các điều kiện khác là như nhau, nếu chi phí biến đổi tăng lên sẽ làm cho hãng độc quyền tăng sản lượng và giảm giá.
- ❽ Một hãng độc quyền thu được siêu lợi nhuận bởi vì nó hiệu quả hơn một ngành cạnh tranh.
- ❾ Tổng doanh thu lớn nhất khi doanh thu trung bình lớn nhất.
- ❿ Một hãng độc quyền có thể tăng lợi nhuận bằng cách đặt các mức giá khác nhau ở các thị trường khác nhau.
- ❾ Một hãng cạnh tranh hoàn hảo sẽ bán ở mức giá bằng chi phí cận biên nhưng một hãng độc quyền lại đặt mức giá cao hơn chi phí cận biên.

- ❿ Rất nhiều các hãng nhỏ thực hiện nghiên cứu và triển khai rất ít, trong khi đó nhiều hãng lớn có bộ phận nghiên cứu hoạt động rất tốt.

Kinh tế học trong thực tiễn

EasyJet nose dives

(Trích từ 'Webster Ponders the "Branson Solution"', *The Observer*, 09/5/2004)

Cổ phiếu của Easy trong hai ngày qua đã thất bại thảm hại trên thị trường, giảm 25% giá trị vào ngày thứ tư. "Đây thực sự là một cú đánh vào chúng tôi và nhân viên công ty", Ông chủ Webster đã nói như vậy.

Cổ phiếu sụt giảm liên tục, nhưng số liệu của công ty trong nửa năm vẫn tốt - nhiều chuyến bay hơn và các chuyến luôn đầy khách. Nhưng vấn đề "giá không thực tế và không lợi nhuận" xảy ra đối với các chuyến bay qua châu Âu, cùng với những dấu hiệu về 54 công ty bay khác giảm chi phí đang chen chúc ở thị trường châu Âu làm cho giá cổ phiếu sụt giảm như vậy.

Tuy nhiên, trong tương lai gần, có lẽ nhiều hãng phải rời khỏi thị trường. Chi phí thuê máy bay cao mà không có sự hỗ trợ bằng nguồn tài chính mạnh đang bắt đầu xảy ra ở những thị trường không ổn định. Đồng thời những hãng lớn lại thiếu tính kinh tế của quy mô, chi phí về nhiên liệu và bảo hiểm lại cao, rất nhiều yếu tố làm cho khó có thể cạnh tranh trong dài hạn.

Câu hỏi

- ❶ Đánh giá thị trường hàng không có tính cạnh tranh hoàn hảo bằng cách so sánh với những đặc điểm chuẩn của một thị trường cạnh tranh hoàn hảo như trong sách lý thuyết.
- ❷ Nếu "nhiều hãng rời bỏ ngành" trong ngắn hạn thì mức lợi nhuận trong dài hạn có thể là siêu lợi nhuận được không?

Câu hỏi tư duy

1 Chúng ta thấy độc quyền muốn tối đa hóa lợi nhuận sẽ có xu hướng hạn chế sản lượng và tăng giá. Bạn có nghĩ đến một tình huống mà hãng độc quyền lại không tận dụng để thu được lợi nhuận tiềm năng không?

2 Giải thích tại sao nói rằng hàng cạnh tranh hoàn hảo hoạt động ở điểm sản xuất có hiệu quả trong dài hạn. Có thể rút ra kết luận gì về việc phân bổ các nguồn lực hiệu quả trong ngành này không?

3 Một nhà độc quyền cung cấp sản lượng ở 2 thị trường riêng biệt. Hàng hóa là một nhưng không được mua đi bán lại - nói cách khác, người tiêu dùng không thể mua ở thị trường 2 và bán lại ở thị trường 1. Hình 8-7 minh họa các đường cầu và đường doanh thu cận biên của 2 thị trường và cả đường cầu và đường doanh thu cận biên tổng nếu cả 2 thị trường hòa làm một. Chú ý đường doanh thu cận biên tổng “có bước nhảy” ở điểm tại đó giá giảm đủ để nhà độc quyền chỉ bán ở thị trường 2.

Câu hỏi này nhằm mở rộng phần phân tích trong bài khóa, bạn có thể giải với trợ giúp ở phần “Đáp án và bình giải” của quyển sách này. Thông qua phân tích này, sản lượng của nhà độc quyền được quyết định dựa vào doanh thu cận biên và chi phí cận biên trên thị trường chung.

Bạn có thể vẽ các đường dọc qua các thị trường nhỏ để xác định MR và AR.

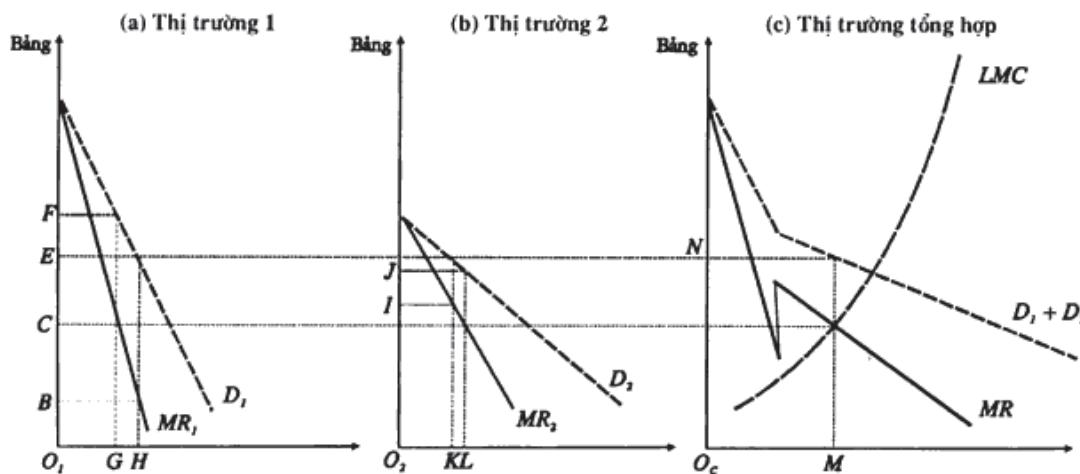
(a) Hàng độc quyền sẽ sản xuất ở mức sản lượng nào để tối đa hóa lợi nhuận?

- (b) Nếu nhà độc quyền đặt mức giá chung cho tất cả các khách hàng, thì giá đó bằng bao nhiêu?
- (c) Nhà độc quyền sẽ bán bao nhiêu ở mỗi thị trường nhỏ?
- (d) Ở mức giá này, doanh thu cận biên của mỗi thị trường là bao nhiêu?
- (e) Nếu nhà độc quyền thấy rằng có thể phân biệt giá, lợi nhuận có thể tăng lên như thế nào? (Chú ý: câu trả lời ở mục (d) rất quan trọng).
- (f) Khi phân biệt giá, thì giá và sản lượng ở mỗi thị trường là bao nhiêu?

4 Câu hỏi này mở rộng bài tập 10 - Hình 8-6, trong đó chúng ta đang đề cập đến trường hợp ngành cạnh tranh hoàn hảo bị độc quyền hóa. Trong cạnh tranh hoàn hảo, sản lượng cân bằng là OG, giá là OA, trong khi độc quyền lại hạn chế sản lượng trong ngắn hạn là OF và tăng giá là OB, còn trong dài hạn là OE, OC. Chúng ta sẽ đề cập đến 2 vị trí sau và sửa đổi Hình 8-6 thành Hình 8-8.

Tuy nhiên, chúng ta đề cập đến đường cầu. Một điểm trên đường cầu thực sự thể hiện cái gì? Ví dụ ở điểm I, người tiêu dùng sẵn sàng trả giá OB cho sản lượng OF. Vậy OB là giá trị cận biên của người tiêu dùng của một đơn vị hàng hóa. Thêm nữa, chúng ta miêu tả đường cầu cũng chính là lợi ích cận biên của xã hội. Chú ý rằng ở mức giá cao hơn OC, người tiêu dùng vẫn sẵn sàng mua OE đơn vị hàng hóa. Khi giá chỉ là OB, người tiêu dùng này trả ít hơn so với mức giá mà họ sẵn sàng trả cho một số các đơn vị hàng hóa. Điều này hàm ý rằng, họ nhận được “thặng dư” trên mức giá mà thực tế họ phải trả ở điểm I. Đây gọi là “thặng dư tiêu dùng”;

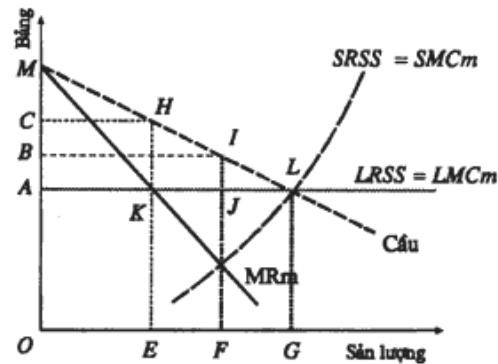
Hình 8-7 Phân biệt giá



nó được thể hiện trên Hình 8-6 bằng phần diện tích nằm dưới đường cầu. Ví dụ, tại điểm I, tổng giá trị hàng hóa mà người tiêu dùng mua là OMIF; họ trả OBIF, và họ nhận được thặng dư tiêu dùng BMI. Đây là một lời mở đầu dài dòng cho một câu hỏi rất ngắn. Tuy nhiên, nội dung về thặng dư tiêu dùng sẽ còn lặp lại sau trong cuốn sách này, và thật tốt cho chúng ta khi đã có sự chuẩn bị. 3 câu hỏi sau giúp bạn xem đã hiểu về phân bàn luận trên hay chưa:

- Thặng dư tiêu dùng là diện tích của hình nào ở điểm cân bằng dài hạn trong cạnh tranh hoàn hảo?
- Thặng dư tiêu dùng là diện tích của hình nào ở điểm cân bằng dài hạn trong độc quyền?
- Điều gì xảy ra khi thặng dư tiêu dùng âm?

Hình 8-8 Độc quyền hóa một thị trường cạnh tranh hoàn hảo



Cấu trúc thị trường và cạnh tranh không hoàn hảo

Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Cầu và chi phí ảnh hưởng cấu trúc thị trường như thế nào
- Toàn cầu hóa thay đổi cấu trúc thị trường nội địa như thế nào
- Cạnh tranh độc quyền
- Độc quyền tập đoàn và sự phụ thuộc lẫn nhau
- Mô hình đường cầu gãy khúc
- Lý thuyết trò chơi và hành vi chiến lược
- Cam kết và tin tưởng
- Hàm phản ứng và Cân bằng Nash
- Cạnh tranh Cournot và Bertrand
- Lợi thế của người đi đầu Stacklerberg
- Các cấu trúc thị trường có thể cạnh tranh
- Hàng rào ngăn cản chiến lược

Nội dung nghiên cứu chính

Nội dung về thị trường độc quyền tập đoàn với một số ít hãng lớn chủ yếu tồn tại trong ngành ngân hàng và siêu thị. Các vấn đề đối với các nhà kinh tế là:

- 1 Yếu tố nào có thể tạo ra độc quyền tập đoàn?
- 2 Sử dụng lý thuyết trò chơi, chúng ta có thể hiểu chiến lược thời kỳ hiện tại giữa các đối thủ trong thị trường độc quyền tập đoàn như thế nào?
- 3 Cạnh tranh dài hạn có thể bị ảnh hưởng bởi chiến lược hay các hàng rào gia nhập tự nhiên như thế nào?

Sách lý thuyết đã lần lượt đề cập đến tất cả những vấn đề này và những câu hỏi sau sẽ giúp bạn khám phá những vấn đề quan trọng.

Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- a** Độc quyền tập đoàn
- b** Cạnh tranh không hoàn hảo
- c** Thị trường tự do gia nhập
- d** Đe dọa đáng tin cậy
- e** Chiến lược thống trị
- f** Khác biệt hóa sản phẩm
- g** Cam kết ban đầu
- h** Cạnh tranh độc quyền
- i** Giá hủy diệt
- j** Lý thuyết trò chơi
- k** Đường cầu gãy khúc
- l** Tình thế lưỡng nan của những người tù
- m** Rào cản gia nhập tự nhiên
- n** Cân bằng Nash
- o** Mô hình Cournot
- p** Mô hình Bertrand
- q** Hàm phản ứng

- 1** Một cấu trúc thị trường trong đó các hãng nhận thức rằng đường cầu mà họ gấp phải là dốc xuống và giá sản lượng phụ thuộc vào lượng hàng hóa được sản xuất và bán trên thị trường.
- 2** Một ngành chỉ có một vài người sản xuất, mỗi người đều nhận thức rằng giá của họ không chỉ phụ thuộc vào sản lượng của chính họ mà còn phụ thuộc vào phản ứng của các đối thủ cạnh tranh lớn trong ngành.
- 3** Một sách lược do các hãng đang ở trong ngành đưa ra khi có một hãng mới gia nhập liên quan đến việc tăng sản lượng và đẩy giá xuống thấp, làm cho tất cả các hãng đều bị lỗ.
- 4** Sản lượng tối ưu của một hãng thay đổi như thế nào với mỗi hành động phản ứng của các đối thủ.
- 5** Phân tích về các nguyên tắc ra quyết định trong khi các đối thủ cũng phản ứng thông minh như họ.
- 6** Đường cầu mà một hãng độc quyền tập đoàn phải đổi mặt mà hãng này tin rằng các đối thủ sẽ phản ứng khi hãng tăng giá và sẽ không phản ứng khi hãng giảm giá.
- 7** Một ngành có nhiều người bán sản xuất các sản phẩm có thể thay thế cho nhau một cách gần gũi và mỗi hãng chỉ có khả năng hạn chế ảnh hưởng đến giá của sản phẩm.
- 8** Một mô hình độc quyền tập đoàn mà mỗi hãng giả định giá của các đối thủ đã được cho trước.
- 9** Sự khác nhau của một hàng hóa so với hàng hóa thay thế của nó, được thiết kế để tạo ra ảnh hưởng đối với các khách hàng tiềm năng.
- 10** Một tình huống trong đó chiến lược tốt nhất của những người chơi là độc lập với những hành động của những người chơi khác.
- 11** Một sự sắp xếp gia nhập vào một cách tự nguyện mà việc gia nhập này sẽ hạn chế sự lựa chọn của hãng.
- 12** Một trò chơi giữa 2 người, mỗi người đều theo đuổi chiến lược ưu thế.
- 13** Một mô hình độc quyền tập đoàn, trong đó các hãng giả định cho trước sản lượng của các đối thủ.
- 14** Một rào cản ngăn cản sự gia nhập nhưng không phải do các hãng tạo nên.
- 15** Đe dọa về chiến lược trừng phạt, sau đó một hãng phải tìm một cách tối ưu để thực hiện.
- 16** Một tình huống trong đó mỗi người chơi sẽ chọn chiến lược tốt nhất, cho trước chiến lược của những người chơi khác.
- 17** Một thị trường đặc trưng bởi sự tự do gia nhập và rút lui.

Bài tập

1 Với mỗi tình huống dưới đây, chọn cấu trúc thị trường phù hợp nhất.

- Cấu trúc thị trường:
- A Cạnh tranh hoàn hảo
 - B Độc quyền
 - C Độc quyền tập đoàn
 - D Cạnh tranh độc quyền
 - E Độc quyền bán

- (a) Một số hãng lớn, mỗi hãng cung ứng loại giày có nhãn hiệu nổi tiếng ở cùng một mức giá.
- (b) Duy nhất một người cung ứng các dịch vụ về viễn thông.
- (c) Một số lớn các nông dân cung ứng cà rốt ở các mức giá như nhau.
- (d) Một vài hãng lớn cung ứng cho toàn bộ thị trường lốp ô tô.
- (e) Một người mua dụng cụ khai thác than.
- (f) Một người cung ứng duy nhất về vận tải đường sắt.

2 Bảng 9-1 là một vài chỉ số đo lường độ tập trung và các thông tin về tính kinh tế theo quy mô của một vài ngành.

Bảng 9-1 Chỉ số tập trung và tính kinh tế quy mô

Ngành	Chỉ số tập trung của 3 hãng (CR)	Số lượng nhà máy ở quy mô hiệu quả tối thiểu do quy mô thị trường quy định
A	100	1
B	11	221
C	81	3
D	49	5
E	21	195

- (a) Ngành nào hoạt động giống như một độc quyền?
- (b) Ngành nào được xem như hoạt động dưới điều kiện cạnh tranh hoàn hảo?
- (c) Trong ngành nào các điều kiện giống như trong độc quyền tập đoàn?
- (d) Trong ngành nào, độc quyền tập đoàn không thể xuất hiện?

3 Những đặc điểm nào sau đây đặc trưng cho một ngành cạnh tranh hoàn hảo ở cân bằng dài hạn? (chú ý: có nhiều hơn một đáp án).

- (a) Các hãng riêng lẻ trong ngành thu được lợi nhuận độc quyền rất nhỏ.
- (b) Các hãng riêng lẻ trong ngành say sưa bán nhiều sản phẩm ở mức giá hiện tại của thị trường.

(c) Có sự khác biệt hóa sản phẩm.

(d) Mỗi hãng đối mặt với đường cầu dốc xuống.

(e) Các hãng hoạt động dưới mức sản lượng tương ứng với công suất tối đa.

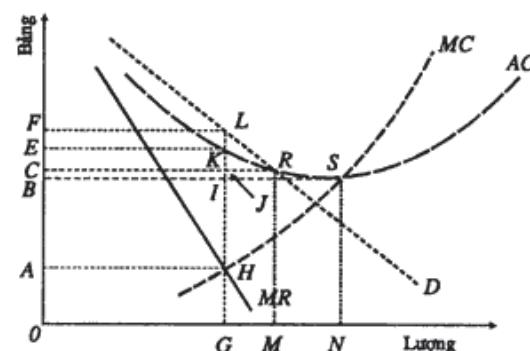
(f) Các hãng tối đa hóa lợi nhuận khi doanh thu cận biên bằng chi phí cận biên.

(g) Có sự cấu kết giữa các hãng trong ngành.

(h) Các hãng thu được lợi nhuận chỉ đủ bù đắp chi phí cơ hội của việc sử dụng vốn.

4 Hình 9-1 minh họa một hãng tối đa hóa lợi nhuận trong cạnh tranh độc quyền.

Hình 9-1 Một hãng trong cạnh tranh độc quyền



(a) Hãng sẽ sản xuất bao nhiêu sản lượng?

(b) Sản phẩm được bán ở mức giá nào?

(c) Hãng có thu được siêu lợi nhuận trong tình huống này không? Nếu có, xác định phần diện tích minh họa lợi nhuận đó.

(d) Đây là cân bằng ngắn hạn hay dài hạn của hãng?

(e) Giải thích câu trả lời (d) và miêu tả tình huống này khác “tình huống kia” như thế nào?

5 Trong một thị trường độc quyền tập đoàn, những yếu tố nào sau đây ủng hộ sự cấu kết và yếu tố nào có thể khuyến khích sự không hợp tác của các hãng trong thị trường?

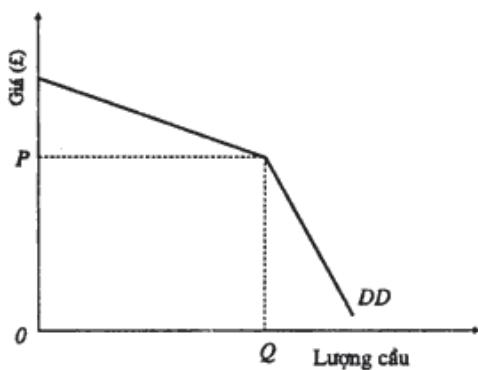
Ảnh hưởng	Ủng hộ sự cấu kết	Khuyến khích không hợp tác	(Đánh dấu vào 1 cột)
Rào cản gia nhập			
Sản phẩm không chuẩn hóa			
Cầu và chi phí ổn định			
Cấu kết là hợp pháp			
Bí mật về giá và sản lượng			

(Tiếp theo)

- Câu kết là bất hợp pháp
Thông tin dễ dàng về giá
và sản lượng
Sản phẩm được
chuẩn hóa

6 Hình 9-2 là đường cầu DD mà một hãng phải đổi mặt. Hiện tại hãng đang sản xuất ở mức sản lượng OQ và bán ở mức giá OP . Đánh giá về mỗi kết luận sau dựa vào những điều kiện của ngành mà hãng này là một thành viên.

Hình 9-2 Đường cầu mà hãng phải đổi mặt



- (a) Hãng thay đổi giá rất chậm ngay cả khi hãng gặp phải sự thay đổi về chi phí.
 (b) Hãng là nhà độc quyền phân biệt giá, đặt các mức giá khác nhau cho 2 thị trường phân biệt.
 (c) Ngành là độc quyền tập đoàn không hợp tác, trong đó mỗi hãng phải quan tâm đến hành vi của các hãng đối thủ.
 (d) Hãng đổi mặt với những khó khăn trong sản xuất ở mức sản lượng cao hơn OQ do sự thiếu hụt về lao động.

7 Giả sử có 2 hãng X và Y hoạt động trên một thị trường, mỗi hãng có thể chọn mức sản lượng “cao” hoặc “thấp”. Bảng 9-2 tóm tắt những khả năng có thể về quyết định của hãng trong một thời gian. Hãy tưởng tượng bạn đang ra quyết định cho hãng X:

Bảng 9-2 Trò chơi tinh thế lưỡng nan của những người tù

Lợi nhuận	Hãng Y chọn	Sản lượng cao			
	Sản lượng thấp	X	Y	X	Y
Hãng X chọn	Sản lượng thấp	15	15	2	20
	Sản lượng cao	20	2	8	8

- (a)** Nếu hãng Y sản xuất ở mức “sản lượng thấp”, bạn sẽ tối đa hóa lợi nhuận ở mức sản lượng nào?
(b) Nếu bạn chọn sản xuất mức “sản lượng cao”, hãng Y sẽ tối đa hóa lợi nhuận ở mức sản lượng nào?
(c) Nếu hãng Y sản xuất ở mức “sản lượng cao”, bạn sẽ tối đa hóa lợi nhuận ở mức sản lượng nào?
(d) Dưới tình huống nào bạn sẽ quyết định sản xuất ở mức “sản lượng thấp”?
(e) Giả sử bạn sắp xếp với hãng Y là cả hai sẽ sản xuất ở mức “sản lượng thấp”; bạn sẽ chấp nhận biện pháp nào để đảm bảo Y thực hiện theo đúng sự sắp xếp giữa 2 bên?
(f) Bạn nên chấp nhận biện pháp nào để thuyết phục Y thực hiện theo đúng sự sắp xếp giữa 2 bên?
(g) Giả sử lợi nhuận 2 bên thu được là ở Bảng 9-2, loại trừ trường hợp cả hai hãng sản xuất ở mức “sản lượng cao” thì sẽ bị lỗ là 8. Điều này có ảnh hưởng đến phân tích trên không?

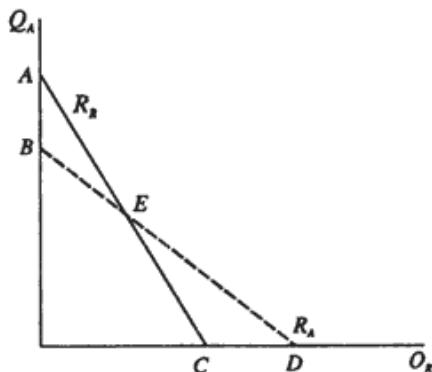
- 8** Rào cản nào sau đây là “tự nhiên” và rào cản nào là chiến lược của các hãng?
 (a) Khai thác lợi ích của sản xuất theo quy mô lớn.
 (b) Tiến hành các dự án nghiên cứu và phát triển để phát triển công nghệ và sản phẩm mới.
 (c) Duy trì bằng sáng chế của một sản phẩm cụ thể.
 (d) Sản xuất một loạt sản phẩm giống nhau dưới các tên khác nhau.
 (e) Mở rộng quảng cáo đa truyền thông.
 (f) Lắp đặt nhiều máy móc hơn mức sản xuất bình thường.
 (g) Duy trì lợi thế chi phí tuyệt đối.

9 Một đặc điểm quan trọng của độc quyền là tồn tại hàng rào ngăn cản sự gia nhập. Một trong những hàng rào đó là bảo vệ bằng sáng chế. Giả sử bằng sáng chế của một hãng độc quyền một hàng hóa bị hết hạn, thị trường có thể điều chỉnh như thế nào?

10 Suy nghĩ về một vài hãng hoạt động gần cơ quan của bạn. Phân loại chúng theo các cấu trúc thị trường - ví dụ: cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, độc quyền tập đoàn, cạnh tranh độc quyền.

11 Hình 9-3 minh họa đường phản ứng của một hãng độc quyền tập đoàn Cournot.

Hình 9-3 Đường phản ứng của một hãng độc quyền tập đoàn Cournot



- (a) Đường phản ứng của hãng A, R_A , chỉ ra có mối quan hệ gì giữa sản lượng của hãng A và sản lượng của hãng B?
- (b) Có mối quan hệ một-một giữa sản lượng của hãng A và sản lượng của hãng B không?
- (c) Điểm nào trên hình vẽ minh họa cân bằng Nash?
- (d) Nếu hãng A ngay lập tức có được công nghệ sản xuất mới, Hình 9-3 thay đổi như thế nào?
- (e) Một đường phản ứng của một hãng cạnh tranh hoàn hảo giống như cái gì?
- (12) Bạn có thể nghĩ về bất kỳ một ví dụ nào trong cuộc sống mà có thể áp dụng lợi thế của người đi trước?

Dúng/Sai

- 1 Hành cạnh tranh không hoàn hảo có một ít ảnh hưởng đến giá, bằng chứng là đường cầu mà họ gặp phải là dốc xuống.
- 2 Một điểm nổi bật của thị trường độc quyền tập đoàn các hãng không thể hành động một cách độc lập với nhau.
- 3 Một ngành mà có tính kinh tế của quy mô ở những mức sản lượng thấp thì có thể trở thành độc quyền.
- 4 Một hãng đang ở trong cân bằng dài hạn của cạnh tranh độc quyền sản xuất ở mức sản lượng thấp hơn mức sản lượng tối ưu về mặt kỹ thuật.
- 5 Một đặc điểm của mô hình đường cầu gây khúc là giá ổn định khi chi phí của một hãng thay đổi, nhưng giá có thể sẽ thay đổi rất nhanh khi cả ngành đổi mặt với sự thay đổi về chi phí.
- 6 Các hãng trong độc quyền tập đoàn gặp phải đường cầu gây khúc.

7 Một người chơi theo đuổi chiến lược thống trị sẽ luôn luôn thắng.

8 Cartel có thể thành công nếu các thành viên đã được chuẩn bị để tham gia vào một cam kết có ràng buộc từ trước.

9 Một thông báo với các thành viên của cartel về việc thừa nhận một chiến lược trùng phạt sẽ giúp cartel tồn tại.

10 Một hãng độc quyền luôn tối đa hóa lợi nhuận bằng việc đặt chi phí cận biên bằng doanh thu cận biên.

11 Tự do rời bỏ ngành ngũ ý rằng không có chi phí hoặc chi phí không thu hồi được.

12 Chi phí cố định có thể làm tăng tính kinh tế của quy mô và giúp xác định việc gia nhập của những hãng mới vào ngành.

13 Cân bằng trong độc quyền tập đoàn Bertrand là giống hệt cân bằng trong cạnh tranh hoàn hảo.

14 Trong mô hình Cournot, hai người chơi sẽ có thị phần bằng nhau.

15 Đường phản ứng của một hãng dựa vào hành động phản ứng có thể của các đối thủ, chứ không phụ thuộc vào chi phí của hãng.

Kinh tế học trong thực tiễn

EU thăm dò về việc đặt giá cố định cho chíp nhớ
(Trích từ bài báo của Michael Kanellos, CNET News.com, 02/3/2004)

EU đang điều tra liệu có phải những nhà sản xuất bộ nhớ lớn nhất trên thế giới đang hiệp lực với nhau để tăng giá chip năm 2001 không. Việc thăm dò này tập trung vào việc liệu có sự cấu kết của các nhà sản xuất bộ nhớ như Micron, Samsung và Infineon không. Năm 2001, thị trường máy tính cá nhân bị co lại, nhưng giá của DRAM vẫn tăng vù vù. Thậm chí trong cả những khoảng thời gian thuận lợi, giá của bộ nhớ vẫn giảm bởi vì vượt quá công suất. Ở những khoảng thời gian khác trong 5 năm qua, một vài nhà sản xuất đã phải bán chíp ở mức giá thấp hơn chi phí sản xuất.

Câu hỏi

1 Yếu tố nào trong thị trường chíp nhớ có thể đẩy mạnh việc cấu kết?

2 Các nhà sản xuất máy tính cá nhân có thể chống lại một cartel về sản xuất bộ nhớ như thế nào?

Câu hỏi tư duy

1 Bài tập 8 đưa ra một loạt các rào cản ngăn cản sự gia nhập. Bạn có thể suy nghĩ về các ngành ở Liên hiệp Anh với sự hoạt động của các rào cản đó không?

2 Hình 9-4 minh họa các điều kiện thương mại của một cartel gồm 2 hãng. Hình (a) và (b) tương ứng là của 2 hãng A và B, còn hình (c) là của Cartel. $D = AR_c$ trong hình (c) là đường cầu thị trường, MR_c là doanh thu cận biên của thị trường chung. Giả sử hãng A có lợi thế về chi phí hơn hãng B.

(a) Nếu cả 2 hãng cấu kết để tối đa hóa lợi nhuận trên thị trường chung, họ sẽ lựa chọn mức sản lượng nào?

(b) Cartel sẽ bán hàng hóa ở mức giá nào?

(c) Nếu mỗi hãng chấp nhận mức doanh thu cận biên của Cartel, mỗi hãng sẽ sản xuất bao nhiêu?

(d) Xác định lợi nhuận của mỗi hãng.

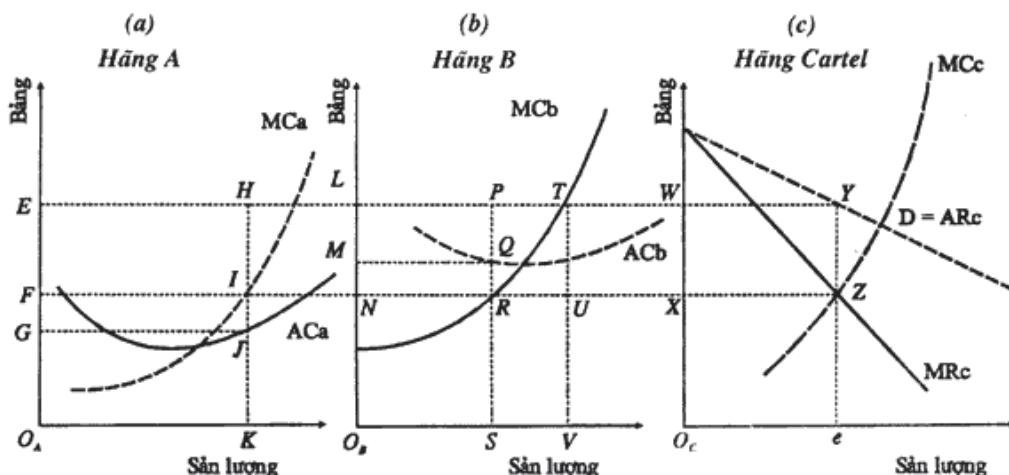
(e) Giả sử hãng B là người đặt giá ở mức giá của Cartel. Mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận của hãng là bao nhiêu?

(f) Nếu hãng B đã đặt mức sản lượng này rồi, điều này sẽ ảnh hưởng đến giá thị trường như thế nào?

3 Trong rất nhiều năm, những thông tin mà các nhà sản xuất thuốc lá được phép đưa vào trong quảng cáo của họ là hút thuốc lá có hại cho sức khỏe. Tại sao họ quan tâm đến điều này?

4 Nếu độc quyền tập đoàn là phổ biến trong thực tế và cạnh tranh hoàn hảo là rất ít, tại sao chúng ta lại quan tâm đến thị trường cạnh tranh hoàn hảo?

Hình 9-4 Cartel bao gồm 2 hãng



Thị trường lao động

Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Đường cầu của một hàng về các yếu tố đầu vào trong ngắn hạn và dài hạn
- Sản phẩm giá trị cận biên, sản phẩm doanh thu cận biên và chi phí cận biên của một yếu tố đầu vào
- Cầu của ngành về lao động
- Các quyết định cung lao động
- Thu nhập chuyển giao và tô kinh tế
- Cân bằng và mất cân bằng trong thị trường lao động
- Mức lương tối thiểu ảnh hưởng đến việc làm như thế nào
- Đường đồng lượng và sự lựa chọn kỹ thuật sản xuất

Nội dung nghiên cứu chính

Thị trường lao động là một trong những thị trường quan trọng nhất trong một nền kinh tế và có lẽ là một thị trường khác rất nhiều so với tất cả các thị trường khác. Để nâng cao hiểu biết của bạn về thị trường quan trọng này, bạn cần làm quen với những vấn đề sau:

- 1 Các yếu tố nào xác định đường cầu về lao động?
- 2 Các yếu tố nào xác định sự sẵn sàng làm việc của một cá nhân?
- 3 Tại sao thị trường lao động rất khó đạt cân bằng?

Sách lý thuyết đã đề cập đến tất cả các vấn đề này một cách chi tiết và các bài tập sau sẽ giúp bạn nâng cao hiểu biết của mình.

Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- a** Phân biệt người lao động "biên" và "ngoại biên"
- b** Lý thuyết về tiền lương hiệu quả
- c** Tô kinh tế
- d** Câu thứ phát
- e** Vòng luẩn quẩn của đói nghèo
- f** Tiền lương tối thiểu
- g** Tỷ lệ lao động tham gia làm việc
- h** Thất nghiệp không tự nguyện
- i** Cân bằng hóa những khác biệt tiền lương
- j** Thu nhập chuyển giao
- k** Chi phí cận biên của lao động
- l** Tính dễ thay đổi của lao động

- 1** Câu về một yếu tố sản xuất - không phải vì bản thân nó mà vì sản lượng được yếu tố này tạo ra.
- 2** Một điều kiện có thể tạo ra một hàng rào hiệu quả về việc gia nhập vào lực lượng lao động của các hảng đang ở trong ngành.
- 3** Khoản bồi thường bằng tiền của cùng một công việc trong các ngành khác nhau, vì vậy người công nhân có một kỹ năng cụ thể không có động lực để chuyển từ ngành này sang ngành khác.
- 4** Chi phí khi sử dụng thêm một đơn vị lao động.
- 5** Một ràng buộc hợp pháp đối với các hảng trong việc thiết lập mức tiền lương thấp nhất có thể trả cho người lao động.
- 6** Khoản phải trả tối thiểu cần thiết để duy trì một yếu tố làm một công việc cụ thể.
- 7** Khả năng của người lao động trong việc từ bỏ những công việc với mức lương thấp chuyển sang những ngành với mức lương cao hơn.
- 8** Một điều kiện xảy ra khi người lao động đã sẵn sàng làm việc với mức lương hiện tại nhưng không tìm được việc làm.
- 9** Khoản trả thêm cho một yếu tố đầu vào vượt quá phần mà hảng phải bỏ ra để có được yếu tố đầu vào đó.
- 10** Phần trăm của nhóm dân số ở độ tuổi lao động quyết định tham gia vào lực lượng lao động.
- 11** Một lý thuyết mà lý thuyết này cho rằng các hảng phải trả cho những người lao động hiện tại một mức lương trung bình cao hơn mức lương mà những người lao động đó sẵn sàng làm việc.
- 12** Một tình huống trong đó người lao động không có kỹ năng có thể được trả một mức lương thấp mà mức lương này rồi sẽ chi tiêu hết trong quá trình làm việc.

Bài tập

- 1** Bảng 10-1 giới thiệu lại một số thông tin đã sử dụng trong bài tập 7 - Chương 8: bây giờ chúng ta phân tích chi tiết hơn.

Ở bảng 10-1 minh họa giá bán sản phẩm của hảng. Hảng là người "đặt mức lương" và phải trả 280£/một đơn vị lao động bất kể là ngày càng nhiều lao động được thuê. Chi phí khác mà hảng phải bỏ ra là chi phí 200£ về vốn.

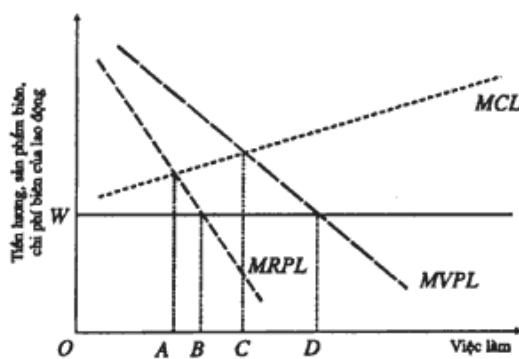
- (a) Tính sản phẩm doanh thu cận biên của lao động (MVPL).
- (b) Tính sản phẩm doanh thu cận biên của lao động (MRPL).
- (c) Vẽ các đường MVPL và MRPL.
- (d) Hảng sẽ tối đa hóa lợi nhuận trong ngắn hạn ở số lượng lao động nào?
- (e) Tính lợi nhuận trong ngắn hạn.

Bảng 10-1 Sản lượng đầu ra và đầu vào lao động

Lao động (công nhân/ tuần)	Sản lượng (đơn vị/ tuần)	Năng suất cận biên của lao động (MPL)	Giá (\$)	Tổng doanh thu	Doanh thu cận biên /đơn vị sản lượng	Sản phẩm giá trị cận biên của lao động (MVPL)	Sản phẩm doanh thu cận biên của lao động (MRPL)
0	0						
1	35	35	12				
2	80	45	10				
3	122	42	8				
4	156	34	6				
5	177	21	4				
6	180	3	2				

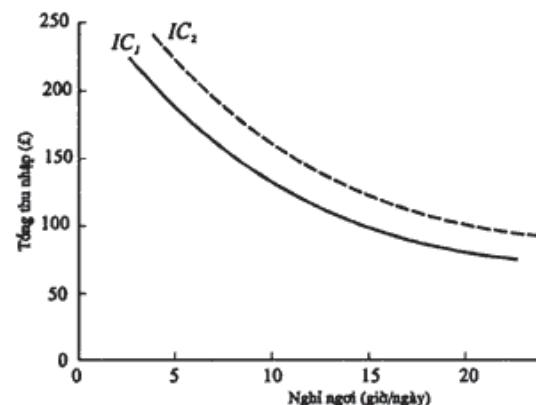
2 Hình 10-1 minh họa chi phí cận biên, năng suất cận biên của lao động và mức lương của một hằng. Xác định mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận của mỗi hằng trong các hằng sau:

- (a) Một hằng cạnh tranh hoàn hảo đối mặt với một tình huống cạnh tranh hoàn hảo trong thị trường lao động.
- (b) Một hằng không ảnh hưởng đến giá của sản lượng nhưng lại hành động như một nhà độc quyền mua trong thị trường lao động.
- (c) Một hằng đối mặt với đường cầu dốc xuống về sản phẩm của nó và hành động như một nhà độc quyền mua trong thị trường lao động.
- (d) Một hằng đối mặt với đường cầu dốc xuống về sản phẩm của nó và hành động như một hằng cạnh tranh hoàn hảo trong thị trường lao động.
- (e) Ảnh hưởng của độc quyền bán và độc quyền mua đến cầu về lao động của một hằng là gì?

Hình 10-1 Sức mạnh độc quyền mua và độc quyền bán

3 Hình 10-2 minh họa các đường bàng quan của George giữa thu nhập và nghỉ ngơi. Giả sử George không mất chi phí cố định trong quá trình làm việc và nhận được 50£ bất kể anh ta có làm việc hay không.

- (a) Vẽ thêm vào đồ thị đường ngân sách của anh ta nếu anh ta làm việc với mức lương 5£/giờ.

Hình 10-2 Cung lao động của George

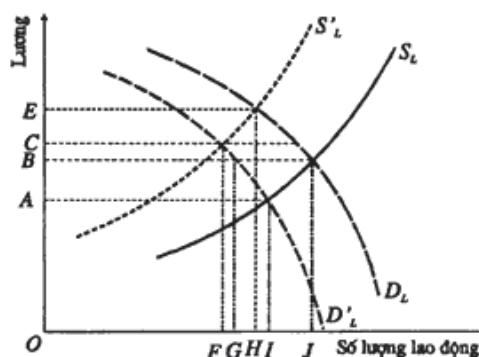
(b) George sẽ chọn làm việc bao nhiêu giờ?

(c) Giả sử mức lương tăng lên 7,5£/giờ, chỉ ra ảnh hưởng của sự thay đổi lương này đến đường ngân sách.

(d) George sẽ chọn làm việc bao nhiêu giờ?

(e) George xem nghỉ ngơi là một hàng hóa thông thường hay thứ cấp?

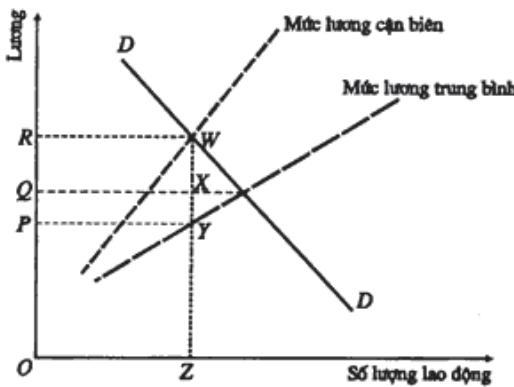
4 Một đường cầu về lao động văn phòng được biểu diễn trên Hình 10-3, cùng với đường cung về loại lao động này.

Hình 10-3 Cân bằng trong một thị trường lao động và ngành

- (a) Ban đầu, đường cầu thị trường là DL và nó gặp phải đường cung là SL. Mức lao động và lương cân bằng là bao nhiêu?
- (b) Giả sử đường cầu về sản phẩm của ngành giảm xuống: mức lao động và lương mới là bao nhiêu? Giải thích.
- (c) Bắt đầu lại với DL, SL, ngành nhận thấy cầu về lao động văn phòng trong những ngành khác tăng lên đã ảnh hưởng đến mức lương của ngành. Mức lao động và lương của ngành này đã bị ảnh hưởng như thế nào?
- (d) Từ DL, SL, đường cầu của ngành dịch chuyển thành D'L, nhưng lao động văn phòng của nghiệp đoàn bị hạn chế về lương, vẫn duy trì ở mức lương ban đầu. Xác định “Bản chất và quy mô của mất cân bằng này”.

5 Hình 10-4 minh họa một thị trường lao động độc quyền mua, trong đó những người lao động không được tổ chức thành một nghiệp đoàn.

Hình 10-4 Thị trường lao động độc quyền mua

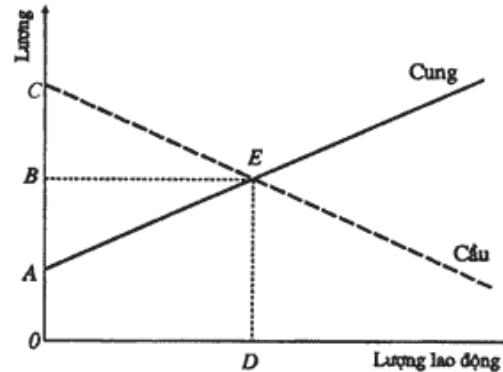


- (a) Người chủ sẽ trả mức lương nào cho người lao động?
- (b) Người chủ sẽ nhận mức lương nào?
- (c) Tổng thặng dư mà người chủ thu được là bao nhiêu?
- (d) Mức lương người chủ trả cho lao động là bao nhiêu nếu người chủ không phải là độc quyền mua mà là người chấp nhận giá trên thị trường lao động?

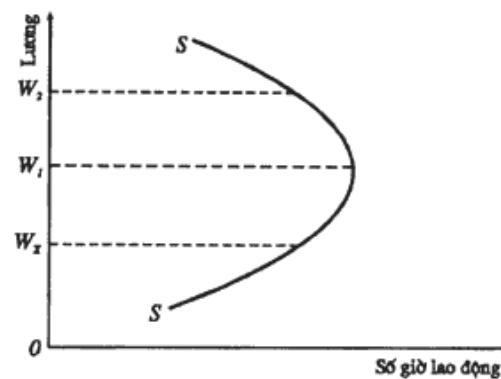
6 Hình 10-5 minh họa cung và cầu trong một thị trường lao động. Giả sử thị trường đang ở điểm cân bằng.

- (a) Thu nhập chuyển giao là diện tích của hình nào?
- (b) Xác định tó kinh tế.
- (c) Thu nhập chuyển giao và tó kinh tế thay đổi như thế nào nếu đường cung lao động là không co giãn?

Hình 10-5 Cung và cầu trong một thị trường lao động



Hình 10-6 Đường cung lao động cá nhân



7 Hình 10-6 minh họa lượng cung lao động ở các mức tiền lương khác nhau. Câu nào sau đây là không đúng khi mô tả mức lương vận động từ W_1 đến W_2 ?

- (a) Người chủ của lao động này thất bại trong việc khuyến khích cá nhân này tăng thêm giờ làm việc khi mức lương tăng từ W_1 đến W_2 ?
- (b) Hăng thay thế vốn cho lao động.
- (c) Người chủ có thể thuyết phục cá nhân này làm việc với số giờ như trước đây nhưng với mức lương WX .
- (d) Cá nhân này muốn nghỉ ngơi nhiều hơn.
- (e) Trong sự lựa chọn giữa “thu nhập” và “nghỉ ngơi”, “ảnh hưởng thu nhập” lấn át “ảnh hưởng thay thế”.

8 Một hăng đang tìm kiếm phương pháp sản xuất hàng hóa với chi phí tối thiểu. Các kết hợp khác nhau giữa vốn và lao động để sản xuất cùng một mức sản lượng được thể hiện trong Bảng 10-2.

- (a) Vẽ đường đồng lượng về 3 mức sản lượng đã cho.
- (b) Vẽ đường đồng phí chỉ các kết hợp về vốn và lao động trong đó hăng sử dụng mức chi phí 1000£, giá của vốn là 20£/đơn vị và giá lao động là 2£/đơn vị.

Bảng 10-2 Các kết hợp sản xuất của một hãng

10 đơn vị sản lượng	Lao động	20 đơn vị sản lượng	Lao động	30 đơn vị sản lượng	Lao động
35	80	42	100	45	170
28	100	30	150	35	210
20	134	25	170	30	230
16	160	20	200	27	245
13	200	16	240	21	295
10	248	12	300	18	350
7	300	10	350	16	400
5	350	8	400	14	450

- (c) Mức sản lượng lớn nhất mà hãng có thể sản xuất được là bao nhiêu với các điều kiện như trên? Hãng sử dụng bao nhiêu đơn vị vốn và lao động?
- (d) Vẽ đường đồng phẳng nếu hãng vẫn chi 100£, nhưng giá của lao động tăng lên thành 3£/đơn vị?
- (e) Mức sản lượng lớn nhất mà hãng có thể sản xuất được bây giờ là bao nhiêu? Hãng sử dụng bao nhiêu đơn vị vốn và lao động?
- (f) So sánh phần trăm sử dụng vốn và lao động ở câu (e) và câu (c). Bạn dự đoán điều gì xảy ra?
- (g) Mức sản lượng sẽ là bao nhiêu nếu hãng chỉ chi 800£ (giá của vốn vẫn là 20£/đơn vị và giá của lao động là 3£/đơn vị)?

❸ Yếu tố nào sau đây có thể dẫn đến thất nghiệp không tự nguyện?

- (a) Quy định mức lương tối thiểu để bảo vệ những người có thu nhập thấp.
- (b) Người chủ trả mức lương cao hơn mức lương trung bình với mong muốn hạn chế người lao động bỏ việc.
- (c) Tính kinh tế của quy mô.
- (d) Người lao động trong công ty tạo ra rào cản ngăn sự gia nhập của những lao động mới.
- (e) Hành động mạnh mẽ của nghiệp đoàn nhằm tăng lương trả cho các thành viên của nghiệp đoàn.

❹ Kiểm tra những lý thuyết ủng hộ việc giải thích tính không linh động trong thị trường lao động. Bạn có thể tìm được lý thuyết nào trong những lý thuyết trên phù hợp với tình trạng hiện nay ở Liên hiệp Anh.

Đúng/Sai

❶ Thị trường lao động đảm bảo rằng một phi công được trả mức lương như nhau bất kể anh ta làm việc trong ngành nào.

❷ Nếu chi phí lao động tăng lên, một hãng sẽ sử dụng nhiều vốn hơn.

❸ Với một hãng hoạt động trong cả thị trường hàng hóa và thị trường lao động đều là cạnh tranh hoàn hảo, hãng sẽ tối đa hóa lợi nhuận bằng việc thuê lao động ở điểm mà sản phẩm giá trị cận biên của lao động bằng mức lương.

❹ Với một hãng hoạt động trong cả thị trường hàng hóa và thị trường lao động đều là cạnh tranh hoàn hảo, hãng sẽ tối đa hóa lợi nhuận bằng việc thuê lao động ở điểm mà sản phẩm giá trị cận biên của lao động bằng mức lương thực tế.

❺ Một hãng với sức mạnh độc quyền mua không phải là người chấp nhận giá trong thị trường đầu vào.

❻ Với một hãng gặp phải một đường cầu dốc xuống, sản phẩm doanh thu cận biên của lao động lớn hơn sản phẩm giá trị cận biên của lao động.

❼ Với một ngành cạnh tranh, đường cầu lao động của ngành là tổng theo chiều ngang các đường MVPL của các hãng.

❽ Một đường cung lao động cá nhân luôn là một đường dốc lên - có nghĩa là một mức lương cao hơn thúc đẩy cá nhân đó làm việc nhiều giờ hơn.

❾ Tỷ lệ tham gia làm việc ở phụ nữ chưa có gia đình cao hơn so với phụ nữ đã lập gia đình.

❿ Tính cơ động của lao động cung cấp một mối liên kết quan trọng giữa các thị trường lao động.

⓫ Tô kinh tế phản ánh sự khác nhau trong quyết định cung sức lao động của các cá nhân, chứ không phải trong năng suất lao động của họ.

⓬ Thất nghiệp tự nguyện phát sinh từ tính không linh động trong thị trường lao động.

Kinh tế học trong thực tiễn

Bạn muốn biết bạn thực sự đáng giá như thế nào?

(Trích từ báo *The Guardian*, 8/5/2004)

Để tìm hiểu xem người ngồi bên cạnh mình có được trả lương cao hơn mình hay không chẳng phải là một việc dễ dàng. Trước đây các thông tin về mức lương được đặt đầu tiên trên các quảng cáo về việc làm và kéo dài mãi không dứt. Bây giờ một số quảng cáo tìm người đã bỏ qua các thông tin về lương, còn một số quảng cáo khác thì liệt kê các mức lương không rõ ràng. Thêm vào đó, bạn có thể phải làm việc ở những nơi mà họ có rất ít nhu cầu tuyển người hoặc có thể tìm được một công việc phù hợp với mình ở một tổ chức khác dưới một tiêu đề khác, điều này làm cho bạn tìm được một việc làm hợp với bản thân mình là khó khăn.

Janie Broom đã tìm được việc làm trên một trang web với vị trí của một nhà phân tích rủi ro ở nơi cô ta đang sống và đã sảng sỡ khi thấy những người làm cùng công việc như cô ta trong công ty giống công ty của cô nhưng được trả hơn 10000£. Cô ta nhanh chóng đàm phán đòi một mức lương tương tự như mức lương của những người khác.

Câu hỏi

- 1 Tỷ kinh tế của Janie Broom là bao nhiêu sau khi mức lương của cô ta tăng lên?
- 2 Có bảng chứng để chứng tỏ rằng lý thuyết cầu lao động về sản phẩm doanh thu cận biên và việc xác định mức lương là không hoàn thiện không?

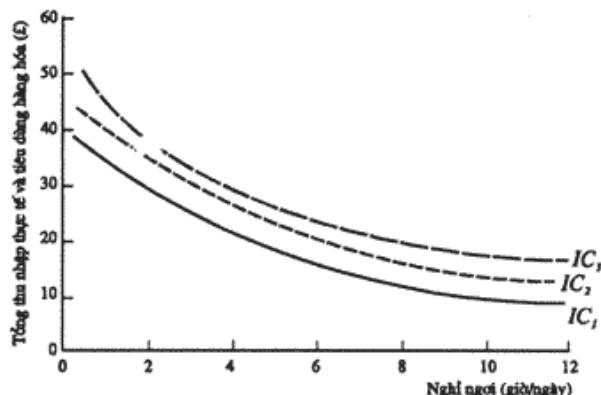
Câu hỏi tư duy

1 Trong chương 8 chúng ta đã thấy một hằng hoạt động dưới điều kiện cạnh tranh hoàn hảo tối đa hóa lợi nhuận trong ngắn hạn bằng việc sản xuất ở điểm tại đó $SMC = MR$. Bây giờ chúng ta thấy rằng một hằng nêu thuê lao động cho đến khi $W = MVPL$. Bạn có thể làm cho 2 giải pháp này phù hợp với nhau không?

2 Hình 10-7 là các đường bàng quan của Helen giữa thu nhập và nghỉ ngơi. Nếu cô ta không làm việc cô ta chỉ nhận được 10£/ngày. Cô ta không bao giờ chọn làm việc hơn 12h một ngày, vì vậy hình vẽ chỉ để cập đến số giờ làm việc nhỏ hơn 12h.

- (a) Đánh dấu lên trên hình vẽ vị trí của Helen nếu cô ta không đi làm.

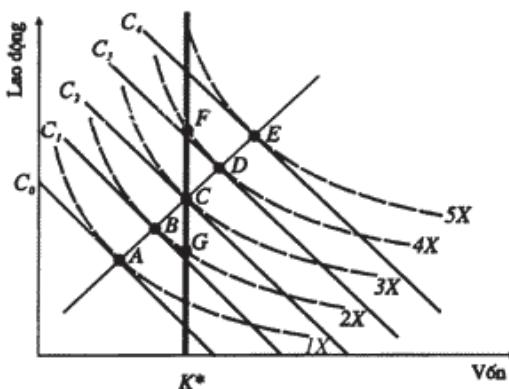
Hình 10-7 Cung lao động với giờ làm thêm



- (b) Thêm vào hình vẽ đó đường ngân sách của cô ta nếu cô ta có thể đi làm với 2,5£/h.
(c) Giả sử Helen hoàn toàn linh động về giờ làm việc, với mức lương hiện tại cô ta sẽ đi làm bao nhiêu giờ?
(d) Sửa lại đường ngân sách để phù hợp với tình huống trong đó Helen được trả gấp ba cho những giờ làm việc ngoài 8h/ngày.
(e) Bây giờ Helen sẽ chọn làm việc bao nhiêu giờ?

3 Hình 10-8 là hàm sản xuất của một hàng hóa: $1X, 2X, 3X\dots$ là các đường đồng lượng với các tập hợp khác nhau giữa vốn và lao động để sản xuất các mức sản lượng khác nhau; $C_0, C_1, C_2\dots$ là các đường đồng phí mà độ dốc của chúng chính là giá tương đối giữa vốn và lao động.

Hình 10-8 Các đường đồng lượng và đồng phí



- (a) Đường đồng phí nào đại diện cho phương pháp sản xuất 3 đơn vị sản lượng ($3X$) với chi phí ít nhất?
- (b) Giả sử trong ngắn hạn, số lượng đầu vào vốn cố định ở K^* . Vậy số lượng lao động sẽ thay đổi như thế nào khi sản lượng tăng từ $2X$ lên $3X$ và sau đó là $4X$. Có gợi ý gì về “lợi tức đối với lao động”.
- (c) Cho trước công nghệ sản xuất với các đường đồng lượng như hình vẽ, đường ABCDE minh họa các cách kết hợp sản xuất, các mức sản lượng khác nhau với chi phí ít nhất, với giả định cả vốn và lao động đều thay đổi và giá tương đối giữa các yếu tố đầu vào này không thay đổi. Các điểm trên gợi ý về hình dạng của đường chi phí trung bình dài hạn như thế nào?

Các thị trường yếu tố và phân phối thu nhập

Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Thị trường vốn và đất đai
- Thu nhập của các yếu tố được xác định như thế nào
- Phân phối thu nhập cá nhân và theo chức năng
- Dòng tiền theo thời gian và dự trữ tại một thời điểm
- Thị trường về dịch vụ vốn và tài sản vốn mới
- Nội dung của giá trị hiện tại
- Lãi suất danh nghĩa và thực tế
- Tiết kiệm và đầu tư xác định lãi suất thực tế như thế nào
- Đất đai được phân bổ giữa những người sử dụng như thế nào

Nội dung nghiên cứu chính

Chương này xem xét các vấn đề về huy động vốn một cách có hiệu quả. Các vấn đề chủ yếu mà bạn cần nắm vững là:

- 1 Cái gì xác định giá của vốn?
- 2 Cái gì xác định cầu về vốn?
- 3 Yếu tố nào ảnh hưởng đến cân bằng trên thị trường vốn?

Sách lý thuyết đã đề cập đến những vấn đề này và các bài tập sau sẽ giúp bạn phát triển sự hiểu biết của mình.

Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- | | |
|---|--|
| a Đất đai
b Phân phối thu nhập cá nhân
c Vốn hiện vật
d Tỷ lệ lao động - vốn
e Giá của tài sản
f Tỷ lệ tiền lương lãi suất
g Lãi suất cần thiết
h Lãi suất danh nghĩa
i Tiết kiệm
j Vốn tài chính
k Lãi suất thực tế
l Giá trị hiện tại
m Ch phí cơ hội của vốn
n Phân phối thu nhập theo chức năng | 1 Phần dự trữ của một hàng hóa dùng để đóng góp vào việc sản xuất hàng hóa và dịch vụ khác.
2 Yếu tố sản xuất do thiên nhiên cung cấp.
3 Giá trị ngày hôm nay của một khoản tiền trong tương lai.
4 Sự chênh lệch giữa thu nhập và tiêu dùng hiện tại.
5 Tỷ lệ lợi tức do sử dụng các nguồn tài trợ một cách tốt nhất: được thể hiện bằng tỷ lệ lãi suất thực tế.
6 Chỉ ra sự phân phối của thu nhập quốc dân theo các bộ phận giữa các yếu tố sản xuất khác nhau.
7 Lợi tức từ khoản tiền cho vay tính bằng số lượng hàng hóa tăng lên chứ không phải bằng lượng tiền tăng lên của khoản tiền đó.
8 Phương pháp đo lường giá tương đối của các yếu tố đầu vào: giá của lao động trên giá của vốn.
9 Chỉ ra thu nhập quốc dân được phân chia như thế nào giữa các cá nhân, không kể đến các dịch vụ yếu tố mà các cá nhân sử dụng để có được thu nhập.
10 Miêu tả tầm quan trọng tương đối giữa vốn và thu nhập trong quá trình sản xuất.
11 Tổng giá trị của các tài sản vốn được mua trên thị trường.
12 Lợi tức của khoản cho vay tính bằng tiền.
13 Tài sản, ví dụ như tiền hoặc tiền gửi ngân hàng, được sử dụng để mua các yếu tố sản xuất.
14 Tỷ lệ tiền thuê cho phép chủ sở hữu vốn trang trải được hết các chi phí cơ hội của khoản vốn đó. |
|---|--|

Bài tập

- 1** Yếu tố nào sau đây cũng có thể coi là “dự trữ” hoặc một “luồng”:
- Vans là chủ một công ty hữu hạn.
 - Đất có sẵn để trồng lúa mỳ.
 - Sử dụng xe tải để vận chuyển.
 - Đường ray xe lửa.
 - Một chương trình TV đối với người tiêu dùng.
 - Sử dụng không gian văn phòng.

- 2** Một trái phiếu chính phủ lãi suất 10% có giá trị danh nghĩa là 100£ được bán để trao đổi lấy một cổ phiếu với giá 62,5£.
- Tỷ lệ lãi suất hiện tại là bao nhiêu?
 - Tỷ lệ lãi suất là bao nhiêu nếu giá của trái phiếu là 75£?
 - Nếu tỷ lệ lãi suất giảm xuống còn 8%, bạn dự đoán trái phiếu có thể được bán với giá bao nhiêu?

3 Lucy có 100£ để tiết kiệm hoặc tiêu dùng. Nếu cô ta cho vay khoản tiền này sẽ thu được 112£ trong một năm. Lạm phát hiện nay là 14% hàng năm.

(a) Lucy đang đổi mặt với lãi suất danh nghĩa là bao nhiêu?

(b) Lãi suất thực tế là bao nhiêu?

(c) Xét về mặt tài chính, Lucy nên tiết kiệm hay tiêu dùng số tiền đó?

(d) Câu trả lời sẽ bị ảnh hưởng như thế nào nếu lạm phát là 10%, với cùng một tỷ lệ về lãi suất danh nghĩa?

4 Một chiếc máy được dự đoán là hoạt động có hiệu quả trong 3 năm, mỗi năm tạo ra thu nhập là 2000£ và bán được với giá 6000£ đến cuối năm thứ ba. Hãy sử dụng giá trị hiện tại để xác định “diễn hòa vốn” về giá của chiếc máy này nếu:

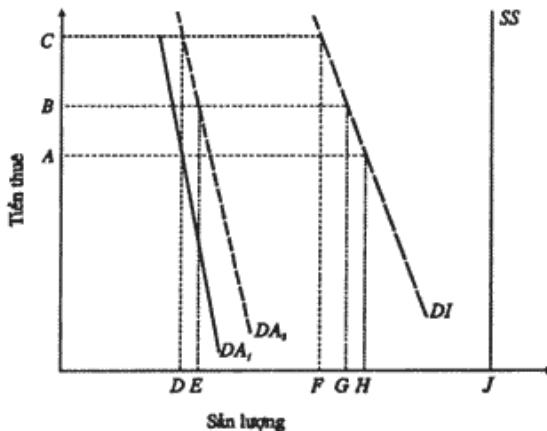
(a) Lãi suất là 8%?

(b) Lãi suất là 10%?

(c) Lãi suất là 8% và không tính lạm phát với mức dự đoán là 7% hàng năm?

5 Một ngành kinh tế có hai khu vực: nông nghiệp và công nghiệp. Hình 11-1 là cầu về đất (DA₁ và DI) tương ứng với 2 khu vực. SS là tổng cung về đất dai.

Hình 11-1 Phân bổ đất dai giữa những người sử dụng



(a) Xác định tỷ lệ thuế ở điểm cân bằng và lượng cầu về đất của mỗi khu vực?

Giả sử chính phủ quan tâm đến lượng thực phẩm nhập khẩu vào nền kinh tế và quyết định khuyến khích sản xuất thực phẩm trong nước bằng việc tài trợ đất nông nghiệp. Điều này làm cho cầu về đất nông nghiệp dịch chuyển đến DA₂.

(b) Trong ngắn hạn, đất sẽ được phân bổ như thế nào giữa khu vực nông nghiệp và công nghiệp?

(c) Trong ngắn hạn, tỷ lệ tiền thuê đất ở 2 khu vực là bao nhiêu?

(d) Trong dài hạn, vị trí cân bằng là ở đâu?

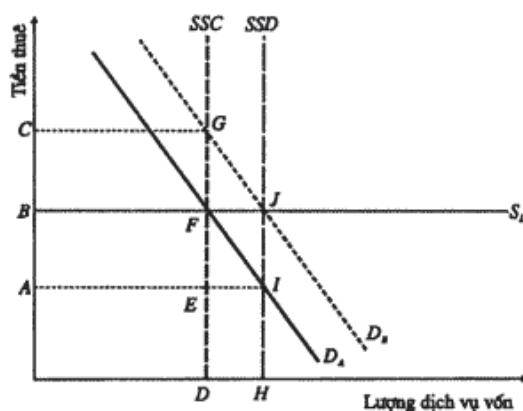
6 Một hãng đang xem xét việc mua một thiết bị được tài trợ bởi vốn vay ngân hàng. Chi phí mua thiết bị là 25000£ và lãi suất tiền vay ngân hàng là cố định ở mức 10%/năm. Chi phí bảo dưỡng và phí khấu hao hàng năm là 12% chi phí mua thiết bị. Lạm phát là 8% hàng năm.

(a) Lãi suất cần thiết của thiết bị này là bao nhiêu?

(b) Lãi suất cần thiết của thiết bị là bao nhiêu nếu lạm phát tăng lên 10%?

7 Hình 11-2 minh họa câu về dịch vụ vốn và các đường cung trong ngắn hạn và dài hạn. Giả sử lao động trong ngành chấp nhận cắt giảm lương.

Hình 11-2 Điều chỉnh vốn



(a) Xác định vị trí cân bằng ban đầu trước khi có sự cắt giảm lương.

(b) Tỷ lệ lãi suất ở đây đại diện cho cái gì - ví dụ: nó được xác định như thế nào?

(c) Xác định vị trí cân bằng ngắn hạn sau khi có sự cắt giảm lương.

(d) Vị trí cân bằng này có được duy trì không? Nếu không, giải thích tại sao?

(e) Vị trí cân bằng dài hạn là ở đâu?

(f) Thông thường chúng ta có thể miêu tả quá trình điều chỉnh giữa (c) và (e) như thế nào?

8 Câu nào sau đây có thể áp dụng cho Liên hiệp Anh?

(a) Có sự thay đổi chút ít trong phần đóng góp của các yếu tố sản xuất vào thu nhập trước thuế từ những năm 1980.

- (b) Lao động nhận được thu nhập với tỷ lệ lớn nhất trong thu nhập quốc dân.
- (c) Của cải được phân phối ít công bằng hơn so với thu nhập.
- (d) Lượng vốn tăng nhanh hơn lực lượng lao động giữa những năm 1981 và 1996.
- (e) Mất công bằng trong phân phối của cải đóng góp vào sự mất cân bằng trong phân phối thu nhập.

9 Bảng 11-1 đưa ra những thông tin về phân phối thu nhập “ban đầu” và “thu nhập khả dụng” của các hộ gia đình ở Liên hiệp Anh năm 2000. Thu nhập “ban đầu” là thu nhập trước khi tính thuế, trợ cấp... “Thu nhập khả dụng” là phần sau khi đã trừ đi các khoản phải trả và thuế trực thu. Hoàn thành cột (5) và (6) ở bảng 11-1 để chỉ ra thu nhập tích lũy dưới 20, 40, 60...% các hộ gia đình.

Các nhà kinh tế học đôi khi cố gắng minh họa các số liệu về phân phối thu nhập bằng “đường cong Lorenz”. Hãy vẽ đồ thị minh họa số liệu ở cột (4) trên trục hoành và cột (5) trên trục tung. Nối những điểm tạo ra đường cong Lorenz. Đường cong càng gần với đường thẳng nối (0,0) và (100,100), thì phân phối thu nhập càng đồng đều. Vẽ một đường cong Lorenz thứ hai sử dụng số liệu ở cột (6): sự khác nhau giữa hai đường này có thể đưa đến một ấn tượng về ảnh hưởng của thuế và lợi ích trong việc phân phối lại.

Năm 1995 ở Brazil, 20% dân số nghèo nhất nhận được 2,5% trong thu nhập, 20% dân số tiếp theo nhận được 5,7% trong thu nhập; 20% tiếp theo nhận được 9,9%; 20% tiếp theo nhận được 17,7% và 20% dân số giàu nhất nhận được 64,2% trong tổng thu nhập. Vẽ đường cong Lorenz chỉ ra sự phân phối thu nhập này và so sánh với đường cong này ở Liên hiệp Anh. (Số liệu lấy từ World Development Report 1998/99).

Bảng 11-1 Phản hồi thu nhập ở Liên hiệp Anh

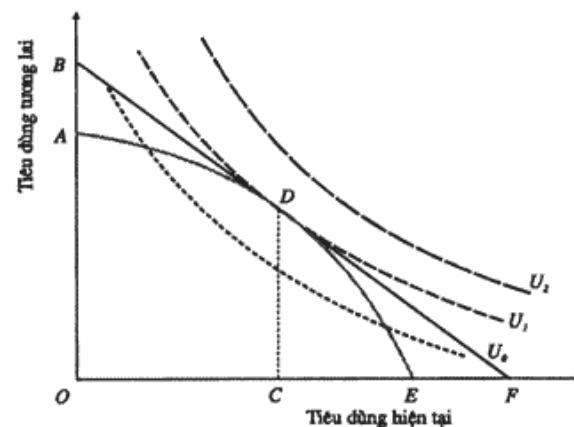
(1) Tỷ lệ các hộ gia đình (%)	(2) Thu nhập ban đầu	(3) Thu nhập sau khi trừ thuế và các khoản phải trả	(4) Số các hộ gia đình cộng đồn	(5) Thu nhập ban đầu cộng đồn	(6) % thu nhập sau khi trừ thuế và các khoản phải trả
20 đầu tiên	2	8	20		
20 tiếp theo	7	12	40		
20 tiếp theo	15	16	60		
20 tiếp theo	25	23	80		
20 cuối cùng	51	42	100		

Nguồn: Economic Trends.

10 Hình 11-3 minh họa một nền kinh tế đang ở điểm cân bằng với những người tiêu dùng chưa có gia đình đang lựa chọn giữa tiêu dùng hiện tại và tương lai.

- (a) Xác định điểm cân bằng.
- (b) Ở điểm cân bằng đó tiết kiệm được bao nhiêu?
- (c) Nếu tất cả các nguồn lực đều được đầu tư vào hàng hóa vốn mới, mức tiêu dùng tối đa có thể được trong tương lai là bao nhiêu?
- (d) Bạn do lường tỷ lệ lợi tức của việc đầu tư này như thế nào?
- (e) Cái gì xác định độ dốc của đường giá?

Hình 11-3 Tiêu dùng hiện tại và tương lai



11 Quay trở lại Chương 6, chúng ta phản ứng của người tiêu dùng khi giá thay đổi được phân tích thành thu nhập thực tế và ảnh hưởng thay thế. Giải thích tại sao một vài khía cạnh của sự phân tích đó có thể được sử dụng để phân tích ảnh hưởng về sự thay đổi lượng tiết kiệm đến tỷ lệ lãi suất. Bạn có thể dự đoán gì về ảnh hưởng rộng của tiết kiệm khi có sự tăng lên trong lãi suất?

12 Bay giờ để cập đến sự dịch chuyển của đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF) giữa tiêu dùng hiện tại và tiêu dùng tương lai. Yếu tố nào sau đây làm cho đường PPF mới thoải mái hơn ở mỗi mức tiêu dùng hiện tại. (Chú ý: có thể có nhiều hơn 1 câu trả lời).

- (a) Các thành viên trong xã hội tiết kiệm nhiều hơn.
- (b) Năng suất của các thiết bị vốn mới tăng lên.
- (c) Lãi suất giảm xuống.
- (d) Lãi suất tăng lên.
- (e) Đầu tư tăng lên.
- (f) Đột phá về công nghệ nâng cao hiệu quả trong sản xuất.

Đúng/Sai

1 Của cải hữu hình bao gồm: đất, máy móc, các nhà máy, xe cộ và các trái phiếu chính phủ.

2 Bởi vì con người không thể trao đổi được, nên không có giá của tài sản đối với lao động.

3 Giá trị hiện tại của tài sản vốn là tổng các khoản tiền thuê mua mà tài sản đó tạo ra trong tương lai.

4 Lạm phát làm cho lãi suất danh nghĩa tăng lên. Điều này làm giảm giá trị hiện tại của thu nhập tương lai.

5 Lãi suất thực tế có thể âm.

6 Luồng tiền về các dịch vụ vốn có thể khác nhau trong dài hạn nhưng cố định trong ngắn hạn.

7 Sự khác nhau trong mức tiền thuê có thể dẫn đến sự dịch chuyển vốn giữa các ngành hoặc giữa các quốc gia.

8 Cân bằng trong thị trường đất đai hướng tới giá thuê là bằng nhau ở tất cả các khu vực.

9 Điểm chủ yếu phân biệt giữa 3 yếu tố sản xuất (đất đai, vốn, lao động) là tốc độ điều chỉnh cung của các yếu tố này.

10 Trong dài hạn, cung của lao động ít co giãn hơn cung của vốn.

11 Mức độ phân chia thu nhập quốc dân của lao động ở Liên hiệp Anh tăng lên đáng kể giữa thời kỳ 1981-1989 và 1998.

12 Phân phối của cải là đồng đều hơn so với sự mất công bằng trong phân phối thu nhập.

Kinh tế học trong thực tiễn

Những trung tâm của cải “bên ngoài London”
(The BBC News, 07/7/2004)

Năm khu vực phát triển nhất ở Liên hiệp Anh với những người có được thu nhập cao đều ở ngoài khu vực Đông Nam, một cuộc nghiên cứu cho thấy điều đó. Số lượng người kiếm được mức thu nhập hơn 68000£ một năm ở High Peak tỉnh Derbyshire đã tăng 68% so với năm ngoái. Monmouth, Cardiff North, Manchester Withington và Keighley cũng đã nhận thấy có sự tăng lên nhiều về những người kiếm được mức thu nhập cao nhất. Steven Mendel, giám đốc phát triển kinh doanh của Barclays, nói rằng sự phát triển chậm của nền kinh tế Vương quốc Anh không phù hợp với sự tăng lên của những người giàu có ở nước Anh đang càng ngày càng giàu hơn.

Nhìn chung, 29 khu vực ở Anh và Wales đã có hơn 1 trong số 10 người kiếm được mức thu nhập hơn 60000£/năm, so với 1 trong 8 người năm 2003. Nhưng xét về giá trị của cải - chứ không phải sự tăng trưởng - Kensington và Chelsea tiếp tục là những khu vực đứng đầu trong cả vương quốc về tỷ lệ cư dân kiếm được thu nhập cao nhất.

Câu hỏi

1 Có phải High Peak hay Chelsea và Kensington ở Liên hiệp Anh là những trung tâm về của cải?

2 Tại sao bạn lại nghĩ những người giàu lại ngày càng giàu hơn?

Câu hỏi tư duy

1 Phân biệt giữa tò kinh tế và thu nhập chuyển giao. Với ví dụ có liên quan, hãy giải thích cái gì xác định tò kinh tế từ việc sử dụng các yếu tố sản xuất.

2 Giải thích việc mở rộng về vấn đề năng lượng là yếu tố thứ tư trong sản xuất.

Kinh tế học phúc lợi

Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Kinh tế học phúc lợi là gì
- Công bằng ngang và dọc
- Khái niệm hiệu quả Pareto
- Bàn tay vô hình có thể đạt được hiệu quả như thế nào
- Khái niệm thất bại thị trường
- Tại sao loại bỏ từng phần những bóp méo có thể là có hại
- Vấn đề ảnh hưởng hướng ngoại (ngoại ứng) và các giải pháp có thể
- Sức mạnh độc quyền gây ra thất bại thị trường như thế nào
- Những lệch lạc do ô nhiễm và tắc nghẽn giao thông
- Tại sao những thị trường mất cân đối gây ra lệch lạc

Nội dung nghiên cứu chính

Kinh tế học phúc lợi là nơi những nhà kinh tế học thực chứng gặp kinh tế học chuẩn tắc (xem lại chương 1), nhưng kinh tế học thực chứng cố gắng trở thành *không dính dáng đến giá trị* trong khi kinh tế học chuẩn tắc thì không. Vì thế chủ đề kinh tế học phúc lợi gây ra sự tranh luận. Tuy nhiên, có một số ý tưởng quan trọng bạn cần có để xây dựng hiểu biết của mình về:

- ❶ Hiệu quả Pareto là gì?
- ❷ Thất bại thị trường là gì và cái gì tạo ra thất bại thị trường?
- ❸ Một số giải pháp cho thất bại thị trường là gì?

Sách lý thuyết đã cung cấp một phân tích chi tiết về các chủ đề này và các bài tập sau sẽ giúp bạn mở rộng hiểu biết của mình.

Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- a** Công bằng ngang
- b** Phân bổ tài nguyên
- c** Quyền sở hữu tài sản
- d** Kinh tế học phúc lợi
- e** Điều tốt thứ nhì
- f** Vấn đề kẽ ăn không
- g** Thất bại của thị trường
- h** Hiệu quả phân bổ
- i** Ảnh hưởng hướng ngoại (ngoại ứng)
- j** Hiệu quả Pareto
- k** Công bằng dọc
- l** Lệch lạc

- 1** Một nhánh của kinh tế học nghiên cứu các vấn đề chuẩn tắc, mục đích của nó không phải là mô tả cách thức hoạt động của nền kinh tế mà là đánh giá nền kinh tế hoạt động tốt như thế nào.
- 2** Đối xử giống nhau với những người giống nhau.
- 3** Danh sách hay sự mô tả đầy đủ ai làm gì và ai được gì.
- 4** Các tình huống trong đó cân bằng trong các thị trường tự do không bị điều tiết, không đạt được sự phân bổ hiệu quả.
- 5** Đối xử khác nhau với những người khác nhau nhằm giảm các hệ quả của những cái tạo ra những sự khác nhau ban đầu.
- 6** Tình huống gây ra chi phí xã hội cận biên của việc sản xuất ra hàng hóa khác với lợi ích xã hội cận biên đạt được từ việc tiêu dùng hàng hóa đó.
- 7** Tình huống trong đó cá nhân không có động cơ thanh toán cho hàng hóa mà phải sản xuất ra một cách tốn kém, khi người đó vẫn tiêu dùng được hàng hóa đó.
- 8** Lý thuyết theo đó chính phủ có thể làm tăng tổng hiệu quả của cả nền kinh tế bằng việc tạo ra những b López mới để khử những b López đang tồn tại.
- 9** Tình huống trong đó nền kinh tế đạt được nhiều nhất từ các tài nguyên khan hiếm của mình và không phung phí chúng.
- 10** Tình huống phát sinh bất cứ khi nào quyết định sản xuất hoặc tiêu dùng của cá nhân ảnh hưởng trực tiếp đến những người khác, không phải thông qua các giá thị trường.
- 11** Sự phân bổ tài nguyên sao cho, với các thị trường tiêu dùng, tài nguyên và công nghệ xác định, không thể chuyển sang một phân bổ khác trong đó sẽ làm cho một số người được lợi mà không người nào bị thiệt.
- 12** Quyền đền bù hợp pháp đối với những vi phạm các quyền được trao.

Bài tập

1 Giả sử rằng Ursula và Vince đánh giá ích lợi của mình bằng các hàng hóa nhận được. Hình 12-1 cho thấy con số của các phân bổ hàng hóa khác nhau giữa họ.

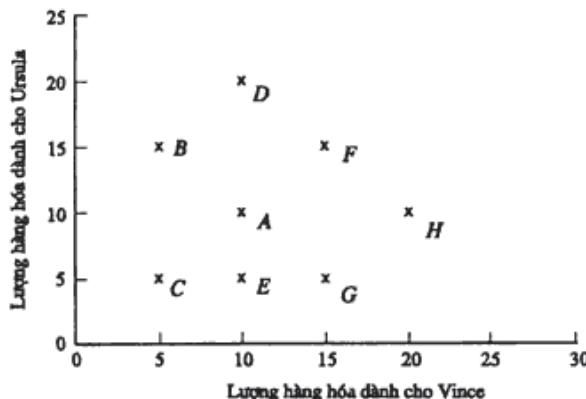
- (a)** Những phân bổ nào tốt hơn A?
- (b)** Những phân bổ nào kém A?

(c) Có phân bổ nào không được nhắc đến trong câu trả lời của bạn cho (a) và (b) không? Nếu có, hãy giải thích tại sao bạn không có khả năng đánh giá chúng là tốt hơn hay kém A. Xã hội có bằng quan giữa các điểm như thế không?

Giả sử rằng số lượng của hàng hóa sẵn có là 20:

- (d)** Những phân bổ nào là không hiệu quả?
- (e)** Những phân bổ nào là hiệu quả?
- (f)** Những phân bổ nào là không khả thi?

Hình 12-1 Phân bổ hàng hóa giữa Ursula và Vince



2 Giả sử rằng một nền kinh tế có nhiều người sản xuất và người tiêu dùng, nhưng chỉ có hai hàng hóa, thức ăn và sách. Cả hai thị trường đều không bị điều tiết và là cạnh tranh hoàn hảo. Giá cân bằng của thức ăn là 20£ và giá sách là 10£. Lao động là yếu tố sản xuất biến đổi và các công nhân có sự thỏa mãn nghề nghiệp như nhau trong mỗi khu vực. Nền kinh tế đang ở cân bằng.

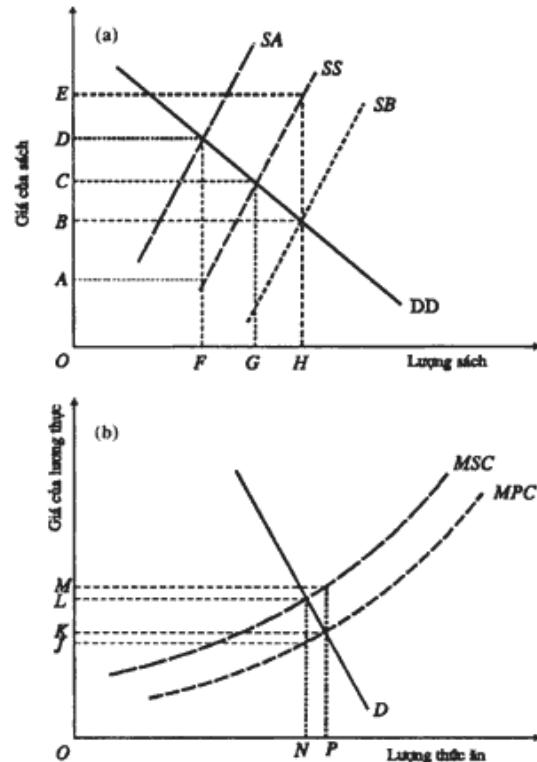
- (a) Những người tiêu dùng được thêm bao nhiêu ích lợi (tính theo giá trị bằng tiền) từ quyền sách cuối cùng được sản xuất ra?
- (b) Những người tiêu dùng sẽ trao đổi bao nhiêu quyền sách lấy một đơn vị thức ăn nếu ích lợi của họ giữ nguyên?
- (c) Chi phí cận biên của quyền sách cuối cùng và đơn vị thức ăn cuối cùng được sản xuất ra là bao nhiêu?
- (d) Có thể nói gì về đơn giá tiền lương tương đối trong hai khu vực?
- (e) Tỷ số giữa sản phẩm hiện vật cận biên của lao động trong sản xuất sách và trong sản xuất thực phẩm là gì?
- (f) Bao nhiêu quyền sách bổ sung có thể được sản xuất ra nếu giảm bớt một đơn vị thực phẩm được sản xuất ra?
- (g) Với câu trả lời cho các phần (b) và (f), có thể nói gì về sự phân bổ tài nguyên trong nền kinh tế này?

3 Phần (a) của Hình 12-2 biểu thị đường cầu về sách (DD) trong nền kinh tế ở bài tập 2. SS biểu thị đường cung sách.

- (a) Hãy xác định giá và sản lượng cân bằng.
- (b) Giả sử rằng các nhà chức trách áp thuế đối với sách: hãy xác định đường cung bao gồm thuế và giá và lượng cân bằng mới của người tiêu dùng. Lượng thuế là bao nhiêu?

(c) Ở cân bằng này, chi phí xã hội của sách là bao nhiêu? Lợi ích cận biên của người tiêu dùng là bao nhiêu?

Hình 12-2 Thuế đánh vào hàng hóa và điều tốt thứ nhì



Với thuế sách áp đặt như ở phần (b), bây giờ hãy xem xét thị trường thức ăn, biểu thị ở phần (b) trong Hình 12-2. D biểu thị thị trường cầu, MPC biểu thị chi phí tư nhân cận biên của thực phẩm và MSC biểu thị chi phí xã hội cận biên của việc sản xuất thực phẩm.

- (d) Hãy xác định giá và sản lượng cân bằng trong thị trường thực phẩm.
- (e) Cân bằng này có đảm bảo sự phân bổ tài nguyên thỏa mãn không? Giải thích câu trả lời của bạn.
- (f) Giải thích sự khác nhau giữa MPC và MSC.
- (g) VỚI thuế sách phải được giữ nguyên, sản lượng được ưa thích của ngành thực phẩm là gì? Các nhà chức trách có thể làm thế nào để đạt được mức sản lượng này?

4 Những thứ nào dưới đây là biểu thị thất bại của thị trường? (Lưu ý: Có thể có nhiều hơn một câu trả lời).

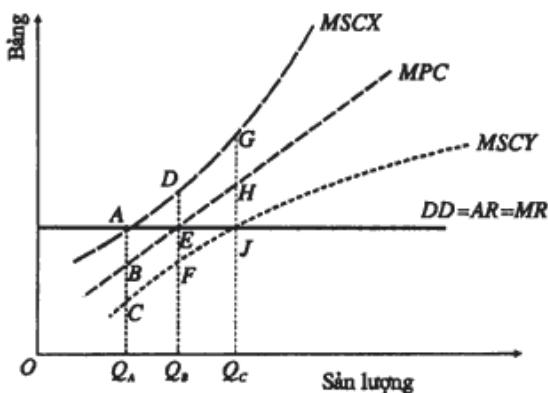
- (a) Tắc nghẽn giao thông.
- (b) Sự tồn tại của độc quyền tập đoàn cầu kết.
- (c) Thiếu vắng thị trường tương lai về ôtô.
- (d) Có thị trường trong đó lợi ích xã hội cận biên cao hơn lợi ích tư nhân cận biên.

(e) Tình huống trong đó hàng được tự do gây ô nhiễm không khí xung quanh nhà máy (khu vực dân cư) mà không phải chịu chi phí.

5 Người nuôi chó hàng ngày để chó làm bẩn vỉa hè. Điều này là ảnh hưởng hướng ngoại theo nghĩa nào? Không có những mức phí hiệu quả đổi với những người nuôi chó, bạn sẽ kỳ vọng có quá nhiều hay quá ít chó so với hiệu quả xã hội? Các nhà chức trách có nên giải quyết vấn đề này bằng việc tăng phí giấy phép nuôi chó hay hạn chế số giấy phép phát hành - hay cứ để mặc mọi thứ như thế?

6 Hai nhà máy nằm gần một khu vực nông thôn xa xôi hoạt động độc lập. Một nhà máy là chi nhánh của công ty (XYZ plc) phải chịu chi phí để cải thiện và duy trì con đường chính nối hai nhà máy bằng đường bộ. Nhà máy kia không đóng góp gì cho con đường, nhưng chia sẻ lợi thế của nó. Hình 12-3 minh họa vị thế XYZ plc gấp phải, giả định (để đơn giản hóa) XYZ plc là người chấp nhận giá trong thị trường này, với đường cầu nằm ngang ở DD. MPC biểu thị chi phí tư nhân cận biên XYZ plc gấp phải.

Hình 12-3 Tác động của ảnh hưởng hướng ngoại của sản xuất



- (a) Hàng sẽ sản xuất ở điểm nào?
- (b) Tính đến ảnh hưởng hướng ngoại của con đường, hãy xác định đường chi phí xã hội cận biên (MSCX hay MSCY). Giải thích câu trả lời của bạn.
- (c) Điểm sản xuất hiệu quả về mặt xã hội là gì? Tại sao?
- (d) Chi phí xã hội của việc sản xuất ở (a) chứ không phải ở (c) là gì?
- 7 Một nhà máy thải khói trong quá trình sản xuất, áp đặt tính phí kinh tế lên môi trường. Các số liệu sau mô tả tình huống đó.

Sản lượng (đơn vị)	Chi phí tư nhân cận biên (£)	Doanh thu cận biên (£)	Chi phí xã hội cận biên của ô nhiễm không khí (£)
1	12	24	4
2	12	22	6
3	12	20	8
4	12	18	10
5	12	16	12
6	12	14	14
7	12	12	16
8	12	10	18

Lúc đầu hàng tối đa hóa lợi nhuận không quan tâm đến chi phí xã hội của ô nhiễm không khí. Nếu sau đó, các nhà chức trách áp đặt thuế gây ô nhiễm đối với hàng bằng chi phí xã hội cận biên, câu nào sau đây mô tả cái xảy ra với sản lượng?

- (a) Giảm đi 4 đơn vị.
- (b) Giảm đi 2 đơn vị.
- (c) Giảm đi 1 đơn vị.
- (d) Giữ nguyên.
- (e) Tăng thêm 1 đơn vị.

8 Câu nào sau đây mô tả tình huống trong đó sự phân bổ tài nguyên có thể coi là hiệu quả?

- (a) Các quá trình sản xuất sử dụng ít năng lượng chừng nào có thể.
- (b) Không ai có thể được lợi thêm mà không phải làm cho một ai đó bị thiệt.
- (c) Không cần trao đổi với các nước khác.
- (d) Cân cân thanh toán có thặng dư.
- (e) Sản lượng một hàng hóa không thể tăng mà không phải giảm sản lượng của hàng hóa khác.
- (f) Tất cả các công ty tư nhân trong nền kinh tế đang sản xuất ở mức cân bằng để tối đa hóa lợi nhuận.
- (g) Tổng thu nhập quốc dân hàng năm tăng với tốc độ đã được dự kiến.

9 Hội viên hội đồng chính quyền địa phương nói: "Nhà chức trách thiếu doanh thu và các con đường vào trung tâm thị trấn bị tắc nghẽn; vì thế, chúng ta cần tăng gấp đôi phí đỗ ôtô". Nếu đây là mục đích chính sách thì giả định nào sau đây được ngầm đưa ra?

- (a) Cơ giàn của cầu về đỗ ôtô trong trung tâm thị trấn nhỏ hơn 1.

- (b) Chi phí xã hội của việc lái ôtô trong trung tâm thị trấn lớn hơn lợi ích xã hội.
- (c) Nhà chức trách địa phương không có sự cạnh tranh đáng kể trong việc cung cấp các cơ sở đỗ ôtô trong trung tâm thị trấn.

10 Hãy giải thích ý nghĩa của một sự ô nhiễm nào đó có thể là đáng mong muốn về mặt xã hội.

(Gợi ý: Bạn có thể thấy là có ích nếu vẽ sơ đồ để biểu thị ảnh hưởng của ô nhiễm trong thị trường. Ví dụ, hãy tưởng tượng bạn sống ở căn hộ nhìn ra biển, nhưng ở bờ biển đó có một nhà máy lọc dầu. Điều này có nghĩa là bạn phải dành thêm thời gian lau nhà và phải giặt quần áo thường xuyên hơn. Nhà máy lọc dầu áp đặt chi phí cho bạn và những người hàng xóm của bạn (nghĩa là xã hội) mà nó không phải thanh toán tiền cho việc đó. Vẽ đồ thị biểu thị quyết định sản xuất của hãng và sau đó so sánh với vị trí tối ưu đối với cả xã hội. Câu hỏi là liệu vị trí tối ưu có đòi hỏi ô nhiễm bằng 0 không).

Đúng/Sai

- 1** Kinh tế học thực chứng nghiên cứu những vấn đề chuẩn tắc.
- 2** Một phân bổ tài nguyên trong đó không thể làm cho một cá nhân được lợi mà không phải làm cho một người nào đó khác bị thiệt là hiệu quả Pareto.
- 3** Nếu mọi thị trường trong nền kinh tế trừ một thị trường là thị trường tự do cạnh tranh hoàn hảo, thì cân bằng trong khắp nền kinh tế sẽ là hiệu quả Pareto.
- 4** Nếu một bóp méo không thể tránh được trong một khu vực cụ thể, thì hành động tốt nhất đối với chính phủ là đảm bảo rằng các khu vực khác không có bóp méo.
- 5** Trong cạnh tranh hoàn hảo, doanh thu cận biên khác doanh thu trung bình: điều này gây ra thất bại của thị trường.
- 6** Việc thiết lập chính thức các quyền sở hữu tài sản có thể giúp đạt được sự phân bổ hiệu quả về mặt xã hội bằng việc nội hóa các ảnh hưởng hướng ngoại.
- 7** Ô nhiễm dòng sông là một tình huống trong đó chi phí xã hội cao hơn chi phí tư nhân.
- 8** Chi phí tư nhân cao hơn chi phí xã hội bất cứ khi nào hãng không tạo ra được lợi nhuận.

9 Ô nhiễm vẫn tồn tại; do đó sự kiểm soát ô nhiễm trước đây là không hiệu lực.

10 Một vấn đề quan trọng biểu thị sự phát triển của các thị trường tương lai và dự phòng là cung cấp thông tin.

11 Cuộc sống của con người nằm ngoài những tính toán kinh tế và phải được ưu tiên tuyệt đối bất kể chi phí như thế nào.

12 Các ước lượng về lợi ích xã hội cận biên từ việc cứu mạng sống ở Liên hiệp Anh nằm trong khoảng 50£ đến 20 triệu £.

Kinh tế học trong thực tiễn

Cải cách phúc lợi: Các nhiệm vụ ở phía trước

(Theo BBC Business New)

Tony Blair đã nói rằng thực hiện cải cách phúc lợi là một trong các nhiệm vụ then chốt đối với nhiệm kỳ thứ hai của chính phủ của ông. Khi đến số 10 phố Downing sau sự thắng lợi lịch sử nhiệm kỳ thứ hai, thủ tướng đã cho rằng ông ta đã được xác định rõ là nhấn mạnh vào cải cách hệ thống phúc lợi. "Chúng ta cần tách biệt thật rõ ràng những người không thể làm việc, những ai cần an toàn và bảo vệ, và những người có thể làm việc nhưng hiện tại không làm, những ai chúng ta cần giúp bằng trợ cấp và đưa vào làm việc", ông Blair đã nói: "Chúng ta ngày càng tìm cách thắt chặt điều kiện để mọi người có các quyền của mình, nhưng có chế độ chặt hơn để đảm bảo mọi người có thể và thực sự giúp bản thân mình." Nhưng để làm thế chính phủ sẽ phải giải quyết một số trong các vấn đề khó khăn đã bị né tránh trong nhiệm kỳ thứ nhất.

Xây dựng hệ thống lương

Sẽ có nhiều thay đổi trong hệ thống thuế, được thiết kế để xây dựng hệ thống lương. Cho các gia đình làm việc nợ thuế, đẩy thu nhập của những gia đình thu nhập thấp đang làm việc lên, sẽ được mở rộng đến những người khác trong lực lượng lao động. Cho nợ thuế việc làm - được đưa ra năm 2003 - có thể làm chính phủ mất đến 1 tỷ Bảng, theo Viện Nghiên cứu Tài khóa (IFS). Và kế hoạch của Bộ trưởng bộ tài chính kết hợp giữa nợ thuế với trợ cấp nuôi con đã làm cho mọi người được lợi - cái đó cũng sẽ làm tăng động cơ làm việc - có thể còn tốt kém hơn, nếu không ai bị thiệt, theo IFS.

(Tiếp theo)

Cải cách trợ cấp nhà ở

Trợ cấp nhà ở là khoản thanh toán được thực hiện cho hàng triệu hộ gia đình để trợ giúp họ các thanh toán thuê nhà. Trên quan điểm của chính phủ, trợ cấp thuê nhà như hiện nay là nguyên nhân chính làm giảm động cơ chuyển từ sống bằng trợ cấp sang làm việc của mọi người. Tuy nhiên, bất kỳ cải cách nào của hệ thống cũng để cải thiện “giảm số lượng” - sao cho mọi người mất trợ cấp nhà ở ít hơn khi thu nhập của họ tăng - chắc chắn là tốn kém. Do đó chính phủ có thể lựa chọn để đơn giản hóa, cung cấp cho mọi người khoản trợ cấp cố định để giúp họ về chi phí nhà ở (với một số thay đổi về khu vực).

Nhưng chính phủ cũng gặp sự lựa chọn rộng hơn về cải cách phúc lợi, gắn với cả những tham vọng và biện pháp của nó.

- Nên nhắm vào các nhóm nhỏ những người bị loại trừ về mặt xã hội như những bà mẹ vị thành niên hay những người lười biếng, hay nên nhắm vào các nhóm rộng hơn, như các gia đình đông con?
- Các biện pháp thẩm tra thu nhập để hưởng trợ cấp có phải là không hiệu lực trong việc cung cấp trợ cấp và bêu xấu đối với người nghèo không?

(Tiếp theo)

- Có thể làm giảm nghèo đói bao nhiêu thông qua việc tăng các khoản trợ cấp đã được thẩm tra thu nhập để cho hưởng, như đảm bảo thu nhập tối thiểu cho những người hưởng lương hưu, mà không khuyến khích phân phôi lại thông qua hệ thống thuế và trợ cấp?

Câu hỏi

1 Hệ thống phúc lợi giải quyết công bằng dọc hay công bằng ngang trong xã hội Liên hiệp Anh?

2 Hệ thống phúc lợi có hỗ trợ cho những thất bại của thị trường không?

Câu hỏi tư duy

1 Tai nạn hạt nhân Chernobyl đã tạo ra ô nhiễm phóng xạ lan rộng. Hãy bàn luận cách bạn sẽ đánh giá chi phí và lợi ích của năng lượng hạt nhân.

2 Hãy bàn luận việc trao quyền sở hữu tài sản có thể giúp nội hóa các ảnh hưởng hướng ngoại mà những người sống gần các sân vận động hoặc những người hàng xóm ồn ào phải chịu.

Thu và chi của chính phủ

Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Các loại chi tiêu khác nhau của chính phủ
- Tại sao hàng hóa công cộng không được cung cấp bởi thị trường
- Thuế suất trung bình và cận biên
- Thuế có thể bù lại những ảnh hưởng hướng ngoại như thế nào
- Kinh tế học phía cung
- Tại sao doanh thu thuế không thể tăng vô hạn
- Các luồng giữa các quốc gia hạn chế chủ quyền kinh tế quốc gia như thế nào
- Kinh tế học chính trị về cách các chính phủ xây dựng chính sách

Nội dung nghiên cứu chính

Chương này công nhận vai trò của chính phủ trong việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ. Các lĩnh vực then chốt cần nắm vững là:

- 1 Tại sao chính phủ cung cấp hàng hóa và dịch vụ?
- 2 Các yếu tố ở cấp quốc gia có thể cản trở khả năng cung cấp hàng hóa và dịch vụ của chính phủ là gì?
- 3 Ở cấp quốc tế, chính phủ còn có thể bị cản trở trong việc cung cấp các dịch vụ công cộng như thế nào?

Nội dung trong sách lý thuyết đã bao quát tất cả các vấn đề này một cách chi tiết và các bài tập sau sẽ giúp bạn phát triển hiểu biết của mình.

Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- a** Thuế hội đồng
- b** Cơ cấu thuế lũy tiến
- c** Thuế công ty
- d** Thuế gián thu
- e** Tác động của thuế
- f** Hàng hóa khuyến dụng
- g** Đường Laffer
- h** Thuế trực thu
- i** Thuế suất cận biên
- j** Mô hình Tiebout
- k** Nguyên lý lợi ích
- l** Phần mất không của thuế
- m** Thuế tài sản
- n** Cơ cấu thuế lũy thoái

- 1** Cơ cấu thuế trong đó thuế suất trung bình tăng theo mức thu nhập của cá nhân.
- 2** Lãng phí gây ra bởi thuế dẫn đến phân bổ tài nguyên sai.
- 3** Mô tả mối quan hệ giữa thuế suất và doanh thu thuế.
- 4** Thuế đánh vào việc sở hữu hoặc chuyển giao tài sản chứ không phải vào thu nhập từ việc sở hữu tài sản; các ví dụ ở Liên hiệp Anh là các mức và thuế chuyển giao tư bản (CTT).
- 5** Cơ cấu thuế trong đó thuế suất trung bình giảm khi mức thu nhập tăng.
- 6** Nguyên lý làm cơ sở cho một cơ cấu thuế trong đó những người nhận được phần nhiều hơn trong chi tiêu công cộng trả phần nhiều hơn trong doanh thu thuế.
- 7** Phần trăm chính phủ lấy đi của đồng bảng cuối cùng mà cá nhân kiếm được.
- 8** Thuế đánh vào chi tiêu cho các hàng hóa và dịch vụ.
- 9** Một mô hình quan trọng về chính phủ địa phương, đôi khi được gọi là mô hình "bàn chân vô hình".
- 10** Thuế với hỗn hợp các bộ phận cấu thành tài sản, thu nhập và thuế hộ gia đình.
- 11** Thuế các công ty Liên hiệp Anh nộp dựa trên lợi nhuận bị đánh thuế của chúng sau khi đã trừ phần trả lãi và trích khấu hao.
- 12** Thuế đánh trực tiếp vào thu nhập.
- 13** Hàng hóa mà xã hội nghĩ mọi người phải tiêu dùng bất kể mỗi cá nhân muốn hay không.
- 14** Thước đo gánh nặng thuế cuối cùng đối với những người khác nhau một khi chúng ta tính đến những ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp của thuế.

Bài tập

1 (a) Sử dụng số liệu từ Bảng 13-4 ở sách lý thuyết chính để vẽ sơ đồ hình bánh biếu thị các phần của các loại chủ yếu của doanh thu thuế và chi tiêu chính phủ.

(b) Từ 1997, Gordon Brown đã đề xuất chính sách tài khóa thận trọng; bạn sẽ kỳ vọng chính sách này được minh chứng trong sơ đồ hình bánh như thế nào?

(c) Trong sự giảm tốc độ phát triển kinh tế toàn cầu, bạn sẽ kỳ vọng các khu vực nào trong sơ đồ hình bánh thay đổi?

2 Giả sử thuế thu nhập 30% đánh vào mức chuẩn tổng thu nhập trên 5000£.

(a) Tính thuế suất cận biên và trung bình ở các mức thu nhập sau:

- (i) 3000£.
- (ii) 9000£.

(iii) 12000£.

(iv) 20000£.

(b) Thuế này là lũy tiến hay lũy thoái?

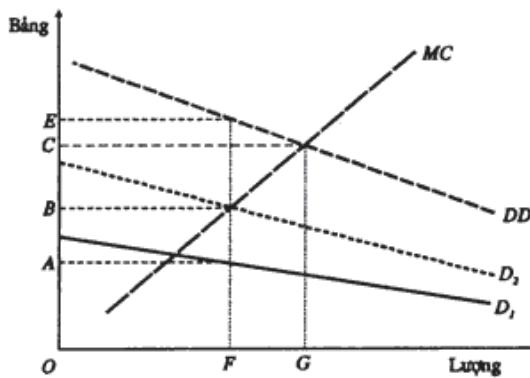
Giả sử cơ cấu thuế được sửa đổi sao cho thu nhập trên 5000£ bị đánh thuế 30% như trước đây, nhưng thuế suất tăng lên 50% cho thu nhập trên 10000£.

(c) Tính thuế suất cận biên và trung bình ở các mức thu nhập như ở câu (a).

(d) Thuế này là lũy tiến nhiều hơn hay ít hơn trước đây?

3 Bài tập này liên quan đến thị trường về hàng hóa công cộng. Ở Hình 13-1, D_1 và D_2 biểu thị các đường cầu về hàng hóa này của hai cá nhân; chúng ta giả định rằng với mỗi cá nhân đường cầu biểu thị lợi ích cận biên của đơn vị cuối cùng của hàng hóa công cộng. Đường MC biểu thị chi phí cận biên xã hội và tư nhân của việc sản xuất hàng hóa công cộng này.

Hình 13-1 Đường cầu về hàng hóa công cộng thuần túy



(a) Nếu DD biểu thị lợi ích xã hội cận biên đạt được từ hàng hóa đó thì mối quan hệ giữa DD và D_1 và D_2 phải là gì?

(b) Nếu số lượng được sản xuất ra được cho bởi OF thì giá trị trên một đơn vị mà cá nhân thứ nhất đặt cho hàng hóa là gì?

(c) Nếu cá nhân thứ nhất thực tế trả lượng tiền đó cho việc cung cấp hàng hóa đó thì cá nhân thứ hai sẽ phải trả bao nhiêu?

(d) Lợi ích xã hội cận biên của OF đơn vị hàng hóa này là bao nhiêu?

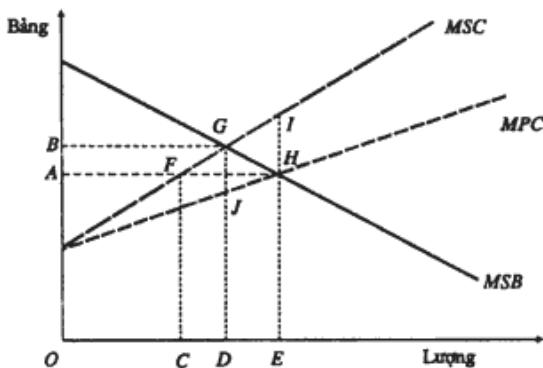
(e) Lợi ích xã hội cận biên so với chi phí xã hội cận biên trong trường hợp này như thế nào?

(f) Số lượng hiệu quả về mặt xã hội của hàng hóa này là bao nhiêu?

4 Hình 13-2 biểu thị thị trường một hàng hóa trong đó có ảnh hưởng hướng ngoại tiêu cực của sản xuất làm cho chi phí xã hội cận biên (MSC) cao hơn chi phí tư nhân cận biên (MPC). MSC biểu thị

lợi ích xã hội cận biên thu được từ việc tiêu dùng hàng hóa đó.

Hình 13-2 Thị trường một hàng hóa trong đó có ảnh hưởng hướng ngoại tiêu cực của sản xuất



(a) Nếu thị trường này không bị điều tiết, thì số lượng hàng hóa sẽ được sản xuất ra là bao nhiêu?

(b) Số lượng hiệu quả về mặt xã hội là gì?

(c) Lượng mất không đổi với xã hội là bao nhiêu nếu số lượng của thị trường tự do được sản xuất ra?

(d) Mức thuế là bao nhiêu đánh vào hàng hóa sẽ đảm bảo rằng số lượng hiệu quả về mặt xã hội sẽ được sản xuất ra?

(e) Hãy nêu một ví dụ về tình huống trong đó phân tích này có thể là thích hợp.

5 Một hãng đang sản xuất một loại hàng hóa nhất định có chi phí cận biên tư nhân không bằng chi phí cận biên xã hội. Bước nào trong các bước sau đây chính phủ có thể thực hiện để làm tăng phúc lợi kinh tế?

(a) Đánh thuế hãng nếu chi phí xã hội thấp hơn chi phí tư nhân của nó.

(b) Trợ cấp cho hãng nếu chi phí xã hội cao hơn chi phí tư nhân của nó.

(c) Đánh thuế hãng nếu chi phí xã hội cao hơn chi phí tư nhân của nó.

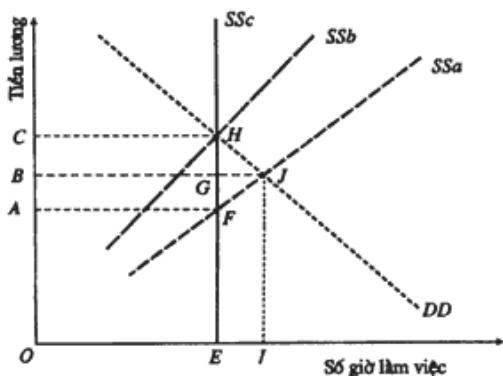
(d) Trợ cấp cho các hãng khác trong cùng ngành nếu chi phí tư nhân của chúng thấp hơn chi phí xã hội.

6 Hình 13-3 (ở trang sau) biểu thị một vị trí trong thị trường lao động. DD là đường cầu lao động; SSa , SSb và SSc là các đường cung lao động - nhưng bây giờ hãy bỏ qua SSc . “Đơn giá tiền lương” ở đây coi là đơn giá tiền lương tổng. Giả sử rằng thuế đánh vào đơn giá tiền lương được áp đặt.

(a) Trong hai đường SSa và SSb đường nào biểu thị cung lao động không có thuế và đường nào biểu thị tình huống sau thuế?

(b) Cân bằng thị trường lao động không có thuế là gì?

(c) Thuế có ảnh hưởng gì đến số giờ làm việc?

Hình 13-3 Thuế đánh vào đơn giá tiền lương

- (d) Trong tình huống này, đơn giá tiền lương hằng trả là bao nhiêu?
- (e) Đơn giá tiền lương các công nhân nhận được là bao nhiêu?
- (f) Diện tích nào biểu thị doanh thu thuế?
- (g) Diện tích nào biểu thị mất không?
- (h) Hãy xác định các diện tích biểu thị phân chia gánh nặng thuế giữa công nhân và người sử dụng lao động.
- Bây giờ, giả sử rằng cung lao động là hoàn toàn không co giãn ở SSc và thuế AC được đặt ra:
- (i) Đơn giá tiền lương hằng trả là bao nhiêu?
- (j) Đơn giá tiền lương các công nhân nhận được là bao nhiêu?
- (k) Diện tích nào biểu thị doanh thu thuế?
- (l) Diện tích nào biểu thị mất không?
- (m) Hãy xác định các diện tích biểu thị phân chia gánh nặng thuế giữa công nhân và người sử dụng lao động.

7 Việc cung cấp một số dịch vụ công cộng được chính phủ trung ương giao cho các nhà chức trách địa phương, cùng với một số trách nhiệm gọi vốn để tài trợ các hoạt động này. Mô hình Tiebout khuyến nghị các phạm vi quyền hạn pháp lý của chính phủ địa phương. Lập luận nào sau đây ủng hộ mô hình Tiebout?

- (a) Mọi người khác nhau và không muốn được đối xử như nhau.
- (b) Hàng hóa công cộng mang tính không loại trừ.
- (c) Đặt giá khác nhau về các tiện nghi như phòng trưng bày nghệ thuật cho các cư dân và những người không phải là cư dân là khó áp dụng.
- (d) Mọi người cảm thấy chính phủ trung ương ở xa với các mong muốn của họ.
- (e) Các cư dân chủ yếu tiêu dùng những dịch vụ công cộng được cung cấp bởi những nhà chức trách địa phương của họ.
- (f) Quyền hạn lớn hơn có thể làm cho những ảnh hưởng hướng ngoại được nội hóa.
- (g) Quyền hạn ít hơn tối đa hóa những sự lựa chọn của mọi người.

8 Bảng 13-1 biểu thị các nguồn của doanh thu thuế trong các nước trên thế giới. Hãy nghiên cứu các số liệu này. Chúng bộc lộ gì về cách tạo doanh thu của các chính phủ ở những nơi khác nhau trên thế giới?

Dùng/Sai

- 1 Chi tiêu của chính phủ vào những khoản trợ cấp tăng nhanh hơn thu nhập quốc dân từ năm 1956 và tiếp tục như thế.
- 2 Thuế thu nhập là lũy tiến vì thuế suất cận biên cao hơn thuế suất trung bình.
- 3 Cái tạo ra doanh thu lớn nhất của chính phủ ở Liên hiệp Anh năm 2004 là thuế đánh vào hàng hóa.
- 4 Trận đấu bóng đá là hàng hóa công cộng.
- 5 Các khoản thanh toán bảo hiểm xã hội làm hại đến hiệu quả xã hội bởi các tài nguyên gần cạn kiệt lẽ ra có thể sử dụng hiệu quả hơn trong khu vực tư nhân.
- 6 Thuế thu nhập đã không được đưa ra trong thời bình ở Liên hiệp Anh cho đến tận những năm 1840.

Bảng 13-1 Các nguồn của doanh thu thuế, 2004 (% của tổng số)

	UK	Bolivia	Cameroon	Ấn Độ	Malaysia	Hàn Quốc	Zambia
Thu nhập, lợi nhuận, lãi vốn	38,9	3,8	23,5	29,2	45,6	35,9	35,4
Đóng bảo hiểm xã hội	18,6	9,9	0,0	0,0	1,5	8,7	0,0
Tài sản	7,0	15,4	1,6	0,1	0,6	2,6	0,2
Hàng hóa và dịch vụ trong nước	35,3	59,7	34,8	38,5	31,8	37,0	51,6
Thương mại quốc tế	0,1	10,1	38,1	32,0	15,1	7,4	12,8
Khác	0,1	1,1	2,0	0,2	5,4	8,4	0,0

Nguồn: Government Financial Statistics Yearbook 2003.

7 Hàng hóa công cộng phải được chính phủ sản xuất.

8 Nguyên lý cơ bản của thuế thu nhập là “nguyên lý lợi ích”.

9 Thuế đánh vào thuốc lá có xu hướng lũy thoái theo ảnh hưởng của nó.

10 Đường Laffer biểu thị, với nhiều nước “chính phủ lớn-thuế lớn”, giảm thuế suất sẽ làm tăng doanh thu thuế.

11 Thuốc lá là hàng hóa phi khuyến dụng.

12 Việc hội nhập kinh tế chặt chẽ hơn với các nước khác làm xói mòn chủ quyền của các quốc gia.

Kinh tế học trong thực tiễn

Brown từ chối các bữa tiệc linh đình trước bầu cử

(Theo BBC News Online, 6 tháng 6 năm 2004)

Gordon Brown đã báo cho các bộ trưởng biết là ông ta sẽ không đến “các bữa tiệc linh đình vô trách nhiệm trước bầu cử”.

Ông Brown nói ở bữa tối với chủ tịch CBI ở London: “Trong quá khứ vào những thời điểm như thế này trong chu kỳ chính trị và kinh tế - và tôi nhớ lại giữa những năm 1970, giữa những năm 1980, và đầu những năm 1990 - chính phủ của cả hai đảng đã nói lờing các kỷ luật tài chính của mình và đi đến tăng mức chi tiêu vào những bữa tiệc linh đình trước bầu cử”.

“Trong Tạp chí Chi tiêu tuần tới, sẽ không có những án định nhanh ngắn hạn nhất, những chỉ tiêu vô trách nhiệm cho những bữa tiệc linh đình trước bầu cử, sự tập trung làm nhẫn vào những ưu tiên và không nói lờing kỷ luật tài chính của chúng ta. Chúng ta sẽ tiếp tục thỏa mãn những quy tắc tài chính nghiêm ngặt của chúng ta. Do đó chỉ tiêu hiện thời sẽ tăng không nhiều hơn mức trung bình 2,5% theo biến thực tế trong giai đoạn 2006 - 2008”.

Câu hỏi

1 Phát biểu này của Gordon Brown có phải là một ví dụ về tầm quan trọng của cam kết và độ tin cậy trong xây dựng chính sách không?

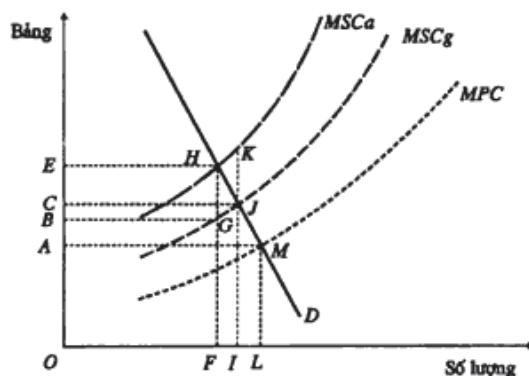
2 Bạn nghĩ kiểm soát chi tiêu hay lượng tiền chi vào y tế và giáo dục được ưu tiên hơn?

Câu hỏi tư duy

1 Bạn kỳ vọng việc thay đổi chính sách từ đánh thuế trực tiếp sang gián tiếp sẽ ảnh hưởng đến thu nhập như thế nào?

2 Khi tìm cách điều tiết ảnh hưởng hướng ngoại, các nhà chức trách có một lựa chọn chính sách. Một là thực hiện hành động ở phía số lượng của thị trường, có thể bằng việc điều tiết trực tiếp hoặc bằng việc bán giấy phép. Hai là, họ có thể chọn ảnh hưởng đến giá thị trường, hoặc bằng đánh thuế hoặc bằng đặt giá trực tiếp. Vấn đề này xem xét các tình huống trong đó lựa chọn này là quan trọng, vì các nhà chức trách có kiến thức không hoàn hảo về các điều kiện thị trường. Trước hết hãy xem xét Hình 13-4.

Hình 13-4 Kiểm soát giá hay sản lượng: 1



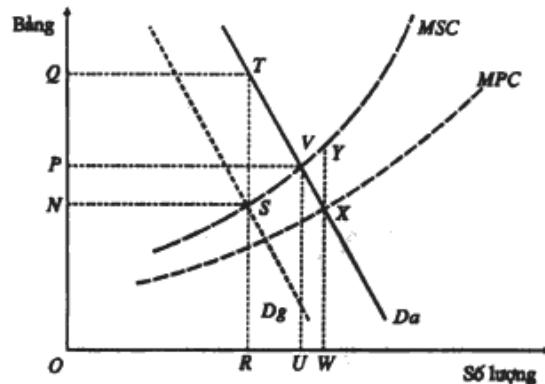
Ở đây DD biểu thị đường cầu thị trường và MPC biểu thị chi phí tư nhân cặn biên. Giả sử các nhà chức trách biết vị trí của D và rằng chi phí xã hội cặn biên (MSC) cao hơn chi phí tư nhân cặn biên (MPC), nhưng không chắc về vị trí của MSC. Đặc biệt, giả sử rằng họ nhận thức MSC ở MSCg, mặc dù thực tế MSCa biểu thị mức thực tế.

- (a)** Kết hợp giá và lượng nào là mong muốn về mặt xã hội?
- (b)** Chính phủ sẽ nhắm vào kết hợp nào?
- (c)** Mất không sẽ là gì nếu thực hiện chính sách đặt giá?
- (d)** Mất không sẽ là gì nếu thực hiện chính sách quy định sản lượng?
- (e)** Việc thực hiện chính sách nào có là vấn đề quan trọng không?

Bây giờ giả sử rằng chính phủ biết mức chi phí xã hội cận biên “thực” (MSC trong Hình 13-5), nhưng không biết chắc về cầu thị trường. Do trong Hình 13-5 là đường cầu thị trường thực, nhưng chính phủ nhận thức nó ở Dg .

- (f) Kết hợp giá và lượng nào là mong muốn về mặt xã hội?
- (g) Chính phủ sẽ nhắm vào kết hợp nào?
- (h) Mất không sẽ là gì nếu thực hiện chính sách đặt giá?
- (i) Mất không sẽ là gì nếu thực hiện chính sách quy định sản lượng?
- (j) Việc thực hiện chính sách nào có là vấn đề quan trọng không?

Hình 13-5 Kiểm soát giá hay sản lượng: 2



Chính sách ngành và chính sách cạnh tranh

Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Chính sách cạnh tranh và chính sách ngành triệt tiêu thất bại của thị trường
- Bằng phát minh sáng chế đẩy mạnh đầu tư vào R&D như thế nào
- Thất bại của thị trường trong các ngành non trẻ và lâu đời
- Ảnh hưởng hướng ngoại của vị trí
- Thặng dư tiêu dùng và thặng dư sản xuất
- Chi phí xã hội của độc quyền
- Các nguyên lý phía sau chính sách cạnh tranh của Liên hiệp Anh
- Các kiểu sáp nhập và tại sao xảy ra sự bùng nổ sáp nhập
- Điều tiết những sáp nhập tiềm tàng

Nội dung nghiên cứu chính

Tiếp sau chương 8 và 9 về cấu trúc thị trường, bây giờ chúng ta cần xem xét cách chính phủ có thể xây dựng các chính sách để hỗ trợ hoặc kiểm soát quá trình cạnh tranh. Ba lĩnh vực lớn đòi hỏi sự chú ý của bạn:

- ❶ Chính sách ngành là gì?
- ❷ Những hệ quả không mong muốn của độc quyền là gì?
- ❸ Chính sách cạnh tranh là gì?

Nội dung trong sách lý thuyết đã xem xét từng chủ đề này và các bài tập sau sẽ giúp bạn phát triển hiểu biết của mình.

Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- | | |
|---|--|
| a Uỷ ban cạnh tranh
b Sáp nhập ngang
c Tập trung ngành
d Gánh nặng mất không
e Sáp nhập dọc
f Ảnh hưởng hướng ngoại của vị trí
g Đầu giá thôn tính
h R&D
i Sáp nhập khối
j Chính sách cạnh tranh
k "Hớt váng"
l Hệ thống bằng phát minh sáng chế
m Chính sách ngành
n Thặng dư tiêu dùng
o Thặng dư sản xuất | 1 Một tổ chức chính phủ được thành lập để nghiên cứu xem liệu độc quyền có làm giảm cạnh tranh không.
2 Một liên minh tự nguyện của hai hãng mà có các hoạt động sản xuất không liên quan với nhau.
3 Một tình huống trong đó một hãng chào mua các cổ phần của hãng khác.
4 Một bộ phận của chính sách kinh tế của chính phủ nhằm làm tăng hiệu quả kinh tế bằng việc thúc đẩy hoặc bảo hộ cạnh tranh giữa các hãng.
5 Một tình huống trong đó người gia nhập mới vào thị trường độc quyền trước đây chỉ thôn tính những bộ phận kinh doanh có lãi của doanh nghiệp nhờ đó làm xói mòn tính kinh tế của quy mô ở nơi nào đó khác.
6 Một liên minh giữa hai hãng ở các giai đoạn sản xuất khác nhau trong cùng một ngành.
7 Tổn thất của xã hội do tính phi hiệu quả phân bổ của cạnh tranh không hoàn hảo.
8 Chính sách kinh tế của chính phủ nhằm triệt tiêu ảnh hưởng hướng ngoại làm ảnh hưởng đến các quyết định sản xuất của các hãng.
9 Một tình huống trong đó một ngành trở nên tập trung vào một số hãng.
10 Chênh lệch giữa lợi ích và chi phí tiêu dùng.
11 Một hoạt động được thực hiện bởi các tổ chức tư nhân và công cộng để tìm ra và phát triển các sản phẩm, quy trình và công nghệ mới.
12 Một liên minh giữa hai hãng ở cùng một giai đoạn sản xuất trong cùng một ngành.
13 Một tình huống trong đó đường chi phí của một hãng phụ thuộc vào sự gần gũi của các hãng tương tự khác.
14 Chênh lệch giữa doanh thu và tổng chi phí.
15 Độc quyền hợp pháp tạm thời được trao cho người phát minh đăng ký phát minh. |
|---|--|

Bài tập

1 Hãy xác định mỗi trường hợp dưới đây là sáp nhập dọc, ngang hay khối:

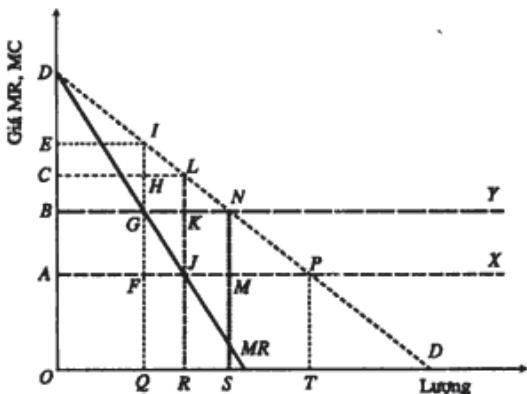
(a) Liên minh của một nhà sản xuất mô tô với nhà sản xuất lốp.

(b) Liên minh của một nhà sản xuất mô tô với nhà phân phối lẻ ôtô.

(c) Liên minh của công ty thuốc lá với hãng mỹ phẩm.

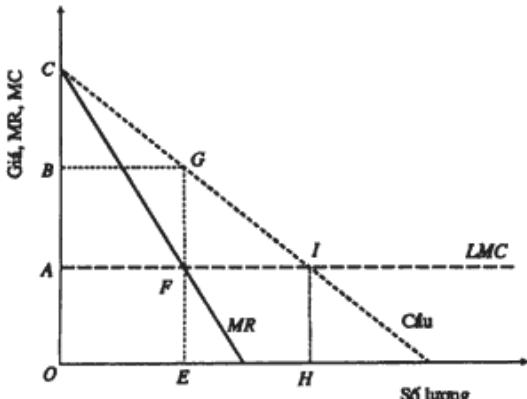
(d) Liên minh của hai hãng sản xuất sợi nhân tạo.

- 2** Trong Hình 14-1, DD là cầu thị trường về một hàng hóa. Được tổ chức như thị trường cạnh tranh. BY biểu thị đường chi phí cận biên dài hạn, nhả độc quyền gấp đường chi phí cận biên (và chi phí trung bình) dài hạn AX.

Hình 14-1 Độc quyền và cạnh tranh

- (a) Giá và sản lượng của ngành cạnh tranh là gì?
 (b) Giá và sản lượng trong độc quyền là gì?
 (c) Mất không đổi với người tiêu dùng do độc quyền so với ngành cạnh tranh là gì?
 (d) Diện tích nào biểu thị phần tiết kiệm chi phí của độc quyền?
 (e) Diện tích nào biểu thị lợi nhuận độc quyền?
 (f) Giải thích tại sao ngành độc quyền và ngành cạnh tranh có thể gặp các điều kiện chi phí khác nhau.

- 3** Hình 14-2 biểu thị một ngành hoạt động như độc quyền, với chi phí cận biên dài hạn được cho bởi LMC.

Hình 14-2 Độc quyền và thặng dư tiêu dùng

- (a) Xác định giá và sản lượng tối đa hóa lợi nhuận.
 (b) Diện tích nào biểu thị thặng dư tiêu dùng trong tình huống này?

- (c) Diện tích biểu thị thặng dư sản xuất là gì?
 (d) Thặng dư xã hội là gì?
 (e) Kết hợp giá - sản lượng trong cạnh tranh hoàn toàn (giả định rằng ngành vẫn gặp các điều kiện chi phí như trước) là gì?
 (f) Thặng dư tiêu dùng trong tình huống này là gì?
 (g) Thặng dư sản xuất là gì?
 (h) Thặng dư xã hội là gì?
 (i) Vị trí tối đa hóa tổng thặng dư xã hội là gì?

- 4** Trường hợp nào sau đây là “lạc lõng” đối với những đề xuất sáp nhập?

- (a) Air France/Sabena.
 (b) Alcatel/Telettra.
 (c) Aerospatiale/Alenia/De Havilland.
 (d) Renault/Volvo.
 (e) Courtaulds/SHIA.

- 5** Trường hợp nào sau đây có thể giải thích tại sao một hãng muốn thực hiện sáp nhập khối?

- (a) Muốn giữ thị phần cho sản phẩm chính của mình.
 (b) Muốn có được sự kiểm soát đối với các nguồn cung nguyên liệu thô của mình.
 (c) Muốn loại bỏ cạnh tranh từ các hãng nước ngoài.
 (d) Muốn đa dạng hóa và mở rộng chuỗi sản phẩm của mình.
 (e) Muốn giảm sự phụ thuộc vào các nguồn cung ứng lao động có tay nghề.

Tại sao số lượng sáp nhập khối tăng so với các dạng sáp nhập khác vào cuối những năm 1980?

- 6** Trường hợp nào sau đây có thể giải thích tại sao hãng thực hiện sáp nhập ngang?

- (a) Muốn đạt được hoặc mở rộng sức mạnh độc quyền.
 (b) Muốn khai thác tính kinh tế hướng ngoại của quy mô.
 (c) Muốn đa dạng hóa và mở rộng chuỗi sản phẩm.
 (d) Muốn đạt được sự kiểm soát đối với các nguồn cung nguyên liệu thô của mình.

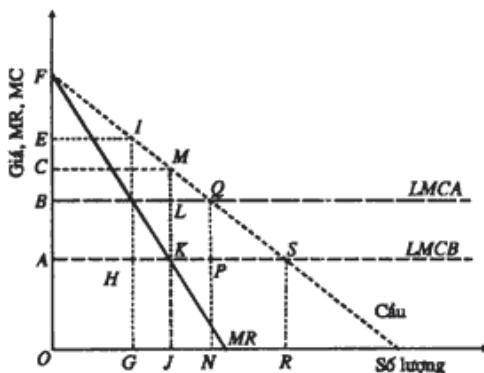
- 7** Trường hợp nào sau đây có xu hướng làm tăng sức mạnh độc quyền của hãng?

- (a) Tập trung sản xuất vào một số ít các nhà máy của ngành.
 (b) Hết hạn bằng phát minh sáng chế.
 (c) Đa dạng hóa thành một chuỗi lớn hơn các dòng sản phẩm.
 (d) Tăng lợi nhuận độc quyền.
 (e) Giảm chi phí quảng cáo.

(f) Giảm co giãn chéo của cầu theo giá đối với sản phẩm của hãng.

8 Một thị trường đã hoạt động như độc quyền trong nhiều năm, với sự bảo vệ của rào cản gia nhập. Tình huống thị trường được biểu thị ở Hình 14-3.

Hình 14-3 Độc quyền và tính phi hiệu quả - X



(a) Đường nào trong các đường LMC trên có khả năng xảy ra nhất?

(b) Kết hợp giá - sản lượng tối đa hóa lợi nhuận là gì?

(c) Xác định thặng dư tiêu dùng trong tình huống này.

Giả sử bây giờ thị trường mở ra cho cạnh tranh:

(d) Điều này có thể ảnh hưởng đến chi phí như thế nào?

(e) Khi đó kết hợp giá - sản lượng có thể xảy ra trong cạnh tranh là gì?

(f) Thặng dư tiêu dùng trong tình huống này là gì?

(g) Xã hội được lợi hơn ở chỗ nào?

9 Yếu tố nào trong các yếu tố sau có thể coi là ảnh hưởng đến thiệt hại xã hội của độc quyền?

(a) Co giãn của cầu về hàng hóa.

(b) Độ dốc của chi phí cận biên.

(c) Các nguồn sử dụng để tạo ra và duy trì các rào cản gia nhập, bằng quảng cáo, duy trì công suất thừa và v.v...

(d) Ảnh hưởng chính trị thuộc về công ty lớn với sức mạnh độc quyền.

(e) Ảnh hưởng của lợi nhuận độc quyền đến việc phân phối các tài nguyên.

10 Dưới đây là một số các hành động chính trị. Hãy xác định mỗi hành động thuộc chính sách cạnh tranh hay chính sách ngành.

(a) Gửi đến Uỷ ban Cạnh tranh về một hãng cung cấp nhiều hơn 25% tổng thị trường về một hàng hóa cụ thể.

(b) Xúc tiến R&D.

(c) Sự hỗ trợ đối với một hãng trong cạnh tranh quốc tế mang tính chiến lược.

(d) Trợ cấp cho ngành công nghệ cao đang hình thành.

(e) Hệ thống bằng phát minh sáng chế.

(f) Hạn chế cạnh tranh phi giá quá mức (ví dụ quảng cáo).

(g) Trợ cấp cho các ngành “suy thoái” trong các khu vực có thất nghiệp cao.

(h) Đưa ra ngoài luật các hiệp định cố định giá công khai giữa các hãng trong một ngành.

(i) Quốc hữu hóa.

Đúng/Sai

1 Mỗi hãng trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo đều hưởng một mức độ của sức mạnh độc quyền.

2 Thiệt hại xã hội của độc quyền ở Liên hiệp Anh có thể tương đương với hơn 1/10 thu nhập quốc dân.

3 Chính sách cạnh tranh? Liên hiệp Anh mang tính thực dụng hơn Mỹ.

4 Độc quyền có thể đem lại lợi ích cho xã hội thông qua việc khai thác tính kinh tế của quy mô.

5 Một trong các lợi ích tiềm tàng của hoạt động sáp nhập phải được xem xét ở Uỷ ban cạnh tranh (độc quyền và sáp nhập) là không khuyến khích sáp nhập diễn ra.

6 Chúng ta kỳ vọng rằng luật cho phép sáp nhập phải được xem xét ở Uỷ ban cạnh tranh (độc quyền và sáp nhập) là không khuyến khích sáp nhập diễn ra.

7 Các điều kiện chi phí của hãng luôn luôn không phụ thuộc vào vị trí và sự có mặt của các hãng khác.

8 Thặng dư tiêu dùng là cái bạn còn lại cuối tháng.

9 Ưu tiên cấp bằng phát minh sáng chế trước có thể được sử dụng như một hàng rào chiến lược ngăn chặn sự gia nhập.

10 Chi tiêu của chính phủ vào R&D ở Liên hiệp Anh chủ yếu nhằm mục đích phát triển kiến thức

(thông qua các trường đại học) và ở phát triển sản phẩm và quy trình mới trong khu vực công nghiệp.

11 Một phần quan trọng của chính sách ngành là trợ cấp các ngành non trẻ.

12 Không nên trợ cấp bằng tiền; chính sách tốt hơn là trợ cấp các ngành suy giảm để bảo vệ việc làm.

Kinh tế học trong thực tiễn

Tai họa cho người thông minh

(Theo Investment Chronicle, 7/5/2004)

Một nghiên cứu mới xác nhận cái mà các nhà đầu tư phải lưu ý từ việc bùng nổ các bong bóng công nghệ - rằng các công ty đổi mới không nên thực hiện khoản đầu tư lớn. Lợi nhuận tạo ra từ đổi mới rất nhỏ. "Chỉ một phần vô cùng nhỏ của lợi ích xã hội từ tiến bộ kỹ thuật trong thời kỳ 1948 - 2001 đến với những người sản xuất". William Nordhaus của trường đại học Yale kết luận trong một bài báo gần đây. Ông đã tính rằng chỉ 2,2% của giá trị chiết khấu hiện tại của lợi ích từ đổi mới đến với những người đổi mới. Các luồng còn lại đến với người tiêu dùng, dưới hình thức các sản phẩm mới hơn, rẻ hơn.

Như thế bởi vì lợi nhuận được tạo ra từ các ý tưởng mới là nhỏ và bị cạnh tranh làm biến mất rất nhanh. Ví dụ ở đỉnh cao của bong bóng, Etoys.com - một nhà bán lẻ đồ chơi trực tuyến - có vẻ là một ý tưởng tốt. Nhưng Toys-R-Us đã nhanh chóng bắt chước nó. Cả hai đều gặp khó khăn về tài chính.

Câu hỏi

1 Với những phát hiện của William Nordhaus, có thể vận dụng gì cho chính sách cạnh tranh?

2 Theo những phát hiện này, hãy đánh giá ảnh hưởng có thể xảy ra của chính sách ngành của Liên hiệp Anh hiện nay, chính sách tìm cách thúc đẩy kinh doanh và đổi mới.

Câu hỏi tư duy

1 Bạn cho rằng điều nào nghiêm trọng hơn đối với xã hội - tập trung hoá hay cấu kết?

2 Năm 2003, Hội đồng EU kết tội giải bóng đá ngoại hạng Anh và Sky về việc hành động như một cartel về quyền truyền hình trực tiếp các trận bóng đá hạng nhất. Bạn có nghĩ rằng người tiêu dùng được lợi từ thị trường tự do trong ví dụ này không?

3 Hãy xem xét thị trấn nơi bạn sống. Nếu bạn muốn mua một ngôi nhà, bạn sẽ đi đến đâu trong thị trấn? Nếu bạn muốn mua báo, bạn sẽ đi đến đâu?

Hãy bình luận sự khác nhau.

4 Hãy tưởng tượng một ngày nóng và nắng vào giữa mùa hè. Hình 14-4 biểu thị bờ biển ở đó có những người tắm biển, được phân bố đều dọc bờ biển. Ở điểm K, có một kiôt bán kem. Một người bán kem vừa đến bờ biển này với một quầy lưu động, người này nhằm mục đích tối đa hoá lợi nhuận bằng cách bán càng nhiều kem càng tốt. Kem của người này có nhãn hiệu và chất lượng như kem bán ở các kiôt khác, người này bán với giá giống thế. Người này nên chọn đỗ quầy lưu động của mình ở đâu trên bờ biển này. Câu trả lời của bạn sẽ khác thế nào nếu thay vì một kiôt cố định, có hai người bán với các quầy lưu động - họ sẽ chọn đỗ ở đâu?

Hình 14-4 Hãy tưởng tượng bờ biển vào một ngày nắng nóng...



Độc quyền tự nhiên: công cộng hay tư nhân?

Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Vấn đề về độc quyền tự nhiên
- Quốc hữu hóa là một giải pháp cho vấn đề độc quyền tự nhiên
- Đặt giá bằng chi phí cận biên xã hội
- Phân tích chi phí - lợi ích xã hội về các quyết định đầu tư
- Giá hai phần và giá cao điểm
- Tư nhân hóa và sáng kiến tài chính tư nhân (PFI)
- Điều tiết độc quyền tự nhiên tư nhân
- Việc toàn cầu hóa giảm bớt độc quyền tự nhiên như thế nào

Nội dung nghiên cứu chính

Chương này bao gồm một loạt các nội dung nghiên cứu:

- 1** Độc quyền tự nhiên là gì?
- 2** Sở hữu công cộng hiệu lực như thế nào trong việc xử lý độc quyền công cộng?
- 3** Sở hữu tư nhân hiệu lực như thế nào trong việc xử lý sở hữu công cộng?

Nội dung trong sách lý thuyết đã bao quát lần lượt các vấn đề và các bài tập sau sẽ hỗ trợ sự hiểu biết của bạn.

Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- a** Điều tiết
- b** Tư nhân hóa
- c** Công nhân mua cổ phần để trở thành người sở hữu
- d** Hiệu quả phân bổ
- e** Sáng kiến tài chính tư nhân
- f** Hiệu quả sản xuất
- g** Đặt giá bằng chi phí cận biên
- h** Quốc hữu hóa
- i** Tỷ lệ chiết khấu
- j** Giá chào bán
- k** Mua chuộc điều tiết
- l** Độc quyền tự nhiên

- 1** Việc mua các công ty tư nhân khu vực công cộng.
- 2** Bán các công ty khu vực công cộng cho khu vực tư nhân.
- 3** Một ngành có tính kinh tế của quy mô lớn đến mức chỉ một hãng có thể tồn tại được.
- 4** Giá ở đó các cổ phần trong doanh nghiệp sẽ bị tư nhân hóa lúc đầu bán cho những nhà đầu tư; giá này thường dưới mức giá thị trường tự do được thiết lập vào ngày đầu tiên giao dịch trên thị trường chứng khoán.
- 5** Các biện pháp áp dụng để đảm bảo rằng các công ty tư nhân hóa không thực hiện sai tinh huống thị trường của mình.
- 6** Lãi suất sử dụng để tính giá trị hiện tại của các luồng lợi ích hoặc chi phí tương lai.
- 7** Tình huống trong đó các hãng ở trên đường chi phí thấp nhất có thể, do đó không có lỗ.
- 8** Tình huống trong đó cân bằng của các hoạt động trong nền kinh tế là hiệu quả Pareto làm cho không có sự phân bổ lại tài nguyên nào có thể làm tăng phúc lợi xã hội.
- 9** Cách dẫn tới khu vực tư nhân có thẩm quyền tài trợ và quản lý các dự án công cộng.
- 10** Tình huống trong đó nhà điều tiết dần dần đi đến đồng nhất với lợi ích của hãng mà mình điều tiết, cuối cùng trở thành quán quân của nó chứ không phải người giám sát nó.
- 11** Hệ thống giá trong đó những người sử dụng trả giá bằng chi phí sản xuất cận biên; một hệ thống không tồn tại được đối với độc quyền tự nhiên tư nhân, vì hãng sẽ phải chịu lỗ.
- 12** Tư nhân hóa với tất cả các cổ phần bán cho công nhân của xí nghiệp, chẳng hạn như National Freight Corporation.

Bài tập

1 Lý do nào sau đây ủng hộ cho việc quốc hữu hóa một ngành?

- (a) Tình huống độc quyền tự nhiên tồn tại, với tính kinh tế của quy mô lớn có nghĩa là chi phí trung bình nằm trên chi phí cận biên.
- (b) Ảnh hưởng hướng ngoại tồn tại, sao cho lợi ích xã hội từ việc cung cấp hàng hóa cao hơn lợi ích tư nhân mà vì nó những người sử dụng sẵn sàng thanh toán.
- (c) Có nhu cầu bảo vệ lợi ích của một số thành viên trong xã hội - những người có thể bị thiệt nếu

tối đa hóa lợi nhuận là tiêu chuẩn duy nhất đối với việc cung cấp dịch vụ.

d Các ngành cơ bản nhất định phải nằm dưới sự kiểm soát của nhà nước.

Lý do nào trong những lý do này bạn cho là đúng?

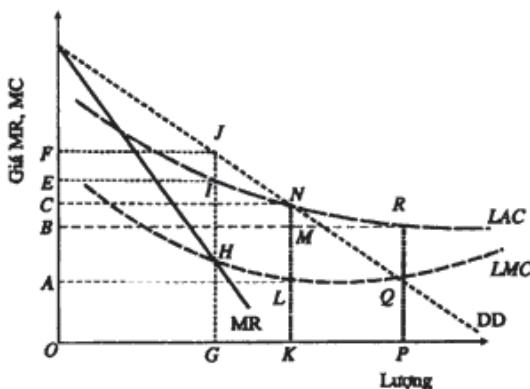
2 Ảnh hưởng nào trong những ảnh hưởng sau không bị cho là gắn liền với tư nhân hóa?

- (a) Tăng cạnh tranh - vì thế hạ thấp chi phí và giá.
- (b) Giảm sự can thiệp chính trị.
- (c) Tăng hiệu quả quản lý.

- (d) Giảm tiền vay của chính phủ để tài trợ chương trình chi tiêu của mình.
- (e) Giảm gánh nặng mất khống.
- (f) Mở rộng lựa chọn của người tiêu dùng, vì các hãng tư nhân phải nhạy cảm hơn với cầu thị trường.

3 Hình 15-1 minh họa một ngành là độc quyền tự nhiên, với đường chi phí trung bình dài hạn liên tục giảm.

Hình 15-1 Độc quyền tự nhiên



- (a) Nếu ngành được điều hành bởi một nhà độc quyền tối đa hóa lợi nhuận không bị điều tiết thì giá và sản lượng nào sẽ được lựa chọn?
- (b) Mất không đổi với xã hội của quyết định này là gì?
- (c) Mức lợi nhuận độc quyền sẽ là bao nhiêu?
- (d) Mức giá và sản lượng hiệu quả về mặt xã hội là bao nhiêu?
- (e) Nhà độc quyền sẽ hành động thế nào nếu chỉ được phép sản xuất ở điểm hiệu quả xã hội?

4 Giả sử rằng bạn ở trong một cơ quan chức năng và đang định liệu việc tư nhân hóa một ngành trong phạm vi trách nhiệm của mình. Bạn hình thành những suy nghĩ sau. Hãy xác định mỗi suy nghĩ ủng hộ hay chống lại việc tư nhân hóa và đánh giá tính đúng đắn của chúng.

- (a) Ngành đã chịu lỗ liên tục trong một thời gian dài nhiều năm và do đó đã làm kiệt quệ ngân sách chính phủ.
- (b) Ngành có tính kinh tế của quy mô đáng kể và là độc quyền tự nhiên, do đó kỳ vọng bị lỗ. Tổng thể toàn xã hội được lợi từ tính kinh tế của quy mô, cái phải hy sinh nếu ngành được chia thành một số hãng nhỏ hơn.

- (c) Không có cạnh tranh, ngành hoạt động không hiệu quả bằng có cạnh tranh.
- (d) Nếu ngành bị tư nhân hóa, các cổ đông là một nhóm người đa dạng, họ không khuyến khích hiệu quả.
- (e) Tư nhân hóa sẽ làm cho ngành thoát khỏi sự can thiệp của chính phủ trong việc theo đuổi các mục đích chính trị khác nhau.
- (f) Duy trì ngành dưới sự kiểm soát công cộng sẽ là an toàn, đảm bảo rằng các nhóm nghèo trong xã hội được bảo vệ khỏi việc rút mất các dịch vụ.
- (g) Doanh thu thu được từ việc bán ngành này có thể được sử dụng để tài trợ vốn đầu tư cần thiết trong các bộ phận khác của khu vực công cộng. Các lập luận nào khác có thể ảnh hưởng đến suy nghĩ của bạn về vấn đề này? Cân đối lại, bạn sẽ quyết định tư nhân hóa hay giữ nguyên hiện trạng?

- 5** Hãy đánh giá xem các ngành viễn thông, khí đốt, điện lực và cấp nước có nên tư nhân hóa không?
- 6** Giả sử rằng bạn là người quản lý một hãng trong khu vực tư nhân đang cân nhắc một dự án đầu tư. Ba kế hoạch được trình lên. (các số liệu tính bằng triệu Bảng).

Dự án	Lợi ích tư nhân	Chi phí tư nhân	Ảnh hưởng hướng ngoại	
			Có lợi	Không có lợi
A	400	380	20	80
B	320	350	120	20
C	350	300	70	80

- (a) Nếu bạn nhằm mục đích tối đa hóa lợi nhuận tài chính cho hãng của bạn thì bạn sẽ chọn dự án nào?
- (b) Giả sử rằng bạn biết rằng các cổ đông của bạn rất chú ý đến những con số doanh thu thành công chứ không phải là lợi nhuận lớn hơn (chừng nào không có thua lỗ tài chính). Bạn sẽ chọn dự án nào?
- (c) Nay giờ giả sử rằng cũng các dự án đó được trình lên người quản lý một ngành quốc hữu hóa. Dự án nào sẽ tối đa hóa phúc lợi cho xã hội?

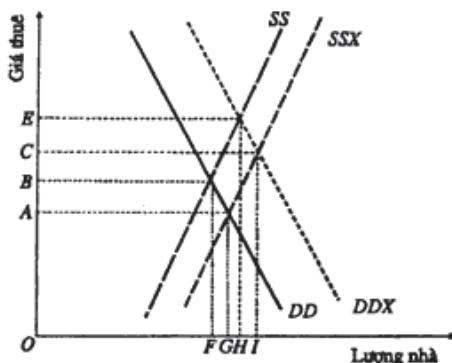
7 Bài 3 đã nghiên cứu tình huống mà độc quyền tự nhiên tư nhân gấp phải nếu nó bị buộc sản xuất ở điểm hiệu quả về mặt xã hội. Nay giờ chúng ta mở rộng phân tích để xem ngành hoạt động thế nào nếu bị quốc hữu hóa.

- (a) Nếu ngành quốc hữu hóa sản xuất ở điểm hiệu quả về mặt xã hội (OP ở Hình 15-1), trợ cấp cần thiết là bao nhiêu?

- (b) Theo chương trình đặt giá 2 phần, phí cố định cần thiết là bao nhiêu nếu trợ cấp được thay thế bằng phí thu của người tiêu dùng?
- (c) Phí sử dụng cần thiết là bao nhiêu?
- (d) Mức giá và sản lượng nào ngành vừa đủ hòa vốn?
- (e) Mất không đổi với xã hội ở điểm hòa vốn này là bao nhiêu?
- (f) Những người quản lý của ngành này có những động cơ để duy trì hiệu quả trong sản xuất không? Nếu không, điều này sẽ ảnh hưởng đến tình huống biểu thị ở Hình 15-1 như thế nào?

8 Bài tập này nghiên cứu tính khuyến dụng tương đối của hai chương trình thay thế nhau về chính sách nhà ở công cộng: cung cấp nhà ở tập thể và phiếu thanh toán tiền thuê nhà. Hình 15-2 tóm tắt các điều kiện cung và cầu đối với hai chương trình này. Cân bằng ban đầu trong thị trường nhà ở được cho bởi đường cầu DD và đường cung SS.

Hình 15-2 Nhà ở tập thể hay thanh toán tiền thuê nhà?



- (a) Trong tình huống “không có chính sách” này, hãy xác định giá thuê và số lượng nhà thuê cân bằng.
- (b) Giả sử rằng bây giờ nhà chức trách địa phương phát hành các phiếu thanh toán tiền thuê nhà cho các gia đình nghèo. Sử dụng Hình 15-2, hãy mô tả phản ứng của thị trường nhà cho thuê và xác định giá thuê và số lượng nhà thuê cân bằng mới.
- (c) Giả sử rằng, thay vì phát hành phiếu thanh toán tiền thuê nhà, nhà chức trách địa phương cung cấp nhà tập thể. Thị trường sẽ phản ứng như thế nào và các mức cân bằng mới của giá thuê và số lượng nhà thuê là gì?
- (d) Chương trình nào trong hai chương trình này có ảnh hưởng lớn nhất đến lượng nhà thuê? Tại sao?
- (e) Hãy đánh giá tính khuyến dụng tương đối của hai chương trình này.

9 Hãy bình luận các lập luận kinh tế liên quan đến các đặc trưng của Sáng kiến Tài chính Tư nhân (PFI).

- (a) PFI là sự mở rộng tự nhiên của các cơ hội và các tài sản từ khu vực công cộng sang tư nhân diễn ra từ những năm 1980.
- (b) PFI cố gắng đưa sự cạnh tranh vào việc cung cấp cơ sở hạ tầng trước đây được coi là trách nhiệm của khu vực công cộng.
- (c) Mục đích là giảm lượng không hiệu quả X trong việc cung cấp hàng hóa công cộng.
- (d) PFI làm thay đổi vai trò của chính phủ trong việc cung cấp hàng hóa công cộng từ người sở hữu tài sản và người cung cấp trực tiếp các dịch vụ sang người mua dịch vụ từ khu vực tư nhân.
- (e) PFI làm cho các dự án cơ sở hạ tầng được hoàn thành nhanh hơn.
- (f) Khu vực tư nhân có xu hướng nhìn nhận rủi ro khác với các quan chức chính phủ.

Dúng/Sai

1 Gánh nặng mất không của độc quyền tự nhiên có thể loại bỏ bằng việc buộc phải đặt giá bằng chi phí trung bình dài hạn.

2 Kinh nghiệm việc bãi bỏ điều tiết trong ngành hàng không ở Mỹ cho thấy rằng loại bỏ các rào cản pháp lý đối với việc gia nhập đã khuyến khích cạnh tranh và dẫn đến giá thấp hơn và việc sử dụng cao hơn.

3 Để đảm bảo hiệu quả, các quyết định đầu tư của các ngành quốc hữu hóa phải được đưa ra với việc tham khảo lãi suất thị trường.

4 Đặt giá cao điểm là hệ thống phân biệt giá.

5 Các ngành quốc hữu hóa là đối tượng bị điều tiết sử dụng đáng kể tài nguyên vào việc cố gắng gây ảnh hưởng đến nhà điêu tiết.

6 Các động cơ đối với những người quản lý tư nhân để trở nên hiệu quả là lớn vì các cổ đông thực sự và tiềm tàng giám sát hoạt động của họ một cách sát sao.

7 Các ngành tư nhân được miễn trừ khỏi sự can thiệp của chính phủ trong việc theo đuổi các mục đích chính trị.

8 Bán các tài sản nhà nước là cầm cố tương lai của đất nước.

9 Trong giai đoạn đến 1986, tất cả những chào bán cổ phần tư nhân hóa đều bị đặt giá thấp.

10 Thành công nhất trong những cuộc tư nhân hóa trước đây là những công ty gặp sự cạnh tranh đáng kể sau tư nhân hóa.

Kinh tế học trong thực tiễn

118 người đồng tính nói thẳng với bạn: song sinh là đối trả

(Theo bài viết của Richard Wray, *The Guardian*, 19/6/2004)

Những nam và nữ đồng tính nhận được dịch vụ tốt nhất từ dịch vụ giải đáp danh bạ điện thoại 118 mới từ khi thị trường mở cửa cạnh tranh từ mùa hè trước. 118-GAY - hay nữ hoàng của các dịch vụ giải đáp danh bạ điện thoại, như người quản lý Keyth đã cập đến nó - được cho điểm cao nhất cùng với 118355 của Telegate về độ chính xác 96% của chúng trong việc cung cấp các số điện thoại gia đình và doanh nghiệp. Tổng thể, gần 1 phần 10 những người gọi dịch vụ 118 nhận được thông tin không chính xác.

Nghiên cứu này cũng làm rõ sự nhầm lẫn phổ biến giữa những người tiêu dùng về số mới giá bao nhiêu và sự lo lắng rơi vào nhiều người sử dụng dịch vụ này. Một nghiên cứu ngầm của Ofcom về khách hàng đã cho thấy rằng vẫn có sự khác nhau lớn trong giá cả, với các cuộc gọi mất từ 27 đến 65p. Gần nữa những người tiêu dùng tin rằng các dịch vụ đắt hơn 40 đối với cuộc gọi số 192 cũ của BT. Do đó, những người tiêu dùng từ bỏ 118.

Câu hỏi (Tiếp theo)

1 Cạnh tranh tăng lên là mục đích then chốt đằng sau nhiều cuộc tư nhân hóa và bãi bỏ điều tiết; bạn có nghĩ cạnh tranh tăng lên đối với giải đáp danh bạ điện thoại là một ý tưởng tốt không?

2 Bạn còn có thể đưa cạnh tranh vào thị trường dịch vụ giải đáp danh bạ điện thoại bằng cách nào khác?

Câu hỏi tư duy

1 Hãy bàn luận các động cơ mà những người quản lý doanh nghiệp trong khu vực công cộng và tư nhân gặp. Hãy xem xét tính hiệu quả tương đối của chúng và tiềm năng cho việc hoàn thiện.

2 Người ta lập luận rằng không chỉ có doanh thu trong ngắn hạn, mà còn có thể dẫn đến hiệu quả xã hội nếu các động cơ được hoàn thiện dẫn đến hiệu quả lớn hơn. Hãy đánh giá những lập luận này, và bàn luận xem liệu những lợi ích này và những lợi ích khác có được duy trì trong dài hạn không?

Thương mại quốc tế

Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Xu hướng thương mại quốc tế
- Lợi thế so sánh và các mối lợi từ thương mại
- Các yếu tố quyết định lợi thế so sánh
- Tại sao lại có thương mại hai chiều đối với cùng một sản phẩm
- Chính sách thương mại
- Nguyên tắc hướng đích
- Những lý do đằng sau thuế quan

Nội dung nghiên cứu chính

Trong chương này, bạn sẽ tìm hiểu về thương mại quốc tế. Những khía cạnh mà bạn cần nắm rõ là:

- 1 Xu hướng thương mại trên thế giới hiện nay diễn ra như thế nào?
- 2 Lý thuyết về lợi thế so sánh giải thích thương mại quốc tế như thế nào?
- 3 Chính phủ có thể hạn chế thương mại quốc tế bằng cách nào?

Sách lý thuyết đã trình bày rõ các vấn đề trên và bài tập đi kèm sẽ giúp các bạn có thể hiểu sâu hơn.

Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- a** Nhũng rào cản phi thuế quan (NTBs)
- b** Thuế nhập khẩu
- c** Lợi thế tuyệt đối
- d** Hạn ngạch nhập khẩu
- e** Trợ cấp xuất khẩu
- f** Chính sách thương mại
- g** Thuế quan tối ưu
- h** Luật cứ về ngành công nghiệp non trẻ
- i** Luật về lợi thế so sánh
- j** GATT - Hiệp định chung về thuế quan và thương mại
- k** Yếu tố sản xuất sẵn có
- l** Khoản mất không của thuế quan

- 1** Thuế nhập khẩu yêu cầu người nhập khẩu hàng hóa phải trả một phần nhất định của mức giá quốc tế cho chính phủ.
- 2** Một chính sách thương mại được đưa ra nhằm tăng xuất khẩu thông qua trợ cấp cho người sản xuất một lượng bổ sung cao hơn giá trong nước cho mỗi đơn vị được xuất khẩu.
- 3** Lượng tư bản và lao động sẵn có trong một nền kinh tế.
- 4** Chính sách của chính phủ tác động đến thương mại quốc tế thông qua thuế quan hay trợ cấp hay thông qua những hạn chế trực tiếp đối với xuất khẩu và nhập khẩu.
- 5** Những quy định về hành chính nhằm chống lại hàng hóa nước ngoài và ủng hộ hàng hóa trong nước.
- 6** Lãng phí gây ra từ việc trong nước sản xuất quá mức và tiêu dùng quá ít một loại hàng hóa chịu thuế nhập khẩu.
- 7** Nguyên tắc chỉ ra rằng các nước chuyên môn hóa sản xuất và xuất khẩu những hàng hóa mà họ có thể sản xuất với chi phí thấp một cách tương đối so với các nước khác.
- 8** Những giới hạn quy định lượng tối đa được nhập khẩu.
- 9** Khả năng sản xuất hàng hóa sử dụng ít đơn vị lao động hơn so với ở các nước khác.
- 10** Thuế quan đặt ra để hạn chế nhập khẩu cho đến khi lợi ích của đơn vị nhập khẩu cuối cùng bằng chi phí mà nó gây ra cho toàn xã hội.
- 11** Luật chứng về thuế quan dựa trên cơ sở rằng các ngành công nghiệp đang phát triển cần được bảo hộ cho đến khi trưởng thành.
- 12** Nỗ lực của nhiều nước từ sau chiến tranh nhằm giảm thuế quan và xóa bỏ những hạn chế đối với thương mại và bây giờ là Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Bài tập

1 Bảng 16-1 cho thấy xuất khẩu ở một số nước được chia ra thành 5 nhóm sản phẩm như thế nào trong năm 2001.

(a) Nhũng con số này nói gì về các yếu tố sản xuất sẵn có ở các nước này và xu hướng của lợi thế so sánh?

(b) Với những thay đổi gần đây trong cơ cấu xuất khẩu thế giới cho trước (chương 16, sách lý

thuyết) bạn đánh giá thế nào về triển vọng trong tương lai của các nước này?

(c) Bạn cần thêm những thông tin gì để có thể chắc chắn vào câu trả lời của mình?

2 Bài tập này xem xét các mối lợi từ thương mại trong một mô hình hai nước, hai hàng hóa. Để đơn giản, ta giả sử rằng hai nước sử dụng đồng tiền chung; điều này cho phép ta bỏ qua tỷ giá hối đoái. Hai nước này được gọi là Anywaria và Someland;

Bảng 16-1 Cơ cấu xuất khẩu hàng hóa, 2001

Nước	Phần trăm trong xuất khẩu hàng hóa				
	Nguyên liệu thô và nông sản	Năng lượng	Kim loại và khoáng vật	Hàng hóa chế tạo	Máy móc và thiết bị vận tải
Úc	6	21	19	8	11
Étiôpia	23	0	3	13	0
Đức	1	2	2	22	51
Nhật Bản	1	0	1	18	67
Pakistan	2	2	0	83	1
Ả Rập Xê-út	0	90	0	2	0
Singapore	0	8	1	12	64
Anh Quốc	0	8	2	21	44

Nguồn: www.unctad.org

2 hàng hóa ở đây là xe đạp và ủng. Đơn vị lao động cần thiết đối với mỗi sản phẩm ở mỗi nước được nêu trong Bảng 16-2; chúng ta giả sử lợi tức không thay đổi theo quy mô.

Bảng 16-2 Kỹ thuật sản xuất

	Đơn vị lao động cần thiết (giờ/đơn vị hàng hóa)	
	Anywaria	Someland
Xe đạp	60	120
Üng	30	40

- (a) Nước nào có lợi thế tuyệt đối trong việc sản xuất hai hàng hóa trên?
- (b) Tính chi phí cơ hội của xe đạp theo đơn vị ủng và chi phí cơ hội của ủng theo đơn vị xe đạp ở mỗi nước.
- (c) Nước nào có lợi thế so sánh trong việc sản xuất xe đạp?

Giả sử không có thương mại. Mỗi nền kinh tế kể trên có 300 công nhân làm việc 40 giờ/tuần. Ban đầu, mỗi nước dành một nửa nguồn tài nguyên sẵn có để sản xuất mỗi loại hàng hóa.

- (d) Hãy điền vào các ô trống trong Bảng 16-3.

Bảng 16-3 Sản xuất xe đạp và ủng, trường hợp không có thương mại

	Anywaria	Someland	Sản lượng thế giới
Xe đạp			
Üng			

Bây giờ thương mại diễn ra trong những điều kiện sau: nước có lợi thế so sánh trong việc sản xuất ủng

sẽ chỉ sản xuất ủng. Nước còn lại sản xuất số xe đạp vừa đủ để duy trì sản lượng “không có thương mại” của thế giới và sử dụng nguồn lực còn lại để sản xuất ủng.

- (e) Hãy điền vào các ô trống trong Bảng 16-4 và bình luận về những ích lợi thu được từ thương mại.

Bảng 16-4 Sản xuất xe đạp và ủng

	Anywaria	Someland	Sản lượng thế giới
Xe đạp			
Üng			

- (f) Trên một đồ thị, hãy vẽ đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF) của mỗi nước. Phương diện nào trên đồ thị nói lên những ích lợi tiềm tàng có thể thu được từ thương mại.

❸ Bài tập này mở rộng phân tích ở bài tập 2 thông qua việc cho phép hai nền kinh tế có các đồng tiền và hao phí lao động khác nhau. Đòi hỏi về đơn vị lao động đã được trình bày trong bảng 16-2. Tiền lương tính theo giờ ở Anywaria là 5 A\$ và ở Someland là 4,50 S\$.

- (a) Tính chi phí lao động đối với mỗi hàng hóa ở từng nước.
- (b) Tính chi phí lao động theo đơn vị đô-la Someland nếu tỷ giá hối đoái là 1 A\$ = 1,8 S\$.
- (c) Tính chi phí lao động theo đơn vị đô-la Someland nếu tỷ giá hối đoái là 1 A\$ = 1,2 S\$.
- (d) Bình luận về khoảng dao động của tỷ giá hối đoái để thương mại có thể diễn ra. Hãy giải thích câu trả lời của bạn.
- (e) Trong một thế giới đơn giản, những yếu tố nào xác định tỷ giá hối đoái cân bằng?

4 Yếu tố nào sau đây ủng hộ thương mại nội ngành và yếu tố nào chống lại nó?

- (a) Sự khác biệt về sản phẩm.
- (b) Sự hội nhập quốc tế.
- (c) Sự tồn tại của thuế quan.
- (d) Tính kinh tế của quy mô trong việc sản xuất các nhãn mác riêng biệt.
- (e) Chi phí vận chuyển cao.
- (f) Sản phẩm đồng nhất.

5 Dưới đây là các luận cứ đã được phát triển để ủng hộ sự tồn tại của thuế quan. Hãy xác định luận cứ nào tốt nhất, tốt nhì và không đúng.

- (a) Nhu cầu bảo hộ các nhà sản xuất trong nước chống lại cạnh tranh không công bằng dựa trên chi phí lao động rẻ ở nước ngoài.
- (b) Nhu cầu duy trì ngành công nghiệp phục vụ quốc phòng khi có chiến tranh.
- (c) Mong muốn hạn chế nhập khẩu cho đến khi lợi ích từ đơn vị nhập khẩu cuối cùng bằng chi phí của nó đối với toàn xã hội nói chung.
- (d) Nhu cầu nuôi dưỡng một ngành công nghiệp đang phát triển trong nước.
- (e) Mong muốn ngăn chặn việc bán phá giá của các doanh nghiệp nước ngoài.
- (f) Chính phủ cần có một công cụ đơn giản và không tốn kém để thu lợi nhuận.

6 Yếu tố nào dưới đây có thể gây ra tác động bất lợi đối với một nước cố gắng bảo hộ việc làm bằng cách đưa ra thuế quan?

- (a) Sự trả đũa trên thị trường xuất khẩu.
- (b) Giảm thặng dư tiêu dùng.
- (c) Tạo ra doanh thu từ thuế.
- (d) Giảm khai khác lợi thế so sánh.
- (e) Chi phí nguồn lực từ việc sản xuất không hiệu quả.
- (f) Sự thâm nhập của hàng nhập khẩu giảm.

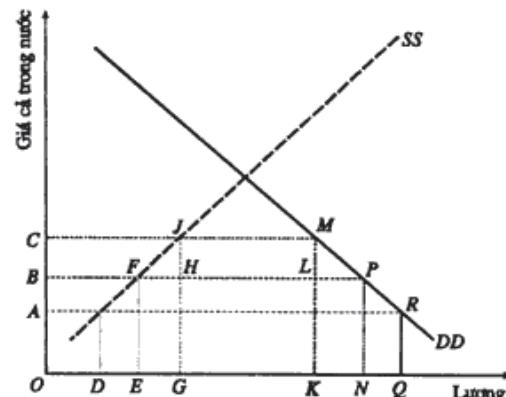
7 Hình 16-1 minh họa cung (SS) và cầu (DD) trong nước đối với một hàng hóa khi có và không có thuế quan. Giá quốc tế là OB.

- (a) Hãy xác định giá trong nước và lượng hàng hóa nhập khẩu khi có thương mại tự do.

Bây giờ giả sử chính phủ quyết định đánh thuế đối với hàng hóa nhập khẩu.

- (b) Hãy xác định giá trong nước trong trường hợp này và xác định lượng hàng hóa nhập khẩu.
- (c) Mức sản xuất hàng hóa này thay đổi bao nhiêu?
- (d) Hãy xác định phần diện tích biểu thị khoản chi trả thêm của người tiêu dùng đối với lượng hàng hóa được mua.

Hình 16-1 Thuế quan

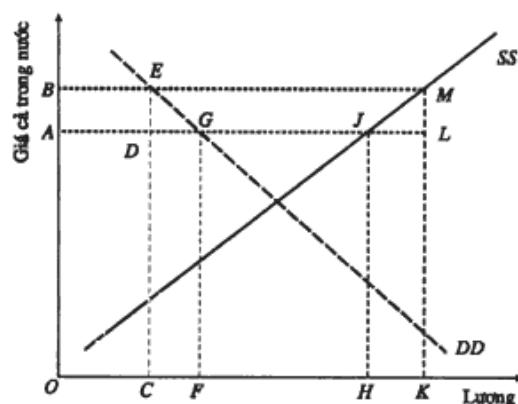


- (e) Chính phủ nhận được bao nhiêu trong khoản trên dưới dạng doanh thu từ thuế và các nhà sản xuất trong nước nhận được bao nhiêu dưới dạng địa tô bổ sung?

- (f) Hãy giải thích phần còn lại của khoản mà người tiêu dùng trả thêm.
- (g) Hãy xác định khoản dôi ra của lợi ích đối với người tiêu dùng so với chi phí cân bằng mà xã hội phải chịu thông qua việc giảm tiêu dùng hàng hóa này.
- (h) Tính tổng chi phí phúc lợi từ khoản thuế này.

8 Hình 16-2 cho biết cung (SS) và cầu trong nước (DD) về một hàng hóa, lượng xuất khẩu mà chính phủ muốn khuyến khích. OA biểu thị giá quốc tế.

Hình 16-2 Trợ cấp xuất khẩu



- (a) Xác định mức giá trong nước và lượng hàng hóa xuất khẩu khi có thương mại tự do.

Bây giờ chính phủ trợ cấp cho xuất khẩu.

- (b) Hãy xác định mức giá và lượng hàng hóa xuất khẩu mới.
- (c) Lượng sản xuất trong nước tăng lên bao nhiêu?
- (d) Lượng tiêu dùng trong nước giảm bao nhiêu?
- (e) Tính lượng giảm đi của thặng dư tiêu dùng.

- (f) Tính chi phí xã hội của việc sản xuất thêm (nghĩa là chi phí xã hội của việc sản xuất hàng hóa mà chi phí biên lớn hơn giá quốc tế)?
- (g) Tại sao chính phủ lại muốn thực hiện chính sách này?
- (h) Mục đích tương tự có thể đạt được bằng cách nào?

9 Búa được bán trên thị trường quốc tế với giá 3 bảng/chiếc. Ta xét nền kinh tế trong đó cung trong nước về búa là:

$$Q_s = 1000p \text{ (trong đó } p \text{ là giá trong nước)}$$

Cầu về búa là:

$$Q_d = 10000 - 1000p$$

Giả sử không có thuế quan:

(a) Lượng búa nhập khẩu là bao nhiêu?

(b) Lượng búa được sản xuất trong nước là bao nhiêu?

Nếu chính phủ đặt ra mức thuế là 2 bảng đối với búa nhập khẩu:

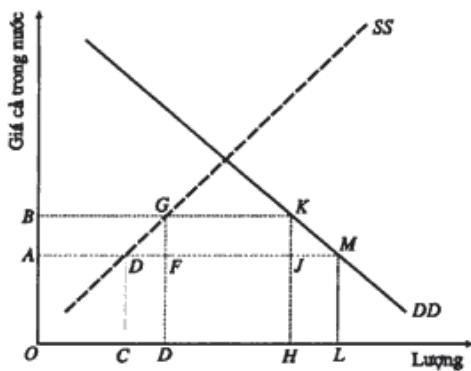
(c) Hãy xác định mức sản xuất mới ở trong nước.

(d) Chính phủ sẽ thu được bao nhiêu dưới dạng doanh thu từ thuế?

(e) Tính khoản mất không của chính sách thuế trên.

10 Hiệp định Multi-Fibre (MFA) giới hạn sự tăng lên của nhập khẩu đồ dệt may từ các nước đang phát triển vào các nước phát triển trong đó có Liên hiệp Anh. Bài tập này khảo sát tác động của hiệp định này đối với thị trường trong nước thông qua Hình 16-3. Nó minh họa đường cung (SS) và cầu (DD) trong nước đối với một hàng hóa. OA là giá quốc tế.

Hình 16-3 Sự hạn chế bằng hạn ngạch



- (a) Lượng hàng hóa nhập khẩu khi không hạn chế là bao nhiêu?

Bây giờ hạn ngạch được áp dụng và làm giảm nhập khẩu xuống còn FJ.

(b) Giá trong nước mới là bao nhiêu?

(c) Hãy xác định sự thay đổi trong mức sản xuất và tiêu dùng trong nước.

(d) Hãy giải thích ý nghĩa của phần diện tích FGKJ.

(e) Hãy xác định tổng chi phí phúc lợi.

(f) Ai được lợi và ai tổn thất từ chính sách trên?

Dúng/Sai

1 Hơn một nửa khối lượng thương mại trên thế giới diễn ra giữa các nước đã công nghiệp hóa.

2 Hàng hóa chế tạo chiếm hơn 80% xuất khẩu từ châu Á.

3 Thương mại quốc tế quan trọng khi một nước có lợi thế tuyệt đối trong sản xuất.

4 Lợi thế so sánh phản ánh sự khác biệt quốc tế trong chi phí cơ hội của việc sản xuất các hàng hóa khác nhau.

5 Nếu một nước có tương đối nhiều một yếu tố sản xuất, nó sẽ có lợi thế so sánh trong việc sản xuất những hàng hóa sử dụng nhiều yếu tố sản xuất này.

6 Sự tồn tại của lợi thế so sánh có xu hướng làm tăng khối lượng thương mại trong ngành.

7 Luật về lợi thế so sánh cho rằng sẽ thu được lợi ích từ thương mại và điều đó làm cho tất cả mọi người đều khá giả hơn.

8 Việc áp đặt thuế quan có tác động khuyếch trương tiêu dùng trong nước.

9 Tình huống tự do thương mại dựa một phần vào phân tích về khoản mất không gây ra do sự tồn tại của các rào cản thuế quan.

10 Nhu cầu bảo hộ các ngành công nghiệp non trẻ là một luận cứ có sức thuyết phục ủng hộ các rào cản thuế quan.

11 Trong những năm 1990, mức thuế quan trên toàn thế giới có lẽ ở mức thấp chưa từng thấy.

12 Một số nước nỗ lực hạn chế nhập khẩu bằng cách đặt ra các quy tắc phức tạp và khắt khe có liên quan đến hàng hóa nhập khẩu.

Kinh tế học trong thực tiễn

Cuộc chiến về tôm

(Trích từ một bài viết trong *The Economist*, ngày 8/7/2004)

Liên minh tôm khu vực phía Nam là tập hợp của nhiều người đánh bắt và chế biến hải sản ở 8 bang của nước Mỹ. Liên minh này buộc tội đối thủ đến từ Thái Lan, Trung Quốc, Việt Nam, Ấn Độ, Ecuador và Brazil vì đã bán phá giá trên thị trường Mỹ. Ngày 6 tháng 7, Bộ Thương mại Mỹ kết luận rằng Trung Quốc và Việt Nam bán tôm với giá thấp hơn thực tế và đã áp dụng thuế chống bán phá giá lên đến 93,13% đối với tôm của Việt Nam và lên đến 112,81% đối với tôm của Trung Quốc.

Kim Chauvin, một chính trị gia phát biểu rằng: “Tôi không hiểu tại sao họ lại có thể nghĩ rằng người Mỹ có thể cạnh tranh với các nước có lao động rẻ mạt và trả họ 33 xu một giờ.”

Wally Stevens, một nhà phân phối hải sản ở Boston lập luận rằng tác hại trên là do tự người Mỹ gây ra. Ngành công nghiệp hải sản trong nước đã nỗ lực cạnh tranh chỉ trên cơ sở giá cả, điều đó là không thể. Đó là do tàu đánh bắt và nhiên liệu quá đắt đỏ. Lẽ ra họ phải chú tâm vào đúng thị trường: những người tiêu dùng nhiều tiền. Luật thuế trên có thể sẽ làm tăng giá tôm 44% đối với người tiêu dùng Mỹ.

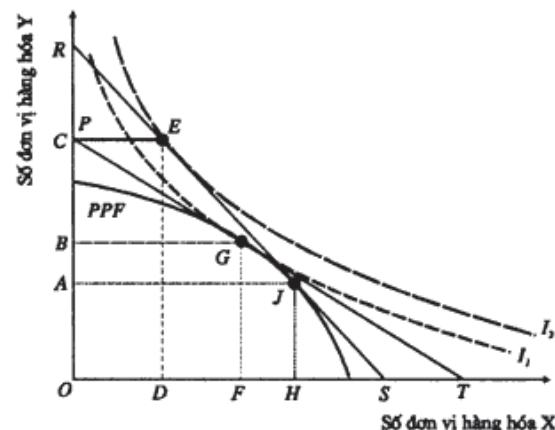
Câu hỏi

- 1** Làm thế nào bạn có thể tính được đúng giá trị của tôm?
- 2** Bạn có ủng hộ ngành nuôi tôm của Mỹ không?

Câu hỏi tư duy

- 1** Một nước có thể tạo ra lợi thế so sánh không?
- 2** Câu hỏi này mở rộng một số khía cạnh của phân tích trong chương này về thế giới chỉ có 2 nước, 2 hàng hóa. Hai nước này là A và B, hai hàng

Hình 16-4 Nước A: Sản xuất và sở thích



hóa là X và Y. Hình 16-4 mô tả nước A, nó minh họa đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF) và các đường bằng quan (I_1, I_2) mô tả sở thích của người dân đối với hai loại hàng hóa.

Giả sử ban đầu không có thương mại và hệ số giá trong nước được cho bởi đường PT.

- (a)** Nước A sẽ lựa chọn điểm nào để sản xuất?
- (b)** Nếu tỷ số giá quốc tế cũng được cho bởi đường PT thì lợi thế so sánh nói lên điều gì và hãy nêu những lợi ích từ thương mại?

Bây giờ giả sử tỷ số giá quốc tế được cho bởi đường RS còn tỷ số giá trong nước được cho bởi đường PT.

- (c)** Hãy nêu các hệ quả đối với lợi thế so sánh của nước A?

Với thương mại quốc tế trong tình huống này, nước A có thể di chuyển đến bất kỳ điểm nào dọc theo đường RS thông qua xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa.

- (d)** Nước A sẽ lựa chọn điểm nào để sản xuất?

- (e)** Xác định khối lượng xuất khẩu và nhập khẩu.

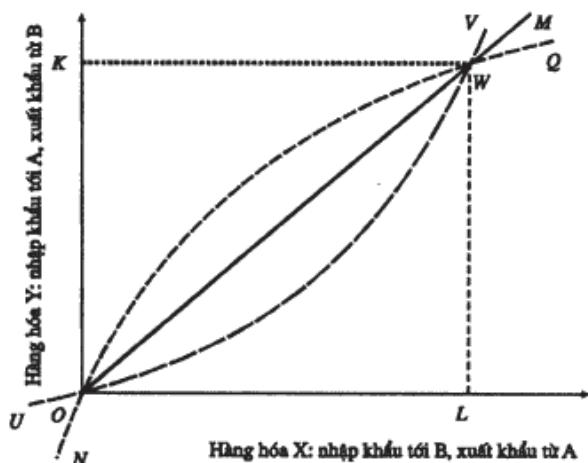
Trong câu (d) và (e), ta đã thấy khối lượng hàng hóa được đem ra trao đổi quốc tế phụ thuộc vào tỷ giá thương mại (tỷ số giá quốc tế) và vào sở thích của người dân ở nước A. Lập luận tương tự cũng có thể áp dụng với nước B. Thông qua việc khảo sát lượng hàng hóa đem ra trao đổi bởi hai nước tại các mức giá quốc tế khác nhau, ta có thể hiểu rõ được tỷ giá thương mại cân bằng.

Xét hình 16-5. Đường UV là đường “chào giá” của nước A: nó minh họa khối lượng hàng hóa X được chào giá để trao đổi lấy hàng hóa Y tại các mức tỷ giá thương mại khác nhau. Đường NQ minh họa

đường chào giá của nước B và được vẽ một cách tương tự.

(f) Giải thích đường OM và giải thích ý nghĩa theo đó điểm W thể hiện điểm cân bằng.

Hình 16-5 Đường chào giá



Đáp án và bình giải

Đáp án chương một

Kinh tế học và nền kinh tế

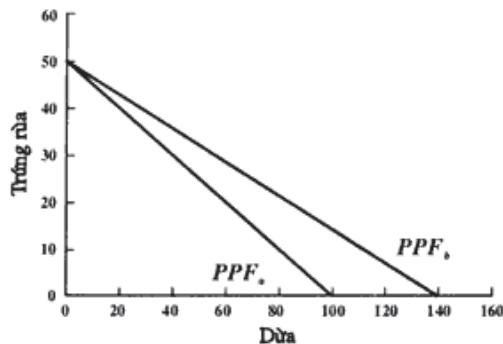
Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

- | | | | | | | | |
|----------|----------|----------|----------|----------|----------|-----------|----------|
| 1 | <i>f</i> | 4 | <i>d</i> | 7 | <i>j</i> | 10 | <i>b</i> |
| 2 | <i>k</i> | 5 | <i>h</i> | 8 | <i>c</i> | 11 | <i>l</i> |
| 3 | <i>j</i> | 6 | <i>a</i> | 9 | <i>g</i> | 12 | <i>e</i> |

Bài tập

- 1** (a) Đường thẳng PPF_a trên hình A1-1 biểu diễn giới hạn khả năng sản xuất (PPF) của xã hội. (b) PPF_b là đường PPF mới. Công nghệ thay đổi làm cho xã hội sản xuất nhiều dừa hơn trước đây, với điều kiện sản lượng trứng rùa không giảm.

Hình A1-1 Ảnh hưởng của công nghệ thay đổi



- 2** (a) Kết hợp (i) và (iv) trên đường PPF biểu diễn những điểm sản xuất hiệu quả. Kết hợp (ii) và (v) nằm ngoài đường giới hạn, là những điểm không thể đạt tới với những nguồn lực sẵn có. Kết hợp (iii) nằm phía trong đường giới hạn, là điểm sản xuất không hiệu quả. Xã hội không sử dụng hết hoặc sử dụng không hiệu quả mọi nguồn lực sẵn có. (b) 100 đồng hồ hy sinh cho 20 máy ảnh khi xã hội bắt đầu tại $(300, 40)$. (c) 200 đồng hồ hy sinh cho 20 máy ảnh khi xã hội bắt đầu tại $(200, 60)$. (d) Hình dạng thay đổi là do quy luật lợi ích giảm dần. Trên một hòn đảo nhiệt đới, kết quả làm việc của một công nhân không phụ thuộc vào việc có những công nhân khác cùng tham gia vào công việc giống anh ta hay không. Trường

hợp máy ảnh và đồng hồ thì không phải như vậy: khi người ta thuê nhiều công nhân hơn sản xuất máy ảnh, người ta càng phải hy sinh nhiều đồng hồ hơn. Điều này được giải thích trong phần 1-2 của sách lý thuyết.

- 3** (a) *C* (b) *D* (c) *A* (d) *B*

4 (a), (d), (g) và (h) là nhận định thực chứng, miêu tả khách quan về những nền kinh tế và cách vận động của chúng; (b), (e), và (i) là nhận định chuẩn tắc, chúng dựa vào sự đánh giá về sự hợp lý. Nhận định (c) là cả hai: nó gồm một nhận định thực chứng về sự phân bổ dân số và thu nhập thực tế nhưng cũng gồm một nhận định chuẩn tắc rằng như vậy thật “không công bằng”.

5 (a), (d), (g) và (h) liên quan đến những vấn đề kinh tế nói chung, vì vậy là quan điểm của kinh tế vĩ mô; (b), (c), (e) và (f) liên quan đến những vấn đề kinh tế vĩ mô.

- 6** (a) C (b) A (c) B

- 7** (d)

8 Chỉ có (a) không đúng cho nền kinh tế mệnh lệnh. Mặc dù lưu ý rằng không tồn tại một nền kinh tế mệnh lệnh thuần túy. Những quốc gia thuộc Liên bang Xô Viết cũ bắt đầu cải cách thành kinh tế thị trường năm 1989-91, nhưng thậm chí trong thời kì hoàng kim chúng cũng không phải là những nền kinh tế mệnh lệnh thuần túy.

Đúng/Sai

1 Sai: Kinh tế là một môn khoa học không phải vì đối tượng nghiên cứu của nó mà là vì phương pháp phân tích của nó.

2 1974 đúng, 2004 không phải. Năm 1974, kinh tế Liên hiệp Anh phụ thuộc vào dầu nhiều hơn năm 2004.

3 Đúng.

4 Đúng.

5 Sai.

6 Sai: dù Trung Quốc có nền kinh tế giống với kinh tế mệnh lệnh hơn các nước khác, Trung Quốc cho phép và tăng cường khuyến khích thị trường tự nhiên vì nó hướng tới hệ thống kinh tế thị trường.

7 Xin lỗi: đó là một câu hỏi mèo. Nó là một ví dụ của một nhận định chuẩn tắc, dựa vào một đánh giá chủ quan. Kết quả là, người ta không thể chứng minh nó đúng hay sai.

8 Sai: đừng quên dịch vụ! Việc cung cấp dịch vụ khó đo lường hơn sản xuất hàng hóa, nhưng nó cũng quan trọng không kém.

9 Đúng: nhiều sự bất đồng giữa các nhà kinh tế phản ánh sự khác nhau về niềm tin và giá trị (nhận định chuẩn tắc), hơn là sự khác nhau về mục tiêu phân tích.

Kinh tế học trong thực tiễn

1 Kinh tế vĩ mô là ngành nghiên cứu những đơn vị kinh tế cá thể, ví dụ như hành vi của những người tiêu dùng và các hàng. Kinh tế vĩ mô là ngành nghiên cứu hành vi kinh tế của toàn bộ nền kinh tế. Vì vậy, mức lãi suất đi vay là vấn đề kinh tế vĩ mô. Khi tỉ lệ lãi thay đổi, giá cả của các khoản vay thay đổi và các cá thể sẵn sàng đi vay nhiều hơn nếu khoản vay trở nên rẻ hơn và đi vay ít hơn nếu nó trở nên đắt hơn. Tuy nhiên, vì việc đi vay tăng lên trong toàn bộ nền kinh tế, nó cũng là vấn đề kinh tế vĩ mô. Đặc biệt khi các cá thể có thể tăng lượng tiền vay để phục vụ tiêu dùng. Và nếu Ngân hàng Anh tăng tỉ lệ lãi để hạn chế sự đi vay gia tăng, đó có thể không chỉ là tín hiệu cho người đi vay, mà cho cả các hàng và chính phủ.

(Tiếp theo)

2 Theo kinh tế vĩ mô, tỉ lệ lãi suất tăng sẽ làm giá các khoản vay tăng và có thể dẫn tới việc số lượng các khoản vay mới giảm đi. Nó cũng sẽ làm tăng chi phí của những khoản vay hiện có, nghĩa là các cá thể phải chuyển nhượng thu nhập từ tiêu dùng hiện tại và tiết kiệm để hoàn trả cho những khoản nợ cao hơn. Theo kinh tế vĩ mô, sức tiêu dùng giảm trong những người đi vay có thể dẫn tới sức mua ít hơn tại các cửa hàng, mua ôtô mới giảm, vui chơi giảm v.v... Nó sẽ làm giảm lợi nhuận công ty và mức việc làm của toàn bộ nền kinh tế.

Câu hỏi tư duy

1 Gợi ý: Rất hiếm khi một vấn đề kinh tế chỉ liên quan đến một trong ba câu hỏi cơ bản.

2 Gợi ý: Cho đến đây, chúng ta mới chỉ nghiên cứu nền kinh tế trong một giai đoạn đơn nhất. Tại đây, sự sản xuất một loại hàng hóa ảnh hưởng trực tiếp tới việc xã hội sản xuất cái gì trong tương lai.

3 Nước A (Uganda) phụ thuộc chủ yếu vào nông nghiệp; tỉ lệ của hoạt động công nghiệp tăng nhẹ từ 1965 đến 1997. Ngược lại, nước B (Indonesia) có sự mở rộng đáng kể trong công nghiệp, nhưng nông nghiệp vẫn quan trọng, chiếm 16% trong GDP. Xu hướng công nghiệp hóa và thoát ly nông nghiệp diễn ra nhanh ở nước C (Hàn Quốc), một trong các nước công nghiệp mới (NICs) của Đông Á. Nước D (Nhật Bản) có ngành công nghiệp ổn định hơn, nhưng có sự mở rộng trong khu vực dịch vụ. Hộp 1-1 trong sách lý thuyết xem xét một vài trong số các vấn đề trên.

Đáp án chương hai

Các công cụ phân tích kinh tế

Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

1	g	5	c	9	k	13	n
2	m	6	i	10	e	14	l
3	f	7	d	11	b		
4	j	8	a	12	h		

Bài tập

1 (a), (c) và (d) cung cấp thông tin về cùng một biến tại những thời điểm khác nhau: chúng là dãy số thời gian. (b), (f) là dữ liệu chéo, quan sát các biến hoặc các nhóm biến tại một thời điểm. (e) là một loại dữ liệu khác: nó là dữ liệu chéo lặp lại tại các thời điểm khác nhau. Vì vậy nó là sự kết hợp của dữ liệu chéo và dãy số thời gian. Đó là dữ liệu panel, loại dữ liệu này hiếm bởi chi phí của việc thu

thập thông tin và sự khó khăn trong việc giữ liên lạc giữa những cá nhân trong những khoảng thời gian khác nhau.

2 (a) Trong giai đoạn 1976 - 2004, tiêu dùng thép của Liên hiệp Anh giảm, trong khi nhập khẩu thép của Liên hiệp Anh tăng.

(b) Xem Bảng A2-1.

Bảng A2-1 Nhập khẩu và tiêu dùng thép của Liên hiệp Anh, triệu tấn, 1976 - 2004

Năm	Nhập khẩu thép	Tiêu dùng thép	Nhập khẩu thép (1976 = 100)	Tiêu dùng thép (1976 = 100)	% nhập khẩu thép so với tổng tiêu dùng thép
1976	103,6	498,7	100	100	21
1982	96,2	271,4	93	54	35
1988	114,4	364,8	110	73	31
1994	126,7	336,1	122	67	38
2000	162,6	298,0	157	60	55
2004	168,0	272,8	162	55	62

(c) Nhập khẩu thép của Liên hiệp Anh từ 1976 đến 2004 tăng 62%, trong khi tiêu dùng thép giảm 45%. Nhìn chung, % nhập khẩu trong tổng tiêu dùng tăng từ 21% đến 61%. Số liệu đó có thể được giải thích bởi sức sản xuất của Liên hiệp Anh giảm. Ngành công nghiệp thép Liên hiệp Anh giảm, vì vậy ngành cần thép như sản xuất ôtô và tàu cũng giảm. Liên hiệp Anh bây giờ là nền kinh tế dựa vào dịch vụ, rõ ràng cần ít thép hơn.

3 (a) và (b) xem Bảng A2-2.

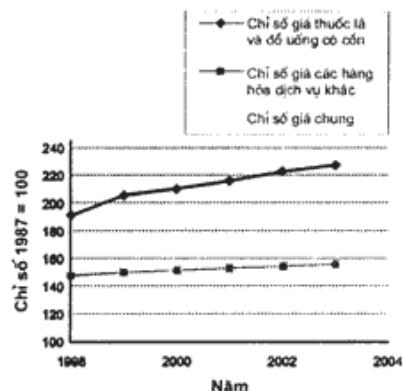
Bảng A2-2 Chỉ số giá, 1998 - 2003 (1987 = 100)						
Năm	1998	1999	2000	2001	2002	2003
Chỉ số giá cồn và thuốc lá	192,3	202,6	210,3	216,9	222,3	228,0
Chỉ số giá, tất cả những hàng hóa và dịch vụ khác	147,6	148,1	149,7	160,0	151,7	154,4
Tổng chỉ số giá	152,6	154,1	156,3	158,2	159,5	162,5
Lạm phát	1,0	1,5	1,2	0,8	1,9	
Lạm phát cho những người hút thuốc lá và uống rượu	0,3	1,1	0,9	0,5	1,8	

(c) Lạm phát cho những người không hút thuốc lá được tính toán trực tiếp từ chỉ số giá cho các hàng hóa và dịch vụ khác. Những người hút

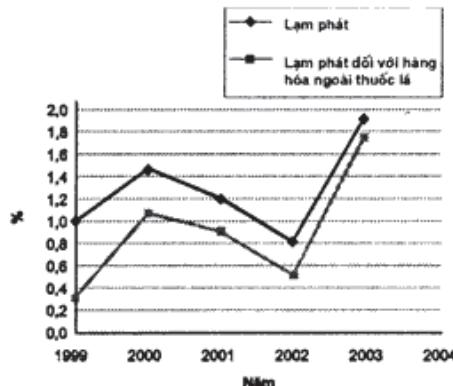
thuốc lá và uống rượu có tỷ lệ lạm phát tương tự (nhưng ít hơn một chút) những người điển hình, nhưng sự khác biệt là tương đối nhỏ. Nó gợi ý rằng tỷ lệ thay đổi giá cồn và thuốc lá khác biệt hẳn so với giá những hàng hóa khác trong giai đoạn đó, có lẽ phản ánh chính sách thuế của chính phủ.

(d) Đồ thị, trên Hình A2-1 và A2-2 cung cấp sự phân tích này, với tỷ lệ lạm phát về cồn và thuốc lá cao hơn, đặc biệt từ 1999 - 2002.

Hình A2-1 Chỉ số giá, 1998 - 2003

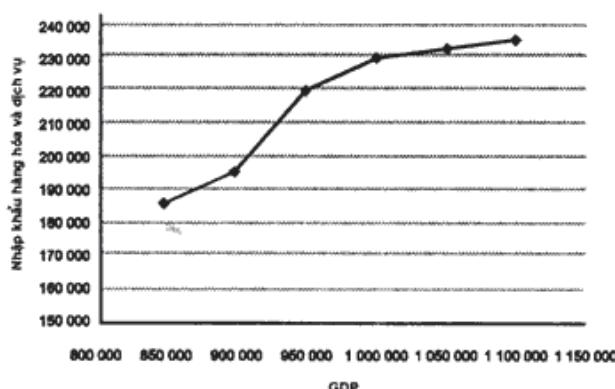


Hình A2-2 Lạm phát, 1999 - 2003



- 4 (a) Xem Hình A2-3

Hình A2-3 Nhập khẩu và thu nhập



(b) - (d) Có vẻ như có mối quan hệ thuận chiều giữa nhập khẩu thực tế và thu nhập hộ gia đình. Chúng ta có thể cho rằng các hộ mua nhiều hàng hóa nhập khẩu hơn tại các mức thu nhập thực tế cao hơn, nhưng nó không thể là biến duy nhất ảnh hưởng tới nhập khẩu. Ví dụ, sự thay đổi về giá cả tương đối giữa hàng hóa ở Liên hiệp Anh và hàng hóa các nước khác hoặc sự thay đổi về cầu của các hàng kinh doanh Liên hiệp Anh về nhập khẩu nguyên vật liệu thô cũng ảnh hưởng tới tổng mức nhập khẩu thực tế. Chúng ta cũng có thể cho rằng khi thu nhập thực tế tăng lên, các hàng sẽ cần nhập khẩu nhiều hơn về nguyên vật liệu và máy móc. Bạn có thể nghĩ ra các yếu tố khác. Khi chúng ta tập trung vào mối quan hệ thuận chiều này, chúng ta đã giả sử rằng "các yếu tố khác không đổi" và có thể giải thích tại sao đồ thị điểm trên Hình A2-3 không biểu diễn mối quan hệ ngược lại.

- 5 (a) ii. (b) iii. (c) iv. (d) i.

Nếu chúng ta chỉ xem xét mối quan hệ đơn giản đó, đường thẳng có thể không phù hợp cho (b) và (c).

6 (a) Chỉ số giá chung là cơ sở để so sánh: chúng ta cần giá của quần áo tương ứng với giá của các hàng hóa khác.

(b) Chỉ số giá thực tế của hàng hóa và giày dép:

1998	1999	2000	2001	2002	2003
78,6	75,7	71,8	67,9	64,2	62,0

Phương pháp:

Số năm 1998 bằng giá của quần áo chia cho tổng chỉ số giá, tất cả nhân với 100.

(c) Giá của quần áo tăng ít hơn nhiều so với giá các hàng hóa khác, vì vậy giá thực tế của chúng giảm từ năm 1998 và tiếp tục giảm.

7 (a) Mô hình chỉ ra rằng lượng cầu về sôcôla thanh phụ thuộc vào giá và mức thu nhập của người tiêu dùng. Bạn sẽ thấy câu hỏi này được trả lời tại Chương 3 của sách lý thuyết, khi nó được lấy làm ví dụ minh họa.

(b) Giữ thu nhập không đổi, chúng ta sẽ thấy lượng cầu về sôcôla thanh giảm khi mức giá cao - nghĩa là, chúng ta thấy mối quan hệ ngược chiều giữa các biến trên.

(c) Giữ mức giá sôcôla thanh không đổi, thu nhập tăng sẽ có thể làm lượng cầu tăng - nghĩa là, chúng ta thấy sôcôla là hàng hóa thông thường, và vì vậy chúng có mối quan hệ thuận chiều.

(d) Một mô hình hoàn chỉnh sẽ kết hợp được giá của các hàng hóa khác nhau, thị hiếu người tiêu dùng, chúng cũng ảnh hưởng tới cầu về sôcôla thanh.

8 Chúng ta tính: $3 \times 170 + 2 \times 186 + 5 \times 173 = 1747$. Sau đó chúng ta chia nó cho tổng $(2 + 3 + 5 = 10)$, được câu trả lời (c) 174,7

- 9 (a) 64 918

- (b) 61 777

- (c)

2003 Q1	2003 Q2	2003 Q3	2003 Q4
104,8	105,0	105,2	105,3

Kết quả vừa tính toán trông giống chỉ số - và đó chính là cái mà chúng biểu diễn. Thực tế, phép tính này cung cấp cho chúng ta một chỉ số giá dựa trên $2001 = 100$, đó là "giảm phát ngầm" của chỉ tiêu tiêu dùng, hoặc có thể là chỉ số giá tiêu dùng. Nó luôn là:

$$\text{Biến} \frac{\partial}{\text{mức giá}} = \frac{\text{Biến} \frac{\partial}{\text{mức giá}}}{\text{hiện hành}} \times \frac{\text{Chỉ số giá}}{100}$$

10 Khi nói tới mô tả xu hướng, nó luôn có nghĩa là đi sâu vào chi tiết về sự tăng lên và giảm xuống của dữ liệu. Tuy nhiên, theo các nhà kinh tế, chúng ta hết sức lưu ý khi chọn lọc dữ liệu và xác định các đặc tính nổi bật. Sẽ có ích khi chúng ta đặt bút chì trên đồ thị để nó có thể dịch theo xu hướng chung

của đường thẳng. Trên đồ thị này, chúng ta thấy rằng tỷ lệ tiết kiệm tăng đều cho đến năm 1980. Khoảng thời gian sau năm 1980 không rõ lắm, những năm 1980 chỉ ra một sự giảm sút đáng kể về tỷ lệ tiết kiệm, chỉ phục hồi vào cuối những năm 1990, nhưng sau đó lại giảm trong giai đoạn cuối. Phân lý thuyết trong sách “Kinh tế học vĩ mô” làm sáng tỏ mô hình đó.

Đúng/Sai

- 1** Sai: các nhà kinh tế thừa nhận không thể dễ dàng tiến hành thực nghiệm. Nó không ngăn cản chúng ta sử dụng phương pháp khoa học đối với các vấn đề kinh tế và làm điều tốt nhất có thể đối với thông tin sẵn có. Có nhiều môn khoa học phi thực nghiệm khác - thiên văn học, một phần của sinh học, v.v...
- 2** Đúng: xem phần 2-9 của sách lý thuyết.
- 3** Đúng: nhưng chúng ta phải cẩn thận không được bóp méo hình ảnh để chứng minh quan điểm.
- 4** Sai: mối quan hệ có thể là giả - có thể cả hai biến phụ thuộc vào một biến thứ ba, hoặc cả hai đều phát triển theo thời gian.
- 5** Đúng: nhưng không phải lúc nào cũng vậy.
- 6** Sai: “các yếu tố khác không đổi” là một giả định cho phép chúng ta đơn giản hóa và tập trung vào đặc tính điển hình của mô hình. Tuy nhiên, chúng ta không thể bỏ qua những yếu tố khác ảnh hưởng tới vị trí của hình và góp phần giải thích.
- 7** Sai: chúng ta có thể giả sử phương trình đường thẳng dễ đơn giản, nhưng cũng có nhiều mối quan hệ kinh tế khác mà không phải là đường thẳng.
- 8** Sai: thực tế không thể tự nó nói lên mà cần phải được giải thích bằng những lý lẽ cẩn thận và thuyết phục.
- 9** Đúng: tất nhiên, chúng còn có những ứng dụng khác.
- 10** Sai: “thuận chiều” nói tới chiều hướng của mối quan hệ giữa hai biến.
- 11** Sai: lạm phát đo lường tỷ lệ thay đổi trong mức giá.
- 12** Đúng.

Kinh tế học trong thực tiễn

1 Vì chỉ số nhà là hàng tháng, dữ liệu về giá nhà được thu thập hàng tháng, chỉ ra rằng dữ liệu là theo thời gian. Tuy nhiên, cũng có thể là dữ liệu chéo vì dữ liệu cũng được thu thập theo khu vực trên cả nước: Bắc, Nam, Đông, v.v... Vì vậy, dữ liệu có thể là dữ liệu panel (kết hợp giữa dãy số thời gian và dữ liệu chéo).

2 Tăng giá nhà vào tháng 4 năm 2004 là 2,1%

$$(291 - 284,9)/284,9 \times 100 = 2,1\%$$

3 Năm 1993, chỉ số giá nhà là 100, vì vậy từ 1993 đến 2004 chỉ số giá nhà tăng $(291 - 100)/100 \times 100 = 191\%$. Đó là tăng trưởng danh nghĩa; chúng ta cần xem xét tỷ lệ lạm phát theo thời gian để tính ra tỷ lệ tăng trưởng thực tế.

Câu hỏi tư duy

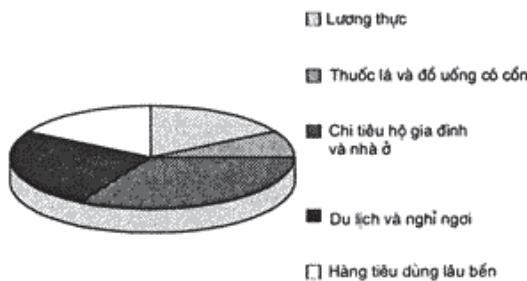
1 Câu hỏi này đòi hỏi tính toán cẩn thận. Phép tính sử dụng tỷ lệ của tổng giá cả năm Y so với năm cơ sở, là:

$$\frac{(2 \times 12) + (5 \times 80) + (3 \times 70)}{(2 \times 10) + (5 \times 100) + (3 \times 50)} \times 100 = 94,6$$

Lưu ý rằng, chúng ta tính chỉ số cho mỗi loại hàng hóa trước sau đó tính tổng - giống phép tính chỉ số giá bán lẻ (RPI) - chúng ta không được đưa ra cùng một câu trả lời. Trong trường hợp này, chúng ta tính ra 106. Nó chỉ ra rằng, RPI không phải là một cách tính chính xác.

2 Lượng cầu về bữa ăn trưa tại trường học = $f\{?\}$. Biến nào sẽ được đưa vào chỗ trống? Một biến chắc chắn là giá của bữa ăn trưa - nhưng bạn có thể thêm vào những gì khác? Có thể là giá hàng hóa cạnh tranh, thị hiếu cá nhân, thời gian của năm, thu nhập, bất kỳ cái gì liên quan.

3 Phương pháp “cổ điển” để mô tả tỷ lệ tương đối là sử dụng đồ thị hình bánh (xem Hình A2-4).

Hình A2-4**Chỉ số giá bán lẻ Anh (RPI)**

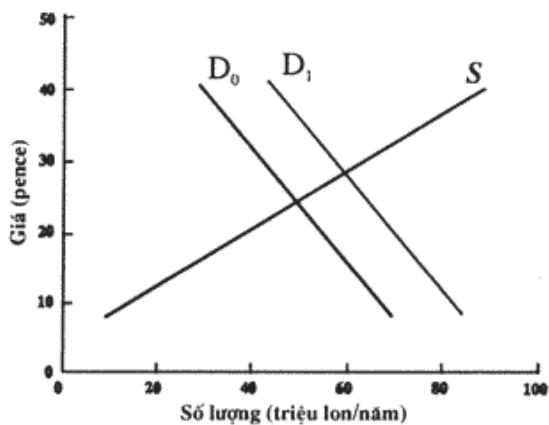
- 4** Một cách tư duy về vấn đề này là nhu cầu sinh thêm con. Chúng ta có thể tranh luận về một gia đình quyết định xem liệu có nên sinh thêm em bé hay không qua việc xem xét cân bằng lợi ích cận biên họ kỳ vọng với chi phí cận biên. Lưu ý rằng, chi phí trong sách lý thuyết bao hàm cả chi phí cơ hội. Vì vậy, nếu có thêm một đứa trẻ nghĩa là cha mẹ chúng phải từ bỏ khoản thu nhập do không thể tham gia vào thị trường lao động, do đó phải đưa chúng vào phép tính. Chúng ta có thể tranh luận về giáo dục và cơ hội tìm việc cho phụ nữ tại các quốc gia chưa phát triển (LDCs) có thể làm tăng chi phí cơ hội của việc sinh con và vì vậy dẫn tới tỷ lệ tăng dân số giảm.

Đáp án chương ba**Cầu, cung và thị trường****Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng**

1	b	4	e	7	c	10	j
2	h	5	a	8	d	11	i
3	f	6	l	9	k	12	g

Bài tập

- 1** (a) Xem Hình A3-1.

Hình A3-1 Thị trường đậu

- (b) Dư cầu 60 triệu lon/năm.

- (c) Dư cung 30 triệu lon/năm.

- (d) 50 triệu lon/năm tại mức giá 24p.

- (e) 60 triệu lon/năm tại mức giá 28p.

- 2** Xem Bảng A3-1.

- 3** Sự di chuyển dọc theo có thể do (b), (a) hoặc (d). Yếu tố (a) và (f) sẽ làm di chuyển đường cầu theo hướng ngược lại; yếu tố (c) và (e) làm di chuyển đường cung.

- 4** Sự dịch chuyển có thể do (b) hoặc (c); (a) có thể là phản ứng đối với thay đổi cầu nhưng sẽ không làm dịch chuyển đường cầu. Nếu giá thay đổi là do đường cung dịch chuyển, kết quả là sự di chuyển dọc theo đường cầu.

- 5** Sự di chuyển có thể do (a) hoặc (e). Yếu tố (c) sẽ làm di chuyển đường cung theo hướng ngược lại; yếu tố (b) và (d) sẽ làm di chuyển đường cầu.

- 6** (a), (b), (d) là hàng hóa thông thường; (c) và (e) là hàng hóa thứ cấp - khi thu nhập tăng lên, cầu về hàng hóa đó giảm, vì người tiêu dùng thấy rằng họ có thể mua được các hàng hóa khác.

- 7** Câu trả lời ở đây phụ thuộc chủ yếu vào thị hiếu người tiêu dùng. Hầu hết mọi người đều coi dâu và kem tươi là hàng hóa bổ sung. Những người khác có thể thích quả mâm xôi hoặc kem tươi với dâu. Tuy nhiên, theo phân tích cuối cùng, hầu hết các hàng hóa đều là thay thế nhau - nếu bạn mua nhiều dâu hơn, bạn sẽ mua ít các hàng hóa khác hơn.

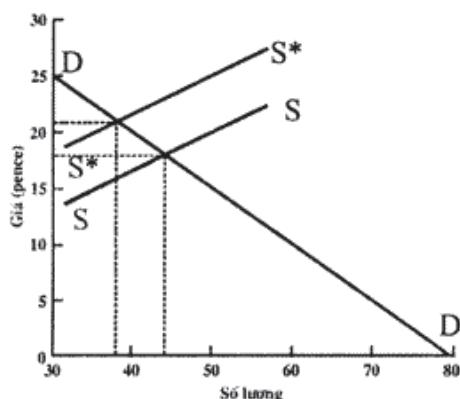
Bảng A3-1 Sự dịch chuyển và di chuyển dọc đường cầu, cung

Thay đổi "các yếu tố khác không đổi"	Dịch chuyển của đường cầu	Di chuyển dọc theo đường cầu	Dịch chuyển của đường cung	Di chuyển dọc theo đường cung
Thay đổi giá hàng hóa cạnh tranh	✓			✓
Giới thiệu một kỹ thuật sản xuất mới		✓	✓	
Mất về hàng hóa	✓			✓
Thay đổi thu nhập	✓			✓
Thay đổi giá nguyên liệu đầu vào		✓	✓	

8 (a) P_2, Q_3 .(b) P_1 .(c) Q_1 .(d) $(Q_4 - Q_1)$.(e) P_2 . Mức giá thấp nhất có thể trên mức giá cân bằng.(f) Q_3 .

(g) Không.

9 (a) hoặc (b) có thể làm tăng giá nhà. Yếu tố (a) và (d) làm di chuyển dọc đường cung, trong khi yếu tố (b), (c) tác động tới đường cầu. Cố gắng vẽ đồ thị để xem ảnh hưởng của những sự di chuyển đó.

10 (a) Xem Hình A3-2.**Hình A3-2** Thuế đánh vào hàng hóa X

(b) Giá 18p, lượng 44 đơn vị. Điểm mấu chốt là xem xét quá trình đưa ra quyết định của người cung cấp. Giả sử giá thị trường là 20p; trong đó 5p để đóng thuế cho chính phủ và người cung cấp nhận được 15p - tại mức giá đó chúng ta biết họ sẵn lòng cung cấp 35 đơn vị một năm. Sử dụng hình thức lý luận này, chúng ta có thể

xây dựng một đường cung mới biểu diễn số lượng được cung cấp tại mỗi mức giá (đã gồm cả thuế).

(c) Đường cung mới là S^*S^* trên Hình A3-2; khoảng cách theo trục tung giữa SS và S^*S^* là 5p.

(d) Giá 21p, lượng 38 đơn vị. Lưu ý rằng giá không tăng đúng bằng phần thuế.

Đúng/Sai

1 Sai: bản thân đường cầu nói lên người mua phản ứng như thế nào khi giá thay đổi.

2 Sai: Một số hàng hóa có thể là hàng hóa thứ cấp.

3 Đúng.

4 Sai: một số những giai đoạn mà thị trường điều chỉnh chậm chạp về trạng thái cân bằng. Can thiệp của chính phủ có thể ngăn cản sự điều chỉnh về trạng thái cân bằng.

5 Sai: hàng hóa thứ cấp là hàng hóa mà cầu của nó giảm khi thu nhập tăng.

6 Đúng: xem Hộp 3-1 trong sách lý thuyết.

7 Đúng.

8 Sai: nếu chính xác, luật đó có thể làm mức việc làm giảm (xem phần 3-9 trong sách lý thuyết).

9 Đúng: nhưng quan điểm rõ ràng hơn về sự bổ sung sẽ được xem xét tại Chương 6.

10 Sai: xem bài tập 10.

11 Đúng: xem phần 3-8 sách lý thuyết.

Kinh tế học trong thực tiễn

- 1** Với kỳ vọng về số lượng hành khách cao hơn, đường cầu về hạ cánh và cất cánh máy bay dịch chuyển sang phải, dẫn tới mức giá cân bằng tăng.
- 2** Quyết định của chính phủ xây dựng một đường bay thứ ba làm giảm cung thực tế về hạ cánh và cất cánh. Nó làm tăng giá cân bằng. Nhiều nhà bình luận cho rằng hàng hàng không hài lòng với quyết định xây đường bay thứ ba vì nó làm tăng giá trị của những đường bay hiện tại trên bảng cân đối kế toán.

Câu hỏi tư duy

1 Thị trường trong tình huống này sẽ biểu diễn trạng thái dư thừa (dư cung): người sản xuất sẵn lòng cung cấp nhiều hàng hóa tại một mức giá nhất định hơn là lượng mà người tiêu dùng sẵn lòng mua. Từ triển vọng của người sản xuất, họ sẽ thấy hàng tồn kho không bán được bắt đầu chất đống. Trong giai đoạn tiếp theo, người sản xuất sẽ phản ứng lại bằng cách giảm giá để làm tăng lượng bán và giảm lượng hàng hóa được sản xuất ra. Khi người sản xuất làm như vậy, giá bắt đầu giảm, chúng ta thấy những người tiêu dùng trước đây không tiêu dùng vì giá cao sẽ tăng cầu của họ về hàng hóa đó. Nếu giá được ổn định dưới mức giá

cân bằng, tình huống ngược lại sẽ xảy ra: người sản xuất sẽ thấy hàng tồn kho của họ được bán hết và họ có thể thấy nhiều người tiêu dùng xếp hàng để mua hàng hóa với giá cao hơn. Nói cách khác, có sự dư cầu và có thể không phải người tiêu dùng nào cũng mua được cái họ muốn. Vì vậy, giá có xu hướng tăng lên và người sản xuất có xu hướng tăng cung hàng hóa khi giá tăng. Đó là một cách để chúng ta cho rằng nếu thị trường tự vận hành như một cỗ máy, giá sẽ có xu hướng di chuyển về mức giá cân bằng; mức giá mà tại đó cung và cầu bằng nhau. Nhiều nhà kinh tế tin vào loại điều chỉnh về trạng thái cân bằng này, chúng ta sẽ thấy cũng giống như chúng ta nghiên cứu sâu hơn về kinh tế. Nhiều tranh luận về kinh tế tập trung xoay quanh tại sao sự điều chỉnh này không phải lúc nào cũng xảy ra - nhưng đó là câu chuyện sau này.

- 2** Kết quả phụ thuộc vào độ dốc của đường cầu: thị trường cà phê được xem xét tại Chương 5 của sách lý thuyết.
- 3** Có rất nhiều ví dụ: chẳng hạn, chúng ta xem xét hai hàng hóa nào đó là bổ sung hay thay thế nhau.
- 4** Gợi ý: xem Hộp 3-3 sách lý thuyết.

Đáp án chương bốn

Độ co giãn của cung và cầu

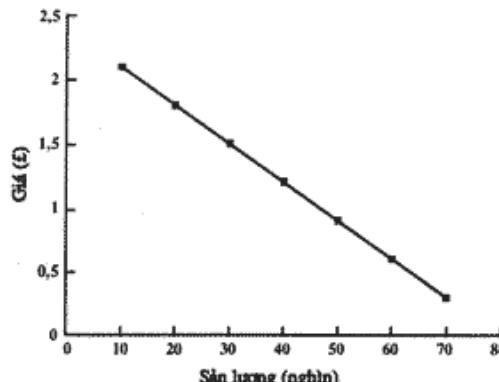
Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

1	i	5	a	9	m	13	l
2	b	6	e	10	j	14	h
3	d	7	n	11	g		
4	k	8	t	12	c		

Bài tập

- 1** (a) Xem Hình A4-1.
(b) Đường cầu là đường thẳng, phản ứng với giá giảm 30p sẽ là lượng cầu tăng 10 000 - ít nhất trong khoảng giá được biểu diễn.

Hình A4-1 Cầu về kem gạo



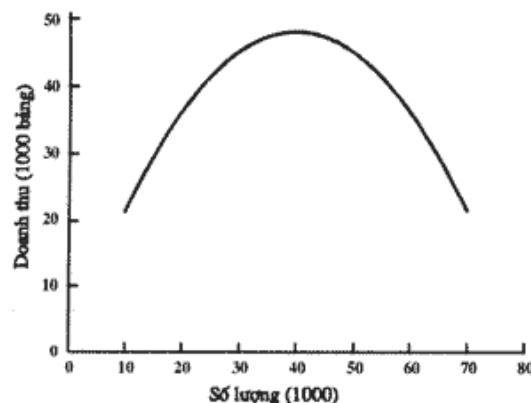
- (c) - (d) Xem Bảng A4-1.

Bảng A4-1 Cầu về kem gạo

Giá một bao (£p)	Lượng cầu (nghìn)	Tổng chi tiêu (doanh thu) (nghìn Bảng)	Độ co giãn theo giá của cầu
2,10	10	21	-7,0
1,80	20	36	-3,0
1,50	30	45	-1,67
1,20	40	48	-1,0
0,90	50	45	-0,6
0,60	60	36	-0,3
0,30	70	21	

Lưu ý rằng, chúng ta không thể tính được độ co giãn khi giảm giá tại mức giá 30p, vì chúng ta không biết điều gì xảy ra với cầu khi giá giảm xuống dưới mức giá đó. Tất nhiên chúng ta có thể tính độ co giãn cho mức giá cao hơn.

(e) Xem hình A4-2.

Hình A4-2 Tổng chi tiêu (hay doanh thu từ kem gạo)

(f) Tại mức giá 1,20£.

(g) Tại mức giá 1,20£. Chi phí luôn lớn nhất tại điểm co giãn.

(h) (i) tại mức giá trên 1,20£.

(ii) tại mức giá dưới 1,20£.

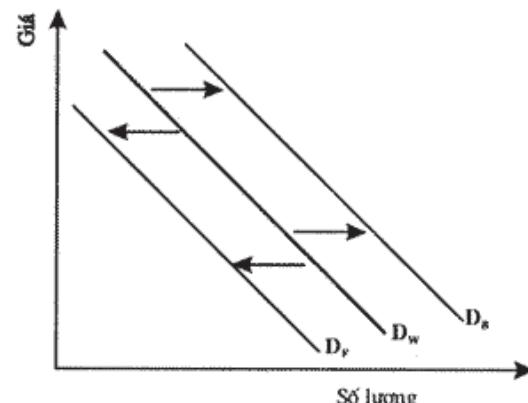
Lưu ý rằng trong bài tập này về giá trị của độ co giãn thay đổi thế nào tại những điểm khác nhau đọc

theo đường cầu, mặc dù độ dốc của nó không đổi. Điều đó có nghĩa là bạn nên nhớ để không miêu tả đường cầu là co giãn hay không co giãn: nó là cả hai, phụ thuộc vào điểm mà chúng ta đo.

2 (a) Đối với độ co giãn theo giá chúng ta cần sử dụng số liệu trong Bảng 4-2. Ví dụ, phản ứng của cầu thức ăn khi giá thay đổi 1% là -0,25. Vì vậy, cầu về thức ăn là không co giãn, mặc dù chúng ta hy vọng khác. Cầu về bia cũng không co giãn, mặc dù phản ứng có mạnh hơn so với thức ăn. Cầu về rượu là co giãn (-1,20).

(b) Sử dụng độ co giãn giá chéo tại cột 1 Bảng 4-2, chúng ta thấy giá thức ăn tăng làm lượng cầu về rượu giảm nhưng lượng cầu về bia tăng. Nó hàm ý rằng, trong phản ứng với giá thức ăn thay đổi, thức ăn và rượu có thể là hàng hóa bổ sung, còn thức ăn và bia có vẻ là hàng hóa thay thế.

(c) Giá thức ăn tăng gây ra cầu về rượu giảm, làm di chuyển đường cầu đến DF trên Hình A4-3 (thức ăn và rượu là hàng hóa bổ sung). Độ co giãn chéo của cầu về rượu và tương ứng với bia là dương, chỉ ra chúng là hàng hóa thay thế. Đường cầu dịch chuyển tới DB.

Hình A4-3 Cầu về rượu tại Mythuania

3 Xem Bảng A4-2.

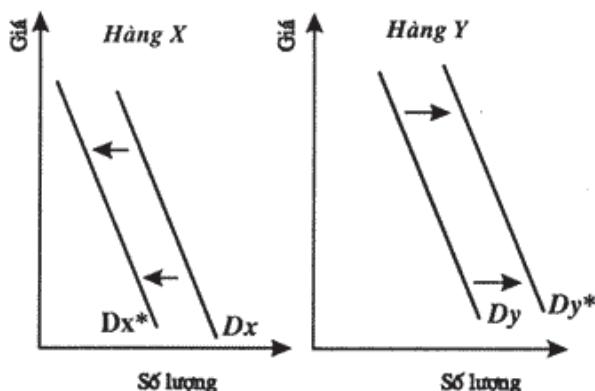
Bảng A4-2 Độ co giãn theo thu nhập đối với các hàng hóa

Hàng hóa	Thu nhập năm thứ 1 100£	Thu nhập năm thứ 2 100£	Tỷ lệ ngân sách (năm 1)	Tỷ lệ ngân sách (năm 2)	Độ co giãn theo thu nhập của cầu	HH thứ cấp (No) hoặc HH thông thường (I)	HH xa xỉ (L) hay HH thiết yếu (Ne)
A	30	50	30%	25%	2/3	No	Ne
B	30	70	20%	35%	4/3	No	L
C	25	20	25%	10%	-1/5	I	Ne
D	15	60	15%	30%	3	No	L

4 Nếu giá điện tăng, các yếu tố khác không đổi, chúng ta có thể tin rằng các hộ sẽ chuyển sang sử dụng các nguồn năng lượng khác - có thể là bộ làm nóng bằng gas hoặc sử dụng bếp gas. Tuy nhiên, những sự thay đổi đó sẽ không diễn ra ngay lập tức, vì vậy trong ngắn hạn cầu về điện sẽ là không co giãn (DD). Trong dài hạn đường cầu là dd, co giãn hơn.

5 Hàng hóa X và Y xem Hình A4-4. Đường cầu về hàng hóa Z là tinh: độ co giãn theo thu nhập của cầu bằng, thu nhập thay đổi không ảnh hưởng tới cầu.

Hình A4-4 Ảnh hưởng của thu nhập tới cầu



6 Các nhà kinh tế sử dụng thuật ngữ “hàng hóa thông thường” và “hàng hóa thứ cấp” thường tạo ra sự nhầm lẫn trong sinh viên. Thuật ngữ đó được sử dụng để mô tả cách mà cầu về hàng hóa thay đổi theo thu nhập. Vì vậy, khi xem xét câu hỏi đó, độ co giãn của thu nhập rất quan trọng. Chúng ta có thể thấy rằng hàng hóa (a) là hàng hóa thứ cấp: cầu giảm khi giá tăng. Hàng hóa (d) là hàng hóa thông thường, có độ co giãn của thu nhập dương. Trong những trường hợp còn lại (b), (c) và (e), chúng ta có thể nói rằng các nhà kinh tế không thể biểu diễn chúng là hàng hóa thứ cấp hay thông thường.

Độ co giãn theo giá dương chỉ ra một đường cầu rất ít gấp, giá tăng dẫn đến cầu tăng. Tình huống này được xem xét tại Chương 6 sách lý thuyết.

7 Đối với Flora, chè và cà phê là hàng hóa thay thế (độ co giãn chéo dương), trong khi đường và cà phê là hàng hóa bổ sung (độ co giãn chéo âm). Đường và chè có thể có độ co giãn chéo gần tới 0 hoặc âm.

8 Tăng 25%.

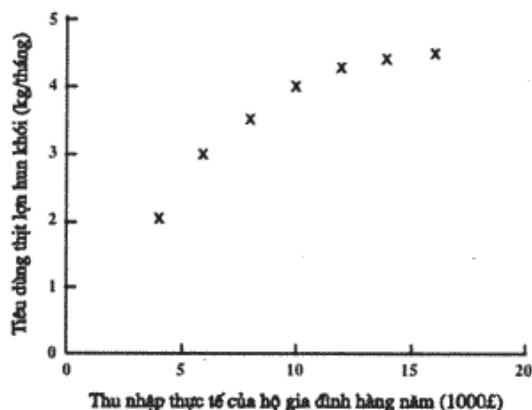
9 Ước lượng độ co giãn chéo của hàng hóa trong bảng có thể xem trong phần 4-1 sách lý thuyết.

10 (a) Xem Hình A4-5.

(b) Mối quan hệ thuận chiều.

(c) Thịt lợn hun khói có thể coi là hàng hóa thông thường, với tiêu dùng tăng khi thu nhập tăng. Tuy nhiên, tỷ lệ tiêu dùng tăng giảm dần tại mức thu nhập cao hơn: nó rất rõ trên đồ thị.

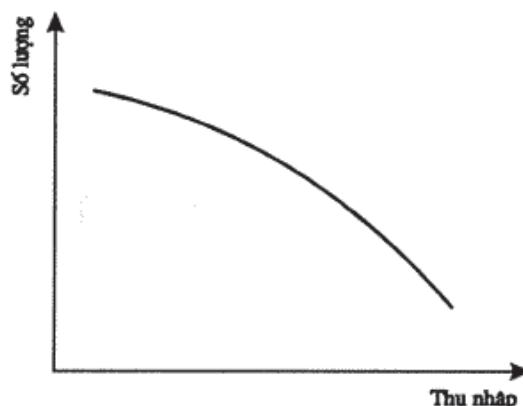
Hình A4-5 Mối quan hệ giữa tiêu dùng thịt lợn hun khói và thu nhập



(d) Xem Hình A4-6.

Đường cầu biểu diễn mối quan hệ giữa tiêu dùng (lượng) một hàng hóa và thu nhập đôi khi được gọi là Đường Engel.

Hình A4-6 Mối quan hệ giữa tiêu dùng và thu nhập đối với hàng hóa thứ cấp



11 Tại đây chúng ta có nền kinh tế đang phát triển: thu nhập thực tế kỳ vọng tăng nhanh. Triển

vọng tốt nhất là cho khu vực Bechans, với độ co giãn theo thu nhập dương lớn. Cầu có thể tăng cho khu vực OK-ish, nhưng với tỷ lệ tăng thấp hơn. Zegroes có tăng trưởng bằng 0, độ co giãn theo thu nhập bằng 0, trong khi không có hy vọng gì cho Nohoes, với độ co giãn theo thu nhập âm lớn.

Dúng/Sai

- 1 Dúng: xem phần 4-1 sách lý thuyết.
- 2 Sai: nếu nghi ngờ, xem câu trả lời của bạn tại bài tập 1 của chương này.
- 3 Sai.
- 4 Dúng: xem phần 4-2 của sách lý thuyết và bài tập 1 của chương này.
- 5 Sai: hàng hóa xác định càng hẹp, chúng càng là hàng hóa thay thế. Vì vậy cầu có xu hướng nhạy cảm hơn với giá.
- 6 Sai: chỉ khi độ co giãn của thu nhập lớn hơn 1 - xem câu trả lời của bạn tại bài tập 3 của chương.
- 7 Sai.
- 8 Sai: nếu giá tương đối không đổi và thu nhập tăng cùng một tỷ lệ với giá, mô hình chi tiêu không thay đổi.
- 9 Sai: xem phần 4-3 sách lý thuyết.
- 10 Dúng: xem lại phần 4-3 sách lý thuyết.
- 11 Sai: một ai đó ở đâu đó phải sản xuất hàng hóa thứ cấp.
- 12 Dúng.

Kinh tế học trong thực tiễn

- 1 Bài báo chỉ cung cấp dữ liệu về bán hàng và giá, nó không cung cấp thông tin nào về tổng doanh thu. Ý tưởng cơ bản đằng sau giá dựa vào độ co giãn là tăng tổng doanh thu. Giá cao hơn sẽ dẫn đến cầu giảm, nhưng giá cao cầu không co giãn có thể dẫn tới tổng doanh thu cao hơn. Trước khi quyết định, liệu chính sách giá là thành công hay thất bại, chúng ta cần xem xét dữ liệu về tổng doanh thu.

(Tiếp theo)

- 2 Dúng, cầu là co giãn ở mức giá cao hơn. Khi giá tăng người tiêu dùng chuyển sang mua các album.

Câu hỏi tư duy

- 1 Tính dẽ thay đổi của giá sẽ được xem xét tại Chương 11, sách Kinh tế học vĩ mô của David Begg.

Gợi ý: Suy nghĩ về các yếu tố chính ảnh hưởng tới độ co giãn và vẽ một số đồ thị để đánh giá ảnh hưởng của sự dịch chuyển đường cung tới giá khi giả định về độ co giãn đường cầu thay đổi.

- 2 Yếu tố (d) là trọng tâm của câu hỏi. Người tiêu dùng sẽ phản ứng mạnh hơn khi giá hàng hóa thay đổi nếu hàng hóa thay thế sẵn có. Các yếu tố khác cũng có thể giải thích được điều này. Một hàng hóa thiết yếu là hàng hóa mà khó có hàng hóa thay thế, vì vậy cầu sẽ tương đối không co giãn. Khi một hàng hóa được định nghĩa hẹp (ví dụ: một nhãn hiệu chất tẩy), sẽ có xu hướng là có nhiều hàng hóa thay thế hơn (các nhãn hiệu khác), vì vậy cầu có thể tương đối co giãn. Đối với nhiều hàng hóa, người tiêu dùng không thể điều chỉnh cầu trong ngắn hạn, trong khi độ co giãn có thể lớn hơn trong dài hạn. Nếu bạn có một hệ thống lò sưởi chạy dầu, sẽ không có hàng hóa thay thế cho dầu nào trong ngắn hạn.

- 3 Tính dẽ thay đổi theo điều kiện thời tiết tất nhiên là yếu tố ảnh hưởng tới trọng cung và nó giống với phần trình bày về thị trường lạc đà nói tới trong Chương 3. Tuy nhiên, cũng có thể là yếu tố trọng cầu sẽ tác động tới thị trường. Ví dụ, thay đổi thị hiếu theo thời gian, giữa cà phê và chè, có thể gây ra ảnh hưởng lớn tới cầu. Nếu cầu giảm theo chiều hướng người sản xuất cà phê không thể bán được tất cả sản phẩm, họ sẽ giảm diện tích trồng cà phê để thành lập một trạng thái cân bằng mới trong dài hạn. Nó chỉ cho bạn cách giá cả hoạt động như một tín hiệu để hướng dẫn phân bổ nguồn lực như thế nào cho phù hợp với cầu. Thực tế, thị trường cà phê phức tạp hơn, còn gọi là tương lai thị trường cà phê, nơi mà người ta mua và bán cà phê theo giá thỏa thuận vào một thời điểm nào đó trong tương lai.

- 4 Với độ co giãn theo thu nhập là -0,4, di lại bằng xe buýt là không co giãn theo thu nhập và là hàng hóa thứ cấp. Thu nhập tăng sẽ dẫn tới cầu về đi lại bằng xe buýt giảm. Vì vậy, cầu về đi lại bằng xe buýt sẽ lớn hơn tại khu vực mà thu nhập ít hơn.

Với độ co giãn theo giá là -1,2 di lại bằng xe buýt co giãn theo giá. Khi giảm giá, có thể do trợ giá, sẽ làm tăng cầu di bằng xe buýt. Cuối cùng, độ co giãn chéo là 2,1 với tàu hỏa chỉ ra rằng di lại bằng xe

buýt là hàng hóa thay thế co giãn với tàu hỏa. Giá đi tàu tăng sẽ làm tăng tỷ lệ cầu về xe buýt. Vì vậy, công ty xe buýt sẽ đặt giá thấp hơn tàu và trên đường đi nơi mà người có thu nhập thấp di lại.

Đáp án chương năm

Lựa chọn của người tiêu dùng và quyết định cầu

Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

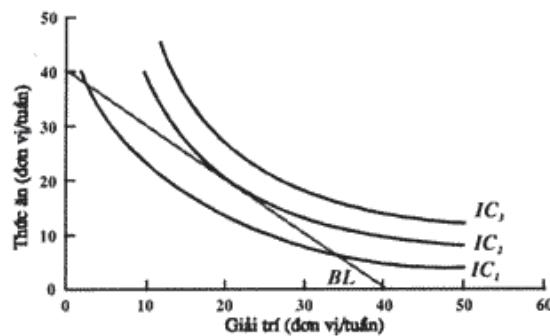
1	b	4	k	7	e	10	c
2	j	5	l	8	d	11	a
3	g	6	i	9	h	12	f

Bài tập

1 Nếu bạn nghi ngờ cách vẽ đường ngân sách, cách đơn giản nhất để làm là tính ra lượng hàng Ashley có thể mua nếu anh ta sử dụng toàn bộ tiền để mua nó. Đánh dấu hai điểm trên hình (trên mỗi trục một điểm) và nối chúng lại. Bài tập này chỉ ra rằng giá một hàng hóa thay đổi làm độ dốc đường ngân sách thay đổi, yếu tố khác không đổi. Cả hai thay đổi giá theo cùng một tỷ lệ (ví dụ: so sánh (d) với (a) thấy có cùng ảnh hưởng khi thu nhập thay đổi, so sánh (e) với (a) thấy đường ngân sách thay đổi vị trí nhưng không thay đổi độ dốc).

2 (a) Xem Hình A5-1.

Hình A5-1 Đường bàng quan của Ashley



(b) IC₃.

(c) IC₁.

(d) Điểm C có lợi ích lớn nhất, trên đường IC₃. Điểm A và D đều nằm trên IC₂ và là kết hợp tương đồng.

Điểm B có lợi ích nhỏ hơn, trên IC₁.

Điểm E nằm dưới IC₁ và có lợi ích thấp nhất.

(e) Không, chúng ta cần biết rằng buộc ngân sách của Ashley.

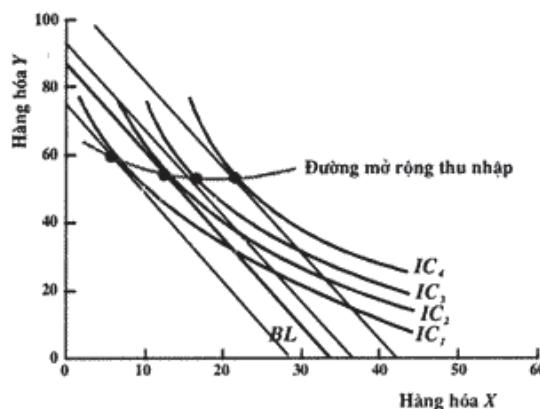
(f) BL trên Hình A5-1 là một đường ngân sách phù hợp: tiếp xúc với đường bàng quan IC₂ tại (20E, 20F). Điểm này biểu diễn độ hài lòng cao nhất mà Ashley có thể đạt tới trong ràng buộc ngân sách.

3 (d).

- | | |
|----------|--------|
| 4 (1) d. | (4) e. |
| (2) c. | (5) b. |
| (3) a. | (6) f. |

5 (a) Xem Hình A5-2.

Hình A5-2 Đường mở rộng thu nhập



(b) Khi thu nhập tăng, tiêu dùng hàng hóa X tăng lên (X là hàng hóa thông thường) nhưng tiêu dùng hàng hóa Y giảm đi (Y là hàng hóa thứ cấp).

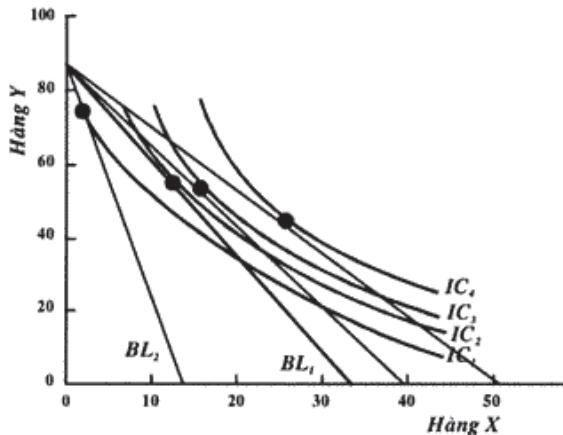
(c) Dốc lên trên sang phải.

(d) Không. Trong thế giới chỉ có hai hàng hóa, không thể cả hai đều là hàng hóa thứ cấp. Ví dụ,

giá sử thu nhập giảm còn giá không đổi - rõ ràng rằng, người tiêu dùng không thể tiêu dùng nhiều hơn cả hai hàng hóa, nên cả hai không thể đều là hàng hóa thứ cấp!

- 6** (a) Khi giá hàng hóa X thay đổi, đường ngân sách thay đổi độ dốc, trong khi vẫn cắt trục Y tại điểm cũ; chúng ta có thể vẽ một loạt các đường ngân sách, mỗi đường tiếp xúc với một đường bàng quan trên đồ thị. Xem Hình A5-3.

Hình A5-3 Giá hàng hóa X thay đổi ảnh hưởng tới mô hình tiêu dùng



- (b) Đúng. Nếu chúng ta biết thu nhập của Christopher, chúng ta có thể tính ra giá hàng hóa X tương ứng với mỗi đường ngân sách và chúng ta có thể biểu diễn câu về X tại mỗi mức giá. Chúng ta có thể biết về đường cầu bằng cách tính hệ số chặn của đường ngân sách trên trục hoành. Nếu chúng ta gọi giá cũ là 1, giá tương đối cho đường ngân sách BL_1 là khoảng $33/14 = 2,36$ (33 là hệ số chặn của BL_1 và 14 là hệ số chặn của BL_2). Biểu diễn số lượng X, ta có bảng sau:

Giá	Số lượng
2,36	2
1,00	15
0,75	24
0,59	32

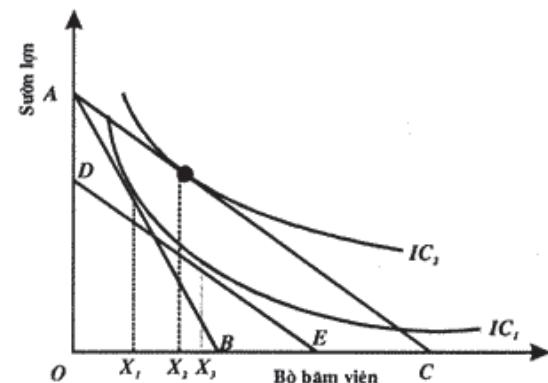
Bạn có thể vẽ đồ thị. Cách phân tích này cung cấp cơ sở lý thuyết về đường cầu. Chúng ta thấy rằng vị trí và độ dốc của nó phụ thuộc vào thu nhập và thị hiếu.

- (c) Câu về Y tăng khi giá X tăng, chỉ ra ảnh hưởng thay thế.

- 7** Nếu chỉ có thị hiếu thay đổi, Q vẫn không thể đạt tối, vì vậy câu trả lời không thể là (a). Lựa chọn (c) và (d) đều làm đường ngân sách gần với đường cũ; (e) làm đường ngân sách không đổi. Vì vậy, câu trả lời là (b). Thủ vẽ đường ngân sách.

- 8** (a) Xem Hình A5-4.

Hình A5-4 Ảnh hưởng của giá giảm



Khi giá giảm, chúng ta cần tìm ra kết quả thu nhập tăng. Chúng ta thực hiện điều này bằng cách vẽ đường ngân sách mới (DE) song song với đường ngân sách mới AC và tiếp xúc với đường bàng quan cũ IC_1 . Ảnh hưởng thay thế là từ X_1 đến X_3 và ảnh hưởng thu nhập từ X_3 đến X_2 . Cách phân tích ảnh hưởng thu nhập này đôi khi gọi là "phương pháp mức thay đổi thu nhập bù đắp". Nó trả lời được câu hỏi: "Mức thu nhập nào tại mức giá tương đối mới cho phép Debbie đạt được mức lợi ích cũ?" Nếu bạn hiểu điều này, đọc tiếp sẽ làm bạn rõ thêm! Chúng ta đã trả lời được câu hỏi khác nhau - chính xác là "Mức thu nhập nào tại mức giá cũ đem lại cho Debbie mức lợi ích mới?" Chúng ta sẽ phân tích nó bằng cách vẽ đường ngân sách tương ứng có song song với AB tại điểm tiếp xúc với IC_2 - thử trên đồ thị. Điều này đôi khi được gọi là "phương pháp mức thay đổi thu nhập tương đương".

- (b) Như đã vẽ, thịt bò băm viên là hàng hóa thông thường, mặc dù ảnh hưởng thu nhập là tương đối nhỏ.

- (c) Họ làm việc.

- (d) Nếu thịt bò băm viên là hàng hóa thứ cấp.

- 9** (a) Đúng, chắc chắn anh ta chọn điểm F: ít khi đòi hỏi đường bàng quan của anh ta dốc hoàn toàn khi F (trước đó không đạt tối) nằm trên đường bàng quan cao hơn E.

(b) Nếu Eliot nhát quán với thị hiếu của mình, anh ta không chọn G. Cả E và G đều là lựa chọn sẵn có giai đoạn đầu; đầu tiên Eliot có thể chọn điểm ở bên phải phía trên của G, với cả hai hàng hóa đều nhiều hơn - nhưng anh ta chọn E. Nếu bây giờ anh ta chọn G, phải là do anh ta thay đổi thị hiếu. Bạn có thể thẩm định điều này bằng cách vẽ đường bàng quan tiếp xúc với điểm E và G: bạn sẽ thấy chúng phải cắt nhau, biểu thị sự mâu thuẫn.

(c) CE.

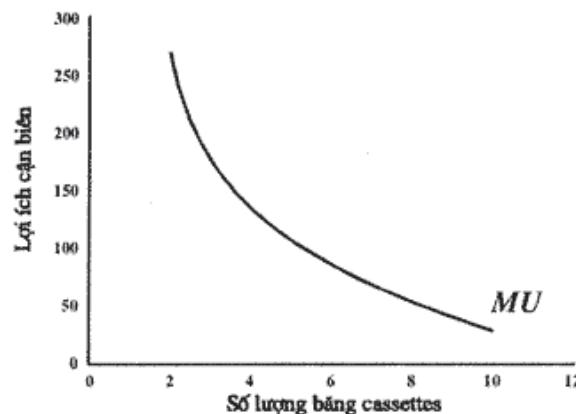
(d) Chúng đã thay đổi, xem gợi ý ở phần 9(b).

10 (a) 2 băng cassettes khiến Frank có 630 đơn vị lợi ích và 10 tờ tạp chí khiến anh ta có 371, tổng cộng là 1001 đơn vị thỏa dụng.

(b) Xem cột 2 và 5 trong Bảng 5-1.

(c) Xem Hình A5-5.

Hình A5-5 Lợi ích cận biên của Frank đối với băng cassettes



(d) Không, vì chúng ta xem xét đến giá tương đối của hai hàng hóa.

(e) Anh ta chỉ có thể mua được 4 băng cassettes, nó đem lại cho anh ta 945 đơn vị lợi ích - ít hơn lựa chọn cũ của anh ta.

(f) Xem cột 3 và 6 của Bảng A5-1.

(g) Frank tối đa hóa lợi ích của mình bằng cách điều chỉnh chi tiêu để $MUm/Pm = MUm/Pc$. Bạn sẽ thấy trên Bảng A5-1 rằng điều này xảy ra khi anh ta mua 3 băng cassettes và 5 tờ tạp chí. Tổng chi tiêu của anh ta không đổi, nhưng bây giờ anh ta nhận được 1024 đơn vị thỏa dụng.

Dúng/Sai

1 Đúng: xem phần 5-1 sách lý thuyết.

2 Đúng.

3 Đúng.

4 Đúng: xem phần 5-1 sách lý thuyết.

5 Sai: người đó luôn có thể cải thiện điểm đó.

6 Sai: độ dốc chỉ phụ thuộc vào giá.

7 Đúng.

8 Sai: xem phần 5-3 sách lý thuyết.

9 Đúng.

10 Đúng: xem phần 5-3 sách lý thuyết.

Bảng A5-1 Lợi ích của Frank từ tạp chí và nghe cassettes

Số lượng tiêu dùng	Tạp chí			Băng cassettes		
	(1) Lợi ích (đơn vị lợi ích)	(2) Lợi ích biên	(3) MUm/Pm	(4) Lợi ích (đơn vị lợi ích)	(5) Lợi ích biên	(6) MUm/Pc
1	60			360		
2	111	51	34,0	630	270	36
3	156	45	30,0	810	180	24
4	196	40	26,7	945	135	18
5	232	36	24,0	1050	105	14
6	265	33	22,0	1140	90	12
7	295	30	20,0	1215	75	10
8	322	27	18,0	1275	60	8
9	347	25	16,7	1320	45	6
10	371	24	16,0	1350	30	4

- 11** Sai: nếu ảnh hưởng thu nhập ngược với ảnh hưởng thay thế, X là hàng hóa thứ cấp.
- 12** Sai: nói chung, người tiêu dùng chắc chắn có lợi từ việc lựa chọn tự do (xem phần 5-6 sách lý thuyết).

Kinh tế học trong thực tiễn

- 1** Khi các sản phẩm trở nên đắt đỏ hơn chúng ta có thể cho rằng người tiêu dùng thay thế một sản phẩm đắt bằng một sản phẩm rẻ hơn. Có nghĩa là, người tiêu dùng sẽ thể hiện ảnh hưởng thay thế trong hành vi tiêu dùng của họ. Khi giá kỳ nghỉ ở Tây Ban Nha trở nên đắt hơn trong khi giá khách sạn và giá đồng euro tăng lên, người tiêu dùng sẽ không chọn nơi đó.
- 2** Có ba lời giải thích cho việc cầu về nghỉ dài ngày tăng lên: (i) chúng trở nên rẻ hơn - ảnh hưởng thay thế; (ii) thu nhập tăng lên nghĩa là họ có thể mua nhiều hơn - ảnh hưởng thu nhập dương; và (iii) có thể người tiêu dùng thích đi nghỉ dài ngày hơn là ngắn ngày.

Câu hỏi tư duy

- 1** Gợi ý: những ảnh hưởng đó đôi khi gọi là ảnh hưởng “đoàn tàu” và ảnh hưởng “đua đòi”. Độ dốc của đường cầu thị trường sẽ bị ảnh hưởng.

2 Một số gợi ý:

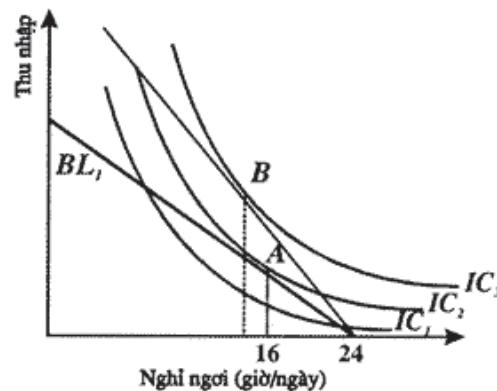
- (a) Điều gì xảy ra khi bạn di chuyển dọc một đường bàng quan? Điều gì xảy ra với lợi ích khi lượng Y_s không đổi còn lượng X_s tăng lên? Ví dụ: thuốc và kẹo?

(b) Ngay cả khi bạn thích bánh rán kem, bạn sẽ thấy thế nào khi ăn 50 cái - hoặc nhiều hơn?

(c) Ảnh hưởng thay thế khi giá thay đổi là gì? (ví dụ: chiếc giầy trái và giầy phải?)

3 Xem Hình A5-6. Hình dạng của đường bàng quan phản ánh thị hiếu của một người giữa thu nhập và sự nghỉ ngơi. Khi mức lương được biểu diễn là BL_1 , lựa chọn là A: 16 giờ nghỉ ngơi là 8 giờ làm việc. Đường ngân sách cao hơn biểu diễn mức lương cao hơn. Khi chúng ta vẽ nó, người đó nghỉ ngơi ít hơn, làm việc nhiều hơn. Điều này sẽ được kiểm chứng tại các phần sau, khi chúng ta thấy rằng phản ứng khi tăng lương có thể là làm việc ít hoặc nhiều giờ hơn (xem phần 11-4 sách lý thuyết).

Hình A5-6 Lựa chọn giữa thu nhập và nghỉ ngơi



- 4** Câu trả lời là (d); để giải thích xem phần phụ lục Chương 5 sách lý thuyết.

Đáp án chương sáu

Các quyết định cung ứng

Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

1	<i>l</i>	5	<i>j</i>	9	<i>d</i>	13	<i>g</i>
2	<i>m</i>	6	<i>i</i>	10	<i>h</i>	14	<i>o</i>
3	<i>k</i>	7	<i>e</i>	11	<i>a</i>	15	<i>f</i>
4	<i>n</i>	8	<i>b</i>	12	<i>c</i>		

Bài tập

- 1** (a) Đồng sở hữu. (c) Công ty.
(b) Đồng sở hữu. (d) Một chủ.

2

Công ty Lex Pretend & Sons**Báo cáo thu nhập ngày 31 tháng 12 năm 2004**

Doanh thu: Bán 5000 sản phẩm X đơn giá 40£	200 000£	
4000 sản phẩm Y đơn giá 75£	<u>300 000</u>	
		500 000£
Chi phí:		
Lương	335 000	
Thuê nhà	25 000	
Chi phí vận tải	19 000	
Chi phí quảng cáo	28 000	
Tiền điện thoại	8 000	
Chi phí văn phòng	<u>15 000</u>	
		430 000
Thu nhập ròng (lợi nhuận) trước thuế		70 000
Thuế TNDN (30%)		21 000
Thu nhập ròng (lợi nhuận) sau thuế		<u>49 000£</u>

- 3 (a) 27 000£. (d) 2 500£.
 (b) 28 000£. (e) 50 500£.
 (c) 21 000£. (f) 4 500£.

4

Công ty trách nhiệm hữu hạn GSC**Bảng cân đối kế toán**

Ngày 31 tháng 3 năm 2004

Tài sản		Nguồn vốn	
Tiền mặt	30 000£	Phải trả	40 000£
Phải thu	55 000	Lương phải trả	25 000
Hàng tồn kho	80 000	Tiền công nhân phải trả	30 000
Nhà cửa (Nguyên giá 300 000£)	240 000	Nợ	180 000
Thiết bị khác (Nguyên giá 250 000)	<u>200 000</u>	Vay ngân hàng	<u>50 000</u>
		Tổng	325 000
Tổng tài sản	605 000£	Giá trị ròng	<u>280 000</u>
			605 000£

5 Xem Bảng A6-1.

6 (b).

7 (a) Xem Hình A6-1.

(b) Chi phí biên (MC_0) cắt doanh thu biên (MR_0) tại mức sản lượng 3 đơn vị một tuần.

(c) Tổng doanh thu tiếp tục tăng khi doanh thu biên dương. Sau mức sản lượng 5 đơn vị một tuần thì

doanh thu biên sẽ âm. Vì vậy, tổng doanh thu sẽ đạt tối đa tại mức sản lượng 5 đơn vị một tuần.

(d) MC_1 trên Hình A6-1 biểu diễn chi phí cận biên mới. $MC_1 = MR_0$ tại mức sản lượng 2 đơn vị một tuần: chi phí tăng làm sản lượng giảm.

(e) MR_1 trên Hình A6-1 biểu diễn doanh thu cận biên mới, $MC_0 = MR_1$ tại mức sản lượng 4 đơn vị một tuần: nghĩa là sản lượng tăng.

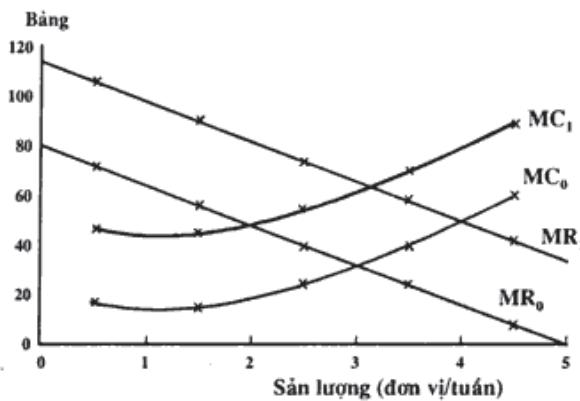
Bảng A6-1 Lợi nhuận, doanh thu biên và chi phí biên

Tổng sản lượng (Đơn vị/tuần)	Giá bán (Bảng)	Tổng doanh thu (Bảng)	Tổng chi phí (Bảng)	Lợi nhuận (Bảng)	Doanh thu biên (Bảng)	Chi phí biên (Bảng)
1	25	25	10	15	21	13
2	23	46	23	23	14	15
3	20	60	38	22	12	17
4	18	72	55	17	3	20
5	15	75	75	0	0	23
6	12,5	75	98	-23		

Lợi nhuận là lớn nhất khi sản lượng đạt 2 đơn vị/một tuần.

8 Tất cả đều thúc đẩy các hàng quyết định, mặc dù chỉ vài điều là thật sự hợp lý, nơi có sự tách biệt giữa quyền sở hữu và kiểm soát. Trong tình huống này, có sự mâu thuẫn lợi ích giữa chủ sở hữu và người điều hành (vấn đề ông chủ - nhân viên). Cổ đông (chủ sở hữu/ông chủ) muốn các hàng tối đa hóa lợi nhuận còn người điều hành (nhân viên) muốn tối đa hóa tiền lương, thị phần hoặc sự tăng trưởng. Để biết về động cơ các hàng, xem phần 6-3 sách lý thuyết. Vấn đề tách biệt là quan trọng nhất bởi chủ sở hữu khó có thể kiểm soát được hành vi của người điều hành - ví dụ, khi có nhiều cổ đông nhỏ.

Các nhà kinh tế có xu hướng tập trung vào tối đa hóa lợi nhuận (a) phù hợp với thực tế hơn cả - và thuận tiện khi phân tích.

Hình A6-1 Chi phí biên và doanh thu biên

2 Sai: bảng cân đối kế toán biểu thị tài sản và nguồn vốn của hàng tại một thời điểm xác định.

3 Sai: tất nhiên, không ai muốn có kết cục cổ phiếu vô giá trị, nhưng cổ đông chỉ có nghĩa vụ pháp lý với khoản tiền mà họ đầu tư vào hàng.

4 Sai: phải tính đến chi phí cơ hội.

5 Đúng.

6 Đúng: xem phần 6-2 sách lý thuyết.

7 Sai.

8 Đúng: xem phần 6-5 sách lý thuyết.

9 Sai: nếu bạn không thể thuyết phục giám đốc ngân hàng rằng tất cả sẽ ổn, dài hạn sẽ không thể tới! Hầu hết các công ty mới (và nhiều hàng cũ) cần đi vay để vượt qua giai đoạn thiếu tiền mặt.

10 Đúng: xem phần 6-4 sách lý thuyết.

11 Đúng: như bài tập 7.

12 Sai.

13 Đúng: xem phần 6-5 sách lý thuyết.

14 Đúng: xem hộp 6-2 sách lý thuyết.

Dúng/Sai

1 Đúng: xem phần 6-1 sách lý thuyết.

Kinh tế học trong thực tiễn

- 1** Cổ đông của Sainbury sở hữu công ty và họ thuê giám đốc để thay mặt họ điều hành công ty. Vì vậy, cổ đông là ông chủ và giám đốc là nhân viên.
- 2** Có sự tách biệt giữa quyền sở hữu và quyền điều hành khi chủ tịch hội đồng quản trị muốn trích ra 2,4 triệu bảng tiền thưởng khi công ty làm ăn thua lỗ. Tuy nhiên, các cổ đông có thể buộc ông ta từ chức. Điều này chỉ ra rằng, một số lượng nhỏ các cổ đông với lượng cổ phiếu nắm giữ dù lớn trong công ty có khả năng giám sát sự quản lý, cho thấy rằng các chi phí liên quan đến sự tách biệt giữa sở hữu và kiểm soát là rất nhỏ. Cần lưu ý rằng, trong trường hợp của công ty Sainbury, gia đình Sainbury vẫn là cổ đông chủ chốt, dẫn đến ít phổ biến quyền nắm giữ cổ phiếu hơn và khả năng kiểm soát lớn hơn.

Câu hỏi tư duy

- 1** Một số gợi ý có thể xem ở phần 6-5 sách lý thuyết; nó sẽ được nhắc lại trong Chương 8.
- 2** Nếu bạn đang đọc, bạn thấy rằng chi phí cơ hội là không quá cao - hoặc bạn nên xem Chương 7! Chi phí cơ hội được xem xét trong mọi trường hợp chúng ta chọn giữa các lựa chọn khác nhau: chi tiêu theo cách này ngăn cản chúng ta mua những cái khác; dành thời gian làm cái này ngăn cản chúng ta làm việc khác.

3 (a) Nhiệm vụ của giám đốc là để đảm bảo an ninh công việc và bảo đảm một mức lương tốt. Các mục tiêu này có thể không đồng nhất với tối đa hóa lợi nhuận, đặc biệt nếu lương của giám đốc có liên quan tới doanh thu hoặc thị trường cổ phiếu.

(b) Vấn đề là ở chỗ có thể chẳng có gì khó khăn cho bạn khi giám sát giám đốc, hoặc đánh giá liệu sản lượng và giá có đạt được lợi nhuận tối đa hay không.

(c) Những người quản lý nhận thức được rằng, sự thô túng có thể dễ xảy ra do những thay đổi trong quản lý. Điều này có thể tạo ra động lực để tối đa hóa lợi nhuận, làm giảm khả năng thô túng.

(d) Mỗi đe dọa thô túng có thể dẫn đến chủ nghĩa ngắn hạn. Đầu tư dài hạn khó thực hiện hơn nếu hàng trở nên dễ bị thô túng trong quá trình chuyển đổi. Hộp 7-2 sách lý thuyết cho thấy các hãng ở Liên hiệp Anh và Mỹ bị tổn hại theo cách này khi so sánh tương đối với các hãng ở Đức và Nhật, những nơi có một phương thức tài chính công ty khác.

(e) Bạn cần tìm một cách nào đó để tạo ra động lực cho giám đốc, ví dụ cho họ giữ một phần cổ phiếu của công ty. Nếu bạn lo lắng về vị trí dài hạn của công ty, bạn có thể làm giảm khả năng của việc thu mua hoặc hạn chế ảnh hưởng tới sự điều hành hiện tại. Hộp 7-2 trong sách lý thuyết đề cập sâu hơn về những điều này và những vấn đề khác.

Đáp án chương bảy

Cung và chi phí

Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

1	a	5	n	9	e	13	g
2	l	6	f	10	j	14	k
3	h	7	d	11	b		
4	m	8	i	12	c		

Bài tập

- 1** (a) và (b) Phép tính cho câu (a) cần để giải câu (b). Tổng chi phí cho mỗi kỹ thuật có Bảng A7-1.

Tại mức sản lượng thấp, kỹ thuật A cung cấp phương pháp sản xuất với chi phí tối thiểu - lưu ý rằng kỹ thuật này là tương đối cần nhiều nhân công, sử dụng nhiều lao động và ít vốn hơn những lựa chọn khác. Tuy nhiên, khi mức sản lượng tăng lên, kỹ thuật B trở nên hiệu quả hơn, và sau đó kỹ thuật C được sử dụng khi sản lượng đạt 6 đơn vị/tuần - đó là kỹ thuật sử dụng nhiều vốn nhất.

Bảng A7-1 Tổng chi phí và lựa chọn kỹ thuật

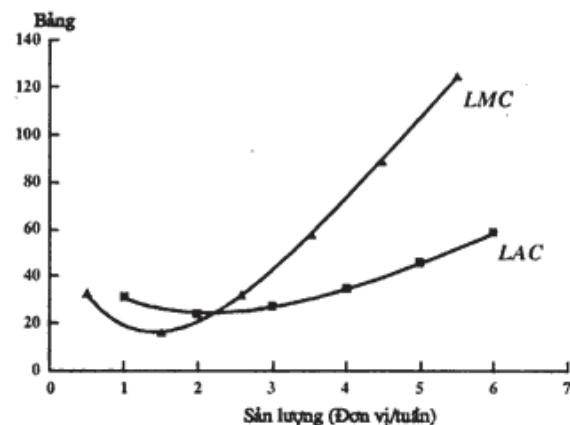
Sản lượng (đơn vị/tuần)	Tổng chi phí kỹ thuật A	Tổng chi phí kỹ thuật B	Tổng chi phí kỹ thuật C
1	2 600	2 800	3 200
2	5 000	5 200	5 600
3	7 400	7 600	8 000
4	10 200	10 000	10 800
5	14 200	13 600	14 000
6	19 800	18 200	17 600
7	27 200	24 200	21 800

Bảng A7-3 Sản lượng và tổng chi phí dài hạn

Sản lượng (đơn vị/tuần)	Tổng chi phí (Bảng Anh) B	Chi phí dài hạn trung bình C	Chi phí dài hạn cận biên D
0	0	0	0
1	32	32,0	32
2	48	24,0	16
3	82	27,3	34
4	140	35,0	58
5	228	45,6	88
6	352	58,7	124

Bảng A7-2 Tổng chi phí và lựa chọn kỹ thuật sau khi thay đổi chi phí lao động biến

Sản lượng (đơn vị/tuần)	Tổng chi phí kỹ thuật A	Tổng chi phí kỹ thuật B	Tổng chi phí kỹ thuật C
1	3 500	3 400	3 600
2	6 900	6 200	6 400
3	10 300	9 000	9 200
4	14 300	11 800	12 400
5	20 100	16 000	16 000
6	28 300	21 500	20 000
7	39 200	28 700	24 700

Hình A7-1 Chi phí dài hạn trung bình và chi phí dài hạn cận biên

(c) Nếu lao động trở nên đắt hơn tương đối so với vốn, chúng ta hy vọng các hằng số chuyển sang dùng kỹ thuật cần nhiều vốn. Thông thường, chúng ta hy vọng không dùng kỹ thuật A trong bài tập này - và đó là điều xảy ra trong Bảng A7-2.

(d) Xem Bảng A7-2.

2 (a) Xem Bảng A7-3.

(b) Xem Hình A7-1.

(c) Tại 2 đơn vị/tuần.

(d) Đó luôn là trường hợp $LMC = LAC$ tại điểm thấp nhất của LAC - vì vậy giao điểm là 2 đơn vị/tuần của sản lượng.

3 (a) Cho đến khi 2 đơn vị/tuần.

(b) Vượt quá 2 đơn vị/tuần.

(c) 2 đơn vị/tuần.

(d) Điểm đó biểu diễn sự chuyển dịch từ phần giảm dần trên LAC sang phần tăng dần trên LAC từ hiệu suất tăng đến hiệu suất giảm theo quy mô. Tại điểm đó, hằng số hiệu suất không đổi theo quy mô.

4 (a) là một phản ứng hấp dẫn nhưng không đúng. Hiệu suất giảm dần từ một yếu tố chỉ ra rằng khi sử dụng nó nhiều hơn thì chất lượng không giảm hoặc tổng sản lượng không giảm: nó là năng suất cận biên giảm dần. Phản ứng (c) là một quan sát thú vị (thuật ngữ gọi là “tính phi kinh tế bên ngoài của quy mô”), nhưng nó không thích hợp với giảm hiệu suất. Nếu bạn xem xét nó bạn sẽ thấy (d) miêu tả hiệu suất từ một yếu tố tăng lên; (e) liên quan đến hiệu suất hơn là chi phí. Dẫn đến (b) là phản ứng đúng: hiệu suất giảm dần liên quan đến hiệu suất từ yếu tố thay đổi.

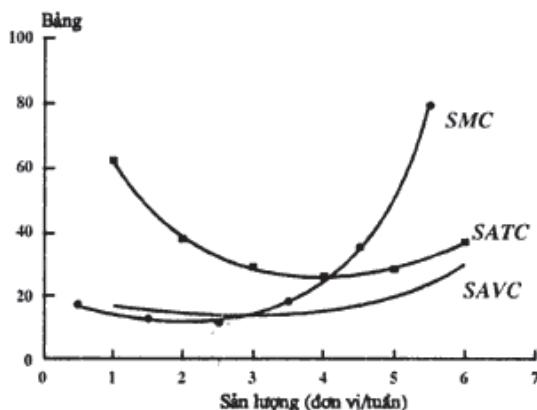
5 Tất cả.

6 (a) Xem Bảng A7-4.

(b) Xem Hình A7-2.

Bảng A7-4 Chi phí sản xuất ngắn hạn

Sản lượng (đơn vị/tuần)	Chi phí biến đổi trung bình ngắn hạn (SAVC)	Chi phí cố định trung bình ngắn hạn (SAFC)	Tổng chi phí trung bình ngắn hạn (SATC)	Tổng chi phí ngắn hạn (STC)	Chi phí cận biên ngắn hạn (SMC)
1	17	45,0	62,0	62	17
2	15	22,5	37,5	75	13
3	14	15,0	29,0	87	12
4	15	11,25	26,25	105	18
5	19	9,0	28,0	140	35
6	29	7,5	36,5	219	79

Hình A7-2 Tổng chi phí trung bình ngắn hạn, chi phí biến đổi trung bình ngắn hạn và chi phí cận biên ngắn hạn

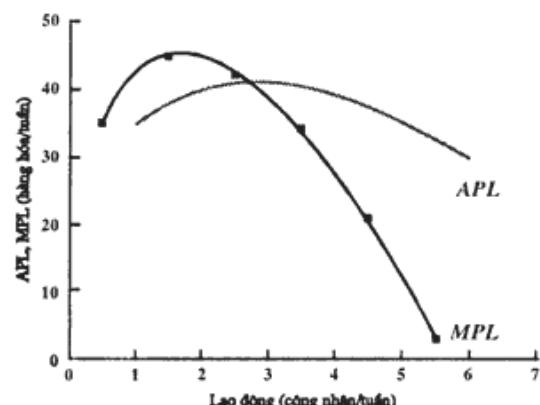
(c) Trong ngắn hạn, hảng không thể điều chỉnh vốn đầu vào. Nếu nó muốn thay đổi mức sản lượng, nó phải thay đổi lao động đầu vào. Tuy nhiên, với vốn không đổi, hiệu suất giảm dần từ lao động diễn ra nhanh chóng, đó là năng suất cận biên của lao động giảm. Vì điều này, chi phí cận biên để tăng sản lượng sẽ rất cao trong ngắn hạn.

7 (a) Xem Bảng A7-5.

(b) Xem Hình A7-3.

Bảng A7-5 Sản lượng và lao động đầu vào

Lao động đầu vào (công nhân/tuần)	Sản lượng (đơn vị/ tuần)	Năng suất lao động cận biên	Năng suất lao động trung bình
0	0		
1	35	35	35,0
2	80	45	40,0
3	122	42	40,6
4	156	34	39,0
5	177	21	35,0
6	180	3	30,0

Hình A7-3 Năng suất lao động trung bình và cận biên

- (c) MPL giảm tới gần 1 công nhân/tuần: đó là điểm mà hiệu suất giảm dần.
- (d) MPL phải cắt APL tại điểm cao nhất - vì vậy, gần 3 công nhân/tuần.
- (e) Mức vốn thay đổi ảnh hưởng tới vị trí của MPL và APL. Vốn tăng sẽ làm dịch chuyển hai đường lên trên.

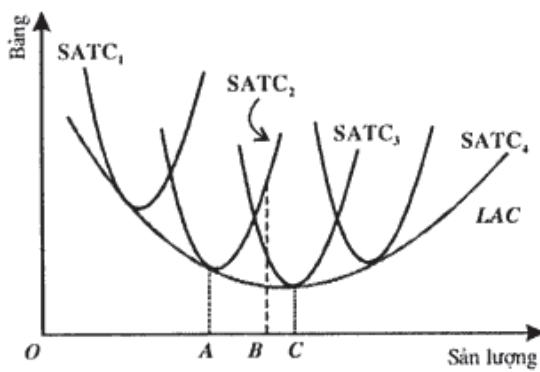
8 (e), (f).

- 9 (a) OC có thể được sản xuất tại chi phí trung bình thấp nhất.
- (b) Hiệu suất giảm theo quy mô.
- (c) Nó tương ứng với SATC₂.
- (d) Hảng không có cơ hội trong ngắn hạn nhưng sản xuất tại SATC₂. Trong dài hạn, nó phải tăng tới SATC₃.
- (e) Xem Hình A7-4.

10 Xem Bảng A7-6.

Giá (£)	Quyết định trong ngắn hạn			Quyết định trong dài hạn		
	Có lãi	Thua lỗ	Đóng cửa	Có lãi	Thua lỗ	Đóng cửa
18,0	✓				✓	
5,0			✓			✓
7,0			✓			✓
13,0		✓		✓		
11,50		✓				✓

Lưu ý rằng các hàng sẽ không bao giờ chọn sản xuất bị lỗ trong dài hạn

Hình A7-4**Chi phí trung bình ngắn hạn
(và dài hạn)****Đúng/Sai**

1 Sai: thỉnh thoảng nó có thể như vậy, đối với các nhà kinh tế họ thường giả sử để đơn giản rằng chỉ có một hoặc hai yếu tố. Thực tế có thể có các yếu tố khác: quản lý, nguyên liệu thô, năng lượng - thậm chí thiết bị vệ sinh! (Xem phần 7-1 sách lý thuyết).

2 Đúng: tất nhiên, tính kinh tế của quy mô dẫn đến mức sản lượng hơi cao (xem phần 7-4 sách lý thuyết).

3 Đúng: điều này được đề cập trong tác phẩm của Adam Smith vào thế kỷ 18.

4 Sai: không phải tất cả các ngành đều có tính kinh tế đáng kể theo quy mô.

5 Sai: nhớ bài tập 10?

6 Sai: giá và doanh thu trung bình là như nhau nếu tất cả các sản phẩm đều được bán tại cùng một mức giá.

7 Sai: phải thực hiện sự tham khảo để đạt điều kiện trung bình, để xem liệu hàng có đóng cửa không (xem phần 7-6 sách lý thuyết).

8 Đúng: xem phần 7-7 sách lý thuyết.

9 Đúng: xem phần 7-5 sách lý thuyết.

10 Đúng: xem phần 7-4 sách lý thuyết.

11 Đúng: chi phí chìm là chìm: điều quan trọng là mức chi phí biến đổi (xem hộp 7-2 sách lý thuyết).

12 Sai: đường LAC cắt mỗi đường SATC nhưng không bao giờ chỉ cắt một lần.

Kinh tế học trong thực tiễn

1 Toyota đạt hiệu quả kinh tế của quy mô theo nhiều cách liên quan với nhau. Đầu tiên, Toyota sản xuất nhiều bộ phận trọng yếu như động cơ và hộp số. Bằng cách này, nó có thể tập trung vào sản xuất số lượng lớn những dòng sản phẩm chính. Thứ hai, nó chiếm lĩnh cầu trên toàn thế giới thay vì tại một quốc gia nào đó.

2 Những nguy cơ tiềm ẩn cho chiến lược kinh doanh đó là rất khác nhau. Đầu tiên, động cơ và hộp số của Toyota sẽ là chuẩn cho tất cả các dòng sản phẩm. Khách hàng có thể cần các loại động cơ và hộp số khác nhau cho các loại xe khác nhau. Thứ hai, vận chuyển động cơ và hộp số đến khắp các nơi sẽ rất tốn kém. Thứ ba, kế hoạch kinh doanh khắp thế giới sẽ cần dự trữ một lượng lớn động cơ và hộp số trong trường hợp phân phối hàng từ Ấn Độ bị trì hoãn. Nó sẽ rất tốn kém. Cuối cùng, xuất khẩu từ Ấn Độ có thể bị ngăn cản bởi sự hạn chế về thương mại.

Câu hỏi tư duy

1 Để thảo luận về câu hỏi này, bạn sẽ phải tìm hiểu vấn đề tính kinh tế và phi kinh tế của quy mô. Chi phí trung bình giảm tới “hiệu quả theo quy mô nhỏ nhất” như là một kết quả của việc không phân chia được các giai đoạn sản xuất, chuyên môn hóa và (trong nhiều trường hợp) lợi nhuận từ quy mô lớn (xem phần 8-4 sách lý thuyết). Tuy nhiên, mức sản lượng tại điểm “Quy mô hiệu quả tối thiểu” (MES) là khác nhau từ ngành này sang ngành kia, tuỳ thuộc vào loại hoạt động và kỹ thuật có liên quan. Có vài vấn đề mà bạn nên xem xét. Thủ tìm vài ví dụ mà tính kinh tế của quy mô là đáng kể và vài ví dụ mà MES đạt được tại mức sản lượng thấp. Quá trình liên hệ giữa lý thuyết và thực tế là một cách tốt để kiểm tra sự hiểu biết của bạn về các quan điểm.

2 Gợi ý: nhớ sự khác nhau giữa dài hạn và ngắn hạn.

3 Có những gợi ý quan trọng cho điều này tại phần cuối Chương 7 sách lý thuyết.

4 Phạm vi của tính kinh tế theo quy mô trong nhiều ngành bị ảnh hưởng lớn bởi cách mạng thông tin. Hộp 8-1 sách lý thuyết nói về điều này. Sự thay đổi bản chất của vốn và kỹ thuật trong nhiều ngành ảnh hưởng tới phạm vi tính kinh tế theo quy mô - không phải theo cùng một hướng: lưu ý bạn có thể mua kính gần như ở khắp mọi nơi mà không cần phải đợi khi các thầu kính được mài tại các nhà máy xa xôi.

Đáp án chương tám

Cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền thuần túy

Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

1	a	4	k	7	e	10	h
2	j	5	l	8	c	11	i
3	g	6	f	9	d	12	b

Bài tập

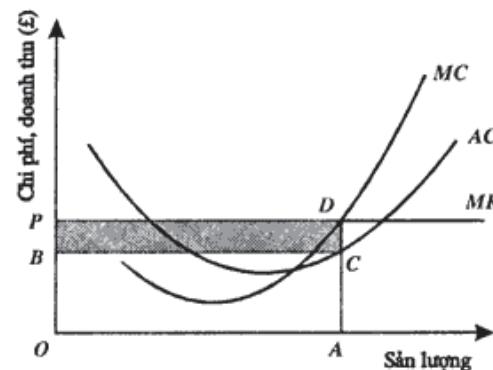
1 (a) Lợi nhuận đạt tối đa tại sản lượng OA trên hình A8-1 khi $MC = MR$.

(b) Lợi nhuận có thể được tính bằng hiệu số giữa doanh thu trung bình và chi phí trung bình, rồi nhân với sản lượng - trên Hình A8-1, đó là PBCD.

(c) Hàng này tạo ra lợi nhuận lớn hơn “lợi nhuận thông thường”, đã gồm chi phí trung bình. Vì vậy, Hình A8-1 có thể biểu diễn trạng thái cân bằng ngắn hạn, bởi chúng ta cho rằng các hàng khác sẽ bị kích thích gia nhập vào ngành bởi sức hút của siêu lợi nhuận. Tuy nhiên, đó có thể là trạng thái cân bằng dài hạn nếu hàng có được lợi thế chi phí - có thể do vị trí địa lý thuận lợi.

Trong trường hợp này, đi xa hơn phụ thuộc vào tình hình của hàng cận biên.

Hình A8-1 Hạng trong cạnh tranh hoàn hảo



2 (d) Cầu giảm có thể dẫn đến giá hàng hóa giảm và các hàng (ví dụ được biểu diễn trên Hình A8-1) sẽ bị giảm lợi nhuận. Trong dài hạn, các hàng có thể điều chỉnh cấu trúc dẫu vào thành điều kiện mới, để giá có thể tăng trở lại. (Xem phần 8-4 sách lý thuyết về phân tích tương tự khi cầu tăng).

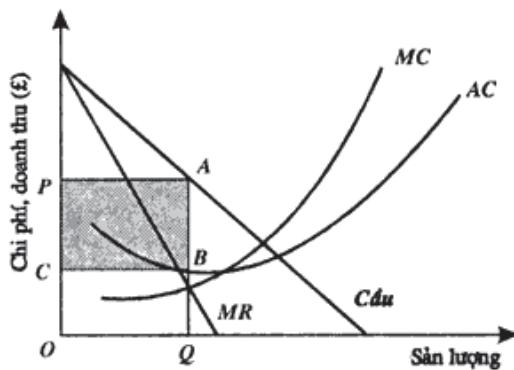
2 (a) OB: giá mà tại đó hàng bù đắp được chi phí biến đổi.

(b) CD.

- (c) CDRP: tổng chi phí ít hơn chi phí biến đổi.
 (d) Giữa OB và OD.
 (e) Đường cung trong ngắn hạn là phần SMC phía trên điểm K.
 (f) Trên OD.

- 3 (a) Lợi nhuận đạt tối đa tại sản lượng OQ trên Hình A8-2 khi $MR = MC$.

Hình A8-2 Một hằng độc quyền



- (b) Đường cầu chỉ ra hằng độc quyền có thể bán sản lượng OQ tại mức giá OP.
 (c) Lợi nhuận được tính, như trước, lấy hiệu doanh thu trung bình và chi phí trung bình, nhân với sản lượng - đó là hình PABC.
 (d) Cầu giảm ảnh hưởng cả cầu và đường MR trên Hình A8-2, dịch chuyển chúng sang trái. MC và MR sẽ cắt nhau tại mức sản lượng thấp hơn, vì vậy hằng độc quyền sẽ sản xuất ít hơn.

- 4 (a) $MR = LMC$ tại sản lượng OD.

- (b) OC.

- (c) LAC tiếp xúc với đường cầu tại điểm đó, vì vậy hằng độc quyền chỉ nhận được lợi nhuận thông thường: lợi nhuận siêu ngạch bằng 0.

- (d) Nếu hằng độc quyền bị ép phải đặt giá bằng chi phí cận biên, sau đó là sản lượng OH, với giá OB. Tuy nhiên, lưu ý rằng trong tình huống LAC vượt quá doanh thu trung bình và hằng độc quyền sẽ đóng cửa, trừ khi có trợ cấp.

- 5 (a) Xem Bảng A8-1.

- (b) và (c) xem Hình A8-3.

- (d) 4.

- (e) 4.

- (f) 4.

- 6 (a) OC.

- (b) OE.

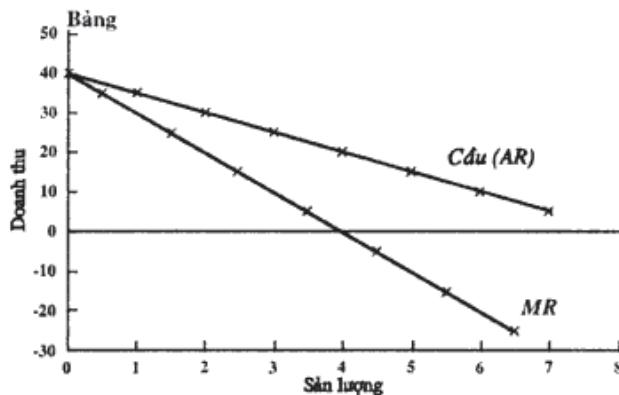
- (c) OB.

- (d) OF.

Bảng A8-1 Doanh thu của hằng độc quyền

Cầu (nghìn/tuần)	Giá (£) (doanh thu bình quân)	Tổng doanh thu	Doanh thu cận biên (£)
0	40	0	
1	35	35	35
2	30	60	25
3	25	75	15
4	20	80	5
5	15	75	-5
6	10	60	-15
7	5	35	-25

Hình A8-3 Đường doanh thu của hằng độc quyền



- 7 (d).

- 8 Lựa chọn (a) chỉ liên quan đến tình huống độc quyền: hằng độc quyền chọn sản lượng mà $MC = MR$, tại đó AR (giá được chọn) vượt quá MR. Vì vậy, (h) cũng chỉ phù hợp với hằng độc quyền. Trong tình huống (b), hằng trong cạnh tranh hoàn hảo không có ảnh hưởng gì tới giá, vì vậy đối mặt với đường cầu nằm ngang và $AR = P = MR$. Tình huống (c) diễn tả điều kiện cho các hằng tối đa hóa lợi nhuận, vì vậy phù hợp với tất cả tình huống thị trường mà ở đó các hằng cố gắng tối đa hóa lợi nhuận, cạnh tranh hoàn hảo hay độc quyền hoặc các dạng khác của cấu trúc thị trường mà chúng ta sẽ xem xét tại Chương 9. Lựa chọn (d) là một đặc tính của tình huống dài hạn trong cạnh tranh hoàn hảo nếu các hằng hiệu quả tương đương: nó cũng có thể liên quan đến độc quyền, nhưng phụ thuộc vào vị trí tương đối của đường chi phí trung bình so với đường cầu. Trong nhiều trường hợp, chúng ta hy

vọng hăng độc quyền có thể đạt lợi nhuận dương thậm chí trong cân bằng dài hạn, phụ thuộc vào sức mạnh của rào cản gia nhập. Tình huống (e) và (f) liên quan đến tình huống độc quyền. Hăng độc quyền sẽ giữ độc quyền nếu các hăng mới có thể bị loại khỏi thị trường bằng nhiều cách. Trong trường hợp (f), hăng trong cảnh tranh hoàn hảo chỉ có thể chọn sản lượng và phải chấp nhận giá cố định; hăng độc quyền có thể chọn sự kết hợp giữa giá và sản lượng, nhưng vẫn phụ thuộc vào đường cầu. Cảnh tranh hoàn hảo giả định rằng không có rào cản gia nhập (g); nó là đặc tính dẫn tới vị trí cân bằng dài hạn cho ngành mà chúng ta sẽ xem xét sau, nơi mà giá được đặt bằng với chi phí cận biên (tình huống (i)). Nó ngược với độc quyền, giá được đặt trên chi phí cận biên.

9 (d).

- 10** (a) Trong cảnh tranh độc quyền, cân bằng ngành sẽ đạt khi cầu (D) bằng cung (LRSS) - nghĩa là giá OA và sản lượng OG.
 (b) Trong ngắn hạn, hăng độc quyền sẽ đặt doanh thu cận biên (MRm) bằng với chi phí cận biên ngắn hạn (SMCm). Sản lượng bị giảm tới OF và giá tăng lên tới OB.
 (c) Trong dài hạn, hăng độc quyền sẽ đóng cửa vài kế hoạch và đặt phương trình MRM với chi phí cận biên dài hạn (LMCm). Sản lượng bị giảm tới OE và giá tăng lên tới OC.
 (d) Hăng sẽ vẫn vận hành mỗi kế hoạch tại mức LAC thấp nhất của nó. LAC cố định bởi OA - và lợi nhuận cố định bởi hình ACHK.

Dúng/Sai

- 1** Đúng.
2 Sai: tính linh hoạt tăng trong dài hạn làm đường cung dài hạn dốc hơn trong ngắn hạn.
3 Sai: hăng chỉ đạt lợi nhuận thông thường khi lợi nhuận kinh tế bằng 0 (xem phần 8-2 sách lý thuyết).
4 Sai: ngành đó là độc quyền tự nhiên (xem phần 8-8 sách lý thuyết).
5 Sai: chúng ta phải xem xét sản lượng được cung cấp bởi các hăng không hoạt động hiện hành trên thị trường, nhưng sẽ gia nhập nếu giá thị trường cao hơn.

6 Sai: hăng độc quyền sẽ không bao giờ sản xuất tại phần không co giãn của đường cầu (xem phần 8-7 sách lý thuyết).

7 Sai: vẽ đồ thị để xem xét.

8 Sai: thậm chí khi hiệu quả giống nhau, hăng độc quyền ảnh hưởng tới giá và có thể sử dụng sức mạnh thị trường để đạt lợi nhuận siêu ngạch.

9 Sai.

10 Đúng.

11 Đúng.

12 Đúng: xem phần 8-10 sách lý thuyết.

Kinh tế học trong thực tiễn

1 (a) Nhiều người bán và người mua. Có nhiều người mua với du lịch hàng không tăng đều. Nhiều người bán thì khó hơn. Bài báo nói rằng 54 hăng chi phí thấp gia nhập vào thị trường châu Âu, nhưng nó không cạnh tranh trên cùng một tuyến bay. Nếu chúng là sự cạnh tranh giữa London và Paris, đúng, sẽ có nhiều người bán. Khi nó không đúng, sự nổi lên của các hăng chi phí thấp tăng số lượng đối thủ trên các tuyến bay nhất định.

(b) Sản phẩm đồng nhất. Ở một mức độ nào đó điều này là đúng, nhưng một sự khác biệt hóa sản phẩm quan trọng là sử dụng các hăng hàng không ít thông dụng hơn với các máy bay chuyên chở với chi phí thấp.

(c) Thông tin hoàn hảo. Đúng, có thể dễ dàng xem xét giá cả của các nhà cung cấp qua Internet.

(d) Không có hàng rào cản trở sự gia nhập và rút lui khỏi thị trường. Đúng và sai. Việc gia nhập thị trường là rất tốn kém, nó đòi hỏi đường băng và mua sắm hoặc thuê máy bay. Nhưng khi đã tham gia thì dễ dàng chuyển đổi máy bay giữa các tuyến.

2 Nếu có sự rút lui khỏi thị trường, cung và cạnh tranh đều giảm. Giá tăng và lợi nhuận tăng. Tuy nhiên, nó thu hút việc gia nhập vào ngành, vì vậy làm giảm lợi nhuận. Hơn nữa, việc dễ dàng gia nhập, mua một chiếc máy bay, nghĩa là mối đe dọa của gia nhập cao. Mỗi đe dọa có thể giữ giá và lợi nhuận xung quanh mức thông thường. Ý kiến này sẽ được xem xét tại Chương 8 trong thị trường có thể cạnh tranh.

Câu hỏi tư duy

1 Gợi ý: điều gì đe dọa vị trí dài hạn của hàng độc quyền? Yếu tố quan trọng xác định liệu hàng độc quyền sẽ quyết định. Tận dụng vị trí thị trường của mình là sức mạnh ngăn cản gia nhập hay không. Nếu hàng độc quyền cho rằng có khả năng các hàng khác gia nhập vào ngành, thì sẽ có sự miến cưỡng đạt lợi nhuận cao, vì nỗi sợ thu hút sự quan tâm. Cũng có thể hàng độc quyền không muốn thu hút sự quan tâm của chính phủ: nó sẽ được xem xét tại Chương 18: Độc quyền tự nhiên: công cộng hay tư nhân, sách Kinh tế học của David Begg.

2 Để tiếp cận với câu hỏi, suy nghĩ về tình huống hàng khi ngành đạt cân bằng dài hạn. Nó có thể ngược với vị trí độc quyền, nơi hàng luôn sản xuất dưới quy mô hiệu quả nhất.

3 (a) OcM : sản lượng tại $LMC = MR$ trên thị trường kết hợp.

(b) $OcN (= O_1E)$, nó làm giá thị trường kết hợp.

(c) Tại giá O_1E cầu thị trường 1 sẽ là O_1H và cầu trên thị trường 2 là O_2K . Lưu ý, tất nhiên, quy mô của ba đô thị là thông thường và $O_1H + O_2K = OcM$.

(d) Doanh thu cận biên là O_1B trên thị trường 1 và O_2I trên thị trường 2. Sự khác nhau lớn là tín hiệu cho lợi nhuận.

(e) Trong câu (d), rõ ràng là doanh thu cận biên trên thị trường 2 là cao hơn trên thị trường 1. Nếu

hàng độc quyền có thể tăng lượng hàng bán trên thị trường 2 và giảm lượng bán trên thị trường 1, lượng doanh thu tăng thêm từ thị trường 2 sẽ lớn hơn lượng doanh thu giảm đi từ thị trường 1, và lợi nhuận sẽ tăng. Hàng sẽ tiếp tục bán như vậy cho đến khi doanh thu cận biên bằng nhau trên 2 thị trường.

(f) Để cân bằng doanh thu cận biên giữa 2 thị trường, hàng sẽ bán trên thị trường 1 tại mức giá O_1F và trên thị trường 2 là O_2J ; sản lượng lần lượt là O_1G và O_2L . Và $O_1G + O_2L = OcM$.

Lưu ý rằng, cách phân tích phụ thuộc vào bản chất của hàng hóa (có thể không bán lại được), sự phân chia thị trường và độ co giãn cầu khác nhau trên 2 thị trường.

Cũng cần lưu ý nếu LMC cắt MR xa hơn nhiều về bên trái trên Hình 8-7 (c), có thể là không bán được một đơn vị sản phẩm nào trên thị trường 2 trong trường hợp không có phân biệt giá.

4 (a) AML.

(b) CMH.

(c) Hàng độc quyền nhận được lợi nhuận là ACHK; phần còn lại (tam giác KHL) gọi là phần tổn thất xã hội. Chúng ta có thể cho rằng phần tổn thất không bù đắp được của xã hội do sự xuất hiện của độc quyền trên thị trường.

Đáp án chương chín

Cấu trúc thị trường và cạnh tranh không hoàn hảo

Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

1	b	6	k	11	g	16	n
2	a	7	h	12	l	17	c
3	i	8	n	13	o		
4	q	9	f	14	m		
5	j	10	e	15	d		

Bài tập

1 (a) D.

(b) B.

(c) A.

(d) C.

(e) E: Chúng ta chưa nói đến độc quyền, nhưng nó được nói trong Chương 9 sách lý thuyết.

(f) B/C: mặc dù độc quyền cung về đường sắt, nhà cung cấp buộc phải xem xét cạnh tranh tiềm tàng từ các hình thức vận chuyển khác và có lẽ ứng xử giống tập quyền bán hơn là độc quyền. Chúng ta xem xét ví dụ về Eurostar trong “Tình huống kinh tế” tại Chương 9.

2 (a) A: bởi sự tồn tại của tính kinh tế của quy mô tương ứng với quy mô thị trường.

(b) B, E: ở cả hai ngành, 3 hàng lớn nhất cung cấp một tỷ lệ nhỏ trên thị trường. Hơn nữa, thấy rõ ràng rằng tính kinh tế của quy mô không tồn tại, hiệu quả quy mô nhỏ nhất là rất nhỏ so với quy mô thị trường.

(c) C, D có khả năng trợ giúp hăng chút ít.

(d) Tập quyền bán sẽ không tăng ở B hoặc E, với nhiều hàng sẽ hoạt động trên những ngành đó. A có thể độc quyền bán? Có lẽ là không: chúng không thể biết chắc chắn, bởi chúng ta chỉ có tỷ lệ tập trung của 3 hàng; chúng ta không biết liệu hàng có hoạt động ở hiệu quả quy mô nhỏ nhất. Hàng độc quyền được bảo hộ bởi luật khai thác vị trí - hoặc các ngành khác cạnh tranh (xem ví dụ (f) bài tập 1). Độ dốc của đường chi phí trung bình dưới hiệu quả quy mô nhỏ nhất là quan trọng. Để rõ hơn, xem phần 9-1 sách lý thuyết.

3 (b), (c), (d), (e), (f) và (h) là đặc tính đặc thù của ngành đó - xem phần 9-2 sách lý thuyết. Nói tới các yếu tố khác: đầu tiên, cân bằng dài hạn, hàng có trạng thái cân bằng tiếp tuyến với doanh thu trung bình vừa vượt quá chi phí trung bình - lợi nhuận độc quyền không có trong dài hạn. Nếu không phải như vậy thì còn có động cơ có các hàng gia nhập thị trường. Thứ hai, cạnh tranh độc quyền là điển hình bởi nhiều hàng, vì vậy cơ hội cho sự cấu kết bị hạn chế.

4 (a) $MR = MC$ tại sản lượng OG.

(b) OF.

(c) Có: hình EFLK.

(d) Đó phải là trạng thái cân bằng ngắn hạn. Sự xuất hiện của lợi nhuận siêu ngạch sẽ thu hút nhiều hàng mới vào ngành, do đó đường cầu của các hàng sẽ co giãn hơn tại bất kỳ giá nào và dịch sang trái. Đó là vì sự tăng lên của sự thay thế và bởi hàng mất khách hàng vào tay hàng mới. Quá trình tiếp tục cho đến khi hàng điển hình đạt cân bằng tiếp tuyến, với đường cầu vừa chạm tới đường chi phí trung bình dài hạn, chỉ tạo ra lợi nhuận thông thường.

5

Ảnh hưởng	Cấu kết	Không hợp tác
(Đánh dấu vào 1 cột)		
Rào cản gia nhập	✓	
Sản phẩm không chuẩn hóa		✓
Cầu và chi phí ổn định	✓	
Cấu kết là hợp pháp	✓	
Bí mật về giá và sản lượng		✓
Cấu kết là bất hợp pháp	✓	
Thông tin dễ dàng về giá và sản lượng	✓	
Sản phẩm được chuẩn hóa	✓	

6 Hình 9-2 minh họa hình dạng điển hình của “đường cầu gãy khúc” nổi tiếng. Một đặc điểm của mô hình này là sự ổn định của giá, do đó chúng ta có thể chấp nhận tuyên bố (a). Mô hình phân biệt giá cũng có thể đưa ra một đường cầu gãy khúc - nhưng trong trường hợp đó nó gãy khúc theo một hướng khác (xem Hình 9-2). Như vậy chúng ta loại bỏ (b). Vì đây là một mô hình độc quyền tập đoàn và “gãy khúc” xảy ra vì hàng nhận thức được phản ứng của các đối thủ cạnh tranh của mình, tuyên bố (c) như vậy có thể chấp nhận được. Tuyên bố (d) là không có cơ sở.

7 (a) Cho rằng Y sản xuất “thấp”, bạn (X) có thể đạt được lợi nhuận 15 bằng việc cung sản xuất “thấp” hay 20 nếu sản xuất “cao”. Ở giai đoạn này, bạn thực hiện tối đa hóa lợi nhuận bằng việc sản xuất “cao” nhưng lưu ý rằng làm như vậy sẽ khiến cho lợi nhuận của Y bị giảm.

(b) Với việc bạn sản xuất “cao”, hàng Y cũng phải sản xuất “cao” để tối đa hóa lợi nhuận.

(c) Theo đáp án ở câu (b), đường như có thể Y sẽ sản xuất “cao”, trong đó sẽ chia cho bạn 1 lựa chọn duy nhất là sản xuất “cao”. Trên thực tế, chiến lược thống trị của bạn là sản xuất “cao” - Nó chỉ ra cho bạn làm điều này bất kể cho Y làm gì nếu chúng ta chỉ xem với một giai đoạn đơn lẻ.

(d) Nếu chúng ta chuyển sang xem xét với một chuỗi các giai đoạn, thì một điều rõ ràng là cả 2 hàng sẽ có lợi hơn nếu thống nhất cùng sản xuất “thấp”. Nếu bạn có thể chắc chắn rằng hàng Y sẽ sản xuất “thấp” và sẽ tiếp tục làm như vậy thì bạn sẽ quyết định cũng sản xuất “thấp”.

(e) Một khả năng nữa là thông báo một chiến lược trùng phạt. Bạn đe dọa sản xuất “cao” trong thời

gian tới nếu Y phản bội là quy ước thống nhất. Đề dọa này chỉ đáng tin cậy nếu Y tin rằng bạn sẽ thực sự có lợi ích tốt nhất để tiến hành nó.

(f) Một khả năng nữa là bạn tham gia vào một tiền cam kết sản xuất “thấp”, hạn chế những khả năng lựa chọn trong tương lai.

(g) Những luận cứ ở đây là tương tự nhau, nhưng những khoản phạt nếu cả hai hãng cùng sản xuất “cao” là rất khắt khe. Nếu hãng X thông báo dự định sản xuất “cao” của mình, hãng Y biết rằng nó chỉ có thể sống sót bằng việc sản xuất “thấp”. Tuy nhiên, X cũng sẽ tổn hại nếu Y sản xuất “cao”, do đó Y cũng thông báo dự định sản xuất cao của mình và câu hỏi như vậy là: liệu một hãng (hay cả 2) sẽ đưa ra hướng đi. Điều này đôi khi được biết đến như trò chơi “con gà”, bởi vì nó tương tự như trò chơi con gà mà trong đó 2 chiếc xe ô tô đâm đổi đầu để thử thách kinh lăn nhau. Chúng ta có thể vẫn kết luận rằng 2 hãng sẽ làm tổn hại lẫn nhau nếu không hãng nào đưa ra hướng đi.

8 (a) là một hàng rào vô hại: nếu quy mô tối thiểu có hiệu quả (MES) là cao tương đối so với cầu thị trường, thì chúng ta hướng tới một tình huống độc quyền tự nhiên. Khả năng (b) có thể mang tính chiến lược: những người gia nhập tiềm năng sẽ nhận thức rằng tồn tại trong thị trường này đòi hỏi chi phí cho R&D và như vậy bị ngăn chặn. Chi phí cho R&D cũng dẫn đến việc tạo ra những độc quyền sáng chế (c) trong tương lai, điều này làm tăng thêm sự ngăn chặn gia nhập. Các hãng sẽ loại bỏ những bằng sáng chế không mang lại lợi nhuận, như vậy tập trung vào việc khai thác những ý tưởng tốt. Cũng cần phải nói rằng việc các hãng bỏ chi phí cho R&D có thể nằm trong lợi ích tốt nhất của xã hội và hệ thống bằng phát minh sáng chế được áp dụng để đảm bảo một số động lực cho phát minh và đổi mới các chi tiết (d), (e) và (f) là những cách khác mà trong đó các hãng hiện tại có thể ngăn chặn những sự gia nhập tiềm năng; bạn có thể xem nội dung chi tiết trong phần 9-6 sách lý thuyết. Chi tiết cuối cùng (g) cũng có thể mang tính tự nhiên hay có tính chiến lược. Các hãng hiện tại có thể có các lợi thế “tự nhiên” về vị trí hay kinh nghiệm mà gây khó khăn cho những người gia nhập trong quá trình cạnh tranh. Mặt khác, lợi thế này có thể là một kết quả khác của những nỗ lực R&D trong quá khứ, và như vậy phần nào mang tính chiến lược. Thực vậy, chúng ta càng xem xét kỹ những hàng rào này

thì càng khó phân biệt giữa cái mang tính chiến lược hay cái mang tính tự nhiên vốn có. Lấy hàng rào (f) làm ví dụ. Một hãng có thể duy trì sự dư thừa công suất để làm tăng mức độ tin cậy đối với một sự đe doạ về đặt giá huỷ diệt đã thông báo. Điều này là một hành vi chiến lược. Tuy nhiên một hãng cũng có thể lắp đặt thêm công suất do kỳ vọng về sự gia tăng trong tương lai của cầu đối với sản phẩm của nó. Điều này đơn giản là một hành vi kinh doanh tốt.

9 Với sự bảo vệ của độc quyền sáng chế, hãng độc quyền sẽ có một giai đoạn tạo ra lợi nhuận cao hơn chi phí cơ hội của tư bản, như chúng ta đã xem xét tại Chương 9. Hàng rào độc quyền sáng chế sẽ ngăn chặn việc gia nhập của các hãng khác, những hãng bị hấp dẫn bởi lợi nhuận. Khi độc quyền sáng chế hết hiệu lực, thị trường trở nên có tính cạnh tranh và những đối thủ tiềm năng sẽ cố gắng gia nhập. Khi có các hãng gia nhập, đường cầu của hãng độc quyền trước đây sẽ dịch chuyển sang trái và trở nên co dãn hơn, vì nhiều khách hàng chuyển sang các hãng mới. Bạn có nhận ra điều này không? Chúng ta quay trở lại cạnh tranh độc quyền và hướng tới trạng thái cân bằng dài hạn.

10 Chúng ta không thể đề xuất kiến nghị về điều này, vì chúng ta không biết hãng nào hoạt động ở xung quanh.

11 (a) Đó là mối quan hệ ngược chiều giữa sản lượng của hãng A và hãng B. Khi B tăng sản lượng, A sẽ giảm.

(b) Nếu B giảm sản lượng 1 đơn vị, A sẽ không tăng sản lượng 1 đơn vị. Lý do là A có thể thu được nhiều lợi nhuận hơn từ giá cao do cung ít. Điều đó có ý nghĩa gì đối với độ co dãn của cầu?

(c) Điểm E chỉ ra vị trí cân bằng Nash. Tại đó các hàm phản ứng cắt nhau và mỗi hãng đưa ra phản ứng tối ưu trên cơ sở hành động của các hãng đối thủ.

(d) Nếu hãng A tiếp cận được công nghệ với năng suất cao hơn thì nó có thể kỳ vọng rằng đường chi phí cận biên của hãng giảm xuống, như vậy hãng A sẽ mong muốn sản xuất ở bất kỳ sản lượng nào của hãng B. Như vậy, đường phản ứng của hãng A sẽ dịch chuyển sang bên phải.

(e) Các hãng trong cạnh tranh hoàn hảo là những người chấp nhận giá, họ không ảnh hưởng đến quyết định sản lượng của các hãng đối thủ. Như vậy, mỗi hãng sẽ có hàm phản ứng độc lập với

quyết định của các đối thủ. Trong trường hợp hãng A, đường này sẽ là đường nằm ngang, điều đó cho thấy rằng sản lượng của hãng A là không đổi và không liên quan đến sản lượng sản xuất của hãng B (và tất cả các hãng khác).

- 12** Tôi không cho rằng cha mẹ bạn hay người quản lý ngân hàng ngưỡng mộ những lời khuyên mà chúng tôi đưa ra, đặc biệt nếu họ phải trả tiền cho cuốn sách này. Do việc đi trước bạn có thể đạt được lợi thế, bởi vì sau đó đối thủ của bạn phải phản ứng lại hành động mà bạn đã đưa ra. Như vậy điểm mấu chốt khi hành động trước là chiếm lĩnh một vị trí mà sẽ giới hạn khả năng phản ứng của đối thủ. Trong ví dụ Stackelberg của quyền sách này, hãng A có khả năng hạn chế phản ứng sản lượng của hãng B bằng việc hành động trước. Do đó, khi bạn cần phải giải trình cho cha mẹ mình về một số khoản tiền (như tất cả các sinh viên đều làm) thì bạn cần suy nghĩ một cách chiến lược. Phản ứng đáng lo ngại nhất là việc cha mẹ từ chối yêu cầu của bạn. Như vậy, bạn làm như thế nào để có thể vượt qua khả năng từ chối đó?

Đúng/Sai

- 1** Đúng.
- 2** Đúng.
- 3** Sai: trong những điều kiện này một nhà độc quyền sẽ thường không hành động như vậy (xem phần 9-1 sách lý thuyết).
- 4** Đúng: xem phần 9-2 sách lý thuyết.
- 5** Đúng: hành vi của một hãng được xác định bởi nhận thức của nó về các hành động của các hãng khác. Như vậy, các hãng sẽ tăng giá nếu tất cả các hãng nhận thức rằng chi phí tăng lên.
- 6** Sai: đường cầu gãy khúc có thể là một mô hình tập đoàn nổi tiếng nhất, nhưng như chương này đã chỉ ra, nó không phải là cách duy nhất mà các nhà kinh tế có thể sử dụng để phân tích các thị trường như vậy.
- 7** Sai: “thống trị” không liên quan gì đến chiến thắng, vấn đề là chiến lược đó vượt trội các lựa chọn chiến lược khác mà hãng có thể thực hiện được trên

cơ sở những cái mà các hãng khác có thể thực hiện. (xem phần 9-4 sách lý thuyết).

- 8** Đúng: điều này cũng được bàn đến trong phần 9-4 sách lý thuyết.

- 9** Không nhất thiết là đúng: để chiến thuật này thành công thì mối đe dọa về một chiến lược trùng phạt là rõ ràng và đáng tin cậy.

- 10** Điều này có thể “đúng” trong ngắn hạn nhưng nó có thể “sai” trong dài hạn. Nếu có mối đe dọa về sự gia nhập mới vào ngành, nó có thể sử dụng định giá giới hạn để ngăn chặn những người gia nhập tiềm năng.

- 11** Đúng: xem phần 9-5 sách lý thuyết.

- 12** Đúng: xem phần 9-6 sách lý thuyết.

- 13** Đúng: xem phần 9-5 sách lý thuyết.

- 14** Sai: xem phần 9-5 sách lý thuyết và mô hình Stackelberg.

- 15** Sai: xem phần 9-5 sách lý thuyết.

Kinh tế học trong thực tiễn

- 1** Có một số đặc tính thúc đẩy sự hình thành một cartel trong thị trường chip nhớ. Thứ nhất, một số ít hãng lớn, như Micron, Samsung và Infineon. Thứ hai, sản phẩm đồng nhất như các chip nhớ, làm gia tăng cạnh tranh bằng giá. Thứ ba, cầu giảm trong một môi trường công suất dư thừa, điều đó cộng với việc không có cầu kết sẽ gây ra áp lực giảm giá.

- 2** Một giải pháp để đối phó với cartel là sử dụng các cơ quan cạnh tranh. Một giải pháp khác là hỗ trợ hãng yếu hơn trên thị trường. Chuyển dịch các đơn hàng cho hãng yếu hơn đổi lại được hưởng một khoản giảm giá; và/hoặc làm tràn ngập thị trường bằng dự trữ dư thừa được mua từ hãng yếu hơn, như vậy sẽ làm giảm nguy cơ của cartel. Đôi khi, việc đe dọa đưa ra hành động đó cũng đủ để làm giảm sự cầu kết.

Câu hỏi tư duy

- 1** Không có gợi ý nào cho câu hỏi này: hãy suy nghĩ!

- 2** (a) Trên thị trường tổng thể (hình (c)), lợi nhuận đạt tối đa khi $MC_c - MR_c$ tại mức sản lượng Oce .
 (b) Giá sẽ đạt tại $OcW (= OaE = ObL)$.
 (c) Chấp nhận mức độ cartel của doanh thu cận biên (tại $OcX = OaF = ObN$) hãng A sản xuất OaK và hãng B, ObS . Lưu ý rằng $OaK + ObS = Oce$ (mặc dù nó không giống như Hình 9-4, tại đó trực hoành của hình (c) được làm gọn lại để vừa với khuôn khổ của trang đó).
 (d) Hãng A thu được lợi nhuận EFGJ, hãng B thu được LMQP. Lợi thế chi phí của hãng A được phản ánh bằng mức cao hơn nhiều của lợi nhuận và một thị phần cao hơn.
 (e) Nếu hãng B phải hành động như một người chấp nhận giá tại ObL , nó sẽ hướng tới việc tối đa hóa lợi nhuận bằng cách tăng sản lượng lên mức ObV , tại đó MC_b bằng với MR tương ứng. Điều này một lần nữa minh họa sự căng thẳng vốn có trong tình huống cartel.
 (f) Tất nhiên là hãng B không thực sự là một người chấp nhận giá trên thị trường này và nếu hãng B tăng sản lượng từ ObS lên ObV , giá thị trường sẽ giảm (trong hình (c)) và lợi nhuận của toàn bộ cartel sẽ giảm. Thực tế, giá có thể giảm tới mức mà hãng B (với chi phí trung bình cao hơn) bị thua lỗ. Đặc biệt, nếu hãng A cũng bắt đầu tăng sản lượng.

- 3** Có lẽ vấn đề mấu chốt trong nội dung này là những nhà sản xuất thuốc lá thực sự muốn truyền

đạt thông điệp gì thông qua quảng cáo. Nó không thể là việc họ muốn nói với chúng ta rằng những sản phẩm của họ sẽ giết chết chúng ta, vậy họ muốn nói điều gì?

Có lẽ họ muốn truyền đạt một thông điệp đối với những người tiêu dùng hiện tại để khuyến khích họ tiếp tục việc sử dụng một thương hiệu thuốc lá nhất định. Một cách khác để phân tích về điều này là một phần thông tin mà chúng ta thu được thông qua quảng cáo thuốc lá chỉ đơn giản là việc các hãng sản xuất thuốc lá chi rất nhiều tiền từ việc quảng cáo... Tức là chúng ta có thể phân tích điều này như một dấu hiệu của sự cam kết đối với thị trường và duy trì chất lượng sản phẩm.

4 Trên quan điểm của các nhà kinh tế, không có nghi ngờ gì về giá trị của mô hình cạnh tranh hoàn hảo. Nó cung cấp một chuẩn mực căn bản để chúng ta có thể so sánh với các cấu trúc thị trường khác. Bằng việc xem xét các thị trường trên thực tế khác biệt như thế nào so với mô hình cạnh tranh hoàn hảo lý tưởng, chúng ta có thể phân tích xem xã hội có tổn thất phúc lợi không. Chúng ta thậm chí có thể làm gì đó bằng cách xây dựng một chính sách thích hợp để khuyến khích cạnh tranh và cải thiện sự phân bổ nguồn lực.

Đáp án chương mười

Thị trường lao động

Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

1	d	4	k	7	l	10	g
2	a	5	f	8	h	11	b
3	i	6	j	9	c	12	e

Bài tập

- 1** (a) và (b) Xem Bảng A10-1.
 (c) Xem Hình A10-1.

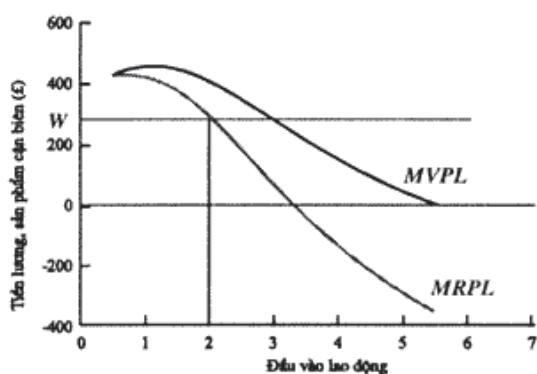
- (d) Bổ sung đường chi phí tiền lương vào Hình A10-1 chỉ ra rằng lợi nhuận đạt cực đại tại hai đơn vị lao động đầu vào - hãng sẽ tiếp tục thuê mua lao động chừng nào $MRPL$ vượt quá tiền lương.

- (e) Với 2 đơn vị lao động đầu vào, tổng doanh thu là $80 \times 10 = 800$.

Chi phí vốn là 200; chi phí tiền lương là $280 \times 2 = 560$.

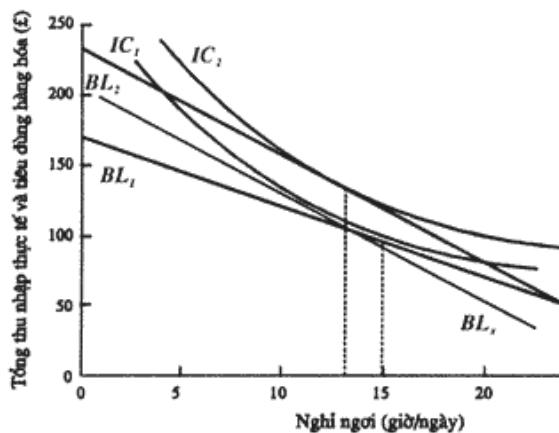
Lợi nhuận là $800 - 200 - 560 = 40$.

- 2** (a) OD.
 (b) OC.

Hình A10-1 MVPL, MRPL

- (c) OA.
 (d) OB.
 (e) Cả hai đều có xu hướng làm giảm cầu lao động.

3 Xem Hình A10-2.

Hình A10-2 Cung lao động cá nhân

- (a) Với tiền lương 5£ và 50£ thu nhập sẵn có, tổng thu nhập đối với 24h sẽ là $50 + 24 \times 5 = 170$ £. Đường ngân sách vay là BL_1 .

Bảng A10-1 Sản lượng, đầu ra và đầu vào lao động

Lao động (công nhân/tuần)	Sản lượng (đơn vị/tuần)	Năng suất cận biên của lao động (MPL)	Giá (£)	Tổng doanh thu	Doanh thu cận biên/đơn vị sản lượng	Sản phẩm giá trị cận biên của lao động (MVPL)	Sản phẩm doanh thu cận biên của lao động (MRPL)
0	0			0			
1	35	35	12	420	12,00	420	420,0
2	80	45	10	800	8,44	450	378,0
3	122	42	8	976	4,19	336	176,0
4	156	34	6	936	-1,18	204	-40,12
5	177	21	4	708	-10,86	84	-228,0
6	180	3	2	360	-116,0	6	-348,0

- (b) BL_1 tiếp xúc với IC_1 tại 15h nghỉ ngơi - như vậy George làm việc 9h.
 (c) Đường ngân sách dịch chuyển sang BL_2 .
 (d) George bây giờ lựa chọn làm việc nhiều hơn và nghỉ ngơi 13h.
 (e) Ảnh hưởng thu nhập có thể được nhận thấy bằng việc bổ sung đường ngân sách song song với BL_2 , tiếp xúc với IC_1 . Đây là đường BL_3 trong Hình A10-2. Nó chỉ ra nghỉ ngơi là hàng hóa thông thường đối với George.

4 (a) Tiền lương là OB và việc làm là OJ.

- (b) Khi cầu về sản phẩm giảm, ngành sẽ phải giảm giá: điều này làm ảnh hưởng đến sản phẩm doanh thu cận biên của lao động và làm giảm cầu lao động. Trên đồ thị, điều này được minh họa bằng sự dịch chuyển sang $D'L$ với cân bằng mới tại mức tiền lương OA và việc làm OI. Đường cung không bị ảnh hưởng.
 (c) Khi tiền lương tăng ở các khu vực khác, lao động văn phòng sẽ chuyển sang khu vực được trả tốt hơn, đường cung lao động trong ngành chúng ta bị giảm xuống $S'L$. Tại vị trí cân bằng mới tiền lương là OE và việc làm là OH. Đường cầu không bị ảnh hưởng.
 (d) Với cầu $D'L$, cung SL và tiền lương OB sẽ có dư cung lao động - tức là có thất nghiệp. Có GJ công nhân muốn có việc trong ngành nhưng không thể tại mức tiền lương đó.

5 (a) OP.

(b) OYZ.

(c) PRWY.

(d) OQ.

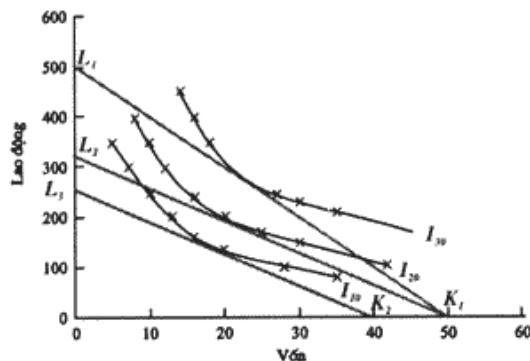
6 (a) OAED.

(b) ABE.

(c) Tô kinh tế cao hơn, thu nhập chuyển nhượng tương ứng giảm xuống.

7 (b).

8 Xem Hình A10-3.

Hình A10-3 Tối thiểu hóa chi phí(a) Các đường đồng lượn là I_{10} , I_{20} và I_{30} trên Hình A10-3 (nếu bạn chưa quen với những khái niệm này hãy xem phụ lục Chương 10 sách lý thuyết).(b) Đường đồng phí là L_1K_1 .(c) Đường đồng phí tiếp xúc với đường đồng lượn I_{30} , do đó sản lượng tối đa có thể là 30 đơn vị, tại đó hãng sử dụng 290 đơn vị lao động và 21 đơn vị vốn.(d) Đường đồng phí mới L_2K_1 .

(e) 20 đơn vị sản lượng, sử dụng 200 lao động và 20 vốn.

(f) Giảm sử dụng lao động 31% và sử dụng vốn 4,8%. Điều này như chúng ta kỳ vọng - "ảnh hưởng sản lượng" dẫn đến sự giảm sút trong cả hai đầu vào, nhưng sự thay đổi trong giá tương đối của các yếu tố dẫn đến ảnh hưởng thay thế hướng vốn.

(g) Đường đồng phí L_3K_2 minh họa hãng sản xuất 10 đơn vị sản lượng với 160 lao động và 16 vốn.

9 Tất cả: được bàn đến trong phần 10-7 sách lý thuyết.

10 Xem phần 10-7 sách lý thuyết.

Đúng/Sai

1 Sai: sự khác biệt phi tiền tệ trong điều kiện làm việc sẽ làm tăng sự chênh lệch mức lương cân bằng (xem giới thiệu của Chương 10 sách lý thuyết).

2 Sai: Hàng sẽ sử dụng nhiều vốn hơn một cách tương đối, nhưng có thể sẽ sử dụng cả hai ít đi (xem bài tập 8 của chương này).

3 Đúng.

4 Đúng: khẳng định 3 và 4 tương đương nhau (xem phần 10-2 của sách lý thuyết).

5 Đúng.

6 Sai: $MRPL < MVPL$.

7 Sai: nó bỏ qua ảnh hưởng của thay đổi cung của ngành về sản lượng (xem phần 10-3 sách lý thuyết).

8 Sai: một cá nhân có thể chọn nhiều giờ nghỉ ngơi và ít giờ lao động hơn (xem phần 10-4 sách lý thuyết).

9 Đúng.

10 Đúng: xem phần 10-5 sách lý thuyết.

11 Đúng: xem phần 10-6 sách lý thuyết.

12 Đúng: xem phần 10-7 sách lý thuyết.

Kinh tế học trong thực tiễn

1 Dựa vào việc Janine vẫn sẵn sàng làm việc dù thu được ít hơn bảy giờ 10 000£, nó có thể chỉ ra rằng tô kinh tế của cô là phân du ra 10 000£ mà bảy giờ cô ấy đang kiếm được. Nhưng nếu bảy giờ cô ấy nhận ra rằng, tỉ lệ rủi ro thị trường là hơn 10 000£, thì cô ấy có thể sẽ tăng lương trước đây của mình lên 10 000£. Nếu như vậy thì tô kinh tế của cô ấy bằng 0.

2 Vấn đề của lý thuyết Sản phẩm doanh thu căn biến của lao động là ở chỗ nó giả định rằng thị trường lao động là tự do và mở cửa, nơi lao động tương đối đồng đều và di chuyển thường xuyên. Trên thực tế, có những việc khác nhau thậm chí trong cùng một cơ quan hoặc môi trường làm việc. Hơn nữa, lao động di chuyển không thường xuyên và vì vậy điều kiện thị trường luôn thay đổi. Trong 1 tháng có thể 50 công nhân có việc, một tháng sau có thể chỉ 1 người có việc. Nó sẽ ảnh hưởng tới thỏa thuận về lương giữa ông chủ và những người công nhân tiềm năng.

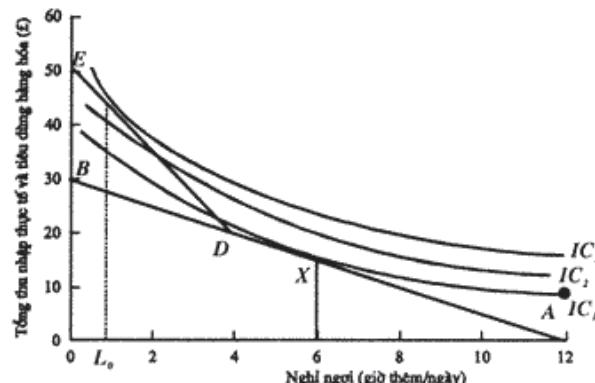
Câu hỏi tư duy

- 1** Các phương pháp là tương đương; hãy phân tích bản chất của chi phí cận biên ngắn hạn.
- 2** (a) Điểm A trên Hình 10-4.
 (b) Đường ngân sách được cố định bởi đường BC trên Hình A10-4.
 (c) Nếu Helen di làm, thì cô ấy sẽ chọn tại điểm X, tại điểm tiếp xúc giữa đường ngân sách và IC_1 . Tại đây, cô ấy sẽ làm việc 6 giờ một ngày. Tuy nhiên, trên thực tế cô ấy không làm thế, vì cô ấy có được lợi ích cao hơn bằng cách không làm việc và ở tại điểm A trên đường băng quan IC_2 .
 (d) Ảnh hưởng của làm việc thêm giờ, được trả thêm tiền là làm đường ngân sách vượt quá điểm làm việc 8 giờ, biểu thị bởi CDE trên Hình A10-4.
 (e) Helen bây giờ có thể đạt tới điểm tiếp xúc với IC_3 và sẽ làm việc $(12 - L_0)$ giờ.
- 3** (a) Đường đồng phí có điểm tiếp xúc với đường đồng lượng $3X$ là C_2 (tiếp xúc tại C trên Hình 10-8).

(b) Khoảng cách GC nhỏ hơn nhiều so với CF: cần nhiều lao động để tăng sản lượng từ $3X$ lên $4X$ hơn là từ $2X$ lên $3X$. Chúng ta thấy lợi ích giảm dần từ một yếu tố thay đổi, trong trường hợp này là lao động.

(c) Lưu ý, khoảng cách tương đối giữa các điểm ABCDE. Trước hết, có tính kinh tế của quy mô, nhưng sau đó là phi kinh tế: đường chi phí trung bình dài hạn có dạng chữ U.

Hình A10-4 Cung lao động với giờ làm thêm



Đáp án chương mười một

Các thị trường yếu tố và phân phối thu nhập

Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

1	c	5	m	9	b	13	j
2	a	6	n	10	d	14	g
3	l	7	k	11	e		
4	i	8	f	12	h		

Bài tập

- 1** (a) Dự trữ.
 (b) Dự trữ.
 (c) Luồng.
 (d) Dự trữ.
 (e) Luồng.
 (f) Luồng.

2 (a) Lãi suất được tính bằng phân thanh toán lãi không đổi hàng năm (10%) chia cho giá trái phiếu ($62,5\%$) bằng $0,16$ hay 16% .

(b) $13,33\%$.

(c) Giá trái phiếu bằng giá trị hiện tại bằng giá trị lãi chia cho tỉ lệ lãi suất tức là giá bằng $10 : 0,08 = 125\%$.

3 (a) 12% .

(b) $12 - 14 = 2\%$ (xấp xỉ).

(c) Với lãi suất thực tế âm, Lucy tốt hơn nên chi tiêu tiền ở thời điểm hiện tại vì lãi suất tiết kiệm không đủ bù đắp sự thay đổi giá hàng hóa.

(d) Lãi suất thực tế là $+2\%$ và Lucy có thể tiết kiệm tiền và chi tiêu sau - nếu cô ấy không vội vàng có các hàng hóa đó.

- 4** Để tính toán giá hoà vốn cho loại máy này chúng ta tính tổng các dòng giá trị hiện tại trong Bảng A11-1 với các kết quả sau đây:

Bảng A11-1 Tính toán giá trị hiện tại

Số liệu	Năm 1	Năm 2	Năm 3
Luồng thu nhập	2000	2000	2000
Giá trị thanh lý		6000	
Giá trị hiện tại			
(a) $r = 8\%$	1851,85*	1714,68*	6350,66
Giá trị hiện tại			
(b) $r = 10\%$	1818,18	1652,89	6010,52
Giá trị hiện tại			
(c) $r = 8\%$	1980,20	1960,59	7764,72
Lạm phát = 7%			

Lưu ý: * giá trị hiện tại (PV) của 2000£ trong năm 1 khi lãi suất là 8% được tính toán như sau:

$$2000/1,08 = 1851,85$$

Cuối năm 2 kết quả là: $2000/(1,08)^2$

Các giá trị hiện tại đối với (c) dựa trên lãi suất thực tế là 1% - tức là sau năm 1:

$$2000/1,01 = 1980,20$$

(Xem chi tiết ở Phụ lục Chương 11 sách lý thuyết)

- (a) $1851,85£ + 1714,68£ + 6350,66£ = 9917,19£.$
 (b) $9841,59£.$
 (c) $11705,51£.$

- 5** (a) Cân bằng xảy ra khi tỷ lệ tiền thuê là như nhau ở 2 khu vực và khi cầu tổng khai thác triệt để cung đất dai. Điều này xảy ra khi tiền thuê là OA, tại đó OD đất dai được sử dụng cho nông nghiệp và OH cho công nghiệp (lưu ý rằng OD = HJ).

- (b) Trong ngắn hạn, mục đích sử dụng đất dai không thể thay đổi, do đó OD được sử dụng cho nông nghiệp và OH cho công nghiệp.
 (c) Tỷ lệ tiền thuê trong nông nghiệp tăng lên thành OC nhưng tiền thuê trong công nghiệp vẫn là OA.
 (d) Trong dài hạn, tỷ lệ tiền thuê trong nông nghiệp cao tương đối so với trong công nghiệp sẽ thúc đẩy sự chuyển dịch của đất dai từ công nghiệp sang nông nghiệp. Điều này tiếp diễn cho đến khi tiền thuê ở cả 2 khu vực là như nhau. Điều này xảy ra tại mức tiền thuê OB với OE đất dai sử dụng cho nông nghiệp và OG cho công nghiệp. $OE + OG = OJ.$

- 6** (a) Chi phí hàng năm của máy móc được tính bằng chi phí lãi suất thực tế cộng với chi phí duy tu và khấu hao, tức là:

$$25000 \times (0,10 - 0,08 + 0,12) = 3500£.$$

Đây là mức tiền thuê đòi hỏi - phần tiền thu được cần thiết cho hãng để bù đắp chi phí cơ hội của việc mua sắm thiết bị.

- (b) Lạm phát tăng lên làm giảm chi phí lãi suất thực tế của tiền vay, do đó tiền thuê đòi hỏi giảm xuống 3000£.

- 7** (a) Để chỉ ra vị trí ban đầu, trước hết chúng ta cần hiểu được thay đổi gì đang diễn ra. Sự giảm xuống của tiền lương, mà làm cho vốn đắt hơn tương đối, sẽ làm dịch chuyển đường cầu vốn sang phải. Như vậy DB trong Hình 11-2 phải là vị trí ban đầu: số lượng là OD và tiền thuê vốn là OB.

- (b) Tỷ lệ tiền thuê vốn khi thị trường đạt cân bằng dài hạn sẽ phản ánh chi phí cơ hội của vốn.

- (c) Sau khi cắt giảm tiền lương, chúng ta thấy rằng vốn là cố định trong ngắn hạn tại SSC và như vậy tỷ lệ tiền thuê sẽ tăng lên OC với số lượng vẫn ở OD.

- (d) Vị trí này không thể tồn tại lâu dài: bây giờ tiền thuê OC lớn hơn chi phí cơ hội của vốn OB, do đó vốn sẽ chuyển sang khu vực công nghiệp.

- (e) Ngành sẽ ổn định trong dài hạn khi tiền thuê vốn trở về tỷ lệ ban đầu (cân bằng dài hạn) OB; bây giờ số lượng vốn là OH.

- (f) Thông thường chúng ta cho rằng những khoản này cộng thêm vào vốn trong một ngành giống như khoản đầu tư.

- 8** Tất cả các tuyên bố đều đúng: xem phần 11-11 sách lý thuyết.

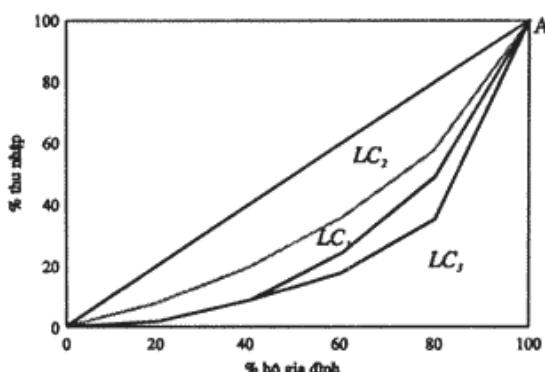
- 9** Đường thẳng OA trong Hình A11-1 minh họa trạng thái phân phối thu nhập công bằng tuyệt đối. LC_1 minh họa phân phối thu nhập ban đầu ở Liên hiệp Anh và LC_2 minh họa phân phối thu nhập sau thuế - gần với đường thẳng hơn. LC_3 chỉ ra rằng phân phối thu nhập sau thuế ở Brazil năm 1995 là rất không cân xứng.

- 10** (a) D là vị trí cân bằng tại đó đường giá cả PPE và đường bằng quan tiếp xúc.
 (b) OE minh họa tiêu dùng hiện tại tối đa, OC là tiêu dùng thực tế, do đó chênh lệch CE là tiết kiệm.
 (c) OA: nhưng nạn đói có thể xảy ra trước khi “tương lai” đến nếu không có nguồn lực nào được tiêu dùng ở hiện tại.

(d) Do độ dốc của PPE.

(e) Lãi suất.

Hình A11-1 Đường Lorenz



11 Giả sử lãi suất tăng lên. Sự đánh đổi của người tiêu dùng giữa những thay đổi tiêu dùng trong tương lai và ở hiện tại, vì tiêu dùng nhiều hơn trong tương lai có thể đạt được thông qua hy sinh tiêu dùng hiện tại. Như vậy, ảnh hưởng thay thế ngược ý rằng, tiết kiệm sẽ gia tăng cùng với lãi suất. Ảnh hưởng thu nhập thực tế thường hoạt động theo hướng ngược lại: với lãi suất cao hơn thì sẽ đòi hỏi ít tiết kiệm hơn để tạo ra một mức thu nhập tương lai nhất định. Chúng ta không thể chắc chắn về ảnh hưởng rộng, nhưng có thể rằng ảnh hưởng thay thế sẽ thắng thế - lãi suất cao hơn có xu hướng khuyến khích tiết kiệm nhiều hơn.

12 (b) và (f) sẽ làm cho đường PPE dốc hơn; (a) ảnh hưởng đến độ dốc của các đường bằng quan xã hội. (c) và (d) ảnh hưởng đến độ dốc của đường giá cả; (e) dẫn đến sự thay đổi dọc theo đường PPE.

Đúng/Sai

1 Sai: không phải trái phiếu chính phủ (xem phần giới thiệu Chương 11 sách lý thuyết).

2 Đúng.

3 Sai: các khoản thanh toán tiền thuê cần được chiết khấu để tính giá trị hiện tại (PV).

4 Sai: lãi suất thực tế có ảnh hưởng.

5 Đúng.

6 Sai: thậm chí trong ngắn hạn, các dịch vụ vốn có thể thay đổi tới một số quy mô nhất định bằng làm việc thêm giờ, điều chỉnh ca làm việc, v.v... (xem phần 11-5 sách lý thuyết).

7 Đúng.

8 Đúng với một mức nhất định: nhưng vì cùng kết hợp với lao động, tất cả đất đai không giống nhau và một số đất đai trên thực tế đưa ra mức tiền thuê cao hơn tương đối vì những đặc tính của nó.

9 Đúng.

10 Đúng: xem phần 11-10 sách lý thuyết.

11 Sai: giảm từ 64,3% xuống 63,4% (xem phần 11-11 sách lý thuyết).

12 Đúng: xem phần 11-11 sách lý thuyết.

Kinh tế học trong thực tiễn

1 Chelsea và Kensington là cái “nội” giàu có của Liên hiệp Anh với số lượng cao nhất các cá nhân có thu nhập hơn 60 000£/năm. High Peak có tỷ lệ tăng trưởng nhanh nhất về số lượng các cá nhân có thu nhập lớn hơn 60 000£/năm.

2 Một sự giải thích đơn giản cho việc tại sao người giàu ngày càng giàu hơn là thu nhập lao động cao cho phép mua sắm các tài sản sinh lợi. Do đó sự tích luỹ của cải hỗ trợ cho sự tích luỹ các tài sản sinh lợi. Như vậy người giàu là ít phụ thuộc thu nhập lao động hơn so với người nghèo. Người giàu có các nguồn của cải khác nhau cho phép họ có được tăng trưởng của cải tốt hơn trong dài hạn (diều này có thể gây ra tranh cãi).

Câu hỏi tư duy

1 Sự khác biệt giữa tò kinh tế và thu nhập chuyển giao được bàn đến trong phần 11-6 sách lý thuyết.

2 Rõ ràng năng lượng là đâu vào thiết yếu đối với hầu hết tất cả các quá trình sản xuất và ở một mức độ nào đó chúng ta có thể coi năng lượng giống như một hàng hóa thay thế tiềm năng cho các

yếu tố khác. Ví dụ: chúng ta có thể xem xét những lựa chọn công nghệ cho phép các kết hợp khác nhau của lao động, vốn và năng lượng. Điều này trở nên đặc biệt quan trọng sau những cú sốc giá dầu, sự

thay đổi đột ngột trong giá năng lượng thực tế dẫn đến sự tìm kiếm các kỹ thuật sản xuất sử dụng hiệu quả hơn.

Đáp án chương mười hai

Kinh tế học phúc lợi

Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

1	<i>d</i>	4	<i>g</i>	7	<i>f</i>	10	<i>i</i>
2	<i>a</i>	5	<i>k</i>	8	<i>e</i>	11	<i>j</i>
3	<i>b</i>	6	<i>l</i>	9	<i>h</i>	12	<i>c</i>

Bài tập

1 (a) Không điểm nào trong 3 điểm D, F và H làm cho một trong hai người ở trong tình trạng tốt hơn trong khi người kia ở trong tình trạng tồi hơn. Ví dụ, ở điểm D, Ursula tốt hơn lên nhưng Vince không bị trong tình trạng xấu hơn, ở điểm F cả hai đều tốt hơn lên.

(b) C và E.

(c) B và G không thể được xem là tốt hơn hay kém hơn so với điểm A: trong mỗi trường hợp một cá nhân có thể tốt hơn nhưng lại áp đặt chi phí cho người khác. Điều đó không có nghĩa rằng xã hội bằng quan giữa 3 điểm A, B và G. Ba điểm này thể hiện sự phân bổ các hàng hóa mà ở đó không thể điều chỉnh các tiêu chí của hiệu quả Pareto.

(d) C, E.

(e) A, B, G.

(f) D, F, H.

2 (a) 10£, đây có thể là giá mua sách.

(b) 2, phản ánh tỷ số giá (lợi ích cận biên) của 2 hàng hóa.

(c) Chi phí cận biên của quyển sách cuối cùng là 10£, của đơn vị thức ăn cuối cùng là 20£. Dưới điều kiện cạnh tranh hoàn hảo, giá cân bằng = chi phí cận biên (điều này được bàn luận ở Chương 9).

(d) Bởi vì “sự hài lòng nghề nghiệp” là bằng nhau giữa 2 ngành, do đó tiền lương cân bằng cũng như nhau. Nói cách khác, sẽ có sự di chuyển lao động từ ngành này sang ngành khác.

(e) 2:1.

(f) 2, phản ánh sự khác nhau trong sản phẩm hiện vật cận biên của lao động.

(g) Việc phân bổ đạt hiệu quả Pareto - nghĩa là không có cách phân bổ nguồn lực nào khác làm cho xã hội tốt hơn lên.

Nếu bạn gặp khó khăn trong các câu hỏi của bài tập này, bạn nên đọc lại phần 12-2 trong sách lý thuyết, vì có bài tập tương tự như bài tập này và đã được thảo luận cụ thể.

3 (a) Giá là OC, sản lượng là OG.

(b) Đường cung mới là SA. Giá cân bằng là OD, sản lượng là OF. Thuế là AD.

(c) Chi phí cận biên xã hội là OA. Lợi ích cận biên cá nhân là OD. Sự phân bổ này là không đạt hiệu quả cho xã hội, bởi vì có quá ít sách được sản xuất.

(d) Giá là OK, sản lượng là OP.

(e) Đây không phải là một sự phân bổ hợp lý vì ở mức giá này chi phí cận biên xã hội (OM) lớn hơn lợi ích cận biên cá nhân: “có quá nhiều thức ăn đã được sản xuất”.

(f) Thuế đánh vào sách gây ra sự chênh lệch, có nghĩa là phần chênh lệch này của MSC thể hiện phần lợi ích phải từ bỏ do sử dụng các nguồn lực để sản xuất thức ăn nhiều hơn so với nguồn lực để sản xuất sách.

(g) Sản lượng được ưa thích hơn là ON ở mức giá OL, ở đó chi phí cận biên xã hội bằng lợi ích cận biên xã hội của việc sản xuất thức ăn. Điều này có thể đạt được bằng mức thuế JL. Chủ đề này đã được thảo luận ở phần 12-3 trong sách lý thuyết.

4 (b), (c) và (e) đều gây ra sự bóp méo dẫn đến thất bại của thị trường. (a) - tắc nghẽn giao thông - không phải bằng chứng về thất bại thị trường. Chỉ là bởi vì mức sản lượng tối ưu của việc gây ô nhiễm có thể khác 0, vì vậy sẽ có mức sản lượng tối ưu cho sự tắc nghẽn giao thông. Cũng như trong trường hợp (d), sự chênh lệch giữa chi phí cận biên xã hội và lợi ích cận biên cá nhân không phải là vấn đề: vấn đề ở đây là chi phí cận biên xã hội có bằng lợi ích cận biên hay không.

5 Hè phố bắn áp đặt cho xã hội một khoản chi phí làm giảm lợi ích của những người khác hoặc bắt buộc một ai đó phải chịu chi phí để dọn hè phố đó. Vì những người nuôi chó không bị ràng buộc về trách nhiệm của những hậu quả do chó gây ra nên có nhiều chó được nuôi hơn so với xã hội mong muốn. Rất nhiều nhà kinh tế học đã tranh cãi rằng kiểm soát giá (tức là tăng phí) được ưa thích hơn so với kiểm soát số lượng.

6 (a) E.

(b) MSCY: chi phí cận biên xã hội nằm dưới chi phí cận biên của một cá nhân hằng khi ngoại ứng sản xuất là có lợi (xem phần 12-5 trong sách lý thuyết).

(c) J: đây là điểm tại đó chi phí cận biên xã hội bằng lợi ích cận biên xã hội.

(d) Diện tích EHJ.

7 (a): Đầu tiên hằng sản xuất 7 đơn vị sản lượng, tại đó $MPC = MR$ và sau đó hạn chế sản lượng còn 3 đơn vị, tại đó ($MPC + MSC$ của ô nhiễm) = MR

8 (b) và (e): 2 sự lựa chọn này liên quan trực tiếp đến các tiêu thức của hiệu quả Pareto.

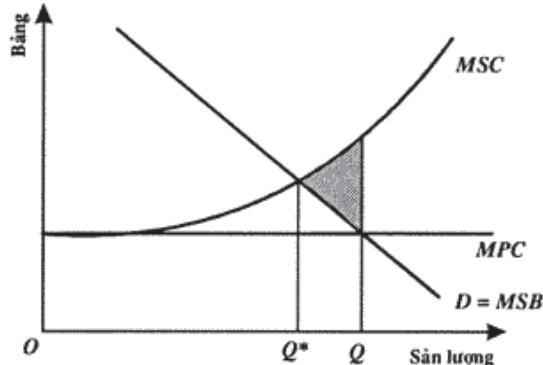
9 Tất cả các sự lựa chọn trong bài này đều đúng. Nếu chính quyền địa phương muốn tăng doanh thu, thì điều cần thiết là cầu phải không co giãn (như đã đề cập ở Chương 5). Nếu các nhà chức trách muốn giảm bớt sự tắc nghẽn giao thông, thì cần lựa chọn (b). Lựa chọn (c) liên quan chặt chẽ đến lựa chọn (a), tức là cầu không thể là không co giãn nếu có một giải pháp về nơi đỗ xe ở trung tâm thị trấn.

10 Khi tiếp cận với bất kỳ một vấn đề nào liên quan đến ngoại ứng, phản ứng của xã hội là đạt đến

một điểm mà tại đó chi phí cận biên xã hội bằng lợi ích cận biên xã hội. Chừng nào còn đề cập đến ô nhiễm, chúng ta còn cần phải làm cân bằng lợi ích của việc giảm ô nhiễm với chi phí cần phải bỏ ra để đạt được điều đó. Phân tích này gợi ý rằng, việc loại bỏ hoàn toàn ô nhiễm không làm cho xã hội đạt đến điểm tốt hơn. Điều này được giải thích đầy đủ trong phần 12-5 ở sách lý thuyết.

Hình A12-1 có lẽ giúp chúng ta giải thích cái gì đang xảy ra ở đây. Giả sử, chúng ta có một ngành mà các hằng trong ngành có chi phí là MPC, việc sản xuất của ngành gây ra ô nhiễm, vì vậy xã hội phải chịu một chi phí cao hơn là MSC. Nếu các hằng tự do muôn sản xuất bao nhiêu cũng được thì sản lượng cân bằng là tại Q, mặc dù chúng ta nhìn vào hình thì Q^* được ưa thích hơn. Diện tích hình tam giác là phần mất không do sản xuất tại Q thay vì tại Q^* . Đây là do MSC lớn hơn MSB ở giữa 2 mức sản lượng Q và Q^* . Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra là về mức sản lượng ô nhiễm tối ưu, tức là mức sản lượng này có thể bằng 0 hay không. Rõ ràng trong Hình A12-1 thì mức sản lượng này không thể bằng 0 vì thậm chí ở mức sản lượng Q^* thì $MSC > MPC$.

Hình A12-1 Ô nhiễm



Dúng/Sai

1 Đúng.

2 Đúng: xem phần 12-1 trong sách lý thuyết.

3 Sai: thị trường cạnh tranh không hoàn hảo thì không đạt được hiệu quả Pareto.

4 Sai: lý thuyết điều tốt thứ nhì cho rằng việc mở rộng sự không rõ ràng giữa các ngành là tốt hơn (xem phần 12-3 trong sách lý thuyết).

5 Đúng: cho trước định nghĩa về thất bại thị trường (xem phần 12-3 trong sách lý thuyết).

6 Đúng.

7 Sai: điều ngược lại cũng như vậy (xem phần 12-6 trong sách lý thuyết).

8 Sai.

9 Sai: mức sản lượng ô nhiễm tối ưu không nhất thiết phải bằng 0.

10 Đúng: xem phần 12-7 trong sách lý thuyết.

11 Sai: không nền kinh tế nào có thể chấp nhận được sự ưu tiên như vậy (xem bài báo “Ô nhiễm không khí và sức khỏe” của Anil Markandya và Pamela Mason, Economic Review, 17(2), tháng 11/1999).

12 Đúng.

Kinh tế học trong thực tiễn

1 Công bằng theo chiều ngang tồn tại khi mọi người được đối xử một cách công bằng. Ví dụ, sẽ không có sự phân biệt đối với những người có cùng giới tính, cùng chủng tộc, cùng bằng cấp giáo dục vì vậy những người đó được trả mức lương như nhau. Công bằng theo chiều dọc là những người ở những hoàn cảnh khác nhau bị đối xử khác nhau. Ví dụ, những người có thu nhập cao thì phải chịu mức thuế cao còn những người thu nhập hạn chế thì được lợi về thuế và chính phủ trả cho các khoản an ninh xã hội. Vì vậy, hệ thống an ninh xã hội xem có trợ cấp đối với những người thất nghiệp, những người có thu nhập thấp và những người mất khả năng làm việc, những khoản này có được bằng việc tăng thuế của những người giàu có. Một hệ thống như vậy là để giải quyết vấn đề về mất công bằng theo chiều ngang.

2 Ở một mức độ nào đó, hệ thống an ninh xã hội tìm cách giải quyết hậu quả về sự bất bình đẳng do

(Tiếp theo)

các thị trường gây ra. Một số công việc có mức thu nhập thấp như lau dọn, phục vụ hoặc an ninh nhà hàng là do mức lương thị trường của những nghề này. Trong khi mức lương thị trường này có thể là hiệu quả, nhưng rất nhiều trường hợp được miêu tả là không đảm bảo công bằng. Nhiều người không chỉ tạo ra thu nhập mà còn tạo ra cả các giá trị cho bản thân họ trong việc làm cũng như khi sống trong ngôi nhà của chính họ. Nhưng khi mức lương không đủ cao để đạt được điều này thì một số cá nhân không có động lực để làm việc.

Hệ thống an ninh xã hội có thể giúp giải quyết những vấn đề này bằng việc trợ cấp thu nhập và chi phí về nhà ở cho những người lao động. Nhưng thật không may vì hệ thống này cũng có thể khuyến khích những người này phụ thuộc vào chính phủ hơn là bản thân họ. Vì vậy, có lẽ nên hạn chế việc can thiệp vào thị trường lao động với những người có thu nhập thấp. Kết quả là nếu có động lực sai, mọi người sẽ tiêu dùng phúc lợi xã hội nhiều hơn cái mà họ nên được hưởng. Điều này có thể xem như ngoại ứng âm và là một ví dụ về thất bại thị trường.

Vấn đề này có thể phụ thuộc vào quan điểm của từng cá nhân. Một vài cá nhân có thể cho rằng tình huống này là không thể chấp nhận được, trong khi những người khác lại có thể cho rằng đây là một khía cạnh không thể tránh được của hệ thống phúc lợi.

Câu hỏi tư duy

1 Chủ đề về năng lượng hạt nhân vẫn còn một vấn đề đang có nhiều sự tranh cãi: để có được một sự đánh giá về mục tiêu còn quá nhiều chi phí và lợi ích của cá nhân cũng như của xã hội cần phải đề cập đến. Một mục tiêu của chương này là đưa ra cho bạn một cơ sở để suy nghĩ về những vấn đề tương tự như vấn đề này.

2 Việc cấp quyền sở hữu có thể cho quyền được bồi thường của những người chịu ảnh hưởng từ ngoại ứng - ví dụ bồi thường từ câu lạc bộ bóng đá về thiệt hại và phá hoại, hoặc từ những người hàng xóm gây ôn ào (xem lại phần 12-5 trong sách lý thuyết).

Đáp án chương mười ba

Thu và chi của chính phủ

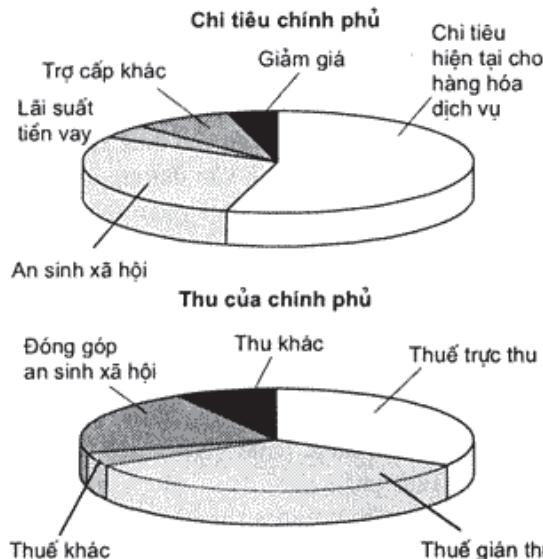
Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

1	<i>b</i>	5	<i>n</i>	9	<i>j</i>	13	<i>f</i>
2	<i>l</i>	6	<i>k</i>	10	<i>a</i>	14	<i>e</i>
3	<i>g</i>	7	<i>i</i>	11	<i>c</i>		
4	<i>m</i>	8	<i>d</i>	12	<i>h</i>		

Bài tập

- 1** (a) Xem Hình A13-1.

Hình A13-1 Mô hình thu và chi tiêu của chính phủ, 2003



(b) Chúng ta mong chờ sẽ tìm ra một mối quan hệ gần gũi giữa phần thu và chi của chính phủ, trong khi chính phủ đang tìm cách để đạt được sự cân bằng giữa 2 phần. Hơn nữa, phần lãi suất nợ giảm xuống khi chính phủ tìm cách trả nợ quốc gia trong những năm tốt và giảm các khoản vay đến mức tối đa trong những năm kém.

(c) Sự phát triển chậm chạp của kinh tế toàn cầu dẫn đến chi tiêu về an sinh xã hội cho thất nghiệp cao hơn. Đồng thời, lợi nhuận thấp hơn, ít đóng góp về thuế, an sinh xã hội hơn và thậm chí thu từ VAT cũng giảm.

- 2** Xem Bảng A13-1.

(a) Bởi vì đây là hàng hóa công cộng thuần túy, nên khi một cá nhân tiêu dùng một hàng hóa này không ngăn chặn được người khác cũng tiêu dùng nó. Vì vậy, lợi ích cận biên xã hội DD là tổng theo chiều thẳng đứng của D₁ và D₂ và chúng ta phải vẽ hình theo cách đó.

- (b) OA.

(c) Nếu cá nhân thứ nhất thực tế trả OA cho hàng hóa này, thì sau đó cá nhân thứ hai không phải trả đồng nào để tiêu dùng hàng hóa đó. Một trong những đặc điểm của hàng hóa công cộng là không thể loại trừ các cá nhân khác tiêu dùng nó. Đây là vấn đề “kẻ ăn không” đặc trưng cho hàng hóa công cộng.

- (d) Lợi ích cận biên xã hội là đường DD - nghĩa là OE.

Bảng A13-1 Mức thuế cận biên và trung bình (các số liệu được thể hiện dưới dạng %)

Kế hoạch A (Thuế 30% cho thu nhập trên 5000 £)			Kế hoạch B (Thuế 30% cho thu nhập trên 5000 £) (Thuế 50% cho thu nhập trên 10000 £)	
Mức thu nhập (£)	Mức thuế cận biên (%)	Mức thuế trung bình (%)	Mức thuế cận biên (%)	Mức thuế trung bình (%)
3 000	0	0,0	0	0,0
9 000	30	13,3	30	13,3
12 000	30	17,5	50	20,8
20 000	30	22,5	50	32,5

Cả hai kế hoạch này đang tiến hành, với mức thuế trung bình tăng theo thu nhập: kế hoạch B tiến hành nhanh hơn, với mức thuế trung bình tăng nhanh hơn.

(e) Ở điểm này, chi phí cận biên là OB, thấp hơn nhiều so với lợi ích xã hội cận biên, điều này gợi ý rằng có quá ít hàng hóa này được sản xuất.

(f) Tại OG, tại đó lợi ích cận biên xã hội bằng chi phí cận biên.

4 (a) Trong thị trường tự do, cân bằng thị trường đạt được khi lợi ích cận biên xã hội (cầu) bằng chi phí cận biên cá nhân (cung), với sản lượng là OE (và giá là OA).

(b) Điểm hiệu quả của xã hội xảy ra khi MSB bằng chi phí cận biên xã hội: sản lượng OD.

(c) Hình tam giác GHI.

(d) Mức thuế cần thiết là để tác động đến nhà sản xuất nhằm đưa ra các quyết định dựa trên cơ sở của MSC hơn là MPC. Mức thuế GJ giúp giải quyết được điều này.

(e) Có một loạt ví dụ. Một ví dụ rõ ràng là ô nhiễm, hoặc tắc nghẽn giao thông.

5 Trong tình huống mà chi phí cận biên xã hội ít hơn chi phí cận biên cá nhân, thì xu hướng là có ít hàng hóa được sản xuất, vì vậy cần trợ cấp cho các hàng. Lựa chọn (a) gây ra ảnh hưởng đối lập. Ngược lại, nếu chi phí cận biên xã hội lớn hơn chi phí cận biên cá nhân (như trong bài tập 4), thì sẽ có quá nhiều hàng hóa được sản xuất trên thị trường tự do, lúc này cần đánh thuế. Phân tích này loại trừ lựa chọn (b) và chúng ta chọn lựa chọn (c) là câu trả lời đúng.

6 (a) SSa là cung lao động không có thuế; SSb là cung lao động sau khi có thuế.

(b) Mức lương là OB; số giờ làm việc là OI.

(c) Giảm từ OI xuống OE.

(d) OC.

(e) OA: AC là mức thuế.

(f) Doanh thu thuế là ACHF.

(g) FHJ.

(h) Công nhân là ABFG; hàng là BCHG. (so sánh với Bài tập 2 trong Chương 4).

(i) OC.

(j) OA.

(k) ACHF.

(l) Không có sự chênh lệch.

(m) Toàn bộ thuế rơi vào công nhân.

7 Ở một mức độ nào đó, câu phát biểu (f) và (g) tóm lược ý chính. Mô hình Tiebout nhấn mạnh tầm quan trọng sự lựa chọn của các cá nhân, mà những sự lựa chọn này có thể tạo thuận lợi hơn bằng việc áp dụng ít các đạo luật (g). Chúng ta có thể thấy các câu phát biểu (a), (d) và (e) ủng hộ quan điểm này. Tuy nhiên, hàng hóa công cộng với bản chất là không loại trừ (b), vì vậy khi các đạo luật được áp dụng với phạm vi hẹp, những người không chịu sự điều chỉnh của các đạo luật đó sẽ lợi dụng điều này: đây là một ngoại ứng lợi ích mà ngoại ứng này có lẽ sẽ khó phản ánh đúng giá thị trường. Câu (e) gây ra sự hợp lý. Việc mở rộng phạm vi các đạo luật làm giảm ảnh hưởng này (f).

8 Mô hình thuế doanh thu là đa dạng. Một vài sự khác nhau này được giải thích dễ dàng hơn một số sự khác nhau khác. Ví dụ, hầu như một số nước đang phát triển không có hệ thống an ninh xã hội, đặc biệt là Cameroon, Ấn Độ và Zambia. Ở một vài nước, chính phủ không có được sự ủng hộ về mặt chính trị trong việc đánh thuế trực tiếp vào thu nhập. Từ số liệu ở bảng, có thể thấy Bolivia là ví dụ điển hình của một xã hội như vậy. Một số nước có nền kinh tế mở thì dựa chủ yếu vào thuế xuất khẩu, có xu hướng tránh thuế đánh vào thương mại quốc tế. Với việc giảm hàng rào thuế quan thành công sau chiến tranh thế giới thứ hai, các loại này ít được các nước công nghiệp sử dụng, như bạn có thể thấy trường hợp của Liên hiệp Anh. Các nước như Cameroon và Ấn Độ tiếp tục sự phụ thuộc nặng nề vào thuế từ các giao dịch và thương mại quốc tế. Chúng ta sẽ bàn luận vấn đề này chi tiết hơn trong phần sau của cuốn sách. Thuế VAT ở Liên hiệp Anh hình thành một phần thuế đánh vào hàng hóa và dịch vụ trong nước. Với một vài nước, ví dụ Bolivia và Zambia trong Bảng 13-1, thuế gián tiếp đánh vào hàng hóa là một biện pháp làm tăng doanh thu.

Đúng/Sai

1 Sai: Giảm thất nghiệp vào cuối những năm 1980 kèm theo đó là sự giảm xuống trong tỷ lệ thanh toán chuyển nhượng (trợ cấp) so với thu nhập quốc dân.

2 Đúng.

3 Đúng: xem phần 13-1 trong sách lý thuyết.

4 Sai: trong trường hợp một trận đấu bóng đá, có khả năng là không được vào (xem phần 13-2 trong sách lý thuyết).

5 Sai: đây là một ví dụ của trợ cấp, điều này nhằm phân phôi lại thu nhập của các nhóm người trong xã hội.

6 Đúng: xem phần 13-3 trong sách lý thuyết.

7 Sai: không cần thiết phải làm vậy. Đặc điểm chủ yếu của hàng hóa công cộng là chính phủ nên xác định bao nhiêu hàng hóa được sản xuất nhưng điều này không đòi hỏi chính phủ trực tiếp sản xuất.

8 Sai: xem phần 13-3 trong sách lý thuyết.

9 Đúng: Đây là kết quả từ mô hình tiêu dùng đặc trưng của “giàu” và “nghèo”.

10 Sai: Câu này là quá mạnh. Có thể ảnh hưởng này được minh chứng ở một số nước nhưng không có nghĩa là nó đúng cho tất cả và rất nhiều nhà kinh tế học vẫn đang còn nghi ngờ. (xem phần 13-4 trong sách lý thuyết).

11 Đúng: xem phần 13-2 trong sách lý thuyết.

12 Đúng: xem phần 13-6 trong sách lý thuyết. Liệu chúng ta có lo ngại điều này xảy ra có thể dẫn đến một vấn đề khác.

Kinh tế học trong thực tiễn

1 Tốt hay xấu, Gordon Brown đã một mục cam kết với chính sách tài khóa thận trọng và “Các nguyên tắc vàng”, điều này dù dễ hiểu được quan điểm của ông ta trong việc lựa chọn các nhà doanh nghiệp vào Liên đoàn công nghiệp Anh (CBI) mà rất nhiều trong số các nhà doanh nghiệp đó có lợi ích thương mại rất ít từ các kế hoạch chi tiêu về y tế, giáo dục, môi trường hoặc quốc phòng. Điều quan trọng với Gordon Brown bây giờ là tiếp tục sự cam kết của mình và tin vào việc phân bổ các nguồn tài chính công cộng.

(Tiếp theo)

2 Thông báo này rất tuyệt vời vì mục tiêu ban đầu của nó nhằm quản lý thu và chi của chính phủ. Mặc dù mọi người cho rằng, nếu chính phủ mong muốn ưu tiên các khoản chi cho giáo dục và y tế, thì sau đó chính phủ sẽ phải vay nợ rất nhiều và vì vậy sẽ giảm tính thận trọng trong chính sách tài khóa đối với mục tiêu thứ hai.

Câu hỏi tư duy

1 Gợi ý: Thuế thu nhập là thuế lũy tiến hay thuế lũy thoái? Và thuế chi tiêu thì như thế nào?

2 (a) Khi D (lợi ích cận biên xã hội) = MSCa; giá là OE, lượng là OF.

(b) Khi D (MSB) = MSCg; giá là OC, lượng là OI.

(c) Đặt giá là OC, sản lượng sẽ là OI. Ở điểm này, chi phí cận biên xã hội lớn hơn lợi ích cận biên xã hội và phần mất không là diện tích hình HJK.

(d) Đặt sản lượng là OI, giá sẽ là OC, phần mất không lại là HJK.

(e) Không: lô là như nhau trong cả 2 trường hợp.

(f) Khi Da = MSC: giá là OP, sản lượng là OU.

(g) Khi Dg = MSC: giá là ON, sản lượng là OR.

(h) Khi đặt giá là ON, sản lượng sẽ là OW, ở điểm MSC lớn hơn MSB (Da). Phần mất không là diện tích VXY.

(i) Khi đặt sản lượng là OR, giá sẽ là OQ. Bây giờ lợi ích cận biên xã hội lớn hơn MSC: quá ít hàng hóa này được sản xuất. Phần mất không bấy giờ là TSV.

(j) Các chính sách điều tiết bằng giá và sản lượng không đưa ra cùng một giải pháp. Trong Hình 13-5, điều tiết bằng giá thì phần mất không nhỏ hơn so với điều tiết bằng sản lượng. Nhớ rằng không phải lúc nào cũng xảy ra trường hợp như thế này; phần mất không khi điều tiết bằng giá và sản lượng lớn hơn hay nhỏ hơn phụ thuộc vào độ dốc của cả đường cầu và đường MSC. Bạn có thể thấy kết quả ngược lại trong Hình 13-5 trong đó MSC dốc hơn và D thoái hơn.

Đáp án chương mươi bốn

Chính sách ngành và chính sách cạnh tranh

Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

1	<i>a</i>	5	<i>k</i>	9	<i>c</i>	13	<i>f</i>
2	<i>i</i>	6	<i>e</i>	10	<i>n</i>	14	<i>o</i>
3	<i>g</i>	7	<i>d</i>	11	<i>h</i>	15	<i>l</i>
4	<i>j</i>	8	<i>m</i>	12	<i>b</i>		

Bài tập

1 (a) và (b) là các ví dụ về hợp nhất theo chiều dọc. Nếu trong tình huống (a), nhà sản xuất động cơ thôn tính nhà sản xuất lốp, đây được xem là “hợp nhất dọc ngược chiều” - tức là hãng sản xuất động cơ mở rộng hoạt động ngược trong qui trình sản xuất. Nếu nhà sản xuất động cơ mở rộng hoạt động bằng cách mua các nhà phân phối xe ô tô thì gọi là “hợp nhất dọc xuôi chiều”. (c) minh họa trường hợp sáp nhập hình khối (đa dạng hóa theo chiều ngang) - không có mối quan hệ sản xuất gì giữa thuốc lá và mỹ phẩm. (d) là ví dụ của sáp nhập theo chiều ngang ở đó các hãng hy vọng có được lợi ích từ tính kinh tế của qui mô.

2 (a) Giá là OB, sản lượng OS.

(b) Giá là OC, sản lượng là OR.

(c) Diện tích hình KLN.

(d) ABKJ.

(e) ACLJ.

(f) Điều có thể giải thích là độc quyền có khả năng khai thác tính kinh tế của qui mô.

3 (a) Sản lượng là OC, giá là OE.

(b) BCG.

(c) ABGF. Luôn nhớ rằng diện tích hình này cũng là lợi nhuận của độc quyền.

(d) Đây là tổng của cả thặng dư tiêu dùng và thặng dư sản xuất - đó là diện tích ACGF.

(e) Sản lượng là OH, giá là OA.

(f) ACI.

(g) Ở vị trí này không có thặng dư sản xuất: các hãng chỉ thu được lợi nhuận bình thường.

(h) ACI. Nhớ rằng diện tích hình này lớn hơn ACGF, mà đó chính là thặng dư của xã hội dưới điều kiện độc quyền. Cách khác để tìm ra kết quả này là sự khác nhau về thặng dư trong 2 trường hợp (tức là FGI) đại diện chi phí xã hội do độc quyền.

(i) Giống như câu e.

4 (c) Đây chỉ là sự sáp nhập bị ngăn chặn bởi Ủy ban châu Âu (xem Hộp 14-5 trong sách lý thuyết).

5 Lựa chọn (d). Tại sao sáp nhập hình khối lại trở nên quan trọng vào cuối những năm 1980, một phần có thể do kết quả của các cơ hội khi có sự quy định lại về tài chính, một phần có thể do đa dạng hóa sẽ mang lại sự an toàn và có thể là do các yếu tố khác nữa. Nhưng cần nhớ là xu hướng về sáp nhập hình khối này lại không được ưa chuộng vào cuối những năm 1990. (Xem phần 14-5 của sách lý thuyết).

6 (a) và (b).

7 (f): đây là một yếu tố đã được đề cập đến là có thể giảm cạnh tranh. Nếu bạn phác thảo một đồ thị, bạn sẽ thấy rằng, nếu độ co giãn chéo giảm, và vì vậy đường cầu sẽ dốc hơn, phần mất không cho xã hội tăng lên.

8 (a) LMCA.

(b) Sản lượng là OG, giá là OE.

(c) Hình tam giác EFL.

(d) Khi thị trường mở ra, khả năng không đạt hiệu quả kỹ thuật (Phi hiệu quả - X) có thể giảm, dẫn đến chi phí giảm xuống còn LMCB.

(e) Sản lượng là OR, giá là OA.

(f) AFS.

(g) Rõ ràng, thặng dư tiêu dùng tăng lên rất nhiều mặc dù độc quyền không còn thu được nhiều lợi nhuận nữa. Một cái lợi khác nữa là đạt hiệu quả sản xuất, theo nghĩa các nguồn lực được sử dụng có hiệu quả hơn trong việc sản xuất hàng hóa này.

9 Tất cả.

10 Các chính sách (a), (f) và (h) là các công cụ của chính sách cạnh tranh. Mục (i) cũng có thể được xếp vào loại này, trở thành một giải pháp để giải quyết vấn đề “độc quyền tự nhiên”. Các chính sách khác được xem là thuộc về chính sách ngành.

Đúng/Sai

- 1** Đúng: xem phần 14-3 trong sách lý thuyết.
- 2** Sai: một vài ước lượng đã đặt quá cao, mặc dù Cowling và Muller đặt nó cao bằng 7%.
- 3** Đúng: xem phần 14-4 trong sách lý thuyết.
- 4** Đúng: nhưng xã hội có thể mong muốn thực hiện các bước để đảm bảo việc phân phối lợi nhuận độc quyền.
- 5** Điều này không thể nói là đúng hay sai: nó phụ thuộc vào quan điểm của bạn. Hầu hết các nhà kinh tế học đang còn hoài nghi về điều này.
- 6** Đúng, nhưng một mặt nào đó ảnh hưởng trực tiếp của điều này đến hoạt động sáp nhập chưa rõ ràng. Vẫn còn vài lý do về việc từ bỏ vấn đề này. (Có thể tìm kiếm Journal of Industrial Economics để có những bằng chứng về những ảnh hưởng của việc sáp nhập).
- 7** Sai: điều này bỏ qua những ngoại ứng địa phương, mà những ngoại ứng này rất lớn (xem phần 14-2 trong sách lý thuyết).
- 8** Sai: xem phần 14-3 trong sách lý thuyết về phần thảo luận nội dung quan trọng này.
- 9** Đúng.
- 10** Sai: hơn một nửa chi tiêu như thế này ở Liên hiệp Anh liên quan đến quân đội.
- 11** Không nhất thiết là đúng: điều cần thiết là tiếp cận câu hỏi này một cách cẩn thận - xem phần 14-1 trong sách lý thuyết.
- 12** Thông thường là sai: Nếu phải tiến hành thay đổi cơ cấu, thì không khôn ngoan chút nào nếu chống lại sự thay đổi đó, cách tốt hơn là quản lý sự

thay đổi. Tuy nhiên, trừ khi những ngành mới có thể được phát triển để thay thế những ngành cũ, thỉnh thoảng có thể nói lòng sự chuyển đổi bằng cơ chế “nhóm người tạm nắm quyền”.

Kinh tế học trong thực tiễn

- 1** Những điều tìm thấy này ủng hộ thêm cho quan điểm rằng bất kỳ phần mềm không do độc quyền gây ra sẽ chẳng tồn tại lâu và có thể giảm tối thiểu. Các nghiên cứu và sự đổi mới tạo ra những sản phẩm mới và qui trình sản xuất mới không dẫn đến bất kỳ lợi thế cạnh tranh nào, chỉ 2,2% lợi ích của xã hội là các hàng được hưởng. Đổi mới là động lực của sự cạnh tranh chứ không phải là một hàng rào cạnh tranh. Vì vậy, mức độ đổi mới cao thì nên giảm nhu cầu về các chính sách cạnh tranh.
- 2** Khuếch trương sự đổi mới và doanh nghiệp, từ thực tế của Nordhaus, tạo ra một chính sách thu hút khách hàng, nhưng với mức lợi tức cho các công ty thấp như vậy, sự đổi mới không tạo ra được quá nhiều sức hấp dẫn cho doanh nghiệp và các chủ doanh nghiệp.

Câu hỏi tư duy

- 1** Thị trường có mức độ tập trung cao bản thân nó không phải là xấu cho xã hội. Một thị trường có thể bị thống trị bởi rất ít hàng, nhưng nếu các hàng này cạnh tranh với nhau rất mạnh mẽ, chẳng có lý do gì nói rằng xã hội bị thiệt. Tuy nhiên, khi các hàng cấu kết để tránh cạnh tranh thì sẽ gây ra phần mềm không cho xã hội do sức mạnh thị trường. Dù sao, luật pháp ở Mỹ cũng đã đề cập nhiều đến các bằng chứng về cấu trúc thị trường tập trung nhiều hơn là sự cấu kết. Ở Liên hiệp Anh, người ta thiên về chủ nghĩa thực dụng hơn.
- 2** Tiêu đề của phần này là “Câu hỏi tư duy”, vì vậy bạn không nên mong chờ có câu trả lời quá dễ dàng. Đây không phải là một ví dụ điển hình về Cartel. Hãy tự hỏi bản thân bạn xem ai bị thiệt từ sự cấu kết và ai được lợi. Hãy quan tâm đến các cổ đông, các cầu thủ đá bóng, những người hâm mộ trên sân cỏ và những người hâm mộ ở nhà.
- 3** Ở rất nhiều thị trấn vòng quanh thế giới, bạn sẽ có thể tìm thấy các trung tâm kinh doanh bắt

động sản tập trung vào một phần nào của thị trấn đó, những bạn có thể mua một tờ báo ở bất kỳ một nơi nào.

4 Đầu tiên, bạn có thể nghĩ rằng vị trí tốt nhất cho người bán kem lưu động là ở điểm C, ở đây có rất ít sự cạnh tranh. Nhưng nếu bạn nghĩ cẩn thận hơn về điều này, bạn sẽ nhận thấy rằng tốt nhất là cô ta bán một nửa cho những khách tắm nắng, một nửa còn lại cho những người ở gần cô ta hơn là gần các quán giải khát. Tuy nhiên, nếu cô ta đặt vị trí ở điểm B, cô ta nên bán cho tất cả những người tắm

nắng ở giữa điểm B và C, và cho một nửa những người gần cô ta hơn là gần các quán giải khát. Tuy nhiên, thậm chí là cô ta đặt vị trí ở điểm A, gần các quán giải khát, và bán cho toàn bộ thị trường. Nên áp dụng lý luận tương tự như trên nếu có 2 người bán kem lưu động, mặc dù họ hoạt động không theo cùng một chiến lược, và để phòng các hoạt động của nhau. Sau đó, họ sẽ chấm dứt sự cạnh tranh này khi họ đến giữa bãi biển. Kết quả này đã được một người Mỹ, Hotelling, đưa ra rất nhiều năm trước đây.

Đáp án chương mười lăm

Độc quyền tự nhiên: công cộng hay tư nhân?

Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

1	h	4	j	7	f	10	k
2	b	5	a	8	d	11	g
3	l	6	i	9	e	12	c

Bài tập

1 Tất cả các lý luận đã được đưa ra lần này hoặc lần khác: xem phần 15-1 trong sách lý thuyết. Giá trị của những lý luận này đã được đặt câu hỏi, một phần bởi vì các nhà quản lý các ngành quốc gia đường như đã phải đổi mới với những động cơ nghèo nàn về hiệu quả - vì vậy vẫn còn nhiều tranh cãi về việc tư nhân hóa.

2 Hầu hết các ý kiến đã đề cập trong câu hỏi gây ra những tranh cãi gần đây về việc tư nhân hóa, với một trường hợp ngoại lệ là (e). Trong thực tế có một vài ảnh hưởng có thể có hạn chế đáng kể hoặc chỉ liên quan đến trong ngắn hạn. Ví dụ, ảnh hưởng (d) chỉ quan trọng trong ngắn hạn khi mà số tiền thu được từ việc bán một ngành có thể được sử dụng để tài trợ cho chi tiêu. Riêng yếu tố thời gian sẽ không thể hiện tầm quan trọng của những ảnh hưởng này. (Bài báo của Antony Dnes, *Economic Review*, 9, 1997 đã đề cập đến việc tư nhân hóa đường sắt).

- 3** (a) $LMC = MR$ ở mức sản lượng OG, giá OF.
 (b) Diện tích HJQ.
 (c) EFJI.
 (d) $P = LMC$ ở sản lượng OP, giá OA.
 (e) Ở điểm này, tổng chi phí trung bình dài hạn (OB) lớn hơn doanh thu trung bình (OA), và nhà độc quyền tư nhân bắt buộc phải rời khỏi thị trường.

4 Mặc dù (a), (c), (e) và (g) giúp bạn thiền về xu hướng tư nhân hóa, nhưng những câu còn lại thể hiện quan điểm đối lập. Trừ khi bạn có sự ưu tiên rất lớn để thiền về xu hướng này hoặc xu hướng kia, nếu không bạn cảm thấy tương đối khó khăn để đưa đến một quyết định cho hằng. Khi bạn học nhiều hơn về kinh tế học, bạn sẽ thấy có nhiều lĩnh vực giống như thế này nơi mà bạn khó có câu trả lời hết sức rõ ràng.

5 Tất cả những ngành trên, được xem như là có ích, đã từng được quốc hữu hóa: chỉ vào những năm 1980 thì những ngành này bị tư nhân hóa. Thật là thú vị để đánh giá rằng liệu việc những ngành này bị quốc hữu hóa là một suy nghĩ xa lì. Có lẽ đã có một thực tế rằng hầu hết những ngành có ích đã quốc hữu hóa tốt hơn so với tư nhân hóa và rằng cạnh tranh đã làm tăng các hạn chế cho bất kỳ trường hợp nào quốc hữu hóa lại.

6 Tính toán lãi của tư nhân và xã hội của các dự án như sau:

Dự án	Lãi (lỗ) tài chính	Lãi (lỗ) ròng
A	20	(40)
B	(30)	70
C	50	40

Cột lãi (lỗ) ròng là tính chi phí và lợi ích cho cả tư nhân và xã hội.

(a) Chọn dự án C thì lợi nhuận là lớn nhất - nhưng lãi ròng mặc dù dương nhưng nhỏ hơn lãi tích lũy cho tư nhân.

(b) Dự án A mang lại doanh thu lớn nhất, nhưng cho cả xã hội thì lại tồi vì lãi ròng bị âm.

(c) Dự án tốt nhất về mặt kinh tế là B, mặc dù nó mang lại lỗ tài chính cho doanh nghiệp.

7 (a) Trợ cấp cần thiết là diện tích ABRQ.

(b) Phản phí cần thiết để bù đắp trợ cấp (ABRQ): AB cho một đơn vị.

(c) Phản phí biến đổi cần thiết để bù đắp chi phí cận biên: OA.

(d) Khi $AC = AR$, sản lượng là OK, giá là OC.

(e) Diện tích NLQ.

(f) Các nhà quản lý luôn có động cơ để đạt hiệu quả; và các chi phí trung bình sẽ tăng.

8 (a) Tiền thuê là OB và số nhà cho thuê là OF.

(b) Bằng việc cung cấp các biên lai thuê nhà cho các gia đình nghèo, cầu về nhà sẽ tăng từ DD đến DDX; tiền thuê sẽ tăng thành OE và sản lượng là OG.

(c) Trong tình huống này, cung về nhà sẽ tăng từ SS đến SSX; ở điểm cân bằng, giá thuê nhà giảm xuống ở OA (tất nhiên cầu vẫn là DD), và số lượng nhà tăng lên thành OH.

(d) Như trong Hình 15-2, mặc dù giá thuê nhà khác nhau rất nhiều nhưng số lượng nhà do ảnh hưởng của sự thay đổi giá thuê khác nhau rất ít. Thực tế, kết quả này phụ thuộc vào độ co giãn của cung và cầu trên thị trường.

(e) Rõ ràng sự khác nhau chủ yếu giữa 2 trường hợp này là do ảnh hưởng của giá thuê nhà. Đến lượt sự khác nhau này ảnh hưởng đến phân phối thu nhập, có lẽ các chủ đất kiểm được đáng kể từ cơ chế sử dụng biên lai thuê nhà.

9 (a) Khi bà Thatcher trở thành thủ tướng vào năm 1979, thì sự tin tưởng vào tính hiệu quả của

các lực lượng trong thị trường tự do ngày càng lan rộng. Trong thời kỳ bà nắm quyền, bà đã có những cố gắng to lớn nhằm tách rời chính phủ khỏi những khu vực của nền kinh tế mà những khu vực này được cho rằng các lực lượng của thị trường tự do sẽ có hiệu quả. PFI (Sáng kiến tài chính tư nhân) là tổ chức đầu tiên theo xu hướng này và được thành lập vào tháng 11 năm 1992 sau khi hoàn thành làn sóng về tư nhân hóa.

(b) Người ta đã tranh cãi trong một thời gian dài rằng khu vực công cộng cần đóng vai trò dẫn đầu trong việc cung cấp cơ sở hạ tầng cho xã hội như đường sá và bệnh viện, vì đó là những khu vực mà không có sự rõ ràng về sự cạnh tranh trong việc cung cấp cơ sở hạ tầng như thế nào. PFI đã giải quyết vấn đề này bằng cách đưa các dự án ra đấu thầu, sau đó cam kết mua lại các dịch vụ từ các dự án sau khi các dự án đã hoàn thành.

(c) Một lý do chủ yếu để làm điều này là cần cung cấp những động lực tốt hơn để đạt được hiệu quả. Khi khu vực công cộng một mình chịu trách nhiệm về cơ sở hạ tầng cho xã hội, người ta sẽ có thể nói rằng khu vực này chẳng có trách nhiệm mấy đâu. Kết quả là sẽ có cơ hội cho các hoạt động không có hiệu quả. Người ta đã hy vọng rằng khi có sự hoạt động của PFI thì những hành động như thế sẽ bị loại bỏ.

(d) Đây là sự thực về xu hướng hoạt động của cơ chế này. Thay vì sở hữu một bệnh viện hoặc một đường phố, khu vực công cộng mua lại những dịch vụ do khu vực tư nhân đã làm.

(e) Mặc dù việc thành lập các PFI giúp cải thiện việc xây dựng các cơ sở hạ tầng, vẫn có một số vấn đề xảy ra. Các trường hợp mới được xây dựng chậm hơn so với kế hoạch, việc bảo hành các đường ray thì có vấn đề và việc phát triển hệ thống công nghệ thông tin cho NHS và Inland Revenue lại có trực trặc. Trong rất nhiều trường hợp, khu vực tư nhân phản nàn về tính quan liêu của khu vực công cộng.

(f) Rõ ràng cần phải tính đến một vấn đề khi chúng ta mong rằng khu vực tư nhân sẽ giải quyết vấn đề này nhanh hơn so với chính phủ. Chúng ta cũng mong chờ khu vực tư nhân sử dụng một tỷ lệ chiết khấu khác nhau, một phần để phản ánh tính không thích rủi ro nhưng một

phản cũng phải thừa nhận rằng chính phủ cần tính đến cả lợi ích của xã hội cũng như của các tư nhân.

Đúng/Sai

- 1** Sai: Phản mỉa không có thể giảm xuống nhưng không bị loại bỏ hoàn toàn.
- 2** Sai: những người tin vào thị trường tự do đang được khuyến khích khi nhận thấy những lợi ích đầu tiên, nhưng rồi sau đó việc tạo ra những hàng rào chiến lược ngăn cản sự gia nhập sẽ làm xói mòn những lợi ích này (xem Hộp 15-1 trong sách lý thuyết).
- 3** Sai: các ngành quốc hữu hóa nên sử dụng mức chiết khấu thấp hơn và thực hiện một vài dự án mà khu vực tư nhân cho là không có lợi nhuận.
- 4** Đúng: những người sử dụng vào lúc cao điểm trả giá cao hơn phản ánh chi phí cận biên cao hơn của việc cung cấp các dịch vụ này.
- 5** Đúng: xem phần 15-1 trong sách lý thuyết.
- 6** Sai: thực tế, những cổ đông có rất ít ảnh hưởng và đối mặt với vấn đề kẻ ăn không (xem phần 15-3 trong sách lý thuyết).
- 7** Không luôn luôn đúng: ví dụ, các công ty dầu tư nhân hoạt động ở Biển Bắc gặp phải vấn đề về thuế doanh thu xăng dầu, thường là ở mức rất cao.
- 8** Không có câu trả lời đơn giản là đúng hay sai cho vấn đề này: vì một phần nó phụ thuộc vào quá trình này được sắp xếp như thế nào.
- 9** Sai: hầu hết là định giá quá thấp, với một suy nghĩ rằng giá thị trường tự do là cao hơn so với giá đưa ra. Tuy nhiên, Enterprise Oil bắt đầu ở mức giá

được đưa ra và Britoil lại bắt đầu với mức giá thấp hơn giá đưa ra.

- 10** Đúng.

Kinh tế học trong thực tiễn

- 1** Cạnh tranh đã gây ra sự nhầm lẫn trong suy nghĩ của người tiêu dùng. Quá nhiều sản phẩm được đưa ra làm cho người tiêu dùng khó khăn để xác định xem ai là người đưa ra dịch vụ tổng đài báo số điện thoại, ai đặt giá cho dịch vụ và ai thực sự có thể cung cấp một dịch vụ chính xác. Tuy nhiên, sự nhầm lẫn này có thể chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn, trong thời gian dài hơn thì những nhà cung cấp thành công hơn các dịch vụ này sẽ được thiết lập với khách hàng.
- 2** Tạo ra một thị trường hoàn toàn mở chỉ là một chiến lược làm tăng sự cạnh tranh. Có thể quản lý việc tăng sự cạnh tranh bằng việc tạo ra một cuộc đấu giá với một số ít các giấy phép về sự hoạt động của các tổng đài báo số điện thoại. Việc đưa ra khoảng 4 đường dẫn có thể tạo ra một Cartel, nhưng với nhiều đường dẫn ví dụ như 10, có thể giúp giảm bớt những vấn đề như thế này.

Câu hỏi tư duy

- 1** Vấn đề này đã được thảo luận một phần trong phần 15-3 trong sách lý thuyết.
- 2** Chúng ta biết đây là một câu hỏi lớn, bao hàm rất nhiều nội dung của chương này. Tuy nhiên, điều này không gây khó khăn cho bạn trong việc sắp xếp các suy nghĩ và tập trung vào những điểm nổi bật nhất. Đây là một phần trong kỹ năng của các nhà kinh tế học.

Đáp án chương mười sáu

Thương mại quốc tế

Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

1	<i>b</i>	4	<i>f</i>	7	<i>i</i>	10	<i>g</i>
2	<i>e</i>	5	<i>a</i>	8	<i>d</i>	11	<i>h</i>
3	<i>k</i>	6	<i>l</i>	9	<i>c</i>	12	<i>j</i>

Bài tập

1 (a) Dễ thấy rằng sự sẵn có của các yếu tố là một nguyên nhân của thương mại. Saudi Arabia, với các tài nguyên dầu mỏ lớn, có rất ít các thứ khác để xuất khẩu. Liên hiệp Anh, Đức và Singapore là những nền kinh tế phát triển cao với hệ thống giáo dục phát triển; các thị trường vốn hoạt động tốt có khả năng hỗ trợ sự phát triển các ngành hướng tự bản sản xuất hàng hóa công nghiệp và thiết bị vận tải. Các nền kinh tế kém phát triển, như Ethiopia, chuyên môn hóa vào các sản phẩm hướng lao động nhiều hơn như nguyên vật liệu nông nghiệp.

(b) Gần đây, thương mại quốc tế tăng trưởng vượt bậc, nhưng chủ yếu tăng trưởng này diễn ra giữa các nền kinh tế phát triển. Triển vọng cho Ethiopia và Pakistan là khá hạn chế.

(c) Sẽ là nguy hiểm nếu đọc quá nhiều các số liệu này. Cụ thể, các nhóm hàng hóa là quá rộng. Không nghi ngờ gì có một số hàng hóa trong nhóm "sản xuất khác" hay "các hàng hóa cơ bản khác" mà triển vọng của chúng khác nhiều so với mức chuẩn. Như vậy, chúng ta cần nhiều thông tin chi tiết hơn về các hàng hóa xuất khẩu của mỗi nước. Hơn nữa, các số liệu nhập khẩu đối với các nước này có xu hướng chỉ ra rằng các nước nhập khẩu những hàng hóa mà họ cũng xuất khẩu, điều này khác lạ với lý thuyết lợi thế so sánh; bạn hãy xem số liệu của UNCTAD tại www.unctad.org.

2 (a) Anywaria có lợi thế tuyệt đối, có đòi hỏi lao động đơn vị thấp hơn đối với mỗi hàng hóa.

(b) Chi phí cơ hội của một đơn vị sản lượng xe đạp là 2 đơn vị ủng ở Anywaria và 3 đơn vị ở Someland. Chi phí cơ hội của một đơn vị sản lượng ủng là 0,5 đơn vị xe đạp ở Anywaria và 0,33 đơn vị ở Someland.

(c) Anywaria có lợi thế so sánh đối với xe đạp, có chi phí cơ hội thấp hơn.

(d) Xem Bảng A16-1.

Bảng A16-1 Sản xuất xe đạp và ủng trong trường hợp không có thương mại

	Anywaria	Someland	Sản lượng "thế giới"
Xe đạp	100	50	150
Üng	200	150	350

(e) Xem Bảng A16-2.

Bảng A16-2 Sản lượng xe đạp và ủng

	Anywaria	Someland	Sản lượng "thế giới"
Xe đạp	150	-	150
Üng	100	300	400

Sản lượng xe đạp thế giới được duy trì ở mức không có thương mại, nhưng chứng tỏ khả năng tăng sản lượng ủng từ 350 lên 400 đơn vị. Lợi ích tăng thêm này được phân bổ như thế nào giữa cả 2 nền kinh tế, tất nhiên nó là vấn đề khác. Thực vậy, tính mềm dẻo của thương mại phụ thuộc vào tỷ giá hối đoái nếu 2 nước không sử dụng một đồng tiền chung (xem bài tập 3).

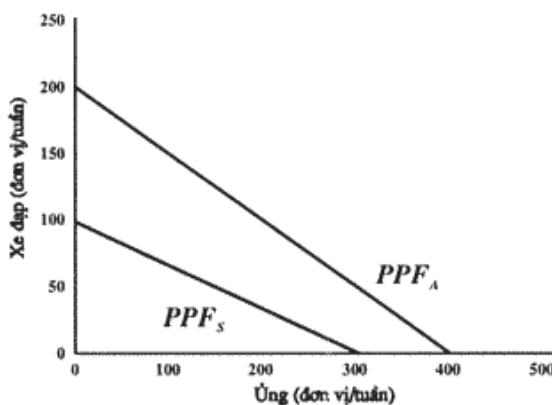
(f) Trong Hình A16-1, PPFA và PPFs minh họa các đường giới hạn khả năng sản xuất đối với Anywaria và Someland. Nhân tố cơ bản bộc lộ lợi ích tiềm năng từ thương mại là sự khác biệt độ dốc của 2 đường, phản ánh sự khác biệt trong chi phí cơ hội.

3 (a) Chi phí lao động đơn vị:

Xe đạp: A300\$ ở Anywaria, S540\$ ở Someland.

Üng: A150\$ ở Anywaria, S180\$ ở Someland.

Hình A16-1 Các đường giới hạn khả năng sản xuất đối với Anywaria và Someland



(b) Xem Bảng A16-3.

Bảng A16-3 Sản lượng xe đạp và ủng

	Anywaria	Someland
Xe đạp	540	540
Ủng	270	180

(c) Xem Bảng A16-4.

Bảng A16-4 Sản lượng xe đạp và ủng

	Anywaria	Someland
Xe đạp	360	540
Ủng	180	180

(d) Thương mại diễn ra tại các tỷ giá hối đoái giữa các giá trị được phân tích ở (b) và (c), vì thương mại một chiều không thể thực hiện được. Với tỷ giá trên mức $A1,8\$ = \$1\$$, không có cầu đối với sản phẩm ở Anywaria; dưới mức $A1,2\$$, không có cầu đối với sản phẩm của Someland.

(e) Tỷ giá hối đoái cân bằng sẽ phụ thuộc vào quy mô cầu đối với hàng hóa ở 2 nền kinh tế (xem phần 16-2 sách lý thuyết).

4 (a), (b) và (d) thúc đẩy thương mại nội ngành, nhưng (c), (e) và (f) ngăn cản nó.

5 (c) là luận điểm cái tốt thứ nhất; (b), (d) và (f) là các luận điểm cái tốt thứ nhì - trong mỗi trường hợp, có những phương pháp được ưa chuộng hơn và trực tiếp hơn để đạt tới mục tiêu đề ra; (e) là cái tốt nhất trong các luận điểm cái tốt thứ nhì và có thể gia nhập (a).

6 Tất cả các nhân tố được đề cập thường này sinh do áp đặt thuế quan. Vấn đề tồn tại là liệu các ảnh hưởng có ngược lại hay không. Trong một số trường hợp, câu trả lời là rõ ràng: thuế quan áp đặt chi phí nguồn lực và các chi phí khác đối với xã hội và tồn tại phần mất không từ (b) và (e). Nhân tố (d) cũng là một phần của điều này: xã hội sẽ tổn thất lợi ích vì nó không làm điều tốt nhất theo xu hướng lợi thế so sánh. Nếu có sự trả đũa trong thị trường xuất khẩu (a) thì điều này làm trầm trọng thêm tình huống đó, cụ thể nó sẽ xoá bỏ bất kỳ lợi ích nào có được do giảm sự thâm nhập của nhập khẩu (f), mà đạt được trong bất kỳ trường hợp nào với chi phí là phi hiệu quả trong sản xuất nội địa. Sự thật áp đặt thuế quan tạo ra doanh thu cho chính quyền (c) là một luận điểm khác. Tỷ lệ doanh thu chính phủ từ thuế đánh vào thương mại quốc tế ở các nước công nghiệp phát triển là rất nhỏ. Tuy nhiên, đối với một số nước kém phát triển (LDCs) tìm kiếm cách làm tăng doanh thu thuế thì thuế quan là một phần đáng kể, vì dễ điều hành hơn so với một số loại thuế khác. Chắc chắn khoản thâm hụt tiềm năng từ doanh thu thuế nhập khẩu là một phần đáng kể đối với một số quốc gia khi họ xem xét đến tự do hóa thương mại.

7 (a) Giá OB (= giá thế giới), nhập khẩu FP (cầu nội địa vượt quá cung nội địa ở mức giá này).

(b) Giá OC, nhập khẩu JM.

(c) EG.

(d) BCML.

(e) Doanh thu thuế nhập khẩu HJML, tô BCJF.

(f) FHJ: đây là phần dư mà xã hội chi tiêu bằng việc sản xuất ôtô trong nước hơn là nhập khẩu chúng ở giá thế giới.

(g) LMP.

(h) FHJ + LMP.

8 (a) Giá OA, xuất khẩu GJ.

(b) Giá OB, xuất khẩu EM.

(c) HK.

(d) CF.

(e) DEG.

(f) JLM.

(g) Đôi khi người ta cho rằng tăng trưởng kinh tế có thể xảy ra nếu nó đi liền với sự mở rộng

tổng cầu. Nếu các cơ quan quản lý nhận thức rằng thị trường nội địa quá hạn chế, họ có thể mong muốn khuyến khích xuất khẩu - nhưng lưu ý rằng một phần của sự gia tăng đạt được phải trả bằng chi phí của tiêu dùng nội địa.

- (h) Trợ cấp sản xuất sẽ duy trì giá nội địa ở mức OA; chi phí xã hội sẽ là JLM hơn là JLM + DEG (xem phần 16-8 sách lý thuyết).

❸ (a) Với búa được đặt giá ở mức giá thế giới là 3 bảng, các nhà sản xuất trong nước cung $1000 \times 3 = 3000$ búa. Tuy nhiên, cầu là $10000 - (1000 \times 3) = 7000$. Nhập khẩu như vậy là $7000 - 3000 = 4000$.

(b) Chúng ta đã tính toán cung nội địa tại mức 3000 búa.

(c) Với thuế nhập khẩu 2 bảng, giá nội địa là 5 bảng, tại đó các nhà sản xuất sẽ cung 5000 búa.

(d) Ở mức giá nội địa cao hơn, cầu giảm xuống 5000 búa. Các nhà sản xuất nội địa bây giờ sẽ cung toàn bộ thị trường trong nước, nhập khẩu bằng 0... và chính phủ như vậy sẽ không có doanh thu.

(e) Phần thặng dư tiêu dùng mất đi là diện tích của tam giác có độ cao 2 bảng và cạnh đáy 2000 đơn vị búa - tức là mất 2000 bảng. Nếu nó xảy ra, trong ví dụ cụ thể này tam giác phi hiệu quả sản xuất có cùng độ lớn như vậy. Điều này không phải lúc nào cũng giống như vậy - nó phụ thuộc độ co dãn của cung và cầu. Nếu bạn thấy điều này khó hình dung hãy sử dụng đồ thị.

❹ (a) DM.

(b) OB.

(c) Sản xuất nội địa tăng từ OC lên OE, nhưng tiêu dùng giảm từ OL xuống OH.

(d) Nếu đồ thị này mô tả thuế quan nhập khẩu, thì diện tích này sẽ mô tả doanh thu thuế quan nhập khẩu. Với hạn ngạch, doanh thu này được phân bổ cho những nhà cung ứng nước ngoài và những nhà nhập khẩu nội địa.

(e) DFG + JKM + một phần của FGJK cho những nhà cung ứng nước ngoài.

(f) Những người hưởng lợi đầu tiên từ loại chính sách này là những nhà sản xuất: những nhà sản xuất trong nước mở rộng sản xuất do phản ứng lại với mức giá cao hơn mà họ nhận được, thu

thêm lợi tức. Những nhà sản xuất nước ngoài cũng có lợi dưới dạng lợi tức. Bạn có thể thấy thú vị khi biết rằng các giấy phép xuất khẩu ở Hong Kong có liên quan đến loại chính sách "hạn chế xuất khẩu tự nguyện" (VER) có thể mua bán, và Ngân hàng thế giới đã ước tính rằng lợi tức từ VERs đối với riêng quần áo chiếm 1,4% GDP của Hong Kong trong giai đoạn 1982 - 1983! Những người bị thiệt? Toàn bộ xã hội ở nước nhập khẩu, đặc biệt là người tiêu dùng, phải trả giá cao hơn và mất thặng dư tiêu dùng.

Dúng/Sai

❶ Đúng; xem phần 16-1 sách lý thuyết.

❷ Đúng; xem Bảng 16-5 sách lý thuyết - nhưng điều này không phải là điển hình của các nước kém phát triển ở các phần khác của thế giới.

❸ Sai: một quốc gia cần có lợi thế tuyệt đối trong sản xuất ít nhất một hàng hóa, nhưng như vậy là không đủ - lợi thế so sánh cũng quan trọng (xem phần 16-2 sách lý thuyết).

❹ Đúng.

❺ Đúng.

❻ Sai: xem phần 16-3 sách lý thuyết.

❼ Sai: lợi thế so sánh đảm bảo rằng tất cả mọi người có tiềm năng có thể tốt lên nhưng không đảm bảo rằng họ sẽ thực sự như vậy (xem phần 16-4 sách lý thuyết).

❽ Sai: xem phần 16-5 sách lý thuyết.

❾ Đúng.

❿ Sai: nó là một luận điểm chung nhưng không phải là một luận điểm mạnh và thường không có tác dụng (xem phần 16-6 sách lý thuyết).

⓫ Đúng; xem phần 16-7 sách lý thuyết.

⓬ Đúng; điều này rất thông thường (xem phần 16-8 sách lý thuyết).

Kinh tế học trong thực tiễn

1 Rất khó tính toán giá trị công bằng của bất kỳ cửa một sản phẩm nào. Nhưng nếu chúng ta quay lại với lý thuyết vi mô và sự xem xét các chi phí của hàng, chúng ta thấy rằng một hàng không sẵn sàng cung hàng hóa dịch vụ ở mức giá dưới chi phí biến đổi bình quân vì hàng không thể bù đắp chi phí cố định. Như vậy, giá trị công bằng đối với tôm phải là mức giá trên mức chi phí biến đổi bình quân của việc nuôi trồng và vận chuyển tôm sang Mỹ.

2 Có một số lý do cho việc trợ cấp cho một ngành bằng cách hạn chế thương mại, nhưng không có một lý do nào là khả thi cho ngành tôm. Nó không phải là ngành lợi ích quốc gia, không phải là ngành non trẻ, nhưng có lẽ đó là một cách thức của cuộc sống. Tuy nhiên, tại sao ngành đó không tự giúp bản thân mình bằng cách dị biệt hóa bản thân mình với các nhà sản xuất Đông Nam Á chi phí thấp? áp đặt thuế nhập khẩu sẽ làm giảm động cơ đổi mới của ngành này ở trong nước. Điều lo lắng nhất là 44% tăng trong giá tôm, do người tiêu dùng Mỹ trả.

Câu hỏi tư duy

1 Câu trả lời đơn giản là “nó có thể cố gắng”. Có lẽ quan trọng hơn so với việc tiếp cận hay khám phá ra những nguồn các yếu tố mới như dầu là khả năng nhận thấy lợi thế so sánh được khai thác như thế nào. Lấy Singapore làm ví dụ, 200 năm không có gì ngoài 1 hòn đảo nhỏ, nhưng bây giờ là một trong những câu chuyện kinh tế thành công của Đông Nam Á. Không ai phát hiện ra dầu hay một khả năng sản xuất các hàng hóa hướng tư bản. Lưu ý Singapore là một điểm dừng hợp lý cho các tàu vận tải trên đường từ Trung Quốc đến Phương tây. Một nền kinh tế dựa trên thương mại được phát triển từ yếu tố đất đai - hay khôn ngoan hơn là vị

trí. Bây giờ xem xét Dubai, không có gì ngoài cát (và dự trữ dầu mỏ như cạn kiệt). Vậy tạo ra thương mại như thế nào? Đơn giản là thay đổi luật, cho phép uống đồ uống có cồn, xây dựng sân bay, các khách sạn chuẩn quốc tế và các khu thể thao. Trong khi trước đây những thương gia đi sang Beirut để nghỉ, bây giờ họ sang Dubai. Do đó nó không chỉ là việc bạn có lợi thế so sánh gì mà còn là việc bạn sử dụng nó như thế nào.

2 **(a)** Điểm lựa chọn là tại G; sản xuất và tiêu dùng OF đơn vị hàng hóa X và OB đơn vị hàng hóa Y. Chúng ta đã biết điểm này đạt được như thế nào trong chương 4, sách Kinh tế học vĩ mô của David Begg.

(b) Nếu tỷ số giá thế giới bằng với tỷ số giá nội địa thì quốc gia A không có lợi thế so sánh trong sản xuất bất kỳ hàng hóa nào, và không có động cơ thực hiện thương mại.

(c) Với tỷ số giá thế giới tại RS, một đơn vị hàng hóa X trao đổi lấy nhiều các đơn vị hàng hóa Y trên thị trường quốc tế hơn so với nội địa, hàm ý rằng quốc gia A có lợi thế so sánh trong việc sản xuất hàng hóa X.

(d) Quốc gia A bây giờ có thể sản xuất tại điểm J, sản xuất OH đơn vị X và OA đơn vị Y. Bằng việc trao đổi tại tỷ số giá thế giới, nước A có thể tiêu dùng tại E, tiêu dùng OD hàng hóa X và OC hàng hóa Y. Trong quá trình này nền kinh tế chuyển tới đường bàng quang cao hơn.

(e) Nước A xuất khẩu DH đơn vị X và nhập khẩu AC hàng hóa Y.

(f) OM minh họa tỷ lệ trao đổi khi các quốc gia tại điểm W. Điểm này có thể được coi là tỷ lệ trao đổi cân bằng - điểm mà tại đó các đường chào hàng cắt nhau minh họa điểm mà tại đó các mức đê nghị do 2 nước đưa ra tương thích với nhau.